

27 ÁN OAN TRONG CÁC TRIỀU ĐẠI TRUNG QUỐC

Tên sách: Hai mươi bảy án oan trong các triều đại Trung Quốc

Tác giả: Lâm Viên

Biên dịch: Đoàn Như Trác - Trần Văn Mậu.

Nhà xuất bản: Chính trị quốc gia, Hà nội

Ngày xuất bản: 2000

Mục Lục

Lời Tựa

1. Vạch tội quyền thần
2. Hoàng đế trúng kế phản gian, Đại tướng bị giết oan
3. Vụ án văn tự chấn động nhân gian
4. Sách viết chưa xong hoa chết người đã đến
5. Chín mươi hai oan tội bị bức tử
6. Kẻ yêu nước phản bội
7. Mất tự do vì yêu nước
8. Chinh đồn "Đoàn AB" và sự lạm sát vô tội
9. Hồn oan phách lạc -Ngậm máu hôi tanh
- 10."Hoa dã bách hợp" lui tàn
11. Người chân chính trở thành Hán gian
12. Vì "Sách 30 vạn chữ" bị tội 25 năm
13. Thiếu tướng phê
14. Hoan nạn cho những tấm lòng ngay thẳng và tiên phong
15. Phê sai một người, dân số tăng lên mấy trăm triệu
16. Bành đại tướng quân hết cách
17. Hoa từ Thôn ba nhà
18. Từ Nhân vật số 4" trở thành phái Bảo hoàng
19. Đại náo Hoài nhân đường
20. Kẻ phản quốc yêu nước
21. Lưu Thiệu Kỳ - Chủ tịch nước chết oan
22. Hiệp thứ 5
23. Bị kịch cứu thời tể tướng
24. Lâm nạn vì bản Xuất thân luận
25. Nỗi oan theo xuống suối vàng.
26. Ai đáng là người nhận tội.
27. Nhìn trước được cái chết.

Lời Kết

Lời Tựa

Trung Quốc có lịch sử lâu đời, đã tạo ra một nền văn hoá huy hoàng xán lạn. Sự phát triển của lịch sử Trung Quốc cũng từng trải qua vô số uẩn khúc và tối tăm, đầy máu và nước mắt. Chúng tôi muốn nói nhiều về văn hoá Trung Hoa. Nghĩa là những cái đẹp. Điều này gọi là khen tốt bỏ xấu hoặc còn có thể gọi là "Chắt lọc tinh hoa, loại bỏ cặn bã".

Trung Quốc là một nước có nền sử học lớn, có một sự ghi chép lại kéo dài hàng mấy ngàn năm.

Trong truyền thống sử học Trung Quốc có hai tinh hoa tinh thần cần phải nhắc tới: Thứ nhất: Thực sự cầu thị. Thứ hai: Nhân chứng lịch sử. Điều thứ nhất ý nói là thái độ và phương pháp của trị vì lịch sử, điều thứ hai ý nói là mục đích của trị sự và công năng của sử học.

Thực sự cầu thị có bốn chữ, nói thì dễ, làm mới là khó. Theo chúng tôi có 3 điều khó. Một là lấy gì để phân biệt cái khó; thực tế có muôn vàn phong phú phức tạp, người viết lại viết thế nào đây? Viết cái gì, không viết cái gì? Cái gì chính, cái gì phụ, đâu là bản chất, đâu là bề ngoài, tất cả đều phải lao tâm khổ tứ suy nghĩ. Cùng một sự việc, cùng một người thân từng trải, mỗi người đều có cách ghi lại khác nhau, ở chỗ là tố chất tu dưỡng cá nhân của mỗi người khác nhau, cảm thụ khác nhau, góc độ nhìn sự vật khác nhau. Kiến thức lịch sử cao thấp khác nhau, hành văn có xấu, tốt, vì vậy mới nảy sinh ra các bản lịch sử đa dạng, mỗi một tác giả thực lòng ai cũng cố theo đuổi sự thực của lịch sử, mà mỗi bộ sử ký đều không có thể phân cao thấp đúng sai với bản thân sự thực lịch sử. Hai là ở ẩn riêng lẻ tìm niềm vui, đa phần các sử gia đều không phải người từng trải gần gũi với sự thực lịch sử. Trong khi đó nhiều sự thực lại thiếu những ghi chép của họ, sử gia viết sử cần phải đầu tư suy ngẫm, thu nhận những nhu cầu để lại những niềm vui. Đương nhiên hỏi rộng, thăm nhiều, nghĩ chín, suy sau cũng chưa có thể dẫn đến để sai để sót. Lịch sử càng lâu đời càng khó tương thuật cái khó này không nói cũng rất rõ ràng. Cái khó thứ ba là viết thẳng nói thật thật khó. Những việc làm trái ngược, dấu vết bạo chính của đế vương, âm mưu mật kế của quan phủ, đều không hy vọng bị lật tẩy. Đế vương và quan phủ ai cũng muốn giữ lấy sự nghiêm uy và thần thoại của mình nên đều mong chờ vào lịch sử sẽ bôi son trát phấn mỹ miều cho mình. Ý chí của đế vương, quan phủ đối với ngòi bút của sử quan có ảnh hưởng mang tính quyết định. Vì vậy các sử gia chính thống và dân dã, đều nghĩ các tác phẩm sử của mình cũng đều không thoát khỏi sự kìm kẹp không chế của đế vương, quan phủ. Cho nên rất nhiều bộ sử sách) dân gian viết xong chỉ để ở nơi sâu kín chờ người đời sau đi tìm kiếm khai quật, Cũng có rất nhiều sử gia tư nhân cũng chính vì tác phẩm sử học của mình mà rơi vào cầm tù hoặc hờn về chín suối.

Viết sử khó, mà ghi sử hiện đại càng khó. Hai điều khó trước ở một mức độ lớn là sự hạn chế của chính sử gia, còn cái khó thứ ba dứt khoát không do sử gia gây ra.

Tuy nhiên, không ít các học giả lịch sử Trung Quốc có một truyền thống nói thẳng viết ngay. Thời Xuân Thu Sử quan nước Tề là Nam Sử Thị đã hết mình vì sự thực mà viết thật lịch sử bị xử tội chết, làm người đời cảm động. Tề Khanh Thôi đã viết lại việc giết "Thôi Trữ sát kỳ quân", Thôi Trữ đã tức giận mà giết chết Sử quan. Lúc đó, Sử quan đều vì nghề nghiệp của mình, hai em trai của Sử quan đã cố gắng hoàn thành bộ sử của anh trai nên cũng bị giết chết. Một người em trai khác của Sử quan đó tiếp tục ghi chép. Thôi Trữ thấy Sử quan không sợ đầu rơi đàn phai bỏ qua cho người em trai ấy. Lúc đó, Nam Sử Thị là một Sử quan có trách nhiệm. Ông ta nghe nói các đại sử gia đều lần lượt bị giết cả,

bền đứng ra làm hết chức năng sử học của mình. Đương nhiên thời của nhà sử học Nam Sử Thị lúc đó với cả một xã hội rất khác với ngày nay. Nhưng họ trung thành với nghiệp sử, họ không sợ chết, nêu cao đạo đức tinh thần của người viết trẻ. Đời sau, những sử gia không sợ chết, nói thẳng viết thật cũng không hiếm. Vào đời nhà Thanh cũng có rất nhiều các văn gia, sử gia bị hoạ bởi nói ngay viết thật. Trong các sách vở mà Chính phủ triều Thanh ngăn cấm có rất nhiều cuốn là lịch sử sự thật bấy giờ. Sự ghi chép chân thực cuối cùng vẫn không bị đứt đoạn, bộ mặt thật của lịch sử cuối cùng không bị che đậy, đều dựa vào lương tri của sử gia và đạo đức sử học cao thượng của họ.

Người đời say mê với lịch sử là vậy, dẫn tới thần thánh hoá sử sách. Sử gia nhiệt huyết với lịch sử là vậy nên họ không sợ nước sôi lửa bỏng, vì cái gì đây? Không phải là rồi hơi, cũng không phải làm hại sử liệu, không giấu giếm một cái gì, tất cả đều là lấy lịch sử làm nhân chứng. Sử gia hy vọng thông qua lịch sử để đập lại nền bạo chính, ca ngợi đức chính".

Bách tính hy vọng lịch sử sẽ làm gương điều thiện cho họ. Kẻ thống trị thì hy vọng qua lịch sử sẽ tìm được kế sách hay để thống trị lâu dài. Công năng của sử học không nhỏ, mọi người hy vọng vào lịch sử không nhỏ. Tất cả người thống trị lịch sử đều có mục đích của họ, tất cả người đọc lịch sử đều có nhu cầu của họ.

"Trung Quốc lịch đại oan án" muốn nêu ra đây như một tấm gương, nắm vững một chứng bệnh của lịch sử là án oan, giải phẫu phân tích tập trung nhằm đạt được mục đích nhân chứng của họ.

Gọi là án, đều phải có sự cân nhắc quyết định; mà cân nhắc, quyết định án thường thường là những người có chức có quyền. Tại sao lại sinh ra sai lầm, cân nhắc quyết định không công bằng này? Có lúc là vì nhu cầu chính trị, cố ý làm sai, quyết sai. Có lúc vì sự bức bách của thời thế không thể không phán sai.

Có lúc lại vì bộ mặt thật sự bị che đậy, phán sai mà không hay. Có lúc lại là do người cầm quyền lấy sai làm đúng, cố ý phán sai. Người cầm quyền cho là đúng, bách tính lại cho là sai. Có thể đúng một thời, nhưng lâu dài lại là sai. Người trần tục cho là đúng, người thông thái lại vạch ra cái sai. Tục ngữ nói rằng, lịch sử là người phán quyết công bằng nhất, điều này thể hiện lòng tin tất thắng của mọi người đối với chính nghĩa, thể hiện sự mong mỏi của họ đối với lịch sử chân thực. Đây âu cũng là một nguyên nhân mà sử học bị coi là thần thánh hoá.

Án oan chính là sự cân nhắc quyết định không công bằng. Trong lịch sử, án oan không phải là hiện tượng cá biệt: án oan là một sai lầm lại phát sinh trong xã hội loài người, là một bộ phận xấu xa, kém cỏi và ngu muội, bên cạnh đó là máu nước mắt và đau khổ. Trách nhiệm của các sử học là ở chỗ vạch ra chứng bệnh đó, tìm ra nguyên nhân chứng bệnh, tránh phát sinh lại các sai lầm. Ngòi bút của nhà sử học là mềm yếu, vì ngòi bút sử học đối với các bạo quân không có tác dụng gì cả. Song, ngòi bút của sử học gia cũng rất mạnh mẽ vì có thể thức tỉnh được mọi người làm cho họ vùng lên chiến đấu vì chính nghĩa, vì sử có thể làm cho các kẻ thống trị biết "nước đầy thuyền đi và nước cũng lật chìm thuyền", từ đó làm cho chính trị trong lành rõ ràng hơn. Tuy nhiên để cho nhân loại đi lên con đường đúng đắn không phải dựa hết vào ngòi bút lịch sử mà phải dựa vào khoa học và dân chủ. Sử học chủ nghĩa Mác là một khoa học. Tinh túy của sử học chủ nghĩa Mác là ở chỗ thực sự cầu thị và thúc đẩy được nhân loại đi lên con đường khoa học và dân chủ.

"Trung Quốc lịch đại oan án" không có hy vọng bước lên tháp ngà, chỉ mong mỗi thông qua từng câu chuyện sinh động, nghiên cứu cẩn thận những gì đã qua, những sự thực không có sai lầm, thông tin rõ ràng cho độc giả để tất cả mọi người biết rằng: Sự thực và chân lý là việc quan trọng bậc nhất trong thiên hạ.

Mao Bội Kỳ
Tháng 3 năm 1996
Tại sở Tịch Viên Ngự
Trường Đại học nhân dân Trung Quốc

1. Vạch tội quyền thần

Vào một ngày tháng 6 năm Gia Tĩnh thứ 14 (1535), quan Ngự sử Phùng Ân đã thu xếp xong hành lý chuẩn bị rời Bắc Kinh đi Trích Tuất, Tô Châu Quảng Đông. Theo nếp cũ chốn quan trường, khi quan lại ở Bắc Kinh bị phát văng ra ngoài đều lấy vải hoa che mặt rồi lặng lẽ rời khỏi chốn kinh thành, tránh để các quan đồng僚 nhìn thấy.

Phùng Ân cũng suy nghĩ không biết có nên làm như vậy không? Lúc này, ở ngoài cửa có tiếng chân bước lạo xạo, tiếng người nói râm ran vọng lại. Mọi người đang đến để tiễn đưa Phùng Ân. Tất nhiên, ngoài dân chúng kinh thành còn có không ít quan lại trong triều. Các quan Hàn lâm viện Châu Thủ Ích, La Hồng Tiên, Trình Văn Đức... đưa tặng bức quyền đề bốn chữ lớn "Tứ Đức Lưu Phương" để biểu thị lòng kính trọng và ngưỡng mộ của mọi người đối với ông.

Phùng Ân quan Ngự sử bị trách phạt đầy đi tới nơi chân trời góc bể sao lại được các quan Hàn lâm viện và dân chúng trong thành ngưỡng mộ như vậy.

Phùng Ân (không rõ năm sinh, năm mất) tự là Tứ Nhân, người Hoa Đình, Tùng Giang (nay là huyện Tùng Giang, thành phố Thượng Hải). Nhà ông rất nghèo, cha mất sớm chỉ còn mẹ chịu thương chịu khó nuôi ông thành người. Được mẹ dạy dỗ Phùng Ân không quản cuộc sống khó khăn, khổ công học tập. Vào đêm trừ tịch của một năm, trời lạnh lại đổ mưa to, vậy mà vẫn có từng loạt chớp sáng xé rách màn đêm, từng tràng pháo nổ hắt tung màn mưa truyền đi niềm hoan lạc của ngày Tết. Nhưng nhà họ Phùng bần hàn, trong đêm giao thừa vẫn không có lấy hạt gạo bỏ vào nồi, đến ngay bữa cơm đầu năm mới cũng chẳng có. Để quên đói rét và an ủi mẹ già, Phùng Ân, Phùng Tư vẫn mặc chiếc áo vải thô đã cũ rách, che lên người mảnh chăn giá lạnh và ngồi trên giường lớn tiếng ngâm nga kinh sử với ý nghĩ đọc sách để cuốn hút toàn bộ tâm trí của mình, đến ngay cả những tràng pháo nổ giữa đêm mưa dường như cũng không lọt được vào tai. Đói rét cũng bị tiếng đọc sách mang đi hết. Hoàn cảnh gian khó đã tôi luyện ý chí của ông làm cho sự nghiệp học hành đạt bước tiến lớn. Năm Gia Tĩnh thứ 5 (1526). Phùng Ân thi đỗ Tiến sĩ được thụ chức Hành nhân.

Thời nhà Minh, có không ít sĩ tử lấy việc học hành làm dấu hiệu sắp bước vào quan trường. Sau khi đã làm quan rồi liền bỏ sách không ngó ngang đến nữa, Phùng Ân quyết không như vậy, ông chớp mọi thời cơ nghiền ngẫm kinh sử, chuyên tâm cầu tiến. Năm Gia Tĩnh thứ 7 (1528) Phùng Ân phụng mệnh đi Lương Quảng Uy lạo tân kiến Bá Vương Thụ Nhân, Vương Thụ Nhân tự Bá An, hiệu Minh Dương - ông là người dụng công học tập, dẹp được loạn Ninh Vương, danh tiếng vang thiên hạ. Phùng Ân sau khi gặp Vương Thụ Nhân, nhân lúc rỗi rãi bèn cùng nhau đàm đạo về con người Phùng Ân đã rất cảm phục trước học vấn và nhân phẩm của Vương Thụ Nhân, suy tôn ông là bậc thầy và xá lễ nhận làm đệ tử, rồi theo Vương Thụ Nhân, học thánh học. Vương Thụ Nhân cũng tán thưởng tri thức, khí tiết của Phùng Ân, ông nói với mọi người: "Làm quan to mà đức vẫn lớn thì chính là Phùng Ân đó". Câu nói đó thể hiện sự kỳ vọng sâu sắc gửi cho Phùng Ân của Vương Thụ Nhân, vị quan đầy danh tiếng đương thời.

Tháng 9 năm Gia Tĩnh thứ 8 (1529) Phùng Ân được phong làm Giám sát Ngự sử Nam Kinh.

Là Ngự sử, Phùng Ân đã nhiều lần dâng sớ vạch tội bọn tham quan, quyền quý, nhiều lần tấu biểu phục thiện trừ ác làm được nhiều việc khiến tiếng lành đồn xa.

Nam Kinh là kinh đô phụ của nhà Minh, vị thế sau với Bắc Kinh. Triều đình vốn vẫn thường cử trọng thần trấn giữ. Trấn thủ Nam Kinh lúc đó là quan đại thần Ngụy Công, đã dựa vào quyền thế, và tư lợi cá nhân mà sai khiến nô dịch quân sĩ.

Quân sĩ bảo vệ các nơi gần thành Nam Kinh đáp ứng không đủ cho nhu cầu tư túi của ông ta, ông ta

bền vượt sông Trường Giang tiếp tục sai khiến binh sĩ bảo vệ phía bắc sông. Việc làm này can thiệp và làm khó dễ đến công việc huấn luyện binh thường và khai khẩn đất hoang của quân sĩ; dẫn đến sự bất mãn oán hận cực độ của binh sĩ. Phùng Ân biết được tình hình này liền dâng sớ tố cáo vạch tội Ngụy Công tư lợi khiến ông ta bị triều đình quở trách, không bao giờ dám vượt sông nô dịch binh sĩ nữa. Nhưng việc làm này của Phùng Ân bị một số quan lại quyền thế thường hay chèn ép binh sĩ để tư lợi, vô cùng tức giận. Bọn chúng cũng tìm cách để khiến ông bị phạt mất một tháng lương bổng.

Nhưng Phùng Ân vẫn là người trực tính, dám nói thẳng không chịu cúi đầu trước bọn quyền quý, vẫn lên tiếng vì chính nghĩa, không gì khuất phục nổi. Lúc đó quan chỉ huy quân sĩ bảo vệ thành Nam Kinh là Sử Trương Thân vì tư thù, đã đánh chết người. Nhưng hắn là người thân tín của Đô Ngự sử Uông Hồng vì vậy vẫn ung dung thoải mái ngoài vòng pháp luật, không ai dám tố cáo. Khi biết việc này, Phùng Ân bất chấp đối đầu với sự bao che của Thượng thư Vương Hồng và đã dũng cảm dâng sớ vạch tội tố cáo. Cuối cùng đã đưa được Chỉ huy sứ Trương Thân ra xử tội. Việc này đã làm phẫn chấn lòng người, trái lại làm cho Uông Hồng cảm tức tận xương tủy.

Đô Ngự sử Uông Hồng là người cô chấp, thực dụng, thâm hiểm và xảo trá, lại giỏi luôn lách thánh ý của Văn Thế Tông, cứ ngon ngọt thì tốt lành, cứ bợ đỡ thì sùng ái v.v... Đối với loại quan liêu như vậy, Phùng Ân bất chấp y là Đô Ngự sử vẫn dâng biểu tố cáo những tội ác đã qua của y.

Nhưng lúc đó, Thế Tông đang sùng ái Uông Hồng nên không đếm xỉa gì đến tố cáo của Phùng Ân.

Tuy vậy tấu biểu tố cáo của Phùng Ân vẫn có tác dụng lớn. Ngự Sử tố cáo Đô Ngự sử là việc hiếm có ở thời nhà Minh, nó làm cho Uông Hồng mất mặt, tiêu tán uy phong. Vì vậy Uông Hồng càng không thể dung tha Phùng Ân vì tất muốn loại trừ hậu họa càng nhanh.

Tháng 9 năm Gia Tĩnh thứ 10 (1531) lại sắp chuẩn bị sát hạch các quan lại địa phương, theo cách làm cũ, mỗi khi đến kỳ sát hạch quan viên, trước khi sát hạch, Ngự sử Nam Kinh đã tham khảo trước các chứng cứ trong tố cáo của viên chức trước đây đã được bỏ lại, Đô sát viên xem xét. Còn Ngự sử Bắc Kinh thì sau khi sát hạch còn tiếp tục bổ sung nhận xét tố giác của nhân viên để tránh sót lọt. Cách làm như vậy là tương đối đảm bảo nghiêm mật. Để thao túng quyền sát hạch, bịt miệng các quan lại, Uông Hồng dâng sớ xin loại bỏ cách làm xem xét tố cáo trước khi sát hạch của Ngự sử Nam Kinh mà đề đưa lên bỏ xung tập hợp sau khi sát hạch. Phùng Ân đã thấu hiểu rõ đã tâm thay đổi cách làm cũ của Uông Hồng liền dâng sớ phản đối kiến nghị của Uông Hồng, đồng thời ra sức biện minh lợi ích của việc cần thu thập tố cáo trước khi sát hạch. Thế Tông xem xong thấu hiểu Phùng Ân liền bác bỏ luôn kiến nghị của Uông Hồng, ra lệnh cứ làm như cũ.

Mùa đông năm Gia Tĩnh thứ 11 (1532) xuất hiện sao chổi, theo quan niệm của người đương thời, đó là Thượng đế thị chúng. Thế Tông vốn rất mê tín, hạ chiếu muốn nghe lời nói thẳng. Phùng Ân nhân cơ hội này dâng sớ phân tích cái được, mất trong việc dùng người của vua Thế Tông, đưa ra những cái hiền, ngu, chính, tà của các quan Đại học sĩ, Lục bộ Thượng thư thị lang.. trong tấu biểu của ông chỉ rõ. Đại học sĩ Lý Thời cẩn thận, chăm chỉ, nhưng giải quyết tranh chấp thì đảo lộn phải trái. Định Loan nịnh bợ quyền thế chỉ giỏi bảo vệ người có chức lộc, việc gì cũng mập mờ lấp lửng. Thượng thư bộ Hộ Hứa Tán mãi cán ôn hoà nhưng thiếu tài quyết đoán, song không dùng thì phí chưa thể bỏ đi. Lễ bộ Thượng thư Hạ Ngôn bác học đa tài thì có thể làm Tể tướng. Binh bộ Thượng thư Vương Khoan cương trực thẳng thắn, thông tuệ có tài Đối với số đại thần này, theo đánh giá của mình, Phùng Ân đã chỉ rõ tài trí, nhân phẩm, hiền, ngu, chính, tà, có ưu có khuyết của họ, còn với số đại thần được Thế Tông trọng dụng như Đại học sĩ Trương Thông, Phương Hiến Phu, Đông sử Uông Hồng, lại cực lực công kích tội ác của chúng. Phùng Ân nói rõ: Trương Thông gian ác, hung bạo, gian xảo, phan trắc. Phương Hiến Phu ngoài giả đôn hậu, trong thực gian trá, lấy oán báo ân, chuyên làm việc xấu xa, bất chấp việc là việc Quốc gia đại sự, Uông Hồng lại như quỷ như ma, thù hận người trung lương, luôn nghĩ tới báo thù, những người bị hắn luận tội nếu không là kẻ thù của gia đình hắn thì cũng là kẻ thù

của gia đình Tể tướng, cuối cùng, Phùng mạnh dạn vạch rõ: "Thần không thể tin dùng được (tức Trương Thông) bản chất như sao chổi vậy; (Uông Hồng) dã tâm như sao chổi vậy, Hiến Phu, như sao chổi trong Triều đình vậy. Không trừ ba sao chổi đó, bách quan bất hoà, chính sự không yên, dù muốn chấm dứt tai hoạ cũng không thể được.

Công bằng mà nói, Phùng dâng sớ không có ý gì hết, ông chỉ vì luận bàn hiền, ngu, chính, tà, đề các đại thần lấy đó mà soi mình, chủ yếu là phê phán công kích Trương Thông, Phương Hiến Phu, Uông Hồng, chỉ trích bản chất dã tâm trước Triều đình, nếu không trừ bọn chúng thì không thể tránh khỏi tai hoạ. Thế Tông xem xong đã hiểu dụng ý của Phùng, lập tức hạ lệnh bắt giữ Phùng lột mũ áo tống giam vào ngục. Trong ngục hàng ngày Phùng bị tra hỏi đánh đập nhiều lần chết đi sống lại, nhưng ông vẫn can đảm chịu đựng không hề vu oan cho người nào xúi giục thể hiện khí phách mình làm mình chịu.

Biết quân Cấm vệ thẩm vấn không có kết quả, Thế Tông bèn giao Phùng Ân cho Tam pháp tư hội thẩm, xử lý định tội. Đây là dịp để cho Phùng Ân có cơ hội bào chữa, để cho Phùng được một dịp trình bày tường tận mọi việc.

Mùa xuân Gia Tĩnh năm thứ 12 (1533), Phùng Ân bị chuyển tới giam ở bộ Hình, Thế Tông chỉ rõ, Phùng nhân việc luận về "Đại thần có phải quan hiền không"? để cố ý tố cáo ba người kể cả Uông Hồng đại thần được vua sủng ái, rõ ràng oán hận nhà Vua, phạm thượng, tội chết là may, yêu cầu Pháp tư thực hiện, lấy tội "Vu cáo đại thần có công" rồi mang ông ra xử tội chết. Hình bộ Thượng thư Vương Thời Trung căn cứ vào nội dung tấu biểu của Phùng Ân cho rằng Phùng không bao giờ làm mất uy tín các quan cùng triều cũng như ca ngợi công đức của các đại thần nên miên tội chết.

Rõ ràng việc định tội của Vương Thời Trung là có lý (Thế Tông) lúc đó quyền thế trong tay. Lý thuộc về mình nên Thế Tông càng tức giận hạ lệnh cách chức Vương Thời Trung. Pháp tư không còn cách nào khác phải buộc tội "vu cáo đại thần có công" bỏ tù và xử tội chết. Ít lâu sau, Uông Hồng nhậm chức Lại bộ Thượng thư. Vương Đình Tường thăng chức làm Đô Ngự sử. Vương Đình Tường dâng sớ xin giảm nhẹ hình phạt đối với Phùng Ân, nhưng Thế Tông vẫn kiên quyết giữ ý kiến nằng, không thêm đề ý đến kiến nghị của Vương Đình Tường.

Mùa thu năm đó, khi triều đình nghị thẩm, Thượng thư Lại bộ Uông Hồng phụ trách hội Thẩm, bỏ qua hết nghị án. Phùng Ân lợi dụng cơ hội này để vạch mặt Uông Hồng đề cao đại nghĩa.

Lúc triều thẩm, các quan phụ trách xét xử ngồi quay về hướng đông, "phạm nhân" phải quay mặt về phía các quan. Phùng Ân nhìn thấy Uông Hồng ngồi trên ghế cáo tội bèn cứ quay mặt về hướng bắc mà quỳ xuống. Uông Hồng nhìn thấy lập tức giận đỏ cả mặt quát lính ra lệnh bắt ông quỳ sang hướng tây. Phùng Ân lại lập tức đứng bật dậy và hắng giọng nói "Đầu gối của ta chỉ có thể quỳ trước triều đình, đâu phải để quỳ trước mi?" Uông Hồng càng tức tối, đập án đứng dậy quát lớn: "Người đã nhiều lần dâng sớ muốn giết hại ta, vào ngục rồi còn muốn thành quỷ dữ để hại ta nữa thì nay không phải là người đã chịu chết trong tay ta sao?"

Lời nói này tỏ rõ ràng là Uông Hồng chỉ vì báo thù cá nhân, lòng dạ thật vô cùng ác độc. Nhân thể nghị thẩm Phùng bèn tố cáo luôn: "Trên có nhà Vua, mi là đại thần mà lại lấy quyền thế giết hại người ngay phải không? nhưng đây là công đường, mi còn dám công khai trước mặt các quan để trả thù cá nhân, không coi Triều đình ra gì, mi thật là ngông cuồng?" Uông Hồng tức giận phát điên lên quát lớn "Người dám lăng mạ đại thần" Phùng Ân bèn tiếp lời luôn: "Đại thần mà coi Vua không ra gì thì ai ai cũng giết chết được chứ lăng mạ đã thấm gì?". Uông Hồng đã đuối lý, hết lời bèn lấy một việc nhỏ đã qua hồng vu cáo hãm hại Phùng Ân: "Người mà lại rất trong sạch ư? Tại sao ở trong ngục lại còn nhận cơm của người khác?" Phùng bình tĩnh mắng lại: "Cùng nhau hoạn nạn là nghĩa từ cổ xưa. Ta ở trong ngục, người ta mang cơm đến cho đó là cử chỉ đẹp. Còn như người đường đường có học, làm quan lại thu nhận vàng bạc của người khác, khiến họ không còn lỗi nào khác, thật là đáng xấu hổ?" Uông Hồng

vừa xấu hổ vừa tức giận, hất tung án văn lao xuống sân tay áo lên định đâm thẳng vào Phùng An.

Lúc này, không phải là thẩm vấn nữa, mà là tranh luận giữa Uông Hồng và Phùng An và đã biến thành màn đối thoại để Phùng An mắng nhiếc tố cáo Uông Hồng. Uông Hồng hồ thẹn phát điên, giữa hai người phát sinh đánh lộn không đếm xỉa gì đến thể diện của quan trường nữa. Vì vậy, các quan cùng chủ trì xét xử thấy không thể tiếp tục được nữa và tới can ngăn. Đô Ngự sử Vương Đình Tường khuyên rằng: "Phùng càng không phải nói nữa, đã hơn 100 năm nay, triều đình chưa giết hại các quan dám nói thẳng, nay sao lại có thể giết được?" Lại quay sang nói với Uông Hồng: "Việc xử lý quan Ngự sử theo luật hình là không thể được, hơn nữa lại lấy tư thù mà xử thì lại càng không thể được". Lễ bộ Thượng thư Hạ Ngôn lại không khách sáo nói thẳng: "Đây là công đường nơi xét xử của triều đình, chứ không phải là tư đường của nhà ông, lẽ nào ông lại lấy tư thù để xét xử quan Ngự sử?". Lúc này, Uông Hồng đã rõ các quan đều khinh bỉ mình và đứng về phía Phùng An nên càng tức giận hơn. Lợi dụng quyền hành trong tay, tự ý phê luôn vào án văn về Phùng An hai chữ "Lưu đầy" đưa cho các quan đại thần rồi quẳng bút đi ra.

Vậy là vụ án Phùng An coi như đã xong.

Phùng đeo gông đi ra cổng thành Trường An, dân chúng đến xem vây quanh tạo thành một bức tường dài, đông đến nỗi gió thổi cũng không lọt qua. Phùng An với tư thế hiên ngang, khẳng khái ngẩng cao đầu bước đi dân chúng vây quanh xôn xao nói: "Vị Ngự sử này, không bao giờ chịu quỳ gối trước Uông Hồng, đầu gối của ông là thép, lúc trách mắng Uông Hồng, miệng ông là thép, giờ đây ông ngẩng cao đầu mà đi, ông không hề run sợ trước cái chết, gan của ông, xương của ông đều là thép". Thế là dân chúng kinh thành đều gọi ông là "Tứ thiết Ngự sử". Những lời tranh luận của ông với Uông Hồng được một số thương nhân ghi chép lại mang bán; dân chúng tranh nhau mua, nghe đồn ngay các sứ giả nước ngoài cũng dành mua sách này khiến cho kinh thành xuất hiện việc như giấy quý ở Lạc Dương.

Lúc đang xử án, Thế Tông sai cấm quân thăm dò tình hình xét xử, sau khi biết vụ tranh luận giữa Phùng An và Uông Hồng, cũng động lòng, thờ dài. Thế Tông không thể giữ mãi ý mình mà giết hại Phùng An nên bắt ông tống giam vào ngục. Đã qua hai năm, lại đưa vụ án ra xét xử. Đô Ngự sử Vương Đình Tường Hình bộ Thượng thư Nhiếp Khiên đều cho rằng án xử lần trước không đúng, vì thế dâng tấu nói rõ sự thật cho Phùng An được chuộc lại chức cũ. Đối với việc này, Thế Tông cho rằng mức phạt quá nhẹ cuối cùng lấy cớ nể tình phạt nhẹ: Lưu đầy Phùng đến Lôi châu, Quảng Đông. Hai tháng sau, Uông Hồng cũng bị bãi quan.

Ngự sử tố cáo vạch trần gian tà, vốn là việc của giới quan lại chốn quan trường, có chức có quyền, không đáng được cổ vũ tán dương. Việc Phùng An tố cáo vạch tội Uông Hồng được ca ngợi, tán dương rộng rãi vì nó có quan hệ mật thiết gắn bó với bối cảnh xã hội đương thời. Từ giữa thời nhà Minh đến nay, nhất là những năm Gia Tĩnh, Ngự sử rất khó thực hiện được chức trách của mình.

Sau nghi thức đại lễ, Trương Thông chấp chính "Tác oai tác phúc, báo ân báo oán" đả kích người không theo mình, khiến cho muốn nói cũng không được vì thế đã hình thành cách sống "lấy im lặng làm lễ sống, lấy phục tùng để yên ổn lấy công trạng để kiêu căng tự mãn, chuyên mua danh chuộc lợi để từ tay không mà có, dù có thân cận nếu thẳng thắn cương trực cũng bị đầy đi biệt xứ".

Trong tình thế đó, Phùng An đã dám đứng lên tố cáo vạch trần sự gian ác của Đô Ngự sử Uông Hồng, Đại học sĩ Trương Thông, Phương Hiến Phu.

Trước toà xét xử lại tỏ rõ khí phách hùng mạnh hơn sắt thép, uy cũng không thể khuất phục, vẫn tố cáo vạch trần lộ mặt thật của Uông Hồng. Với tinh thần ấy. với sự quả cảm ấy khiến ông đã có được danh hiệu cao quý "Tứ khiết Ngự sử", giành được sự ngưỡng mộ, kính trọng của mọi người. Vì vậy khi biết ông đi lưu đầy tận Lôi Châu Quảng Đông, quan lại và dân chúng kinh thành đều không hẹn mà cùng nhau kéo tới để tiễn đưa.

Phùng An đã sống tha phương được sáu năm ở Lôi Châu. Về sau gặp dịp đại xá, cũng được trở về

kinh thành sinh sống. Sau khi Mạc Tông lên ngôi, xem xét lại việc các đại thần được trước ngôn bị xử tội trước đây để trọng dụng lại thì Phùng Ân đã ngoài 70 tuổi. Nhưng ông vẫn được thụ phong tại nhà Đại lý tự nhưng ông không nhận với lý do già yếu.

Thực ra việc phong ông chức Đại lý tự để làm dịu nổi bất bình oan khuất của ông đồng thời cổ vũ mua chuộc các quan lại khác ngay thẳng cương trực mà thôi.

2. Hoàng đế trúng kế phản gian, Đại tướng bị giết oan

Vào cuối Triều Minh, bộ tộc người Nữ Chân do thủ lĩnh Nỗ Nhĩ Cáp Xích lãnh đạo thống nhất được các bộ tộc và dựng lên chính quyền nhà Hậu Kim, khiến nhà Hậu Kim thế lực ngày càng mạnh, vì thế luôn luôn lấn chiếm bờ cõi nhà Minh làm cho vùng đông bắc biên cương ngày đêm khói lửa, chiến trận liên miên. Một số kẻ sĩ hiểu biết đã khẳng định rằng: nhà Hậu Kim sẽ chính là đại họa sát nách nhà Minh.

Năm Vạn Lịch thứ 47 (1619), nhà Minh điều động 8 vạn quân chia làm 4 đường tiến đánh nhà Hậu Kim. Nỗ Nhĩ Cáp Xích dùng kế tập trung binh lực phá tan từng cánh quân Minh và đã đại thắng quân Minh trong trận Lô Nhi Thủy.

Năm Thiên Khởi Nguyên niên (1621), nhà Hậu Kim lại cử đại binh chiếm đánh vùng biên cương nhà Minh, công hãm hai thành Thẩm Dương và Liêu Dương là vị trí trọng yếu về quân sự sát vùng Liêu Đông của nhà Minh, chiếm được hơn 70 thành về phía đông (Liêu Hà).

Năm Thiên Khởi thứ hai (1622) Nỗ Nhĩ Cáp Xích dẫn quân vượt qua Liêu Hà, tấn công vị trí quan trọng ngay quan ải của nhà Minh là thành Quảng Minh (phía bắc Liêu Minh ngày nay). Quân trấn giữ thành Quảng Minh đại bại, tướng giữ thành Vương Hoá Chính bỏ thành, chạy về quan ải.

Nhà Kim lại đánh thắng quân Minh, đặc biệt sự thất bại của nhà Minh ở Quảng Ninh đã làm cho cả vùng biên ải nhà Minh hoảng loạn không yên. Vua Minh Gia tông Chu Do Hiệu bình thường không để ý đến chuyện triều chính nhưng đến lúc này cũng phải triệu tập quần thần để bàn kế sách chặn giặc. Trước thế lực nhà Kim quá mạnh, các quan đều bó tay không có kế sách gì. Cũng có người đưa ra kế thoả hiệp, nhượng bộ nhà Kim, dứt bỏ cả vùng rộng lớn phía ngoài, tập trung lực lượng trấn giữ Sơn Hải quan.

Chính vào lúc các quan đại thần đang bàn luận kế sách chặn giặc và đề chống lại thói xấu quen nói suông tán rỗng, không nắm và tìm hiểu tình hình thực tế của quan lại trong triều. quan Phương tư Chủ sự Bộ binh là Viên Sùng Hoán đã lặng lẽ phi ngựa ra quan ải. Ông cần phải tự mình tìm hiểu thực tế ngoài quan ải và tìm hiểu tình hình quân Kim để tìm ra kế sách sát thực, có hiệu quả ngăn chặn sự xâm lược của nhà Kim.

Viên Sùng Hoán ra quan ải rồi thì các quan bộ Binh mới phát hiện vắng ông, liền sai người tới nhà tìm. Nhưng người nhà cũng không biết ông đi đâu, mọi người hết sức kinh ngạc, lo lắng. Sau đó mấy ngày, Viên Sùng Hoán lại xuất hiện ở Kinh thành. Đồng thời rất tự tin, phẫn chấn đến gặp nhà vua và tâu: "Nếu như cấp cho thần đầy đủ lương thực, binh mã, một mình thần cũng có thể bảo vệ được vùng đất Liêu Đông".

Giữa lúc nhà Minh thảm bại ở Quảng Ninh, cả triều thần thúc thủ không có kế sách gì được. Vì sao Viên Sùng Hoán lại dám tự trói mình nhảy vào nước sôi lửa bỏng?

Viên Sùng Hoán (1554 - 1630). Tự là Nguyên Tổ, người Đông Ván, Quảng Đông, năm Vạn Lịch thứ 47 (1619) đỗ Tiến sĩ làm quan huyện Vũ Hoà.

Do ảnh hưởng cách sống của các bậc văn sĩ trượng phu thời cuối nhà Minh hay luận bàn việc nhà binh nên ông cũng chuyên tâm đến việc quân sự. Hễ gặp tướng sĩ trở về ông đến hỏi han tình hình chiến sự biên thủy. Vì thế ông thông hiểu và nắm chắc tình hình thế sự ngoài biên ải, hơn nữa ông vốn là người khảng khái đảm lược nên nổi tiếng về việc quân cơ.

Tháng Giêng năm Thiên Khởi thứ hai (1622), Viên Sùng Hoán vào kinh triều kiến và được quan Ngự sử hầu tin tướng giới thiệu nên ông được thăng chức Phương chủ sự ở bộ Binh. Ít lâu sau thì xảy ra việc triều đình đại bại ở Quảng Ninh. Sau khi Viên Sùng Hoán đã khảo sát thăm dò xong tình hình ngoài quan ải, trong lòng đã có kế sách ngăn giặc liền ông chủ động nhận trách nhiệm. Tài năng khí thế

kháng khái hiên ngang của Viên Sùng Hoán đã chấn động cả triều đình. Các quan trong triều đều ca ngợi tài năng quân sự của ông. Vì vậy vua Gia Tông đặc cách phong ông phụ trách giám sát việc quân ngoài quan ải để chuẩn bị và đôn đốc chỉ đạo việc quân. Đồng thời cấp cho Viên Sùng Hoán 20 vạn quan tiền để chiêu mộ quân sĩ và bảo vệ thành trì.

Lúc này, vùng đất ngoài Sơn Hải quan đều bị tướng nhà Kim là Cáp Thích Thộn Chư Bộ chiếm giữ Viên Sùng Hoán đành đóng quân trong quan ải ít lâu sau quan Kinh lược trấn thủ Liêu Đông Vương Tại Tấn thu lại được một số đất ngoài quan ải liền lệnh cho Viên Sùng Hoán trấn giữ phía ngoài quan ải, Giám đốc Chu Thự Liêm đóng quân phía trước dùng phục binh hỗ trợ cho quân cánh trái. Tiếp đó lại điều Viên Sùng Hoán dẫn quân tiến lên đóng quân cách Sơn Hải quan 70 dặm và vỗ về dân chúng đang thất lạc ly tán. Sau khi nhận lệnh, Viên Sùng Hoán đưa quân đi, suốt ngày đêm vượt qua muôn trùng núi non hiểm trở băng qua rừng sâu vực thẳm vắng cả dấu vết hùm beo mà tiến quân. Khi trời vừa rạng sáng. Vương Sùng Hoán đã tới nơi đóng quân, việc này đã làm cho tướng sĩ đang đóng ở đây vô cùng khâm phục tài thao lược của ông.

Trước nơi đóng quân, Viên Sùng Hoán thấy phía nam Quảng Ninh có Thập Tam Sơn đang có hơn 10 vạn nạn dân, do sông giữa vùng núi cao bao bọc xung quanh rất khó xuống núi, nên thường bị quân nhà Hậu Kim đến bắt cóc. Lúc đó, Đại học sĩ Tôn Thừa Tông đi tuần thú biên thủy, Viên Sùng Hoán bèn nói với ông ta rằng: "Nên điều 5 ngàn quân phòng thủ Ninh Viễn để tăng cường lực lượng bảo vệ Thập Tam Sơn, mặt khác điều tướng sĩ đến cứu hơn 10 vạn nạn dân ở Thập Tam Sơn. Ninh Viễn cách Thập Tam Sơn hơn 200 dặm nếu xuất binh thuận lợi thì có thể chiếm được Miên Châu, nếu bất lợi vẫn có thể lui về giữ Ninh Viễn. Tiến thoái đều thuận tiện, chúng ta chẳng lẽ lại để hơn 10 vạn nạn dân sống chết mà không để ý được sao?". Đại học sĩ Tôn Thừa Tông sau khi bàn bạc với Tổng đốc Liêu Đông Vương Tướng Khôn đã quyết định cho Vương Tại Tấn dẫn 3 nghìn quân đi cứu nhưng Vương Tại Tấn không chịu chấp hành lệnh để mặc quân Kim cướp phá. Cuối cùng hơn 6000 người liêu chết tháo chạy ra ngoài, còn lại toàn bộ gồm 10 vạn dân của Thập Tam Sơn bị quân nhà Kim cướp phá và bắt đi hết.

Ít lâu sau, Tôn Thừa Tông triệu tập các tướng lĩnh bàn việc phòng thủ, Viên Sùng Hoán chủ trương phòng thủ thành Ninh Viễn. Vương Tại Tấn và số người khác phản đối nhưng Tôn Thừa Tông ủng hộ ý kiến của Viên Sùng Hoán. Sau đó Tôn Thừa Tông phụng mệnh thay thế Vương Tại Tấn trấn thủ Sơn Hải quan. Tôn Thừa Tông rất tin tưởng và trọng dụng Viên Sùng Hoán khiến cho Viên Sùng Hoán lập được nhiều công trạng. Được sự ủng hộ giúp đỡ của Tôn Thừa Tông, Viên Sùng Hoán đã có được rất nhiều thành công, trong thì vỗ về tướng sĩ, ngoài thì chinh đồn phòng bị.

Tháng 9 năm Thiên Khởi thứ 3 (1623) Viên Sùng Hoán nhận lệnh trấn giữ Ninh Viễn ngay từ đầu, Tôn Thừa Tông đã lệnh cho Tổng binh Tổ Đại Thọ tu sửa lại thành Ninh Viễn. Tổ Đại Thọ cho rằng quân nhà Minh không đủ sức giữ được thành này vì vậy không tích cực củng cố thành lũy, một thời gian rất dài mới làm được một phần 10 công việc, mà bề cao, độ dày của thành cũng không đạt quy cách, không thể dùng để chặn giặc được. Sau khi Viên Sùng Hoán đến Ninh Viễn, lập tức ông huy động dân, binh tại chỗ, tranh thủ thời gian, đào hào đắp lũy, Viên Sùng Hoán quy định: Tường thành cao 3 trượng 2 tấc, sống tường cao 6 tấc, đế tường rộng 3 trượng, mặt trên tường rộng 2 trượng 4 tấc. Đến năm thứ hai việc sửa sang thành lũy đúng theo quy cách đã hoàn thành. Từ đó về sau, thành Ninh Viễn trở thành nơi trấn thủ quân sự quan trọng trong tuyến phòng thủ Liêu Đông của nhà Minh. Cũng từ đó thành Ninh Viễn người xe tấp nập đổ về, trở thành vùng đất đô hội của Liêu Đông.

Tháng 9 năm đó, Viên Sùng Hoán cùng các đại tướng Mã Thế Long, Vương Thế Khiêm thống lĩnh hơn một vạn hai nghìn quân thủy bộ, kị binh đi tuần thú biên cương, đi khắp các vùng Quảng Ninh, Thập Tam Sơn, Hữu Đồn, Tam Xá Hà (ngã ba sông)... do có công lao tuần sát phía đông, Viên Sùng Hoán được thăng Binh Lược phó sứ rồi Hữu Tham chính.

Khi đi tuần sát, Viên Sùng Hoán đề xuất thu hồi Miên Châu. Hữu Đồn, Tôn Thừa Tông nghĩ rằng tạm thời quân Minh chưa đủ sức lấy lại hết các vùng đất bị mất nên chưa thể chấp thuận kiến nghị này của ông. Đến mùa hạ năm Thiên Khởi thứ 5 (1625), Viên Sùng Hoán lại đưa ra kiến nghị trên một lần nữa, hai người cùng thương nghị rồi cử các đại tướng chia quân đi trấn giữ các thành Miên Châu, Trung Sơn, Sa Sơn, Hữu Đồn và sông Lãng. Đồng thời xây thành đắp lũy, dựng nhà cho dân giữ kẻ lâu dài. Việc làm đó khiến tuyến phòng thủ tiền tiêu tiến xa thêm hơn 200 dặm, biến vùng đất phía trước thành Ninh Viễn trở thành "nội địa".

Từ đó, được Tôn Thừa Tông ủng hộ, Viên Sùng Hoán tranh thủ trong thời gian 3 năm, động viên quân dân Liêu Đông xây dựng nên một tuyến phòng thủ bao quanh Sơn Hải quan gồm các thành Miên Châu, Hữu Đồn, Ninh Viễn... vùng biên cương Đông Bắc của nhà Minh ngày càng được củng cố chắc chắn.

Nhưng, trong lúc Tôn Thừa Tông, Viên Sùng Hoán đang dốc sức sửa sang, tổ chức tuyến phòng thủ Liêu Đông thì trong triều, bọn giám quan kéo bè kéo cánh, dị nghị xúc xiểm ám hại người hiền, đứng đầu là Ngụy Trung Hiền. Tháng 10 năm Thiên Khởi thứ 5 (1625) đã bãi miễn Tôn Thừa Tông đưa tên bất tài vô dụng Cao Đệ ra thay. Sau khi Cao Đệ tới Liêu Đông, cho rằng khu vực ngoài Sơn Hải, quân Minh không thể giữ được nên hạ lệnh rút hết tướng sĩ, vũ khí đang chặn giữ các thành Miên Châu, Hữu Đồn... chuyển về trấn thủ quan ải. Tôn Thừa Tông, Viên Sùng Hoán phải tốn bao công sức mới xây dựng xong phòng tuyến ngoài quan ải này giờ đang đứng trước mối họa tan thành mây khói, việc này dẫn đến sự bất mãn của các tướng sĩ Liêu Đông, Miên Châu, Hữu Đồn, Đại Lãng đều là tiền đồn trọng yếu để phòng thủ Sơn Hải quan. Nếu rút quân về phía sau thì trăm họ phải ly tán, bất an và không nơi nương tựa, như thế khác gì vừa xây xong lại đập đổ ngay. Viên Sùng Hoán không cam chịu nhìn phòng tuyến tan vỡ đã đồng ý với ý kiến của Kim Khởi Tôn, kiên quyết phản đối lệnh rút quân của Cao Đệ đồng thời khuyên rằng: "Căn cứ vào binh pháp, cự địch ngoài biên cương, chỉ tiến không lùi, nay đã thu lại được đất đai, lẽ nào lại tùy ý vứt bỏ? Nếu như Miên Châu, Hữu Đồn lung lay, Ninh Viễn, Tiền Đồn bất ổn thì việc tử thủ nơi quan ải e rằng cũng khó giữ được. Song Cao Đệ nhất quyết không nghe can gián mà còn muốn rút hết quân phòng thủ cả Ninh Viễn lui về Sơn Hải quan. Việc này khiến Viên Sùng Hoán không thể chịu nổi đành cự tuyệt với Cao Đệ. Viên Sùng Hoán khẳng khái, hiên ngang nói: "Ta là tướng trấn giữ Ninh Viễn Tiền Đồn, lúc này là tướng thì phải chết tại đây, quyết không lùi bước!" Như vậy Viên Sùng Hoán đã thể hiện quyết tâm dù chết cũng không thi hành lệnh rút. Cao Đệ cũng đành chịu không làm gì được. Chỉ còn mang số quân trấn giữ phía bắc Miên Châu của Ninh Viễn rút về Quan ải. Do hành động vội vàng đã vứt bỏ nhiều vật tư quân sự quan trọng, như bỏ lại hơn 10 vạn thạch lương. Tướng sĩ giữ thành, gia quyến, già trẻ, lớn bé trăm họ cùng tháo chạy về Quan ải, tiếng kêu khóc dậy đất làm bại hoại thanh thế của quân Minh.

Lúc này, ngoài Sơn Hải quan chỉ còn Viên Sùng Hoán thống lĩnh một vạn tướng sĩ kiên trì trấn giữ thành trì. Thế cô lực kiệt, Viên Sùng Hoán không thể làm gì được, ông dâng sớ xin về quê chịu tang. Nhưng nhà Vua không cho, đã phê tấu: "Việc quân ngoài biên ải đang gấp, là lúc thần tử không kẻ đền sống chết. Trọng điểm quân sự như Ninh Viễn, Tiền Đồn phải giữ bằng được. Vì vậy không cho Viên Sùng Hoán về chịu tang, lệnh cho ông cứ giữ như cũ. Xem chiếu phê của nhà vua, Viên Sùng Hoán nghĩ rằng lấy quốc nạn làm trọng, thần tử sao có thể lùi bước, từ nan? Biết trên núi có hổ dữ mà vẫn phải xông lên. Viên Sùng Hoán có nghị lực, kiên nhẫn phi thường, có dũng khí khắc phục gian khổ khó khăn, ông dâng sớ tỏ rõ: "Vi thần nhất định huấn luyện tốt binh mã, thu hồi lại những đất đã mất, vì triều đình mà giữ vững biên cương".

Thế là Viên Sùng Hoán lại phấn chấn tinh thần, bố trí binh mã, làm tốt việc chuẩn bị chặn đánh quân nhà Hậu Kim xâm lược.

Tháng giêng năm Thiên Khởi thứ 6 (1626) thủ lĩnh nhà Hậu Kim Nỗ Nhĩ Cáp Xích thấy quân Minh

đã thay đổi chiến lược phòng tuyến Liêu Đông, bèn thừa cơ tiến công đánh lớn. Lúc đó Cao Đệ đã rút hết quân ở Miên Châu và các nơi khác, Nỗ Nhĩ Cáp Xích thống lĩnh 13 vạn đại quân thừa cơ tiến thẳng đến thành Ninh Viễn. Một trận đánh lớn sắp bắt đầu. Đối mặt với tình thế nguy hiểm trước áp lực của đại quân nhà Kim, Viên Sùng Hoán không hề hoang mang, ông cùng Đại tướng Mãn Quế, Phó tướng Tả Bộc Chu Mai, Tham tướng Tổ Đại Thọ, Thủ bị Hà Khả Cương hội cùng các tướng sĩ thề quyết tử giữ thành quyết không lùi nửa bước. Để khích lệ ý chí chiến đấu của tướng sĩ, ông lấy máu ngón tay để viết lời thề, khiến cho tướng sĩ ai cũng phấn khích quyết tâm cùng ông thề tử chiến giữ thành. Không lâu sau, quân Kim phát động công thành, Viên Sùng Hoán không quản mưa tên đứng lên thành lầu chỉ huy tướng sĩ, lấy cung tên, gạch đá chống lại quân địch. Quân Hậu Kim thương vong rất lớn, nhưng vẫn không ngừng tấn công, chúng dùng mộc che đầu leo lên thành, đào đường hào xuyên vào trong thành khiến cho cung tên, gạch đá khó có thể ngăn cản.

Viên Sùng Hoán quan sát từ trên cao, phát hiện thấy nguy hiểm bèn điều đại pháo tới và bắn vào bọn địch đang công thành. Uy lực của đại pháo quá lớn, pháo bắn tới đâu, khói lửa ngút trời, máu thịt bọn giặc trộn đất đá bay tứ tung. Xác chết ngổn ngang. Nỗ Nhĩ Cáp Xích thấy quân Minh cố thủ chặt chẽ, trận địa kiên cố, tướng sĩ dưới trướng lại thương vong quá nhiều nên nhất thời không thể hạ được thành, đành thôi kèn thu quân. Sáng sớm ngày thứ hai Nỗ Nhĩ Cáp Xích lại đốc quân đánh thành. Viên Sùng Hoán lên ngồi trên lầu thành chỉ huy tướng sĩ bắn vào quân giặc, lần đánh thành này có 4 tướng của nhà Kim bị pháo bắn tan xác.

Chủ soái Nỗ Nhĩ Cáp Xích cũng bị trọng thương nên việc đánh thành phải dừng lại. Viên Sùng Hoán thấy quân Kim không còn ý chí chiến đấu bèn dẫn tướng sĩ xông ra khỏi thành giết giặc và truy kích ra ngoài 30 dặm và giành được thắng lợi bảo vệ được thành Ninh Viễn. Trận đại chiến ở Ninh Viễn, quân Minh lấy ít địch nhiều, dùng hơn một vạn quân, chống lại 13 vạn tinh binh của nhà Kim và đã giành thắng lợi huy hoàng, diệt hơn một vạn quân Kim. Đây là chiến thắng lớn đầu tiên từ khi quân nhà Minh đánh nhau với quân nhà Kim.

Trong khi Viên Sùng Hoán chỉ huy tướng sĩ chiến đấu ngoan cường với đại quân nhà Kim thì Kinh lược Liêu Đông Cao Đệ như rùa rút cổ tại Sơn Hải quan, không hề cho quân đi chi viện. Cao Đệ và đồng bọn đều cho rằng Ninh Viễn thất thủ là điều chắc chắn và Viên Sùng Hoán tất chết dưới thành. Vì vậy khi Viên Sùng Hoán báo tin thắng trận thì bọn chúng không thể không bất ngờ. Trận đánh này khiến Nỗ Nhĩ Cáp Xích mất mặt. Hắn đau khổ nói: "Ta đã cầm quân từ năm 25 tuổi đi đánh trận đến nay, đánh đâu thắng đấy, trăm đánh trăm thắng, chưa bao giờ nghĩ đến bị mất hơn vạn quân mà thành Ninh Viễn lại không hạ nổi". Nỗ Nhĩ Cáp Xích phát bệnh ung độc rồi chết. Chiến tranh giữa nhà Minh và nhà Hậu Kim tạm thời chấm dứt.

Tháng 3 năm đó, Viên Sùng Hoán được thăng chức Tuần phủ Liêu Đông. Đến mùa đông, Viên Sùng Hoán lại thu hồi dần các thành trì mà Cao Đệ đã vứt bỏ trước đây như Miên Châu và điều quân trấn giữ. Sau khi Nỗ Nhĩ Cáp Xích chết Viên Sùng Hoán nghe ngóng tình hình nhà Kim, muốn tranh thủ hoà hoãn giữ quan hệ với nhà Kim để tranh thủ thời gian sửa chữa xây dựng công sự phòng ngự bèn phái sứ thần tới viếng tang. Năm thứ hai, sau khi Hoàng Thái Cực nối ngôi, nhà Kim dẫn quân đi đánh Triều Tiên, Viên Sùng Hoán phái sứ thần đến nghị hoà với nhà Kim.

Trong triều, các quan bàn tán xôn xao: Vì sao Viên Sùng Hoán lại quan hệ tốt với nhà Kim? Vì vậy Viên Sùng Hoán dâng sớ thuật lại mục đích của mình. Ông nói: "Ngoài quan ải đất hẹp người đông nên phải xây dựng sửa sang lại 3 thành Miên Châu, Trung Tả và Đại Lăng để phòng tuyến kéo dài ngoài quan ải đến 400 dặm. Nếu như thành chưa được tu sửa xong mà quân nhà Kim đã đánh thì tất phải thua. Ta đã ở vào thế đánh thì thắng thủ thì bại. Vì thế nhân nhà Kim đánh nhau với Triều Tiên, chúng ta lấy kế hoà để tiến, hoãn binh củng cố thành trì. Khi nhà Kim đến thì chúng ta đã tu sửa tốt thành trì vùng biên để vững chắc thì nhà Kim làm gì được".

Minh Gia tông đồng ý với cách lý giải của Viên Sùng Hoán, việc xi xào của triều thần cũng tạm thời lắng xuống, nhưng những nghi ngờ trong lòng họ vẫn chưa dứt hẳn. Mấy năm sau, việc nghị hoà của Viên Sùng Hoán bị khoác lên tội danh tư thông với giặc và phải trả giá bằng máu.

Không lâu sau, Hoàng Thái Cực chinh phục được Triều Tiên. Tháng 5 lại dẫn quân đánh Ninh Viễn, Miên Châu. Viên Sùng Hoán đã chuẩn bị tốt nên dẫn quân đánh trả quyết liệt, lại đánh cho quân Hậu Kim đại bại giành đại thắng ở Ninh-Miên.

Sau đại thắng Ninh-Miên, tình thế ngoài quan ải đã tốt dần lên. Ngụy Trung Hiền lại bắt đầu bài xích Viên Sùng Hoán, buộc ông phải từ chức.

Năm Thiên Khởi thứ 7 (1627) Gia Tông mất, Tư Tông Chu Do Kiềm nối ngôi loại bỏ Ngụy Trung Hiền và đồng đảng của hắn. Các quan trong triều xin xuống chiếu sử dụng Viên Sùng Hoán. Tháng 11 năm đó Chu Do Kiềm hạ chiếu phục chức cho Viên Sùng Hoán chức Hữu Đô Ngự sử Binh bộ kiêm Tả Thị lang sự. Tháng 4 năm Sùng Chính Nguyên niên (1628) lại lệnh cho Viên Sùng Hoán giữ chức Binh bộ Thượng thư kiêm hữu Phó độ Ngự sử Đô soái ở Kê Liêu. kiêm Đô đốc trợ việc ghi Chép, khai hoang của quân sĩ Thiên Tân. Đồng thời lệnh giục Viên Sùng Hoán về kinh gấp có việc.

Tháng 7 năm đó Viên Sùng Hoán vào kinh.

Tư Tông vừa thấy ông đã hỏi về kế sách thu hồi Liêu Đông. Viên Sùng Hoán nói: "Theo cách vẫn làm của thần, giao cho thần thời hạn 5 năm, thần sẽ thu hồi lại toàn bộ vùng Liêu Đông". Tư Tông nghe xong vô cùng phấn khởi nói: "Khôi phục lại được Liêu Đông, trẫm sẽ phong tước Hầu cho khanh, quyết không nuốt lời". Tư Tông muốn nóng lòng lấy thành nên đã gửi gắm nhiều kỳ vọng vào kế hoạch 5 năm này.

Thực tế trong triều đình nội bộ các quan đang đấu đá nhau kịch liệt, tình hình này khó có thể để cho quan đại thần nào lập được công danh. Trước tình hình đó, Viên Sùng Hoán lại dâng biểu xin với nhà Vua đối với việc quân nơi biên ải, dù có xảy ra chuyện gì cũng không nên mất lòng tin đối với ông. Ông nói dùng các quan trong triều đình không giống việc dùng quan ngoài biên ải. Tướng ngoài biên ải việc quân biến hoá bộn rộn, Vua chỉ cần đánh giá qua việc thắng trận hay thua trận chứ không cần phải nghe lời gièm pha hay tán dương.

Trấn giữ biên thủy là nhiệm vụ rất nặng nề nên có nhiều người phải mắc tội, hơn nữa kẻ địch còn có thể dùng kế ly gián hư hư, thực thực không dễ phân biệt. Vì vậy mong nhà Vua đã dùng người thì không nghi ngờ, đã nghi ngờ thì không nên dùng.

Lúc đó Tư Tông rất tin ông, còn giao cho ông cả thanh Thượng Phương Bảo Kiếm cho ông được tùy ý làm việc. Đối với các yêu cầu trên của Viên Sùng Hoán, nhà vua đều nhất nhất đáp ứng.

Sau đó Viên Sùng Hoán đến tuyển phòng thủ Ninh Viễn. Trong một lần hội ở Ninh Viễn, Viên Sùng Hoán đã tuyên bố. Đại tướng Mao Văn Long tự ý dùng binh phạm tội phản lại triều đình và dùng Thượng Phương Bảo Kiếm chém đầu Mao Văn Long. Việc tiền trạm hậu tẩu này vẫn được Tư Tông tán thưởng nhưng cũng nhân việc này về sau đã trở thành một nguyên nhân nghi ngờ dẫn ông tới tội giết Đại tướng để tư thông với giặc.

Viên Sùng Hoán chinh đồn phòng ngự ở Liêu Đông làm cho Hoàng Thái Cực không thể làm gì được, mãi đến tháng 10 năm Sùng Chính thứ hai (1629) y mới dẫn đại quân vòng qua phòng tuyến Liêu Đông, chia quân làm 3 đường, đột phá trường thành vào 3 cửa Đại An, Long Cảnh và Hồng Sơn tiến vào quan ải gần tới Kinh đô. Viên Sùng Hoán được tin cấp báo đã lập tức đưa quân vào quan ải.

Ông dẫn 2000 kỵ binh hành quân suốt đêm vượt lên trước quân nhà Kim, tiến đến dưới chân thành Bắc Kinh. Tư Tông thấy Viên Sùng Hoán dẫn quân tới liền hạ lệnh cho ông chỉ huy quân cứu viện ở các nơi đưa đến.

Tháng 11 hai bên kịch chiến trước thành Bắc Kinh. Viên Sùng Hoán khoác áo giáp sắt chỉ huy đơn đốc tướng sĩ đánh giặc. Qua hơn nửa ngày đánh nhau quân Minh đã đẩy lui sự tấn công của quân Hậu

Kim.

Mọi người lại bàn tán xì xào, tại sao Viên Sùng Hoán lại biết được mà sớm về kinh đô?

Trong triều có Vương Vĩnh Quang cùng với dư đảng của Ngụy Trung Hiền nhân cơ hội này để hại ông nên nói: "Viên Sùng Hoán cầu kết với nhà Kim tấn công kinh đô hòng ép triều đình phải cầu hoà".

Tư Tông nghe những lời đồn đại đó sinh ra nghi ngờ Viên Sùng Hoán. Hoàng Thái Cực đã nhanh chóng biết tin nhà Minh đang nghi ngờ Viên Sùng Hoán và cho rằng đây là cơ hội tốt nhất để dùng kế ly gián, y bèn sai thủ hạ giả vờ bàn tán, cố để cho sĩ quân nhà Minh bị bắt làm tù binh nghe thấy: "Nhà Vua (Kim) đã cùng hẹn ước bí mật với Viên Đô soái rồi xem ra Chu Do Hiệu chỉ có con đường cầu hoà với nhà Kim mà thôi". Câu nói này cũng cố ý để cho hai tên thái giám nhà Minh bị bắt làm tù binh nghe thấy, sau đó thả cho chúng chạy về để báo với Tư Tông. Tư Tông nghe xong liên hệ với lời đồn trước bèn tin là thật và hạ lệnh bắt Viên Sùng Hoán tống vào ngục.

Sau đó, Vương Vĩnh Quang cùng đồng bọn lại liên tiếp dâng tấu biểu vu cáo Viên Sùng Hoán có tình giết Mao Văn Long để lấy lòng nhà Kim, cầu kết và tư thông với giặc, đề nghị triều đình xử tội.

Tháng 8 năm Sùng Chính thứ 3 (1630), sau hơn nửa năm bị giam trong ngục Viên Sùng Hoán bị xét xử vào tội "đổi vua phản quốc" phải xử cực hình: Ngũ mã phân thân (5 ngựa xé xác) trước cổng kinh thành.

Dân chúng kinh thành đều cho rằng Viên Sùng Hoán cầu kết và dẫn đường cho giặc Kim vào xâm lược nên ai cũng hận ông đến tận xương tủy. Sau khi ông bị 5 ngựa xé xác trước cổng chợ, họ tranh giành nhau thân xác ông như muốn ăn tươi nuốt sống để thỏa nỗi thù hận quá lớn.

Ngược lại thật oan uổng cho Viên Sùng Hoán.

Sau khi quân nhà Kim vào thành, tiêu diệt nhà Minh. Sau đó mấy năm, vua Càn Long nhà Thanh đã công bố sự thật sự kiện về Viên Sùng Hoán đồng thời xuống chiếu minh oan cho ông.

3. Vụ án văn tự chấn động nhân gian

Nhà Thanh là vương triều do người Nữ Chân cở vốn sống mãi nơi rừng thiêng nước độc đã trải qua nhiều thế hệ xây dựng nên. Sau khi vào làm chủ Trung Nguyên, đề đề phòng sự chống đối của người Hán đã thực hiện chính sách trấn áp, hạn chế tự do ngôn luận, tạo dựng nên nhiều vụ án văn tự khiến cho mọi người phải khiếp sợ. Trong đó vụ án Minh sử Trang Đình Long có số người liên lụy và bị giết quá nhiều thật chưa từng có.

Trang Đình Long (không rõ năm sinh năm mất) tự là Tư Tương là người Hồ Châu, tỉnh Triết Giang. Trang xuất thân trong một gia đình thương gia giàu có, từ nhỏ thông minh ham học, đặc biệt rất thích đọc sách về lịch sử, sớm chịu ảnh hưởng lối sống cuối thời nhà Minh. lại xuất thân từ gia đình giàu có vạn bộ nên Trang không chịu đi con đường 10 năm đèn sách, khoa cử đề danh bảng vàng, cũng không chịu nhằn nài khổ công học hành và bố của Trang Đình Long cũng không muốn thấy Trang phải chịu khổ. Từ đó Trang sống cuộc sống dựa dẫm, nhàn hạ của một cậu ấm con nhà phú hộ. Ngoài việc giúp bố mẹ trông hàng chóc lát, còn chỉ chú ý đến việc làm dáng trong thư phòng rộng rãi của mình, lật giở từng trang kinh sử.

Nhưng thật là: Trời mưa nắng bất thường, người ta cũng phúc họa khôn lường. Lúc mới 25, 26 tuổi thì tai họa đã đổ ập xuống đầu Trang, anh ta tự nhiên thấy toàn thân ngứa ngáy, khó chịu, mặt nổi đầy nốt mẩn lấm tấm, cũng không phải như vết loét sẹo của bệnh hủi. Tuy chữa trị hết nước mà vẫn không khỏi, trái lại nó lại lan đến tận 2 mắt và làm hỏng cả đôi mắt. Cuộc sống đang tươi đẹp bỗng trở thành mờ ảo tối tăm.

Nhưng Trang Đình Long cũng đã đọc thuộc chút ít sách kinh sử, anh ta nhớ đến một câu nói nổi tiếng của Thái sử công Tư Mã Thiên: "Tây Bá bị giữ ở Dũ Lý vẫn viết được "Chu Dịch". Không Tử gặp tai ương ở đất Thái mà sáng tác "Xuân Thu". Khuất Nguyên bị đày mà vẫn viết được "Ly Tao" nổi tiếng. Tả Khâu bị mù mà vẫn có "Quốc ngữ", Tôn Tử bị phạt khoét xương bánh chè mà vẫn còn luận bàn binh pháp, Bất Vi rời Thục để lưu truyền "họ Lã", Hàn Phi bị tù vẫn có "Thuyết nạn", "Cô phận" và cả 300 bài thơ. Các bậc thánh hiền khi gặp không may vẫn đều thành danh cả.

Thế là Trang cũng rập khuôn, quyết tâm học theo các vị thánh hiền, viết ra một quyển sách nổi tiếng để mong truyền cho hậu thế. Nhưng hai mắt bị mù loà anh ta biết làm sao đây?

Nếu một mình viết ra một bộ sử thi thì không thể được, nhưng họ Trang có nhiều tiền bạc của cải nên có thể mời một số nho sinh nghèo đến giúp sức, lại mời thêm ít vị có danh tiếng đến biên soạn một bộ sử thi. Trang Đình Long phải mất một ngày tính toán mới nghĩ ra cách làm như trên, anh ta nói với bố là Trang Doãn Thành. Để an ủi đứa con bệnh tật, Trang Doãn Thành đồng ý ngay và nhanh chóng xuất tiền cho con thực hiện kế hoạch đó Có một cơ hội ngẫu nhiên làm cho Trang Đình Long nhanh chóng thực hiện được cách làm của mình. Vốn là có một nho sinh họ Chu sống cạnh nhà họ Trang, anh ta vốn là cháu Nội các Thư phú Chu Quốc Trinh thời Thiên Khởi nhà Minh. Trước đây, Chu Quốc Trinh đã biên soạn bộ sách "Hoàng Minh sử khái" sau khi phát hành sách được khen ngợi rộng rãi, ông còn có một bộ sách nổi tiếng khác là "Hoàng Minh Liệt triều chư thần truyện", nhưng chỉ có bản thảo, chưa in ấn phát hành ra ngoài. Theo căn cứ để lại "Liệt triều chư thần truyện" có khoảng 10 quyển, sách ghi chép tỉ mỉ sự tích các quan văn võ nhà Minh từ thời khai quốc đến thời Vạn Lịch. Đây là một bộ sử thi, ghi chép truyền lại rất có giá trị. Sau khi nhà Minh bị diệt vong, gia đình họ Chu và các môn đồ ly tán, kinh tế nghèo khó, đã phải bán đi một số tài sản của cha ông. Nay lại nghĩ đến tập bản thảo này.

Lúc đó Trang Đình Long đang tìm người tài để biên soạn Minh sử, tin này đến tai nhà Chu, thế là

con cháu họ Chu chủ động tìm đến và bán bộ bản thảo này cho Trang Đình Long để lấy một nghìn lạng bạc rồi vui vẻ, sung sướng ra về.

Sau khi Trang Đình Long mua được bản thảo bộ sách này, lại dùng nhiều tiền để mời hơn 10 vị nho sĩ là: Mao Nguyễn Minh, Ngô Chi Minh, Ngô Chi Dung..., đưa bản thảo ra chỉnh lý, gia công, bổ sung, sửa đổi đồng thời điền thêm tư liệu lịch sử hai triều Thiên Khởi và Sùng Chính tập hợp thành một bộ sử thi lấy tên là "Minh sử tập lược", hay còn gọi là "Minh thư tập lược" rồi ghi tên họ mình vào sách coi như là sách của Trang Đình Long.

Để nâng cao tiếng tăm của sách, Trang Đình Long còn mời Lễ bộ thị lang Lý Lệnh Tích viết cho lời tựa, đồng thời ngay những trang đầu tiên liệt kê một loạt các văn nhân nổi tiếng đứng tên "biên soạn". Thực ra ngoài số học giả, có danh tiếng nhận lời đến biên soạn giúp, còn đa số họ đều chưa làm việc này bao giờ.

Sau khi hoàn thành bản thảo, còn chưa kịp ấn hành thì bệnh tình của Trang Đình Long đột biến hiểm ác rồi chết. Ông già Trang Doãn Thành thương con trong lòng vô cùng đau khổ. Để tỏ lòng nhớ thương và an ủi linh hồn đưa con trên thiên đường, ông cố sức cho in "Minh sử tập lược". Mùa Đông năm Thuận Trị thứ 17 (1660) in được 1000 quyển và đưa ra bán, ông già cảm thấy trong lòng thư thái hẳn lên vì đã thay con hoàn thành được ý nguyện của nó. Ông lại nghĩ cùng với việc lưu truyền rộng rãi "Minh sử tập lược" người đời sẽ nhớ mãi tên tuổi con ông, Nghĩ vậy, ông già cảm thấy mãn nguyện. Nhưng ông lại không thể ngờ tới tai họa, phiền toái cũng từ đó đang tới gần.

Hoàng đế khai quốc nhà Thanh là Hoàng Thái Cực, cha Hoàng Thái Cực là Nỗ Nhĩ Cáp Xích đã từng làm Tả vệ đô đốc Thiêm sự Kiến Châu của triều nhà Minh (vùng đất thuộc huyện Tân, Liêu Ninh ngày nay) lại được phong tước Tử chức Long hồ tướng quân. Về sau Nỗ Nhĩ Cáp Xích lấy có "Thất đại hận" (Bảy nỗi hận lớn) mà thề dấy binh chống lại nhà Minh lập nên nhà Hậu Kim. Đến đời Hoàng Thái Cực, thống nhất thiên hạ, dựng lên nhà Thanh. Sau khi nhà Thanh thành lập, để củng cố nền thống trị của dân tộc Mãn, họ cũng như các vương triều khác trong lịch sử ra sức tuyên truyền đạo đức phong kiến như trung, hiếu, tiết, nghĩa, tam cương ngũ thường, vì vậy đối với lịch sử của tổ tiên họ rất chú ý đến huy ký, không muốn để người khác biết đến. Ngoài ra trước khi nhà Thanh vào làm chủ Trung Nguyên, ở phương Nam, trước sau đó có mấy lần chính quyền (thuộc hạ) nhà Minh chiến đấu chống lại nhà Thanh. Thế lực thống trị nhà Thanh rất không muốn nhắc lại. Thế mà Trang Đình Long đã nổi tiếng vì biên soạn cuốn Minh sử tập lược, lại căn cứ vào bản thảo của Chu Quốc Trinh sửa đổi mà thành. Do thời gian hạn hẹp không đầy đủ, công việc khó khăn phức tạp nên một số sự thực lịch sử mà nhà Thanh muốn né tránh và huy ký bị nhắc trong sách:

Thứ nhất, "Minh sử tập lược" nói đến quan hệ giữa nhà Minh và nhà Thanh. Trong sách nói đến tên tự hàm quan của Thái tổ nhà Thanh là Nỗ Nhĩ Cáp Xích. Khi chép việc đại tướng nhà Minh là Lý Thành Lương giết chết người ông của Nỗ Nhĩ Cáp Xích, rồi sự thực nuôi dưỡng Nỗ Nhĩ Cáp Xích thời còn nhỏ. Trách mắng sự quan nhà Minh là Thượng Khả Hỉ, Cảnh Thân Minh đã đầu hàng nhà Thanh.

Thứ hai là: dùng từ ngữ khiếm nhã, miệt thị với người Mãn Châu Thứ ba là: ghi chép lại sự thực lịch sử quân phương Nam nhà Minh chống lại nhà Thanh và ghi rõ ngày tháng, thời gian lên ngôi của 3 vị vương nhà Minh.

Sự thực lịch sử này vốn giai cấp thống trị nhà Thanh không muốn nhắc tới. Lúc đó nếu ai viết ra như thế đều gặp tai họa, tan cửa nát nhà, vì vậy sau khi sách được bán ra, thì gặp phiền phức ngay.

Một số văn nhân phóng đảng, quan lại xấu xa thấy trong sách có nhiều chỗ huy ký, như bắt được vàng nên đổ xô đến nhà Trang Doãn Thành. Bọn chúng giả bộ chuẩn bị tổ giắc hồng vợ vét tiền bạc. Trang Doãn Thành tuy nhà rất giàu, nhưng vừa đuổi được người này đi thì người khác lại đến, bọn ăn vạ này rất đông, Trang Doãn Thành không đủ tiền để thỏa mãn nhu cầu của chúng được.

Cùng lúc đó, một số danh sĩ được thống kê tên họ "biên soạn" xem xong "Minh sử tập lược" đều

cảm thấy bất an. Trong đó có 3 người là Cử nhân Tra Kế Tá, Công sinh Phạm Tương, Lục Kỳ vốn không tham dự "biên soạn", thậm chí cũng không hề quan hệ với Trang Đình Long lại có tên trong danh sách liệt kê biên soạn, nên tháng 12 năm Thuận Trị thứ 17 (1660) bèn viết tờ trình gửi Ty án sát nhờ minh xét. Lúc đầu, Ty án sát không để ý liền giao cho Học chính Hồ Thượng Hoàng. Hồ Thượng Hoàng lại nhường lại cho Phủ học Hồ Châu tra xét rồi báo cáo. Giáo thụ phủ học Hồ Châu Triệu Quân Tổng mua một bộ "Minh sử tập lược" chọn ra những câu chữ có huý kỵ đến nhà Thanh ra cáo thị trước công phủ học, đồng thời bằm lên cấp trên. Lúc này, nhà họ Trang vội vàng tụ tập người giúp việc sửa đi toàn bộ số câu chữ huý kỵ trên, cho in gấp một số bộ mới rồi gửi đến ty Thông chính, Bộ Lễ, Viện Đô sát... mỗi nơi một bộ lấy mục đích bịt miệng mọi người.

Nhưng do sách "Minh sử tập lược" đã được lưu hành rộng rãi khắp nơi, những chỗ kỵ huý cũng truyền lan nhiều người biết. Một số tham quan lại thừa cơ lừa gạt dọa dẫm để ăn tiền. Mặc dù Trang Doãn Thành đã sửa đổi "Minh sử tập lược" song rắc rối vẫn không hề giảm đi.

Quan Lương đạo Triết Giang trước đây là Lý Đình Khu có mua được một bộ "Minh sử tập lược" chưa qua sửa đổi thấy có thể lừa gạt được tiền bèn bàn mưu cùng Tri phủ Hồ Châu Trần Vĩnh Minh đến tống tiền Trang Doãn Thành rồi chia đôi. Trần Vĩnh Minh liền đưa ra việc tra xét "sách nghịch".

Phủ thượng Trang Doãn Thành sợ Tri phủ bắt giết cả nhà nên vội vàng dâng nộp hàng nghìn lạng bạc để dẹp yên chuyện này. Nhưng Tri phủ Hồ Châu Trần Vĩnh Minh đã nuốt lời hứa một mình nuốt hết số bạc hối lộ đó không chia cho Lý Đình Khu rồi lệnh cho Trang Doãn Thành phá huỷ ấn bản, sách vở, chứng cứ. Lý Đình Khu không làm gì được phải lấy lại bộ "Minh sử tập lược" đưa cho người thân là Ngô Chi Vinh để cho Ngô Chi Vinh lừa gạt kiếm ít tiền.

Ngô Chi Vinh đã từng làm Tri huyện Quy An, Hồ Châu, nhưng do lộng quyền, tham nhũng coi rẻ mạng người nên bị tố cáo sau đó bị bãi chức quan tống giam vào ngục. Sau khi ra tù, không được về sống ở quê Giang Tây mà sống gửi ở Hồ Châu và chuyên dựa vào lừa đảo để kiếm tiền sinh sống.

Sau khi có được "Minh sử tập lược" hắn ta cho rằng đã có cơ hội phát tài. Hắn về nhà ghi chép lại tất cả những chỗ kỵ huý trong sách vào một quyển vở nhỏ. Ngô Chi Vinh nhét quyển vở đó vào trong bụng rồi đi đến nhà Trang Doãn Thành.

Trang Doãn Thành thấy tên quan chuyên lừa đảo kiếm tiền này tới biết là có chuyện chẳng lành, nhưng cũng không dám lãnh đạm mà cung kính nói: "Lão gia quá bộ đến tề xá, không biết có việc gì chỉ bảo?" Ngô Chi Vinh thông thả rút quyển vở nhỏ và nói: "Lệnh lang Trang Đình Long thật là người có tài "Minh sử tập lược" của cậu ấy sáng tác có rất nhiều ý đẹp lời hay, ta đều đã ghi lại cả rồi", nói xong liền đưa quyển vở lại.

Trang Doãn Thành đỡ quyển vở và xem qua, bất giác mặt mày tối sầm đầu óc quay cuồng, người run bắn lên, ông cố gắng trấn tĩnh lại và đành nói:

"Ông muốn gì? Cứ nói thẳng ra đi". Thế là Ngô Chi Vinh cười hì hì và nhẹ nhàng giơ ngón tay trỏ và nói: Không giấu gì lão tiên sinh, gần đây hạ quan thời vận không được tốt bị mất chức mất của đến nỗi không về được quê hương, vì vậy hạ quan muốn lão tiên sinh cho mượn một số bạc để giải quyết trong lúc cấp bách. Đợi đến khi hạ quan được phục chức, nhất định sẽ hoàn trả đầy đủ".

Việc đã như vậy, Trang Doãn Thành biết là đã gặp phải kẻ tống tiền rồi, không biết phải làm gì tự thấy mình vận rủi, ông chỉ muốn tống khứ tên tham quan vô lại này đi nên tỏ ra lễ phép nói:

- Một nghìn lạng phải không? Lão phu xin đưa đủ.

Nhưng đâu có ngờ Ngô Chi Vinh như con sư tử há mồm, đắc ý nói: "Một nghìn lạng thì ít quá ta cần chỉ ít cũng phải 1 vạn lạng, chừng đó đối với ông cũng là ít đó!".

Con số này làm cho Trang Doãn Thành giật mình, tuy ông là một phú thương nhưng cũng không thể chịu nổi nhiều tiền vô lại đến tống tiền, xách nhiễu như thế này. Nếu như thoả mãn được lòng tham của bọn chúng thì không đến vài tháng, họ Trang phải khuynh gia bại sản. Nghĩ vậy Trang Doãn Thành

nghiêm mặt lại nói "Những chữ nghĩa trong sách này đều là cuồng vọng của nghịch tử khi còn sống sao chép lại của người khác, lão phu phải chịu liên lụy, nhưng tôi đã mời người tới viết lại rồi, đồng thời đã trình cho Tỳ Thống chính, bộ Lễ, Viện Đô sát và đã được họ chấp thuận, những sách này trước đây đã được huỷ rồi, gần đây, tôi buôn bán không được, vốn liếng eo hẹp, dù có xoay xở ở đâu cũng không có 1 vạn lạng được".

Ngô Chi Vinh tổng tiền không thành, trong lòng tức giận như bốc lửa, hắn đâu chịu bỏ qua? Ít lâu sau, hắn chạy đến thành Hàng Châu. Tháng 7 năm Thuận Trị thứ 18 (1661) hắn phát đơn tố cáo "sách nghịch" lên tướng quân trấn thủ Hàng Châu Kha Khuê. Kha Khuê lệnh cho tuần phủ Triết Giang Chu Xương Tô điều tra, nhưng Chu Xương Tô cũng không đề ý đến rồi nhường lại cho Đốc học Hồ Thượng Hoành xem xét xử lý. Sự việc thế là dang dở từ đó. Mặt khác, khi Ngô Chi Vinh đi Hàng Châu, Trang Doãn Thành cũng sai người dùng tiền vàng vào thành mua chuộc, lót tay, điều đình với quan lại các cấp, đồng thời qua Đề đốc Tùng Giang hối lộ Kha Khuê, Kha Khuê nhận bạc xong liền không chú ý gì đến "án sách nghịch" nữa.

Ngô Chi Vinh tổng tiền không được, tố cáo cũng không xong, trong lòng càng bất bình. Hắn vốn đã làm gì là phải làm bằng được, bèn mang theo "Minh sử tập lược" vào kinh tố cáo tiếp.

Mùa đông năm Khang Hy thứ nhất (1662) Ngô Chi Vinh tới Bắc Kinh, hắn đến bộ Hình đệ đơn tố cáo Trang Doãn Thành in, viết sách phản nghịch. Kẻ tố cáo đã đến gần Thiên tử nên các quan bộ Hình không dám coi thường vội dâng biểu lên nhà Vua. Năm Khang Hy thứ hai (1663) vua Khang Hy lệnh cho 2 vị quan bộ Hình người Mãn đến Hồ Châu điều tra thu hồi sách và bắt giữ tội phạm. Sách đã sớm bị huỷ bỏ còn phạm nhân Trang Doãn Thành lập tức bị bắt giải về kinh. Ít lâu sau, Trang Doãn Thành dùng thuốc độc tự sát chết trong ngục. Tuy người và tài sản không còn gì, nhưng sách vở in ấn trước đây vẫn còn thu được mấy quyển, giấy trắng, mực đen thật tội chứng như núi. Vì vậy vụ án được xét xử rất nhanh những người liên quan đến đều bị mang ra nghiêm trị.

Trang Doãn Thành, Trang Đình Long, hai cha con đã chết từ trước nhưng vẫn phải đào lên chịu tội xác phan thân rồi chôn chung. Em Trang Đình Long là Trang Đình Thành bị xét xử tội lăng trì.

Lễ bộ thị lang Lý Lệnh Tích do trước đây đã viết lời tựa cho sách nghịch, xử tội chết lăng trì, ba người con bất hạnh của ông cũng bị tội chém đầu, bị tịch thu hết gia sản, thân nhân bị lưu đày.

18 vị danh nho được kê tên tham gia biên dịch như Mao Nguyên Danh, Tưởng Lâm Chính, Trương Văn Thông, Vi Nguyên Giới, Phan Thánh Chương, Ngô Đạm, Ngô Chi Dung, Ngô Chi Danh... đều bị xử lăng trì, người thân hoặc bị giết chết hoặc bị lưu đày, gia sản đều bị tịch thu.

Phụ hộ Chu Hựu Minh giúp đỡ tiền bạc cho in sách cũng bị tội chết lăng trì, tịch thu gia sản, thân nhân cũng bị hoặc giết chết hoặc lưu đày.

Trên đây là kể lại việc con cháu các vị biên soạn sách và cả Chu Hựu Minh bị tội chém đầu.

Còn thợ khắc chữ Dương Đạt Phổ, Lý Tường Phổ, người bán sách Vương Vân Giao, Lục Đức Nho, những người mua và giấu sách nghịch như Tô Châu Thủy Giã quan chủ sự Lý Kế Bạch., tham gia và có thẩm án ở hai huyện Quy An và Điều Trinh là các giáo quan, đốc học phủ Hồ Châu như giáo thụ Triệu Quân Tống. cũng đều bị chém đầu Quan Tri phủ mới ở Hồ Châu Đàm Hy Mẫn, quan Viễn nhiệm Lý Hoan, quan mới nhậm chức Huấn đạo huyện Quy An Vương Triệu Trinh., bị quy tội "Biết việc mà che giấu", "xử lý công việc tùy tiện" và đều bị xử tội treo cổ chết, trong đó Đàm Hy Mẫn mới làm quan được 3 tháng, Vương Triệu Trinh chỉ mới được chưa đầy nửa tháng.

Ngoài ra, tướng quân Kha Khuê bị cách chức, khách trong trướng là Trình Duy Phiên cũng liên đới bị giết. Tuần phủ Triết Giang Chu Xương Tô, Học chính Hồ Thượng Hành, Đề đốc Tùng Giang, Lương Hoá Phong, Thủ đạo Trương Võ Liệt... do dùng nhiều vàng bạc hối lộ nên được tha miễn tội chết.

Vụ án kiện sách nghịch này đã giết chết tổng cộng 72 người, số phụ nữ bị phát vãng nơi biên cương đến hơn 100 người. Đây là một vụ án văn tự kinh thiên động địa, người bị giết nhiều, phạm vi liên lụy

quá rộng, thật chưa từng có.

Ngô Chi Vinh tố cáo giết được Trang Doãn Thành đã hả được mối căm giận. Hắn còn được hưởng một nửa gia tài lớn của nhà họ Trang và Chu, ngoài ra còn được phục hồi quan chức. Sau lại được thăng Hữu thiên Đô Ngự sử, thật là vừa được thăng quan lại còn phát tài. Nhưng vận may không được dài. Năm Khang Hy thứ 4 (1665) Ngô Chi Vinh đột nhiên mắc phải một loại bệnh quái dị, toàn thân loét rữa ra mà chết. Kết cục này mới được hơn một năm sau khi hắn tố cáo vụ án "sách nghịch". Những người từng bị liên lụy đều thở phào và nói với nhau rằng: Ngô Chi Vinh đã bị quả báo, đúng như cô nhân răn dạy: tính thiện phùng thiện, tính ác phùng ác.

4. Sách viết chưa xong hoá chết người đã đến

Vụ án Minh sử Trang Đình Long qua đi đã được gần 50 năm, người đời sau chấn động của vụ án mới vừa trấn tĩnh trở lại thì lại phát sinh ra vụ án văn tự khác. Vụ này liên quan đến Phương Hiếu Tiêu. Đối Danh Thế và toàn bộ người thân của họ. Thời gian vụ án càng dài, phạm vi những kẻ liên lụy càng rộng.

Phương Hiếu Tiêu (không rõ năm sinh, năm chết) còn có tên là Phương Huyền Thành, tự là Hiếu Tiêu, vì tránh kỵ húy tên vua Khang Hy bèn đổi tự làm tên, lại còn lấy hiệu là Lâm Cương những năm Thuận Trị, ông thi đỗ tiến sĩ được cử làm Thị Độc học sĩ. Năm Thuận Trị thứ 11(1654) được làm mưu sĩ cho nhà vua. Vua Thuận Trị rất trọng dụng Phương Hiếu Tiêu, thường tôn dùng biệt danh Lâm Cương để gọi tên ông. Vua Thuận Trị thậm chí còn nói rằng: "Phương học sĩ tính tình cương trực, có thể làm được Thượng thư Bộ lại".

Năm Thuận Trị thứ 14 (1657), trong kỳ thi hương, Phương Du là người Đồng Thành được mời làm quan chủ khảo ở Giang Nam. Do tư lợi làm rối kỹ cương chấm thi, lấy đỗ bất công, làm cho sĩ tử ở đây vô cùng phẫn nộ. Trong đó con của Phương Cung Càn là đồng tông với ông ta, còn có cả người em trai thứ 5 của Phương Hiếu Tiêu là Phương Chương Thành được lấy đỗ càng làm cho họ thêm công phẫn.

Không lâu sau, Cấp sự trung âm Ứng Tiết dâng biểu tố cáo Phương Chương Thành thi đỗ, là do mua bán tư lợi. Vua Thuận Trị xem xong vô cùng tức giận bèn cách chức quan Chủ khảo Phương Du, Tiền Khai Tôn và toàn bộ nhóm các quan đồng khảo. Lại ra lệnh bắt Phương Chương Thành về kinh trị tội, đồng thời lệnh cưỡng chế Phương Cung Càn phải thú thật quá trình xấu xa đút lót trong thi cử. Phương Cung Càn tâu lại phủ nhận việc mua bán trong thi cử và những lời chỉ trích vừa qua. Tuy vậy vua Thuận Trị vẫn không tin.

Tháng 3 năm Thuận Trị thứ 15 (1658) Vua Thuận Trị sát hạch lại số cử nhân do Phương Du chấm thi đỗ. Tổng số chấm đỗ có 75 người, tạm thời công nhận 24 người đủ tư cách, xoá tên 14 người. Không lâu sau với tội danh "mua bán thi cử làm rối kỹ cương", các quan Chủ khảo Phương Du, Tiền Khai Tôn bị chém đầu, còn các quan đồng khảo bị xử tội treo cổ. Phương Chương Thành và 8 người khác bị phạt đánh 40 gậy trước công đường, tịch thu gia sản, cả nhà phải lưu đầy đi Ninh Cổ Tháp. Phương Hiếu Tiêu cũng bị lưu đầy theo.

Khi Khang Hy lên ngôi ra lệnh đại xá thiên hạ, cha con Phương Hiếu Tiêu cũng được đại xá trở về quê.

Năm Khang Hy thứ 12 (1673) Phương Hiếu Tiêu có người bạn thân làm quan trong phủ Quý Dương, Phương Hiếu Tiêu vốn có ý định đi du ngoạn ở vùng Vân Quý, nhân cơ hội này xuống phía Nam, phần có thể chiêm ngưỡng danh lam thắng cảnh, lĩnh hội nhân tình thế thái, đồng thời muốn gặp lại được bạn thân cũ lại có nơi tá túc, nhờ vả. Nhưng khi ông đến, lại không may vừa lúc Bình Tây Vương Ngô Tam Quế khởi binh chống lại nhà Thanh ở Vân Nam. Phương Hiếu Tiêu lại bị Ngô Tam Quế bắt tổng giam vào ngục. Ở trong ngục, Phương Hiếu Tiêu giả bệnh si ngổ và mê man chờ chết, nhân lúc lính coi ngục không chú ý, ông đã trốn chạy về quê

Lần ngao du này tuy gặp nhiều gian khổ, nhưng ông cũng thu hoạch hiểu biết thêm được nhiều điều. Ông thu thập được không ít sử liệu về chính quyền Nam Minh Ngô Tam Quế (Quế Vương). Về nhà, ông viết luôn quyển "Điểm Kiềm ký văn" ghi chép lại tương đối tỉ mỉ chính sự của vương triều Tam Quế nhà Minh ở phương Nam.

Nghe nói có một số chỗ ông còn phóng bút viết cả niên hiệu "Vĩnh Linh" mà vương triều Tam Quế

đã sử dụng. Sau khi Phương Hiếu Tiêu chết, quyển "Điền Kiềm ký văn" là một phần của bộ sách "Thuần Trai văn tập" của Phương Hiếu Tiêu được tách ra in riêng nhưng người đương thời không chú ý đến.

Nhưng có một danh sĩ nổi tiếng ở Đồng Thành là Đới Danh Thế (1653-1713) đọc xong bộ sách này, đã chú ý đến sử liệu nhà Nam Minh nên đã tích cực hiệu đính lại. Khi phát hiện được một số ghi chép không đúng sự thật của quyển "Điền Kiềm ký văn" ông quyết tâm đính chính lại sự thật lịch sử thời Nam Minh.

Sau đó, học trò của Đới Danh Thế là Xa Trạm tình cờ gặp một vị hoà thượng là Lê Tri, theo vị hoà thượng này nói thì ông ta từng làm quan trong triều đình và hầu hạ Quế vương Chu Do Lang.

Năm Vĩnh Lịch thứ 15 (Năm Thuận Trị thứ 18 nhà Thanh tức năm 1661), Quế Vương bị Ngô Tam Quế hại, ông ta chạy khỏi cung đình, lang bạt rồi trở thành nhà sư đi chu du thiên hạ. Xa Trạm chịu ảnh hưởng của Đới Danh Thế cũng chú ý đến thu thập sử liệu triều Minh bèn hỏi han về sự thật lịch sử thời Quế Vương. Sau đó Xa Trạm báo lại với Đới Danh Thế, Đới Danh Thế nghe xong càng hứng khởi quyết tâm tự mình tìm hiểu sự thật qua Lê Tri. Nhưng Đới Danh Thế đã bị hụt hẫng vì Lê Tri đã lại đi chu du rồi khó mà gặp được. Thất vọng, Đới Danh Thế viết thư cho Xa Trạm nhờ Xa Trạm kể lại những gì đã nghe được qua Lê Tri gửi cho ông.

Không lâu sau, Xa Trạm chỉnh lý lại những gì Lê Tri đã nói rồi gửi cho Đới Danh Thế. Đới Danh Thế lấy tư liệu này của Lê Tri đối chiếu với tư liệu đã có trong sách "Điền Kiềm ký văn" và phát hiện có không ít sự kiện đối chọi nhau nên không thể lựa chọn được. Thế rồi Đới Danh Thế lại viết thư cho Xa Trạm. Trong thư nói:

"Thuở trước, khi nhà Tống diệt vong, chỉ hoạt động ở một dải đảo nhỏ nhoi bên bờ dốc núi mà thời gian lại rất ngắn. Mặc dù vậy, sử sách vẫn ghi chép lại tương đối tỉ mỉ sự việc đã qua của nó. Sau khi nhà Minh diệt vong, vua Hoảng Quang xưng đế ở Nam Kinh, duy trì được một năm. Lang Vũ đế xưng vua tại Mâu Việt duy trì được một năm rưỡi mà vua Vĩnh Lịch (Tức Quốc vương Chu Do Lang) hoạt động được 30 năm ở vùng Lưỡng Quảng, chiếm một vùng đất hàng nghìn dặm vuông. Theo đại nghĩa "Xuân Thu" lẽ nào không được như Triệu Bính nhà Tống bên sườn núi xa? Nhưng do sử sách ghi chép thiếu sót nên một giai đoạn sự thật lịch sử này dần dần mai một, thất truyền đi.

Sau gần một năm, kiểm chế sáng tác văn chương của triều đình cũng dần dần được nói rộng, nhưng cũng còn rất nhiều chỗ phải né tránh kị húy, nên một số người biết rõ về sự thực lịch sử cuối thời nhà Minh có ghi chép lại nhưng không dám công khai, vì vậy những ghi chép tuy rất không toàn diện này, không có người thu thập chỉnh lý, để lâu về sau sẽ thành chim trời cá nước biết đâu mà tìm. Điều nữa là các lão tướng, binh sĩ, gia đình, cự thần, tiện dân thời đó cũng dần chết đi, sẽ không cung cấp được tư liệu có thể tham khảo ghi chép lại. Cứ như thế những người biết rõ sự thực lịch sử ngày một ít đi. Đến lúc đó thì những kinh nghiệm và bài học thành bại, được mất của lịch sử cũng như những sự tích của một số trung thần nghĩa sĩ đều không thể truyền lại cho hậu thế. Điều này khiến người ta phải than thở xót xa.

Thời đại nhà Minh suốt 300 năm không có Quốc sử, hồ sơ, tư liệu, thư tịch của triều đình cũng bị thất tán dần, mà bút tích đã sử lưu truyền thời đó lại đều khuyết tán không hoàn chỉnh hoặc bình luận cũng không đáng tin cậy. Ta tuy học vẫn không có gì nhưng có chí muốn biên soạn rõ ràng, chính xác và thành công một bộ thông sử thời đại triều Minh. Nhưng ta lực mỏng, đơn độc, không thể thu thập tư liệu rộng rãi được, nên thường lo lắng không thể thực hiện được chí hướng của mình. Đến việc ghi chép lại lịch sử chính xác của một triều đại cũng không viết được thì lại càng khó để ghi chép lại sự thật lịch sử của các triều đại của nhà Nam Minh.

Trước đó không lâu, Hàn Lâm viện đã tới các châu huyện thu thập sách sử liên quan đến thời đại nhà Minh, nhưng từ sau thời Vạn Lịch, những sự thật liên quan của cuộc chiến tranh giữa hai nhà Minh,

Thanh đều không dám trình tâu lên Vua. Các sử quan mới tập hợp thư mục, còn chưa hoàn chỉnh đã có rất nhiều bút ký đã sử có giá trị mà họ chưa biết. Vì vậy Hàn Lâm viện muốn biên tập một bộ Minh sử hoàn chỉnh thì thực tế rất khó khăn.

Ta đã nghiên cứu Minh sử từ lâu, nhưng ta đi hơi ít, hiểu biết thực tế còn nông cạn nhưng ta sẽ cố gắng hết sức mình. Túc hạ nếu biết được Lê Tri ở đâu thì đừng ngại cứ thay ta mời ông ta đến để ta có thể tìm hiểu kĩ thêm về sự thật lịch sử thời Quế Vương.

Xa Trạm sau khi nhận được thư của Đới Danh Thế liền hỏi dò khắp nơi tin tức về Lê Tri. Nhưng cuối cùng vẫn không tìm ra dấu vết. Vì thế Xa Trạm không mời được Lê Tri.

Đới Danh Thế vẫn còn có một học trò tên là Vu Văn Ngạc, cũng thường ca ngợi văn bút của thầy, đến nay trước sau đã sao chép được hơn 100 bài văn chương của Đới Danh Thế. Năm Khang Hy thứ 41 (1702) Vu Văn Ngạc đang định biên tập thêm những bản thảo đã thu thập ' được để khắc in. Do Đới Danh Thế ở Nam Sơn Cương, bèn lấy tên sách là "Nam Sơn tập ngẫu sao" mọi người thường gọi tắt là "Nam Sơn tập". Trong đó "Dữ Dư sinh thư" kể trên cũng được thu thập và ghi chép toàn văn. Sau khi "Nam Sơn tập" khắc in và dự định lưu hành. Đới Danh Thế rất phấn khởi, ông có nằm mơ cũng không nghĩ tới. Và cái gốc tai hoạ cũng ập xuống từ đây.

Năm Khang Hy thứ 44 (1705) Đới Danh Thế đã 53 tuổi, ông tham gia thi Hương ở phủ Thuận Thiên và đã đỗ đạt. Bốn năm sau, lại tham gia thi Hội và đỗ đệ nhất danh công sĩ. Khi thi Đình lại đỗ cao nhất Giáp đệ nhị danh tức bằng nhỡn và được phong chức Biên tu Hàn Lâm viện. Lúc đó, con của Tả Đô Ngự sử Triệu Thân Kiều là Triệu Hùng Chiêu lại đỗ Trạng nguyên, mọi người xôn xao bàn tán, nhiều người cho rằng Đới Danh Thế là người học rộng chắc sẽ lại chiếm đệ nhất danh và giành Trạng nguyên luôn. Ai ngờ người giành được Trạng nguyên lại là Triệu Hùng Chiêu người còn kém xa tài danh Đới Danh Thế. Trong kinh loan tin Triệu Thân Kiều mua bán thi cử, nhờ người giúp đỡ. Để dẹp đi dị nghị của mọi người và thay đổi cách nhìn nhận đó, vốn là người nổi tiếng về sự trừng trị người ngay nên Triệu Thân Kiều quyết định trước hết phải không ché, sau tiến tới tiêu diệt Đới Danh Thế bằng việc làm mờ ám lương tâm.

Năm Khang Hy thứ 50 (1711) Tả Đô Ngự sử Triệu Thân Kiều lấy cớ dùng quyền "Dữ Dư Sinh thư" trong "Nam Sơn tập" để dâng sớ tố cáo Đới Danh Thế, trong sớ tố cáo của Triệu Thân Kiều chỉ rõ:

"Biện Hàn Lâm viện Đới Danh Thế đã uống phí văn tài, phóng túng ngông cuồng, bất cần. Trước đây, thời còn đi học, tự ý khắc văn tập khua môi múa mép, lẫn lộn phải trái, từ ngữ bội phần ngông cuồng, những lời hấn nói ra đều xa rời kinh thánh, phản lại đạo đức. Mục đích cuối cùng là tạo nên sách phản và trục lợi. Vì vậy những người có học đều cười chê sự viển vông của hấn. Bạn bè đồng liêu cũng chê trách sự lầm lẫn của hấn, thế mà hấn vẫn không biết để hối cải.

Hiện nay, Đới Danh Thế mang ân sâu của nhà Vua, đỗ cao, đạt bằng Nhỡn nhưng vẫn chưa nhận ra lỗi lầm của mình trước đây, huỷ bỏ sách vở, chấm dứt những hành động ngông cuồng. Con người như hấn sao có thể để cho ở nơi trong sạch như Hàn Lâm viện được? Thần và Đới Danh Thế vốn không có thù hận gì, nhưng sự liên quan đến phép nước, không dám che giấu. Vì vậy dâng sớ tố cáo. Kính mong Bệ hạ giao cho bộ Hình xét xử nghiêm khắc để sau này không còn những kẻ ngông cuồng bất kính nữa".

Khang Hy tiếp biểu xong, giao ngay cho bộ Hình nhanh chóng tra xét. Đồng thời lệnh cho bộ Hình xét xong phải tâu lên ngay. Lúc này, một số người vốn vẫn oán hận Đới Danh Thế nhân cơ hội ném đá ném giầu tay, khiến Đới Danh Thế bị bắt ngay và bị thẩm vấn nghiêm khắc. Bộ Hình nhanh chóng làm rõ sự việc, qua quá trình làm sách "Nam Sơn tập" cũng như tình hình chịu ảnh hưởng sách "Điền Kiềm ký văn" của Phương Hiếu Tiêu đối với Đới Danh Thế. Thế là hai họ Phương Đới và tất cả những người tham gia in ấn, đề tựa sách "Nam Sơn tập" đều bị bắt giữ, mấy ngày sau, bộ Hình báo cáo kết quả thẩm vấn lên vua Khang Hy:

Trong tấu biểu, bộ Hình viết:

"Thông qua hình thẩm, Đới Danh Thế khai nhận "Khiết di lục" của "Nam Sơn tập" là do Phương Chính Ngọc khắc in, còn lại đều do Vu Văn Ngạc. Các lời tựa là của Ưng Cảnh, Phương Bao, Phương Chính Ngọc, Chu Thư, Vương Nguyên đều do họ tự viết. Lưu Nham không viết lời tựa. Trong "Dữ Dư sinh thư" có nói đến Phương Học Sĩ tức Phương Hiếu Tiêu. Ông ta đã dùng niên hiệu "Vĩnh Lịch" trong "Điền Kiềm ký văn". Đới Danh Thế xem xong sách này đã dùng lại rất nhiều câu nói nghịch tử trong đó.

Xét trong "Nam Sơn tập" của Đới Danh Thế, hắn đã loại bỏ niên hiệu của bản triều mà lấy niên hiệu "Vĩnh Lạc". Như vậy, Đới Danh Thế theo pháp luật phải chịu tội lăng trì, em hắn là Đới Bình Thế tội chém đầu còn ông cha, con cháu, chú bác, anh em tất cả đều phải tới bộ Hình và chịu tội chém đầu. Còn mẹ vợ, con, thê, thiếp, chị em, con cái của cô dì chú bác là nữ từ 15 tuổi trở lên đều phải đi hầu các quan đại thần khác.

Phương Hiếu Tiêu vốn tôn sùng các niên hiệu "Huyền Quang", "Long Khánh" "Vĩnh Lịch" là kẻ đại nghịch bất đạo, theo vương pháp phải chịu tội lăng trì. Nhưng hắn đã chết vẫn phải quật mồ xé xác phân thân, chôn chung, tịch thu gia sản. Các con hắn là Phương Doãn Phong, Phương Văn Lữ, Phương Thế Tiêu đều xử tội chém đầu, những người trong dòng họ, bất kể đang ở thời kỳ chịu tang chỉ trừ số nữ nhi ngoại tộc còn tất cả phải lưu đầy đi Hắc Long Giang. Lưu Nham cùng vợ con phải lưu đầy xa 3000 dặm, khi tới nơi còn phải bị đánh phạt 40 gậy. Xa Trạm và một số người khác sau khi bắt được sẽ lại xử tiếp. Vương Nguyên, Chu Thư đã chết bệnh được miễn xử lý. Ngoài ra, cho đốt huỷ hết sách "Nam Sơn tập", thông tư đi khắp các tỉnh đều phải khám xét nếu phát hiện thấy sách của Phương Hiếu Tiêu và Đới Danh Thế sáng tác thì đều phải huỷ bỏ".

Căn cứ tấu biểu của bộ Hình, vua Khang Hy cho rằng vụ án quá nghiêm trọng, bèn triệu tập Cửu Khanh nghị án, đồng thời ra chiếu chỉ: Họ

Phương trong vụ án đều là một lũ phản loạn, Phương Quang Thêm đầu hàng theo Ngô Tam Quế làm ngụy tướng, Phương Hiếu Tiêu cũng từng làm sứ giả cho Ngô Tam Quế. Dòng họ này quyết không thể để lại được.

Căn cứ vào ý chỉ của Vua, Hình bộ thượng thư và Hội nghị Cửu Khanh thảo luận, Cửu Khanh đưa ra ý kiến:

Phương Hiếu Tiêu mắc bệnh cuồng điên, đáng thương đã viết "sách nghịch" lại đến Đới Danh Thế cố tình vận dụng sai thêm rồi cho in ấn phát hành, lưu truyền. Trong sách có nhiều câu chữ ngông cuồng, bất chấp trung hiếu đại nghĩa. Đây là quốc pháp, Phạm vào tội trời đất khó dung phải xét xử trừng phạt nghiêm khắc.

Từ đó vụ án chỉ còn đợi vua Khang Hy phán quyết. Khang Hy xem xét căn cứ bộ Hình xét xử thì phải có hơn 300 người bị tội hình, như thế hình phạt quá nặng, liên lụy cũng quá rộng. Không có lợi cho việc nhà Thanh đang mua chuộc lòng người, thế rồi mấy lần xuống chỉ khoan hồng giảm tội.

Năm Khang Hy thứ 52 (1713) ra quyết định cuối cùng. Xử chém Đới Danh Thế, phạt lưu đầy hai họ Phương, Đới buộc đi Hắc Long Giang, những người như Vu Văn Ngạc, Phương Bao... bị giam vào Bát kỳ, còn lại các quan không được bàn tán gì nữa. Việc xử lần này so với vụ án Trang Đình Long cách đây 50 năm thì đã rộng lượng hơn nhiều. Đây có thể do những năm cuối đời Khang Hy, chính sự nhà Thanh sáng suốt, xã hội ổn định, có liên quan đến đại cục sự ổn định thống trị của triều đình nhà Thanh. Trong tình thế như vậy cũng không cần phải giết chóc để thị uy nữa.

Đới Danh Thế có ý chí muốn viết được một bộ Minh sử nhưng lại sai lầm về thời cơ, trong quá trình thu thập tư liệu và ghi chép lịch sử đã đưa ra một số sự kiện mạo phạm đến những huy kị của nhà Thanh nên bản thân bị giết lại còn liên lụy đến nhiều người bất hạnh khác. Sách viết chưa thành mà đã chịu đại họa như vậy thật là một vụ án oan hiếm thấy.

5. Chín mươi hai oan tội bị bức tử

"Tứ tử" là loại hình phạt đặc biệt của xã hội phong kiến Trung Quốc, là sự thể hiện của đạo đức, luân lý phong kiến "Vua bảo thần chết thì thần phải chết". Thế mà đã có bao nhiêu công thần lương tướng bị xử tội "Tứ tử"? Vào thời Ung Chính nhà Thanh, Niên Canh Nghiêu bí khép tội "tứ tử" rồi tự sát chết. Ông chính là đại biểu cho việc bị giết oan của một đại thần khi lập nhiều công lao lần ất cả Minh chủ.

Niên Canh Nghiêu (? - 1726) tự là Lượng Công, hiệu là Song Phong xuất thân trong một gia đình quan lại, cha làm tuần phủ Hồ Bắc. Năm Khang Hy thứ 39 (1700) Niên Canh Nghiêu đỗ tiến sĩ được cử làm Thứ Cát sĩ. Sau thuyên chuyển làm Hàn lâm kiểm thảo, ông rất giỏi văn và đã được làm Chủ khảo thi Hương của hai tỉnh Tứ Xuyên và Quảng Đông, rồi lại chuyển làm Nội các học sĩ.

Năm Khang Hy thứ 48 (1709) Niên Canh Nghiêu được thăng làm tuần phủ Tứ Xuyên, năm Khang Hy thứ 56 (1717) Cát Nhĩ Đan Diệt kích động A Thích Bố Thản phản loạn, giết chết Lạp Tàng Hãn Đề đốc Tứ Xuyên, Khang Thái dẫn quân đi dẹp. Nhưng trên đường đi binh sĩ lại bất ngờ nổi loạn, Khang Thái đành phải rút về. Niên Canh Nghiêu biết được, một mặt sai Tham tướng Dương Tận Tín phủ dụ trấn an binh sĩ, mặt khác mật báo về triều đình. Đồng thời xin được tự mình đến Tùng Phạm giải quyết việc này. Vua Khang Hy khen ngợi Niên Canh Nghiêu tận tâm làm việc, rồi phái Đô thống Pháp La dẫn binh vào Tứ Xuyên giúp ông dẹp phản loạn. Tháng 6 năm Khang Hy thứ hai, do Tuần phủ không có quyền sử dụng binh lính mà ở Tứ Xuyên việc quân lại rất quan trọng nên đã thăng chức cho Niên Canh Nghiêu làm Tổng Đốc Tứ Xuyên kiêm việc Tuần phủ đốc quân Tứ Xuyên vào Tây Tạng dẹp loạn. Năm Khang Hy thứ 59 (1720) Niên Canh Nghiêu được thụ phong chức Định tây tướng quân rồi cùng với Bình nhệch tướng quân Diên Tín hợp quân cùng nhau dẹp loạn. Năm sau Niên Canh Nghiêu vào châu Vua. và lại được giữ chức Tổng đốc Tứ Xuyên, Thiểm Tây, lại ban thưởng cho cung tên và nhiều vật phẩm khác.

Niên Canh Nghiêu trên cương vị Tổng đốc Tứ Xuyên, Thiểm Tây đã nhiều lần đề xuất kế sách củng cố biên thủy. Năm Khang Hy thứ 60 (1721), Quách La Khắc ở Thanh Hải đã nhiều lần cướp bóc, những nhiều biên thủy, Vua Khang Hy ra lệnh cho Niên Canh Nghiêu quan sát tình hình và tìm ra kế sách chinh phạt. Niên Canh Nghiêu phân tích tình hình biên cương và đề xuất kế hoạch, ông nói: "Sào huyệt của Quách La Khắc có ba chỗ hiểm yếu đều có vách đá hiểm trở, khó có thể công thủ. Dùng binh đối với loại địa hình này nên dùng bộ binh, không dùng được kỵ binh. Nếu dùng đại quân tiến đánh thì Quách La Khắc chỉ nghe tin đã ngầm chuẩn bị phòng ngự, chỉ bằng lấy cách dùng Phiên đánh Phiên. Thần vốn đã biết rõ các thủ tự như Ngõa Tư, Tạp Cốc đang rất hận Quách La Khắc đã cướp phá khắp nơi nên mong muốn được ra quân giúp sức. Vì vậy cần phải điều Đô đốc Nhạc Trung Kỳ dẫn quân vào Tùng Phạm đốc thúc quân sĩ giết giặc".

Vua Khang Hy ủng hộ kế hoạch của Niên Canh Nghiêu. Tháng 12 Nhạc Trung Kỳ thống lĩnh quân sĩ đánh bại hàng ngàn quân mai phục của Quách La Khắc, đánh phá hơn 40 trại quân Phiên, chém chết hơn 300 tên, bắt sống tướng giặc, hàng phục quân sĩ.

Khi vua Ung Chính lên ngôi, do có công giúp Ung Chính kế vị, nên năm Ung Chính Nguyên niên (1723) Niên Canh Nghiêu được phong chức Phủ viễn Đại tướng quân, chỉ huy việc quân vùng Tây Bắc, lúc đó triều đình ra lệnh giải tán quân Thanh đóng ở vùng Tây Tạng. Niên Canh Nghiêu đề xuất 8 điều kiến nghị để giải quyết tốt việc rút quân khỏi Tây Tạng. Sau khi xem xét, bộ Binh hoàn toàn đồng ý với kiến nghị của Niên Canh Nghiêu.

Tháng 8 năm Ung Chính Nguyên niên (1723), La Bộc Tạng Đan ở Thanh Hải lại phản loạn, xâm

lấn cướp bóc các chư bộ ở Thanh Hải. Tháng 10 Niên Canh Nghiêu tự dẫn quân từ Cam Châu đến Tây Ninh để dẹp loạn. Niên Canh Nghiêu điều binh khiển tướng, chỉ huy hợp lý, tiến thoái đúng thời cơ nên đến năm sau thì dẹp xong bọn phản loạn. Sau này Niên Canh Nghiêu lại dâng sớ đề xuất 8 điều kiến nghị. Mục đích nhằm tăng cường sự thống trị của Nhà Thanh đối với các vùng Thanh Hải, Cam Túc, Tân Cương v.v... Đồng thời tổ chức đồn điền, khai hoang vùng Tây Bắc biên cương. Ít lâu sau, Niên Canh Nghiêu lại đề xuất 13 điều kiến nghị sau khi làm xong việc ở Thanh Hải.

Vua Ung Chính xem xong tấu biểu vô cùng phấn khởi nói: "Từ khi phản tặc La Bộc Tạng Đan bội bạc, vứt bỏ ân nghĩa của nhà vua, tụ tập đồng bọn xâm phạm biên cương, trẫm đã lệnh cho Niên Canh Nghiêu chọn thời lựa thế chỉ huy tướng sĩ, quét sạch phản quân. Niên Canh Nghiêu làm việc hăng hái hết sức đã nhanh chóng báo tin thắng trận, nay lại đề xuất cách rút quân toàn vẹn, các phương châm kế sách. việc sắp xếp hợp tình hợp lý, chu đáo tỉ mỉ của ông ta, ta xem xong vô cùng phấn khởi". Vì vậy đã ra lệnh làm theo kế sách của Niên Canh Nghiêu. Tháng 10 năm đó, Niên Canh Nghiêu yết kiến nhà Vua và được nhà Vua ban thưởng lông đuôi chim công có hình song nhãn (hai mắt), 4 bộ long bào phục, đai vàng, dây cương màu tím và vô số vàng bạc. Việc ban thưởng này vào thời kỳ đó là niềm vinh hạnh lớn của các quan lại.

Niên Canh Nghiêu dẹp yên vùng Tây Tạng đã lập nên công trạng rất lớn, đã nhiều lần được ban thưởng. Ông được phong là Nhất Đẳng công thần; hai người con cũng được phong Nhất Đẳng tử tước và Nhất Đẳng nam tước. Gia tộc nhà ông là Tang Thành Đỉnh cũng được làm Trục lệ thủ đạo. Ngụy Tri Diệu cũng bình công, được giữ chức phó tướng.

Nhưng đây cũng không phải vì Niên Canh Nghiêu chỉ tín nhiệm và đề cử người thân. Căn cứ vào ghi chép của lịch sử thì Niên Canh Nghiêu dùng người rất sáng suốt.

Vào hai đời vua Khang Hy và Ung Chính, rất coi trọng sử trị, Vua Khang Hy mỗi lần phát hiện trong tấu biểu của các quan trong triều có câu chữ bịa đặt, a dua thì đều vô cùng tức giận. Đồng thời truyền dụ trong tấu biểu không được dùng những từ xiêm nịnh. Vua Ung Chính nhiều lần khiển trách quan lại hủ bại, cho rằng trị thiên hạ lấy việc dùng người làm cơ bản. Lệnh cho các quan trong triều phải bảo vệ phát hiện tiền cử người hiền tài, đồng thời chủ trương tăng cường kiểm tra quan lại để thanh loại những quan chức không xứng đáng.

Về sau nghe nói Niên Canh Nghiêu trong hành doanh ở Tây Vực thường dùng người theo lợi ích cá nhân, nhưng Tư Lại bộ không biết vì lý do gì không tấu trình, nên rất tức giận và lệnh cho bộ Lại tra xét nghiêm túc. Nhưng thấy Niên Canh Nghiêu tiền cử toàn là những người có tài đức và đó chính là một trong những nguyên nhân giúp ông lập nên những chiến công. Ví dụ như năm Ung Chính Nguyên Niên(1723) khi ở Thanh Hải xảy ra phản loạn, Niên Canh Nghiêu đã dâng biểu tiền cử Đề đốc Tứ Xuyên Nhạc Trung Kỳ làm Tham tán đại thần. Nhạc Trung Kỳ là người trầm tính, cương nghị nhiều mưu lược lại chỉ huy tướng sĩ rất nghiêm và lại cùng đồng cam cộng khổ với binh sĩ. rất được lòng người, quân sĩ một lòng một dạ theo ông, ông ta đã nhiều lần lập công, đến đời vua Càn Long ông ta là một trong những vị tướng tài có nhiều công trạng to lớn. Lại như Hồ Kỳ Hằng là cử nhân đời vua Khang Hy năm thứ 44 (1705) từng làm Thông phán ở Biện Châu, vì có tài "Thông hiểu triều chương quốc chính, mẫn tiệp, văn võ song toàn" nên được Niên Canh Nghiêu ngưỡng mộ và được tiền cử làm Tri phủ Biện Châu, sau lại tín nhiệm làm Xuyên Đông đạo Thiêm Tây Bố chính sử Cũng như vậy, đối với những loại người không có tài cán gì, dù có là quan hệ thân thích gần gũi, Niên Canh Nghiêu cũng không bao giờ tùy tiện sử dụng. Khi Niên Canh Nghiêu ở vị trí là Phủ viện Đại tướng quân thì có một người con của thầy giáo dạy ông từ thuở nhỏ là Uông Mỗ Nhân, anh ta vất vả trải qua ngàn dặm xa xôi để đến Thiêm Tây bá kiến Niên Canh Nghiêu, anh ta hy vọng sẽ được làm một chức quan nho để kiếm sống và nuôi gia đình. Khi con thầy Uông đến muốn vào tướng phủ nhưng vẫn chưa được gọi vào. Mãi hơn một tháng sau, anh ta mới được gọi đến, anh ta vào đến tướng phủ, trông thấy vệ binh giáo mác

sáng lóe, sợ đến thót tim, mặt cắt không còn hạt máu. Khi nhìn thấy Niên Canh Nghiêu, anh ta vội vàng quỳ sụp xuống không nói lên lời. Niên Canh Nghiêu giận ra mặt, lạnh lùng quát mắng: "Ta đã sớm làm cho con của thầy giáo ta kinh sợ hồn bay phách lạc mất rồi, giờ đây ta mới biết người dung tục đến vậy thật là đã làm tổn thương đến kỳ vọng của thầy ta rồi. Nhà người lại không chịu ở nhà phụng dưỡng mẹ già mà lại đến cầu xin chút quan chức. Triều đình chọn người làm quan đâu có thể sử dụng được người? Ta cũng không có tiền của gì để giúp người đâu". Sau đó Niên Canh Nghiêu cho vệ sĩ áp giải anh ta về quê.

Niên Canh Nghiêu không phải là người bạc bẽo vô tình, trước khi người con của thầy giáo tới thì ông đã biết tin nên vội sai người đến tận quê anh ta nghe ngóng, tình hình được biết anh ta ngu dốt, lỗ mãng, bất tài, không thể dùng được. Song nặng nghĩa thầy trò, ông sai người đem một vạn lạng bạc đến biếu để vợ con thầy được sung túc. Ngược lại ông còn cố ý ác khẩu với người con của thầy giáo để răn đe tham vọng làm quan của anh ta. Từ cách xử sự này: có thể thấy được Niên Canh Nghiêu sử dụng người tài không nặng về tình nghĩa, quan hệ mà trọng tài cán của họ.

Nhưng việc dùng người vẫn chỉ là đặc quyền của nhà vua, nên việc tuyển chọn người của Niên Canh Nghiêu đã làm cho vua Ung Chính hết sức lo lắng. Ông ta quyết định phải hạn chế, tiến tới thủ tiêu quyền lực của Niên Canh Nghiêu.

Năm Ung Chính thứ 3 (1725) quan tuần phủ Tử Châu Thái Đĩnh, trước đây bị Niên Canh Nghiêu vạch tội, cách chức rồi giao cho Giám trăm hậu giải về kinh xử tội. Nhưng được bộ Hình dâng tấu xin nên cứ tống giam vào ngục. Nay để tìm hiểu tính tình của Niên Canh Nghiêu ở vùng Tây Bắc, vua Ung Chính quyết định gặp người đã là kẻ thù, là địch thủ chính của Niên Canh Nghiêu.

Không cần nói cũng đã biết người đã bị Niên Canh Nghiêu vạch tội xử lý giao cho Giám trăm hậu nói những gì. Thái Đĩnh được gặp nhà Vua, hấn tâu trình với Vua vì trước đây để chống lại những hành vi phạm pháp của Niên Canh Nghiêu nên bị ông ta vu cáo hãm hại. Hấn còn kể tường tận, tỉ mỉ những việc làm sai trái tệ hại của Niên Canh Nghiêu. Vua Ung Chính sớm đã muốn tước đoạt quyền lực của Niên Canh Nghiêu nên những lời tố cáo của Thái Đĩnh rất hợp với ý ông ta. Vì vậy, vua Ung Chính hạ chiếu miễn tội cho Thái Đĩnh đồng thời cất nhắc hấn làm Tả đô Ngự sử.

Cách xử lý này, ngoài ý tưởng tượng của mọi người, còn cách giải thích việc này của vua Ung Chính thì đã nói rõ lòng dạ phức tạp của ông ta, đã ghét hận đại thần công cao lấn chủ. Trong chiếu dụ, ông ta chỉ rõ: "Thái Đĩnh do bị Niên Canh Nghiêu sàm tấu, nếu như xử tội Thái Đĩnh thì mọi người cho rằng trăm nghe lời Niên Canh Nghiêu mà giết ông ta! Cái gốc quyền uy của Triều đình lại chọ đại thần thao túng, như vậy còn gọi gì là đạo lý nữa?" Đối với vụ án Thái Đĩnh mà nói, việc thực sự không phạm tội cũng không quan trọng, việc nhà vua và đại thần ai là người thao túng quyền lực mới là điều mấu chốt, mới quyết định xử lý án kiện như vậy. Đó chính là sự lô gích của vị Hoàng đế chuyên chính.

Thái Đĩnh được phong làm Tả đô Ngự sử chính là tín hiệu nguy hiểm đã phát ra đối với Niên Canh Nghiêu. Vua Ung Chính muốn dùng Thái Đĩnh để đối phó với Niên Canh Nghiêu. Ít lâu sau, người được Niên Canh Nghiêu tiến cử phong chức Tuần phủ Cam Túc là Hồ Kỳ Hằng về kinh, Ung Chính bèn mượn cớ cho rằng Hồ Kỳ Hằng là người rất bỉ ổi, sơ tâu trước đây sai lầm, hoang đường rồi cách chức ông ta. Tiếp đó lại ra lệnh quản thúc Niên Canh Nghiêu tại vùng Tây Bắc. Từ đó địa vị của Niên Canh Nghiêu ngày càng nguy khốn.

Tháng 4 năm Ung Chính thứ 3 (1725) Vua Ung Chính lại truyền dụ nghiêm khắc phê phán những việc làm của Niên Canh Nghiêu ở vùng Tây Bắc và cuối cùng quyết định: "Trước đây, Niên Canh Nghiêu không hồ đồ vô lý như vậy. Nay do cậy mình có công, cố ý lười nhác, đùa giỡn hoặc giết chóc quá nhiều vì vậy đầu óc đen tối, thù hận. Lẽ nào còn để ông ta giữ chức Tổng đốc nữa? Xét thấy ông ta vẫn còn có thể huấn luyện binh sĩ, giảng chức xuống làm Hàng Châu tướng quân".

Giật đồ bìm leo, sau khi Niên Canh Nghiêu thất sủng, các văn quan võ tướng, những người trước

đây đã theo ông nhiều năm, nhiều lần được ông tiền cử trọng dụng nay vì bảo vệ tính mạng và chức sắc của mình, đã cắt đứt quan hệ với ông đều nhao nhao tố cáo Niên Canh Nghiêu. Tuần phủ Sơn Tây Y Đô Lập tố cáo Niên Canh Nghiêu tư lợi chiếm kho muối ăn, tự ý chiếm dụng và thu thuế muối. Phạm Thời Tiếp nguyên Tuần phủ Tây An đã tố cáo Niên Canh Nghiêu giết oan nhiều người lại tố cáo ông 5 việc về lừa bịp, bùng bít, tham lam vô độ, đồng thời đề nghị bắt hết đồng bọn và nghiêm trị. Vua Ung Chính hạ lệnh cho bộ Lại nghị xử. Bộ Lại kiến nghị cách chức Niên Canh Nghiêu nhưng bảo lưu tước vị của ông. Vua Ung Chính lập tức bác bỏ: "Niên Canh Nghiêu đã phạm rất nhiều trọng tội, dù có chặt đầu hắn cũng không thể làm nhẹ bớt tội lỗi đã qua". Đồng thời thu hồi chức Thượng thư bộ Lại của Khoa Long Đa, lệnh cho bộ Lại xử tiếp. Để tỏ rõ ý của mình, vua Ung Chính cho triệu kiến Cửu Khanh, truyền dụ: "Niên Canh Nghiêu đã bất chấp được Vua ân sủng, đã lộng quyền hối lộ, tác oai tác phúc, cả gan lừa dối bùng bít, nhắm tâm vong ân phụ nghĩa, hắn coi vương pháp như cỏ rác, trăm sao có thể cố sức phí công nuôi dưỡng gian thần? Những kẻ thuộc hạ của hắn hoặc hy vọng hắn tiến cử, hoặc lo sợ hắn báo thù bức hại mà phải theo hắn dẫn mãi vào con đường tội lỗi. Nay cần phải đập tan vây đảng, cải tà quy chính. Nếu ngoan cố không chịu hối cải sẽ định tội đảng nghịch". Từ đó, ý đồ của Ung Chính đã quá rõ ràng, việc sống chết của Niên Canh Nghiêu đã được quyết định, còn cái gọi là xét xử của bộ Lại chỉ là lớp vỏ ngoài khoác lên thân ý cá nhân của nhà Vua mà thôi.

Nhưng do lúc đó tin tức truyền đi rất chậm, Niên Canh Nghiêu không biết ý đồ của nhà Vua. Ông không cam chịu làm chức quan nhàn ở Hàng Châu, còn muốn làm được việc gì đó cho đất nước.

Ông đến Nghị Chính liền dâng sớ đề xuất: "Thần không dám ở Thiêm Tây lâu, lại không dám đến thẳng Triết Giang. Nay ở Nghị Chính, đây là đất tốt, tiện việc giao thông thủy bộ để giành thắng lợi. Xin chờ Thánh chỉ". Sớ tâu này đã công khai việc ông cự tuyệt nhận chức Hàng Châu tướng quân.

Việc này làm cho Ung Chính càng thêm kiên định quyết tâm trừ bỏ ông, thế là vua Ung Chính ra lệnh bắt trị tội những kẻ tâm phúc dưới trướng của Niên Canh Nghiêu là Hồ Kỳ Hàng, Tang Thành Đĩnh. Tháng 7, thu hồi hết các đồ đã ban thưởng cho Niên Canh Nghiêu, cách chức tướng quân, sợ ông ở Kinh nhàn hạ bất ổn vẫn phái ông phải đi Hàng Châu.

Lúc này, các quan trong triều cũng dâng biểu đề nghị lấy tội bất trung bất pháp rồi xử cực hình đối với Niên Canh Nghiêu để làm gương. Vua Ung Chính lại kể lại tội của Niên Canh Nghiêu và chỉ rõ: Lời nói của quan lại trong triều là công luận khắp nơi (ngoài triều đình), nhưng việc thưởng phạt là đại sự quốc gia nên phải trung cầu ý kiến của các quan. Nhà vua lệnh cho các tướng quân, Đốc phủ, Đề trấn, phải có ý kiến của mình và tâu lên rõ ràng. Thế là sớ thuộc hạ trước đây của Niên Canh Nghiêu như Nhạc Trung Kỳ, Điền Văn Kính, đều không ngồi yên và cùng nhau nhao nhao vạch tội Niên Canh Nghiêu, tạo thành một cục diện trong ngoài đồng lòng hãm hại Niên Canh Nghiêu.

Tháng 10, Vua Ung Chính đặc ý ra lệnh bắt Niên Canh Nghiêu đưa về kinh hỏi tội. Tháng 11, các vị tướng quân, đốc phủ, đề trấn nhao nhao dâng sớ đề nghị nhanh chóng chém đầu Niên Canh Nghiêu để giữ nghiêm phép nước. Vua Ung Chính lại đưa các sớ biểu này cho Pháp tư xử lý. Không lâu sau, Nghị chính đại thần, Tam pháp tư, Cửu Khanh cùng triều thần họp tâu kể tội Niên Canh Nghiêu: Tội đại nghịch 5 điều, phạm 9 điều tội lừa dối bùng bít, phạm 16 điều tội tiếm quyền, phạm 13 điều tội ngông cuồng trái đạo, phạm 6 điều tội chuyên quyền tự tiện, phạm 6 điều tội đồ kị, phạm 4 điều tội tàn nhẫn gian ác, phạm 18 điều tội tham nhũng, phạm 15 điều tội chiếm, đoạt hối lộ. Tổng cộng phạm 92 điều tội trạng, chiếu theo luật pháp phải xử tội cả 3 họ. Vua Ung Chính cuối cùng phán quyết: "Niên Canh Nghiêu mưu phản là sự thật, nhưng sự việc chưa công khai lộ dấu vết. Trẫm thể tình ông ta lập công ở Thanh Hai nên không nhẫn tâm xuống cực hình". Thế là ra lệnh cho Niên Canh Nghiêu tự vẫn trong ngục. Cha Niên Canh Nghiêu là Niên Hà Linh, anh ca Niên Hy Nghiêu bị bãi quan, con trưởng của ông là Niên Phúc bị giết, các con khác của ông từ 15 tuổi trở lên đều phải trách phạt và lưu đày tới vùng biên cương xa xôi. Cả một thế hệ nhà công thần Niên Canh Nghiêu cuối cùng đã rơi vào thảm

cảnh nhà tan cửa nát.

Năm Ung Chính thứ 5 (1727), Vua hồi tâm nghĩ lại, tự mình thay đổi quyết định, đại xá cho con cháu Niên Canh Nghiêu trở về để cho Niên Hà Linh chăm sóc dạy dỗ, ít lâu sau, Niên Hà Linh bị bệnh chết, vua Ung Chính hạ lệnh khôi phục lại chức quan cho ông và tổ chức lễ an táng cho ông.

Niên Canh Nghiêu đã nhiều lần lập công lớn ở vùng biên thủy tây bắc. Vì củng cố sự thống nhất đất nước, vì sự ổn định của ách thống trị của nhà Thanh ở vùng biên cương tây bắc ông đã lập nên những chiến công hiển hách. Nói ông là vị quan kiêu ngạo, phóng túng, dối trá hoặc tương tự như vậy còn có thể có, nhưng quyết không hề có sự thực mưu phản. Việc này vua Ung Chính cũng đã phải thừa nhận. Nhưng vì sao vua Ung Chính lại nhẫn tâm xuống tay như vậy? Còn bắt ông phải tự vẫn?

Theo người đời sau phân tích: Niên Canh Nghiêu đã cùng với Ung Chính thanh trị nội bộ trong cung đình để tranh giành ngôi vua. Do giúp được Ung Chính kế vị nên ông đã lập được công lao tột đỉnh, vì thế ông được sủng ái tin tưởng như người tâm phúc. Thế nhưng ông lại biết rõ việc Ung Chính thoán đoạt ngôi vị trong hậu cung. Việc này nếu lọt ra ngoài sẽ gây ảnh hưởng không gì cứu vãn được, việc này vẫn còn nguy hiểm đến cả tính mạng của Ung Chính. Vì vậy chỉ cần Niên Canh Nghiêu còn sống thì mối hiểm họa này vẫn còn đó.

Còn Niên Canh Nghiêu lại nhiều lần lập công lớn, tự cao tự đại càng làm cho Ung Chính cảm thấy hiểm họa ngày càng lớn dần lên. Từ đó dần đến có tính toán phải giết đi để diệt hậu họa. Thế rồi cái gọi là mưu phản được dựng lên, chính là cái tội khi dục vọng gia tăng thì không từ bất cứ thủ đoạn nào.

5. Chín mươi hai oan tội bị bức tử

"Tứ tử" là loại hình phạt đặc biệt của xã hội phong kiến Trung Quốc, là sự thể hiện của đạo đức, luân lý phong kiến "Vua bảo thân chết thì thân phải chết". Thế mà đã có bao nhiêu công thần lương tướng bị xử tội "Tứ tử"? Vào thời Ung Chính nhà Thanh, Niên Canh Nghiêu bí khép tội "tứ tử" rồi tự sát chết. Ông chính là đại biểu cho việc bị giết oan của một đại thần khi lập nhiều công lao lớn cả đời.

Niên Canh Nghiêu (? - 1726) tự là Lượng Công, hiệu là Song Phong xuất thân trong một gia đình quan lại, cha làm tuần phủ Hồ Bắc. Năm Khang Hy thứ 39 (1700) Niên Canh Nghiêu đỗ tiến sĩ được cử làm Thứ Cát sĩ. Sau thuyên chuyển làm Hàn lâm kiểm thảo, ông rất giỏi văn và đã được làm Chủ khảo thi Hương của hai tỉnh Tứ Xuyên và Quảng Đông, rồi lại chuyển làm Nội các học sĩ.

Năm Khang Hy thứ 48 (1709) Niên Canh Nghiêu được thăng làm tuần phủ Tứ Xuyên, năm Khang Hy thứ 56 (1717) Cát Nhĩ Đan Diệt kích động A Thích Bồ Thản phản loạn, giết chết Lạp Tạng Hãn Đê đốc Tứ Xuyên, Khang Thái dẫn quân đi dẹp. Nhưng trên đường đi binh sĩ lại bất ngờ nổi loạn, Khang Thái đành phải rút về. Niên Canh Nghiêu biết được, một mặt sai Tham tướng Dương Tận Tín phủ dụ trấn an binh sĩ, mặt khác mật báo về triều đình. Đồng thời xin được tự mình đến Tùng Phạm giải quyết việc này. Vua Khang Hy khen ngợi Niên Canh Nghiêu tận tâm làm việc, rồi phái Đô thống Pháp La dẫn binh vào Tứ Xuyên giúp ông dẹp phản loạn. Tháng 6 năm Khang Hy thứ hai, do Tuần phủ không có quyền sử dụng binh lính mà ở Tứ Xuyên việc quân lại rất quan trọng nên đã thăng chức cho Niên Canh Nghiêu làm Tổng đốc Tứ Xuyên kiêm việc Tuần phủ đốc quân Tứ Xuyên vào Tây Tạng dẹp loạn. Năm Khang Hy thứ 59 (1720) Niên Canh Nghiêu được thụ phong chức Định tây tướng quân rồi cùng với Bình nhậm tướng quân Diên Tín hợp quân cùng nhau dẹp loạn. Năm sau Niên Canh Nghiêu vào châu Vua. và lại được giữ chức Tổng đốc Tứ Xuyên, Thiểm Tây, lại ban thưởng cho cung tên và nhiều vật phẩm khác.

Niên Canh Nghiêu trên cương vị Tổng đốc Tứ Xuyên, Thiểm Tây đã nhiều lần đề xuất kế sách củng cố biên thủy. Năm Khang Hy thứ 60 (1721), Quách La Khắc ở Thanh Hải đã nhiều lần cướp bóc, những nhiều biên thủy, Vua Khang Hy ra lệnh cho Niên Canh Nghiêu quan sát tình hình và tìm ra kế sách chinh phạt. Niên Canh Nghiêu phân tích tình hình biên cương và đề xuất kế hoạch, ông nói: "Sào huyệt của Quách La Khắc có ba chỗ hiểm yếu đều có vách đá hiểm trở, khó có thể công thủ. Dùng binh đối với loại địa hình này nên dùng bộ binh, không dùng được kỵ binh. Nếu dùng đại quân tiến đánh thì Quách La Khắc chỉ nghe tin đã ngầm chuẩn bị phòng ngự, chỉ bằng lấy cách dùng Phiên đánh Phiên. Thần vốn đã biết rõ các thủ tự như Ngõa Tư, Tạp Cốc đang rất hận Quách La Khắc đã cướp phá khắp nơi nên mong muốn được ra quân giúp sức. Vì vậy cần phái điều Đô đốc Nhạc Trung Kỳ dẫn quân vào Tùng Phạm đốc thúc quân sĩ giết giặc".

Vua Khang Hy ủng hộ kế hoạch của Niên Canh Nghiêu. Tháng 12 Nhạc Trung Kỳ thống lĩnh quân sĩ đánh bại hàng ngàn quân mai phục của Quách La Khắc, đánh phá hơn 40 trại quân Phiên, chém chết hơn 300 tên, bắt sống tướng giặc, hàng phục quân sĩ.

Khi vua Ung Chính lên ngôi, do có công giúp Ung Chính kế vị, nên năm Ung Chính Nguyên niên (1723) Niên Canh Nghiêu được phong chức Phủ viễn Đại tướng quân, chỉ huy việc quân vùng Tây Bắc, lúc đó triều đình ra lệnh giải tán quân Thanh đóng ở vùng Tây Tạng. Niên Canh Nghiêu đề xuất 8 điều kiến nghị để giải quyết tốt việc rút quân khỏi Tây Tạng. Sau khi xem xét, bộ Binh hoàn toàn đồng ý với kiến nghị của Niên Canh Nghiêu.

Tháng 8 năm Ung Chính Nguyên niên (1723), La Bộc Tạng Đan ở Thanh Hải lại phản loạn, xâm lấn cướp bóc các chư bộ ở Thanh Hải. Tháng 10 Niên Canh Nghiêu tự dẫn quân từ Cam Châu đến Tây

Ninh để dẹp loạn. Niên Canh Nghiêu điều binh khiển tướng, chỉ huy hợp lý, tiến thoái đúng thời cơ nên đến năm sau thì dẹp xong bọn phản loạn. Sau này Niên Canh Nghiêu lại dâng sớ đề xuất 8 điều kiến nghị. Mục đích nhằm tăng cường sự thống trị của Nhà Thanh đối với các vùng Thanh Hải, Cam Túc, Tân Cương v.v... Đồng thời tổ chức đồn điền, khai hoang vùng Tây Bắc biên cương. Ít lâu sau, Niên Canh Nghiêu lại đề xuất 13 điều kiến nghị sau khi làm xong việc ở Thanh Hải.

Vua Ung Chính xem xong tấu biểu vô cùng phấn khởi nói: "Từ khi phản tặc La Bộc Tạng Đan bội bạc, vứt bỏ ân nghĩa của nhà vua, tụ tập đồng bọn xâm phạm biên cương, trẫm đã lệnh cho Niên Canh Nghiêu chọn thời lựa thế chỉ huy tướng sĩ, quét sạch phản quân. Niên Canh Nghiêu làm việc hăng hái hết sức đã nhanh chóng báo tin thắng trận, nay lại đề xuất cách rút quân toàn vẹn, các phương châm kế sách, việc sắp xếp hợp tình hợp lý, chu đáo tỉ mỉ của ông ta, ta xem xong vô cùng phấn khởi". Vì vậy đã ra lệnh làm theo kế sách của Niên Canh Nghiêu. Tháng 10 năm đó, Niên Canh Nghiêu yết kiến nhà Vua và được nhà Vua ban thưởng lông đuôi chim công có hình song nhãn (hai mắt), 4 bộ long bào phục, đai vàng, dây cương màu tím và vô số vàng bạc. Việc ban thưởng này vào thời kỳ đó là niềm vinh hạnh lớn của các quan lại.

Niên Canh Nghiêu dẹp yên vùng Tây Tạng đã lập nên công trạng rất lớn, đã nhiều lần được ban thưởng. Ông được phong là Nhất Đẳng công thân; hai người con cũng được phong Nhất Đẳng tử tước và Nhất Đẳng nam tước. Gia tộc nhà ông là Tang Thành Đĩnh cũng được làm Trục lệ thủ đạo. Ngụy Tri Diệu cũng bình công, được giữ chức phó tướng.

Nhưng đây cũng không phải vì Niên Canh Nghiêu chỉ tín nhiệm và đề cử người thân. Căn cứ vào ghi chép của lịch sử thì Niên Canh Nghiêu dùng người rất sáng suốt.

Vào hai đời vua Khang Hy và Ung Chính, rất coi trọng sử trị, Vua Khang Hy mỗi lần phát hiện trong tấu biểu của các quan trong triều có câu chữ bịa đặt, a dua thì đều vô cùng tức giận. Đồng thời truyền dụ trong tấu biểu không được dùng những từ xiểm nịnh. Vua Ung Chính nhiều lần khiển trách quan lại hủ bại, cho rằng trị thiên hạ lấy việc dùng người làm cơ bản. Lệnh cho các quan trong triều phải bảo vệ phát hiện tiến cử người hiền tài, đồng thời chủ trương tăng cường kiểm tra quan lại để thanh loại những quan chức không xứng đáng.

Về sau nghe nói Niên Canh Nghiêu trong hành doanh ở Tây Vực thường dùng người theo lợi ích cá nhân, nhưng Tư Lại bộ không biết vì lý do gì không tấu trình, nên rất tức giận và lệnh cho bộ Lại tra xét nghiêm túc. Nhưng thấy Niên Canh Nghiêu tiến cử toàn là những người có tài đức và đó chính là một trong những nguyên nhân giúp ông lập nên những chiến công. Ví dụ như năm Ung Chính Nguyên Niên(1723) khi ở Thanh Hải xảy ra phản loạn, Niên Canh Nghiêu đã dâng biểu tiến cử Đề đốc Tứ Xuyên Nhạc Trung Kỳ làm Tham tán đại thần. Nhạc Trung Kỳ là người trầm tính, cương nghị nhiều mưu lược lại chỉ huy tướng sĩ rất nghiêm và lại cùng đồng cam cộng khổ với binh sĩ. rất được lòng người, quân sĩ một lòng một dạ theo ông, ông ta đã nhiều lần lập công, đến đời vua Càn Long ông ta là một trong những vị tướng tài có nhiều công trạng to lớn. Lại như Hồ Kỳ Hằng là cử nhân đời vua Khang Hy năm thứ 44 (1705) từng làm Thông phán ở Biện Châu, vì có tài "Thông hiểu triều chương quốc chính, mẫn tiệp, văn võ song toàn" nên được Niên Canh Nghiêu ngưỡng mộ và được tiến cử làm Tri phủ Biện Châu, sau lại tín nhiệm làm Xuyên Đông đạo Thiêm Tây Bố chính sử Cũng như vậy, đối với những loại người không có tài cán gì, dù có là quan hệ thân thích gần gũi, Niên Canh Nghiêu cũng không bao giờ tùy tiện sử dụng. Khi Niên Canh Nghiêu ở vị trí là Phủ viên Đại tướng quân thì có một người con của thầy giáo dạy ông từ thuở nhỏ là Uông Mỗ Nhân, anh ta vất vả trải qua ngàn dặm xa xôi để đến Thiêm Tây bá kiến Niên Canh Nghiêu, anh ta hy vọng sẽ được làm một chức quan nhỏ để kiếm sống và nuôi gia đình. Khi con thầy Uông đến muốn vào tướng phủ nhưng vẫn chưa được gọi vào. Mãi hơn một tháng sau, anh ta mới được gọi đến, anh ta vào đến tướng phủ, trông thấy vệ binh giáo mác sáng lóe, sợ đến thót tim, mặt cắt không còn hạt máu. Khi nhìn thấy Niên Canh Nghiêu, anh ta vội vàng

quỳ sụp xuống không nói lên lời. Niên Canh Nghiêu giận ra mặt, lạnh lùng quát mắng: "Ta đã sớm làm cho con của thầy giáo ta kinh sợ hồn bay phách lạc mất rồi, giờ đây ta mới biết người dung tục đến vậy thật là đã làm tổn thương đến kỳ vọng của thầy ta rồi. Nhà ngươi lại không chịu ở nhà phụng dưỡng mẹ già mà lại đến cầu xin chút quan chức. Triều đình chọn người làm quan đâu có thể sử dụng được người? Ta cũng không có tiền của gì để giúp người đâu". Sau đó Niên Canh Nghiêu cho vệ sĩ áp giải anh ta về quê.

Niên Canh Nghiêu không phải là người bạc bẽo vô tình, trước khi người con của thầy giáo tới thì ông đã biết tin nên vội sai người đến tận quê anh ta nghe ngóng, tình hình được biết anh ta ngu dốt, lỗ mãng, bất tài, không thể dùng được. Song nặng nghĩa thầy trò, ông sai người đem một vạn lạng bạc đến biếu để vợ con thầy được sung túc. Ngược lại ông còn cố ý ác khẩu với người con của thầy giáo để răn đe tham vọng làm quan của anh ta. Từ cách xử sự này: có thể thấy được Niên Canh Nghiêu sử dụng người tài không nặng về tình nghĩa, quan hệ mà trọng tài cán của họ.

Nhưng việc dùng người vẫn chỉ là đặc quyền của nhà vua, nên việc tuyển chọn người của Niên Canh Nghiêu đã làm cho vua Ung Chính hết sức lo lắng. Ông ta quyết định phải hạn chế, tiến tới thủ tiêu quyền lực của Niên Canh Nghiêu.

Năm Ung Chính thứ 3 (1725) quan tuần phủ Tứ Châu Thái Đĩnh, trước đây bị Niên Canh Nghiêu vạch tội, cách chức rồi giao cho Giám trạm hậu giải về kinh xử tội. Nhưng được bộ Hình dâng tấu xin nên cứ tống giam vào ngục. Nay để tìm hiểu tính tình của Niên Canh Nghiêu ở vùng Tây Bắc, vua Ung Chính quyết định gặp người đã là kẻ thù, là địch thủ chính của Niên Canh Nghiêu.

Không cần nói cũng đã biết người đã bị Niên Canh Nghiêu vạch tội xử lý giao cho Giám trạm hậu nói những gì. Thái Đĩnh được gặp nhà Vua, hấn tâu trình với Vua vì trước đây để chống lại những hành vi phạm pháp của Niên Canh Nghiêu nên bị ông ta vu cáo hãm hại. Hấn còn kể tường tận, tỉ mỉ những việc làm sai trái tệ hại của Niên Canh Nghiêu. Vua Ung Chính sớm đã muốn tước đoạt quyền lực của Niên Canh Nghiêu nên những lời tố cáo của Thái Đĩnh rất hợp với ý ông ta. Vì vậy, vua Ung Chính hạ chiếu miễn tội cho Thái Đĩnh đồng thời cất nhắc hấn làm Tả đô Ngự sử.

Cách xử lý này, ngoài ý tưởng tượng của mọi người, còn cách giải thích việc này của vua Ung Chính thì đã nói rõ lòng dạ phức tạp của ông ta, đã ghét hận đại thần công cao lấn chủ. Trong chiếu dụ, ông ta chỉ rõ: "Thái Đĩnh do bị Niên Canh Nghiêu sàm tấu, nếu như xử tội Thái Đĩnh thì mọi người cho rằng trăm nghe lời Niên Canh Nghiêu mà giết ông ta! Cái gốc quyền uy của Triều đình lại chột đại thần thao túng, như vậy còn gọi gì là đạo lý nữa?" Đối với vụ án Thái Đĩnh mà nói, việc thực sự không phạm tội cũng không quan trọng, việc nhà vua và đại thần ai là người thao túng quyền lực mới là điều mấu chốt, mới quyết định xử lý án kiện như vậy. Đó chính là sự lô gích của vị Hoàng đế chuyên chính.

Thái Đĩnh được phong làm Tả đô Ngự sử chính là tín hiệu nguy hiểm đã phát ra đối với Niên Canh Nghiêu. Vua Ung Chính muốn dùng Thái Đĩnh để đối phó với Niên Canh Nghiêu. Ít lâu sau, người được Niên Canh Nghiêu tiến cử phong chức Tuần phủ Cam Túc là Hồ Kỳ Hằng về kinh, Ung Chính bèn mượn cớ cho rằng Hồ Kỳ Hằng là người rất bỉ ổi, sơ tâu trước đây sai lầm, hoang đường rồi cách chức ông ta. Tiếp đó lại ra lệnh quản thúc Niên Canh Nghiêu tại vùng Tây Bắc. Từ đó địa vị của Niên Canh Nghiêu ngày càng nguy khốn.

Tháng 4 năm Ung Chính thứ 3 (1725) Vua Ung Chính lại truyền dụ nghiêm khắc phê phán những việc làm của Niên Canh Nghiêu ở vùng Tây Bắc và cuối cùng quyết định: "Trước đây, Niên Canh Nghiêu không hề đồ vô lý như vậy. Nay do cậy mình có công, cô ý lười nhác, đùa giỡn hoặc giết chóc quá nhiều vì vậy đầu óc đen tối, thù hận. Lẽ nào còn để ông ta giữ chức Tổng đốc nữa? Xét thấy ông ta vẫn còn có thể huấn luyện binh sĩ, giáng chức xuống làm Hàng Châu tướng quân".

Giật đở bìm leo, sau khi Niên Canh Nghiêu thất sủng, các văn quan võ tướng, những người trước đây đã theo ông nhiều năm, nhiều lần được ông tiến cử trọng dụng nay vì bảo vệ tính mạng và chức sắc

của mình, đã cắt đứt quan hệ với ông đều nhao nhao tố cáo Niên Canh Nghiêu. Tuần phủ Sơn Tây Y Đô Lập tố cáo Niên Canh Nghiêu tư lợi chiếm kho muối ăn, tự ý chiếm dụng và thu thuế muối. Phạm Thời Tiếp nguyên Tuần phủ Tây An đã tố cáo Niên Canh Nghiêu giết oan nhiều người lại tố cáo ông 5 việc về lừa bịp, bùng bít, tham lam vô độ, đồng thời đề nghị bắt hết đồng bọn và nghiêm trị. Vua Ung Chính hạ lệnh cho bộ Lại nghị xử. Bộ Lại kiến nghị cách chức Niên Canh Nghiêu nhưng bảo lưu tước vị của ông. Vua Ung Chính lập tức bác bỏ: "Niên Canh Nghiêu đã phạm rất nhiều trọng tội, dù có chặt đầu hắn cũng không thể làm nhẹ bớt tội lỗi đã qua". Đồng thời thu hồi chức Thượng thư bộ Lại của Khoa Long Đa, lệnh cho bộ Lại xử tiếp. Để tỏ rõ ý của mình, vua Ung Chính cho triệu kiến Cửu Khanh, truyền dụ: "Niên Canh Nghiêu đã bất chấp được Vua ân sủng, đã lộng quyền hối lộ, tác oai tác phúc, cả gan lừa dối bùng bít, nhẫn tâm vong ân phụ nghĩa, hắn coi vương pháp như cỏ rác, trăm sao có thể cố sức phí công nuôi dưỡng gian thần? Những kẻ thuộc hạ của hắn hoặc hy vọng hắn tiến cử, hoặc lo sợ hắn báo thù bức hại mà phải theo hắn dẫn mãi vào con đường tội lỗi. Nay cần phải đập tan mây đảng, cải tà quy chính. Nếu ngoan cố không chịu hối cải sẽ định tội đảng nghịch". Từ đó, ý đồ của Ung Chính đã quá rõ ràng, việc sống chết của Niên Canh Nghiêu đã được quyết định, còn cái gọi là xét xử của bộ Lại chỉ là lớp vỏ ngoài khoác lên thân ý cá nhân của nhà Vua mà thôi.

Nhưng do lúc đó tin tức truyền đi rất chậm, Niên Canh Nghiêu không biết ý đồ của nhà Vua. Ông không cam chịu làm chức quan nhàn ở Hàng Châu, còn muốn làm được việc gì đó cho đất nước.

Ông đến Nghị Chính liên dâng sớ đề xuất: "Thần không dám ở Thiêm Tây lâu, lại không dám đến thẳng Triết Giang. Nay ở Nghị Chính, đây là đất tốt, tiện việc giao thông thủy bộ để giành thắng lợi. Xin chờ Thánh chỉ". Sớ tấu này đã công khai việc ông cự tuyệt nhận chức Hàng Châu tướng quân.

Việc này làm cho Ung Chính càng thêm kiên định quyết tâm trừ bỏ ông, thế là vua Ung Chính ra lệnh bắt trị tội những kẻ tâm phúc dưới trướng của Niên Canh Nghiêu là Hồ Kỳ Hàng, Tang Thành Đĩnh. Tháng 7, thu hồi hết các đồ đã ban thưởng cho Niên Canh Nghiêu, cách chức tướng quân, sợ ông ở Kinh nhàn hạ bất ổn vẫn phái ông phải đi Hàng Châu.

Lúc này, các quan trong triều cũng dâng biểu đề nghị lấy tội bất trung bất pháp rồi xử cực hình đối với Niên Canh Nghiêu để làm gương. Vua Ung Chính lại kể lại tội của Niên Canh Nghiêu và chỉ rõ: Lời nói của quan lại trong triều là công luận khắp nơi (ngoài triều đình), nhưng việc thưởng phạt là đại sự quốc gia nên phải trung cầu ý kiến của các quan. Nhà vua lệnh cho các tướng quân, Đốc phủ, Đề trấn, phải có ý kiến của mình và tấu lên rõ ràng. Thế là sớ thuộc hạ trước đây của Niên Canh Nghiêu như Nhạc Trung Kỳ, Điền Văn Kính, đều không ngồi yên và cùng nhau nhao nhao vạch tội Niên Canh Nghiêu, tạo thành một cục diện trong ngoài đồng lòng hăm hại Niên Canh Nghiêu.

Tháng 10, Vua Ung Chính đặc ý ra lệnh bắt Niên Canh Nghiêu đưa về kinh hỏi tội. Tháng 11, các vị tướng quân, đốc phủ, đề trấn nhao nhao dâng sớ đề nghị nhanh chóng chém đầu Niên Canh Nghiêu để giữ nghiêm phép nước. Vua Ung Chính lại đưa các tấu biểu này cho Pháp tư xử lý. Không lâu sau, Nghị chính đại thần, Tam pháp tư, Cửu Khanh cùng triều thần họp tấu kể tội Niên Canh Nghiêu: Tội đại nghịch 5 điều, phạm 9 điều tội lừa dối bùng bít, phạm 16 điều tội tiếm quyền, phạm 13 điều tội ngông cuồng trái đạo, phạm 6 điều tội chuyên quyền tự tiện, phạm 6 điều tội đồ kị, phạm 4 điều tội tàn nhẫn gian ác, phạm 18 điều tội tham nhũng, phạm 15 điều tội chiếm, đoạt hối lộ. Tổng cộng phạm 92 điều tội trạng, chiếu theo luật pháp phải xử tội cả 3 họ. Vua Ung Chính cuối cùng phán quyết: "Niên Canh Nghiêu mưu phản là sự thật, nhưng sự việc chưa công khai lộ dấu vết. Trẫm thể tình ông ta lập công ở Thanh Hai nên không nhẫn tâm xuống cực hình". Thế là ra lệnh cho Niên Canh Nghiêu tự vẫn trong ngục. Cha Niên Canh Nghiêu là Niên Hà Linh, anh ca Niên Hy Nghiêu bị bãi quan, con trưởng của ông là Niên Phúc bị giết, các con khác của ông từ 15 tuổi trở lên đều phải trách phạt và lưu đày tới vùng biên cương xa xôi. Cả một thế hệ nhà công thần Niên Canh Nghiêu cuối cùng đã rơi vào thảm cảnh nhà tan cửa nát.

Năm Ung Chính thứ 5 (1727), Vua hồi tâm nghĩ lại, tự mình thay đổi quyết định, đại xá cho con cháu Niên Canh Nghiêu trở về để cho Niên Hà Linh chăm sóc dạy dỗ, ít lâu sau, Niên Hà Linh bị bệnh chết, vua Ung Chính hạ lệnh khôi phục lại chức quan cho ông và tổ chức lễ an táng cho ông.

Niên Canh Nghiêu đã nhiều lần lập công lớn ở vùng biên thủy tây bắc. Vì củng cố sự thống nhất đất nước, vì sự ổn định của ách thống trị của nhà Thanh ở vùng biên cương tây bắc ông đã lập nên những chiến công hiển hách. Nói ông là vị quan kiêu ngạo, phóng túng, dối trá hoặc tương tự như vậy còn có thể có, nhưng quyết không hề có sự thực mưu phản. Việc này vua Ung Chính cũng đã phải thừa nhận. Nhưng vì sao vua Ung Chính lại nhẫn tâm xuống tay như vậy? Còn bắt ông phải tự vẫn?

Theo người đời sau phân tích: Niên Canh Nghiêu đã cùng với Ung Chính thanh trị nội bộ trong cung đình để tranh giành ngôi vua. Do giúp được Ung Chính kế vị nên ông đã lập được công lao tột đỉnh, vì thế ông được sủng ái tin tưởng như người tâm phúc. Thế nhưng ông lại biết rõ việc Ung Chính thoán đoạt ngôi vị trong hậu cung. Việc này nếu lọt ra ngoài sẽ gây ảnh hưởng không gì cứu vãn được, việc này vẫn còn nguy hiểm đến cả tính mạng của Ung Chính. Vì vậy chỉ cần Niên Canh Nghiêu còn sống thì mối hiểm họa này vẫn còn đó.

Còn Niên Canh Nghiêu lại nhiều lần lập công lớn, tự cao tự đại càng làm cho Ung Chính cảm thấy hiểm họa ngày càng lớn dần lên. Từ đó dẫn đến có tính toán phải giết đi để diệt hậu họa. Thế rồi cái gọi là mưu phản được dựng lên, chính là cái tội khi dục vọng gia tăng thì không từ bất cứ thủ đoạn nào.

6. Kẻ yêu nước phản bội

Đêm khuya 22 tháng 11 năm 1936, Thẩm Quân Nho, Trương Nãi Khí, Trâu Thao Phán, Lý Công Phác, Sa Thiên Lý, Vương Tạo Thời và Sử Lương là những người phụ trách của Hội liên hiệp Cứu quốc của các giới trong cả nước bị Cục Công an Quốc dân đảng và đồn tuần tra Thượng Hải bắt giữ, không có chứng cứ, cũng không đưa được ra sự thật nào gọi là phạm tội, sau đó giải đến Tô Châu, giữ lại ở toà án tối cao Giang Tô xem xét phân tích (Sử Lương bị nhốt riêng một mình ở tại phố Tư Tiên). Đây là sự kiện "bảy quân tử" âm ỉ một thời.

Họ rốt cuộc là phạm tội gì vậy?

"Hội Cứu quốc" là tổ chức đoàn thể chống Nhật cứu vong mang tính toàn quốc có cơ sở quần chúng rộng lớn. Ngày 2 tháng 6, Thẩm Quân Nho, Trương Nãi Khí mang văn kiện tuyên ngôn và cương lĩnh v.v... của Hội Cứu quốc gửi cho Ngô Thiết Thành Thị trưởng Thượng Hải, hy vọng nhà đương cục thừa nhận. Ngô Thiết Thành bôi xấu Hội Cứu quốc là "rác rưởi phản động" được "số ít nhà đã tâm" thao túng, quát âm lên là sẽ tiêu diệt tất cả đoàn thể cứu vong.

Lãnh tụ Hội Cứu quốc bị bắt, cả nước chấn động. Ngày 24 và 27 tháng 11, Hội Cứu quốc công bố "tuyên ngôn khẩn cấp", và "thư gửi đồng bào cả nước", yêu cầu Chính phủ Quốc dân đảng lập tức thả các lãnh tụ bị bắt, thực hiện kháng chiến. Tổng Khánh Linh phát biểu nêu rõ kháng nghị việc bắt giữ trái phép đối với 7 người: Thẩm Quân Nho, Phùng Ngọc Tường, Vu Hữu Nhiệm v.v... phát động phong trào ghi tên tuần hành của 10 vạn người ở Nam Kinh. Lý Đạt, Hữu Thọ Thường v.v... cùng gửi điện từ Bắc Bình đến cho Chính phủ Quốc dân đảng, đòi "lập tức thả tự do, không được bắt trở lại". Các trường đại học ở Bắc Bình bãi khoá 2 ngày, và cử đại biểu đến ngay Nam Kinh yêu sách. Những nhân sĩ nổi tiếng thế giới Roman Rolan, Ai-àn-xi, Đỗ Uy, La-xu v.v... đều đã gửi điện đến cho Chính phủ, yêu cầu trả lại tự do cho Thẩm Quân Nho v.v...

Ngày 12 tháng 12, Trương Học Lương, Dương Hồ Thành phát động "Sự biến Tây An", đưa ra tám chủ trương, trong đó có một điều là đòi thả tự do ngay lập tức cho lãnh tụ yêu nước bị bắt.

Thẩm Quân Nho bị giải nhốt cùng 5 người ở huyện Ngô, Tô Châu; còn Sử Lương bị nhốt ở phố Tư Tiên. Ở trong ngục họ tổ chức đấu tranh quyết Thẩm Quân Nho, ở trong tù được gọi là "Gia trưởng", 6 người như một gia đình. Mỗi một người nhận một nhiệm vụ. Trương Nãi Khí làm kế toán, Vương Tạo Thời làm văn thư, Sa Thiên Lý làm y tế, Lý Công Phác làm nội vụ, Trâu Thao Phán làm thanh tra. Họ ở trong ngục rèn luyện thân thể, đọc sách, sáng tác, có chủ trương và hành động thống nhất.

Phái CC, cầm đầu là Trần Quả Phu, Trần Lập Phu đề nghị xử bắn "thất quân tử" để cảnh cáo Trương và Dương, Phùng Ngọc Tường ngăn lại.

Vụ án "bảy quân tử" đã năm lần điều tra thẩm vấn, vừa vặn hai tháng. Đến tháng 2 năm 1937, toà án cao cấp tỉnh Giang Tô quyết án kéo dài giam giữ 2 tháng nữa. Ngày 3 tháng 4 là ngày cuối cùng. Thế nhưng, viên quan của toà án cao cấp Giang Tô ghép thành "10 tội lớn", phạm vào điều 6 tội "nguy hại gấp đến dân quốc", như là nguy hại cho dân nước, tổ chức đoàn thể, tuyên truyền chủ nghĩa không phù hợp phải đưa ra công tố xét xử với cả 7 người này.

Thư ký trưởng Trung ương Quốc dân đảng là Diệp Sở Thương thông qua Đỗ Nguyệt Sinh Tiền Tân Chi để tiến hành hoạt động khuyên nhủ và cả cưỡng bức đầu hàng, nhưng bị cả bảy người kiên quyết khước từ. Ngày 1 tháng 6, trong thư gửi cho Đỗ Nguyệt Sinh, Tiền Tân Chi, họ đã thẳng thừng viết rằng: "Quân Nho và mọi người tự biết là vô tội, bản dân thiên hạ đều biết là vô tội, tính kế tiền đồ cho quốc gia, cuối cùng thì vẫn thừa nhận 4 chữ cứu nước vô tội ắt sử sách lưu danh. Họ quyết không ra khỏi ngục để giữ vững lập trường và nhân cách.

Ngày 7 tháng 6, 21 vị luật sư nổi tiếng đảm nhận nhiệm vụ bào chữa cho 7 người đã đọc bản biện hộ dài, chỉ rõ: "Coi hành vi yêu nước của bị cáo là hại nước; kêu gọi cứu vong lại cho là việc tuyên truyền chủ nghĩa ngược với chủ nghĩa Tam dân, thì quả là đã đảo ngược phải trái, lẫn lộn trắng đen, chà đạp lên sự tôn nghiêm của pháp luật xoá nhòa công và tội trong lịch sử". Lời biện hộ đã dựa vào sự thật phong phú, chứng cứ đầy đủ, bác bỏ lời vu khống bỉ ổi của bản khởi tố, yêu cầu đương cục tư pháp Quốc dân đảng phải "phán quyết theo luật pháp, tuyên bố vô tội, rửa sạch án oan".

Ngày 11 và 25 tháng 6, toà án cao cấp Tô Châu hai lần đưa ra xét xử. Thẩm Quân Nho, Trương Nãi Khí, Trâu Thao Phấn, Lý Công Phác... khẳng định hành động họ cứu nước là vô tội, mỗi một người đều bác bỏ lời thăm vãn cáo buộc của Chánh án toà án, làm cho chánh án hết lý lẽ, cảm tức vô cùng.

Đồng thời, Hội Cứu quốc toàn quốc và đông đảo nhân sĩ mở đợt vận động yêu sách rầm rộ.

Ngày 12 tháng 4, Trung ương Đảng Cộng sản ra tuyên bố, chỉ rõ: Thẩm Quân Nho và đồng nghiệp "với tình cảm nồng nàn tràn đầy, thái độ quang minh chính đại, đưa lên vấn đề cả nước đoàn kết, cùng gánh vác quốc nạn, đòi chấm dứt nội chiến, một lòng chống Nhật, sự thực này là trách nhiệm chung của mỗi người gái trai, Trung Hoa chúng ta, họ là tấm gương ngời sáng, đề nghị Quốc dân đảng lập tức thả ngay các lãnh tụ yêu nước đó và toàn bộ chính trị phạm, đồng thời triệt để sửa đổi "phép trị tội nguy hại dân nước bức thiết ấy".

Ngày 13 tháng 6, ở Thượng Hải mở Hội nghị kháng nghị có 5 ngàn người tham đã đòi tuyên bố vô tội và thả 7 lãnh tụ yêu nước ra.

Hạ tuần tháng 6, Tổng Khánh Linh, Hà Hương Ngưng, Hồ Dĩ Chi, Hồ Tử Anh, Thẩm Tư Cửu v.v 16 người, phát động cuộc đấu tranh "Cứu nước tống ngục", chỉ ra rằng: Nếu yêu nước là có "tội" nguyện sẽ chịu trừng phạt như ông Thẩm và đồng nghiệp. Còn như yêu nước vô tội thì hãy để ông Thẩm và đồng nghiệp hưởng tự do. Sau khi toà án cao cấp Giang Tô công bố cáo trạng, thì đầu tháng 7, họ dưới sự dẫn đầu của Tổng Khánh Linh tiến về Tô Châu, yêu cầu toà án cao cấp giải ra.

Đây là một sách lược kêu gọi đặc biệt, được đông đảo nhân sĩ yêu nước hưởng ứng và ủng hộ.

Sau khi nổ ra kháng chiến "7-7", tình thế chính trị trong nước có nhiều biến đổi. Chính phủ Quốc dân đảng không thể không phóng thích cho "7 quân tử". Ngày 31 tháng 7, Thẩm Quân Nho và đồng sự "7 quân tử" ra ngục, trở lại tự do.

7. Mất tự do vì yêu nước

Ngày 12 tháng 12 năm 1936, nổ ra "Sự biến Tây An" chấn động khắp nơi, Trương Học Lương, Dương Hổ Thành đã giữ Tưởng Giới Thạch ở Lâm Đồng Hoa Thanh Trì và ép Tưởng phải chống Nhật, đồng thời điện cho Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc cử đại biểu tới Tây An để bàn kế lớn chống Nhật cứu nước, Đảng Cộng sản Trung Quốc cử đoàn đi do Chu Ân Lai dẫn đầu tới Tây An để tham gia đàm phán, tới ngày 24 đã buộc Tưởng Giới Thạch phải chấp nhận 6 điều kiện gồm: Cải tổ Quốc dân đảng và Chính phủ Quốc dân đảng, trừ bỏ phái thân Nhật, thu nhận những người chống Nhật: Thả hết tù chính trị, bảo vệ quyền lợi, tự do của nhân dân, hợp tác với Hồng quân kháng Nhật triệu tập Hội nghị cứu nước gồm các đảng, các phái, các giới, các tổ chức quân đội, quyết định phương châm kháng Nhật cứu nước, ủng hộ quan hệ hợp tác xây dựng nhà nước Trung Quốc kháng Nhật... Ngày 25, Trương Học Lương đưa Tưởng Giới Thạch bay về Nam Kinh. Chu Ân Lai nghe tin vội tới sân bay tiễn chân, nhìn theo máy bay đang bay xa dần mà thở dài không ngớt.

Sau khi Trương Học Lương đến Nam Kinh, chấp hành ý kiến của Tưởng Giới Thạch, toà án quán sự Quốc dân đảng đã xử phạt Trương Học Lương 10 năm tù. Tưởng còn sai người đưa Trương Học Lương đến Khê Khẩu Phụng Hoá tỉnh Triết Giang để tự kiểm điểm.

Ngày 7 tháng 7 năm 1937, "Sự biến Lư Câu Kiều" bùng nổ. Từ thực tế kháng chiến ở Thượng Hải, Tưởng Giới Thạch quyết định kháng chiến chống Nhật, cả nước dậy lên cao trào kháng chiến chống Nhật sôi nổi rầm rộ. Trương Học Lương thấy vậy vô cùng phấn khởi, ông nghĩ là Tưởng Giới Thạch sẽ thả ông ra để ông tham gia giết giặc. Vì thế ông không quan ngại đến tính mạng cùng với Dương Hổ Thành phát động luyện quân, mục đích chẳng phải vì sự thống nhất, đoàn kết chống Nhật hay sao? Hiện nay Tưởng cũng vẫn nói "Đất không phân biệt Nam Bắc, người không phân biệt già, trẻ". Đúng là ông luôn mong muốn góp sức mình vì nước xông ra chiến trường.

Trương Học Lương bèn viết thư cho Tưởng Giới Thạch, mong muốn góp sức bảo vệ đất nước.

Nhưng điều làm cho Trương Học Lương thất vọng là trong phúc đáp của Tưởng Giới Thạch có yêu cầu ông cứ đọc sách cho nhiều, ngoài việc mời Bộ lão tiên sinh Thanh Thời đồ tiến sĩ giúp Trương Học Lương "đọc luận ngữ", "trung dung" ra, còn mời thân tín của Tống Mỹ Linh, và người giữ tổng cán sự lúc đó là Hoàng Nhân Lâm đi Khê khẩu nhắc nhở Trương Học Lương, yêu cầu ông viết thư nói với quân đoàn Đông Bắc phục tùng sự lãnh đạo của Tưởng. Tưởng cũng không cần và không muốn làm mất mặt Trương Học Lương, chỉ cần quân đoàn Đông Bắc là một lực lượng thiện chiến, có sức chiến đấu cao tích cực hợp tác là được.

Tháng 10 năm 1937, do tình hình chiến sự bất lợi ở Thượng Hải, Trương Học Lương đang bị Tưởng cầm tù phải di lý vào sâu nội địa và dừng lại ở một số nơi như Hoàng Sơn, Bình Hương, Sâm Thâu, Nguyên Lăng... đến cuối năm 1938 thì chuyển đến Quý Châu, sau đó còn ở qua Minh Động, Tu Văn Dương, động Quý Châu lại đến Đồng Tử, Hồ Tiểu Tây (nơi một công binh xưởng đóng) rồi cho đến khi kháng chiến thắng lợi.

Trong khi Tưởng Giới Thạch như vừa trút được gánh nặng đang tung bừng cờ giông trống mở trở về thủ đô Nam Kinh thì Trương Học Lương vẫn còn bị "quên chuyên theo" vẫn ở Quý Châu. Mùa hạ năm 1946, Đới Lạp chết, người thân của ông là Thảm Tuý đến thăm Trương Học Lương. Trương Học Lương có nỗi khổ trong lòng nhưng không thể nói rõ ra được, rồi ông như thất thần bật tiếng thở than: "Mọi người đã đi cả rồi, đền công binh xưởng cũng đã đóng cửa, còn tôi vẫn ở đây... không biết đến bao giờ mới được ra khỏi" Trương Học Lương tất nhiên sốt ruột: Theo toà án binh xét xử phải chịu án tù 10 năm, cho dù có không được ân xá, thì đến năm 1946 cũng bắt đầu là năm mãn hạn được tha.

Nhưng hình như Tưởng Giới Thạch đã quên mất việc hãy còn giam giữ một người con anh hùng của dân tộc đang sống ở Cổ địa Lang quốc.

Thực ra, Tưởng Giới Thạch chưa hề quên Trương Học Lương. Tháng 6 năm 1946 Tưởng Giới Thạch ngang ngược huỷ bỏ hiệp định hiệp thương chính trị, dám làm trái ngược lại ý chí thiên hạ, phát động cuộc nội chiến. Hắn muốn Trương Học Lương vốn xưa nay đã đi lại quan hệ với Đảng Cộng sản phải góp một phần sức lực cho "sự nghiệp lớn" độc tài của hắn. Tưởng bèn sai Mạc Đức Huệ đến Đồng Tử truyền đạt lại ý tứ của hắn: Có 3 điều kiện để có thể trả tự do cho Trương Học Lương: Một là buộc Trương Học Lương thừa nhận sự biến Tây An là mắc mưu của Đảng Cộng sản. Hai là Trương Học Lương phải giao lại bức điện báo lúc xảy sự biến 18-9 mà Tưởng gửi cho ông mệnh lệnh không được kháng cự. Ba là sau khi được thả ra, Trương Học Lương không được ra nước ngoài.

Đương nhiên Trương Học Lương muốn ra khỏi lồng thép để hít thở khí trời tươi mát. Nhưng ông thà ngọc nát còn hơn ngói lành, tự do thật đáng quý nhưng danh tiết còn lưu truyền đến ngàn thu. Nếu phải nói câu lừa gạt thiên hạ để đổi lấy tự do thì Trương Học Lương đương nhiên không làm bởi vì nói nhăng nói quạ không đúng với lương tâm của ông, là phản lại lương tâm của mọi người. Lời đáp mà Tưởng Giới Thạch nhận được là lời cự tuyệt vững vàng đánh thép của Trương Học Lương. Tưởng Giới Thạch không được vui, hắn không để cho Trương Học Lương được tự do.

Vào tháng 11 năm 1946. Bọn đặc vụ của Tưởng Giới Thạch nói dối Trương Học Lương: Có điện của Tưởng Giới Thạch đưa ông đến Nam Kinh. Trương Học Lương phấn khởi ra mặt tưởng là thật, cho rằng chắc đến Nam Kinh thì sẽ được tự do, ông đâu có biết Tưởng Giới Thạch đã bán thuốc gì trong quả bầu kia! Tưởng đã sớm chỉ thị cho Cục trưởng bảo mật (đặc vụ) Trịnh Đắc Dân áp giải Trương Học Lương ra Đài Loan. Trịnh Đắc Dân lại giao nhiệm vụ áp giải đưa Trương Học Lương đi cho trưởng phòng Trương Nghiêm Phật thuộc Cục quân thông Trùng Khánh. Trương Nghiêm Phật hết sức giữ kín tin tức này. Hắn cho ô tô đến đón Trương Học Lương ở dốc Cửu Long cách thành Trùng Khánh 30 dặm rồi qua sông Trường Giang để tránh phổ xá, không cho Trương Học Lương lộ diện giữa phố đông mà dẫn đến "sóng người" biểu tình phản đối. Hắn đưa Trương Học Lương đi một mạch đến thành Trùng Khánh ở trong biệt thự vốn là của Đới Lạp tại dốc Tùng Lâm núi Ca Lạc.

Trương Nghiêm Phật còn hẹn với Từ Viễn Cử trưởng phòng 2 thuộc hàng doanh lâm thời Trùng Khánh và vợ chồng Lý Giác, Hà Mai là Chủ tịch phân đoàn, đoàn huấn luyện Trùng Khánh thuộc Trung ương lâm thời cùng đến nhà Đới Lạp thăm Trương Học Lương, đồng thời cũng đánh bài kiếu Hồ Nam, chơi tú lơ khơ với Trương Học Lương cho ông ta yên tâm.

Lý Giác vốn là cấp dưới của Trương Học Lương, là con rể của Hà Kiện. Thời gian đóng quân ở Vũ Hán, đơn vị anh ta dưới quyền của chỉ huy của Trương Học Lương và quan hệ rất tốt với Trương Học Lương. Vì thế cử Lý Giác đi là rất thích hợp. Lý Giác và Trương Học Lương đã hơn 10 năm nay chưa lần nào gặp nhau. Lúc này, Trương Học Lương đã 46 tuổi còn kém Lý Giác một tuổi.

Nhưng vì Trương Học Lương phải sống 10 năm tù đầy nên có thể bị tổn hao quá nhiều, mặt mày xanh xao vàng vọt tóc đã bạc từng mảng, hàm răng rụng mất một nửa lại càng gãy tọt đi, còn đầu trước đây, những năm tháng huy hoàng tràn đầy sung mãn, phong độ khiến biết bao chị em phụ nữ vây quanh. Giờ đây Lý Giác nhìn thấy tình cảnh này trong lòng cảm thấy trĩu nặng ông nắm chặt hai tay Trương Học Lương, hai ánh mắt nhìn nhau không nói, một bên không thể nói hết những lời thề lương, một bên lại không dám nói ra những lời đã thấy rõ: Còn đâu vị thiếu soái oai phong lẫm liệt năm xưa?

Hai người chỉ nói chuyện cũ trước kia chứ không hề nói đến chuyện chính trị. Trước khi Trương Học Lương rời đại lục, hồi còn ở Trùng Khánh, Lý Giác đã gặp ông ba lần rồi. Hồi đó Trương Học Lương thường luôn nhớ thương các con gái của ông đang ở bên nước Mỹ, và ông đã lấy ảnh của chúng ra cho Lý Giác xem. Con gái ở Mỹ thỉnh thoảng có gửi tiền qua Thái Bình Dương về. Triệu Đề vẫn thản nhiên nói: "Chúng tôi cũng chỉ dùng để mua chút đồ ăn chứ cũng chẳng biết dùng tiền làm gì.

Đúng vậy, một ngày mất tự do, một ngày phải chịu sự giám sát quản lý chặt chẽ của người khác thì dùng tiền để làm gì?"

Lý Giác gặp mặt ông lần cuối rồi phải đi.

Trương Học Lương chỉ đưa tiễn vợ chồng Lý Giác trong phạm vi ông được phép đi lại mà thôi. Ông nắm chặt tay Lý Giác, lòng rung rung nghẹn ngào trào dâng lên lồng ngực, Trương Học Lương còn rất mong muốn được ông bạn cũ đến thăm, có ngờ đâu đây lại là lần gặp mặt cuối cùng giữa hai người.

Đây chính là lần vĩnh biệt. Năm 1987 Lý Giác bị bệnh rồi mất ở Bắc Kinh.

Trước khi đi, Trương Nghiêm Phạt vẫn lừa gạt Trương Học Lương hẳn nói là máy bay đã chuẩn bị xong rồi chỉ đến ngày kia sẽ bay đến Nam Kinh. Trương Nghiêm Phạt lại còn đồng ý làm theo yêu cầu đề nghị của tên đội trưởng giám quản Lưu Át Quang bắt nốt viên phó quan vẫn theo hầu Trương Học Lương nhiều năm nay đồng thời tống ông ta vào trại tù hình sự (căn bã của xã hội). Từ đó không còn người thân tín nào ở bên cạnh Trương Học Lương ông chỉ còn thấy quanh bên ông đều là những ánh mắt lạnh tanh rình mò xét nét.

Khi thấy đội trưởng giám quản Lưu Át Quang đột nhiên nói thẳng với Trương Học Lương rằng đây không phải đưa về Nam Kinh mà đưa ông đến Đài Loan thì Trương Học Lương trong người như bốc lửa, nổi giận bùng bùng toàn thân ông run bắn lên, răng nghiến ken két rồi đập mạnh tay xuống bàn. Tất cả đều trong tay Trương Giới Thạch. Tất cả niềm tin và khát vọng của Trương Học Lương đã tan thành mây khói, ông cũng nhanh chóng cảm nhận được rằng rồi đây ông sẽ phải sống trong nhà giam lạnh lẽo cho đến hết cuộc đời.

Khi Lưu Át Quang nói về lịch trình đi với Trương Học Lương và có nói mấy tiếng "Báo cáo phó toà", Trương Học Lương lập tức ngắt lời hẳn: "Còn gì nữa mà cứ phó toà với phó toà, cứ gọi thẳng ta tên tù là tốt rồi?" Nhưng lúc đó dù có tức giận đến đâu cũng chẳng để làm gì. Sự thật tàn khốc đang ở ngay trước mặt, kích động tâm can chỉ làm hại thêm cơ thể, người vào tù cuối cùng cũng là tù nhân. Trương Học Lương gắng sức kìm nén đi những tâm tư của chính mình, mở to đôi mắt và ngồi ngây ra một lúc. Cuối cùng rồi cũng đành phải đồng ý đi Đài Loan. Khi ông báo tin không may này cho Triệu Đề thì giọng nói của ông vẫn còn tức run lên. Kỳ thực, ông có không đồng ý thì cũng chẳng ăn thua gì. Ông muốn Lưu Át Quang phải điện về Nam Kinh.

Bà Vương, người đã nhiều năm theo hầu Trương Học Lương cũng buộc phải ở lại, vợ chồng Trương Học Lương bị bọn mật vụ áp giải rồi Đại lục bay ra Đài Loan.

Tại sân bay Bạch Tị Dịch của Trùng Khánh, quang cảnh hoàn toàn vắng lặng, Trương Học Lương lòng đầy phần hận lặng lẽ bước lên máy bay, rồi máy bay cũng nhanh chóng lặn vào những đám mây bay đi. Nỗi niềm thương cảm trong lòng Trương Học Lương lại đang cuộn lên, ông cố nén giận, chau mày lại rồi ngẫm nghĩ lại, mình có lúc thì oai phong hét ra lửa, có lúc lại sống cả đời lạnh lẽo chốn này. Là một quân nhân, danh tiếng của ông đã lẫy lừng khắp nơi. Ông đã có đóng góp to lớn sáng ngời sử xanh, và sự nghiệp vĩ đại kháng Nhật cứu nước. Nhưng ngược lại chưa được trực tiếp chỉ huy thiên binh vạn mã tung hoành nơi chiến trận của quá trình kháng Nhật này. Ông đã từng vô cùng mong muốn được tỏ rõ khí phách dũng mãnh, quả cảm của người chiến sĩ giữa chốn sa trường đâu có sợ đầu rơi máu chảy, nhưng ông lại bị giam cầm và phải bỏ phí những thời khắc đó cứ trôi đi, sao ông có thể không tiếc nuối và ân hận được? Sau "18-9" ông rung rung lệ từ biệt núi sông chịu mang tiếng xấu là tướng phản bội với bao lời nguyên rửa của dân chúng cả nước. Đến "sự biến Tây An" ông đã bỏ qua lợi nhỏ của mình, đem cả tính mạng và tiền đồ sự nghiệp cá nhân để bảo vệ lợi ích to lớn của dân tộc lại thân chinh đưa Trương Giới Thạch về Nam Kinh, từ đó ông phải đau khổ từ biệt quân đoàn Đông Bắc để cuối cùng rơi vào tù ngục suốt đời. Giờ đây lại phải xa nhà, xa quê hương mãi mãi, trong sự mất tự do niềm khát vọng quý giá nhất của đời người, người anh hùng càng đau khổ khi không có đất

để dụng võ. Tám năm sống trong lao tù đã làm râu tóc ông điểm bạc, thân thể ngày càng héo gầy. Ông sống một cuộc sống khổ ải, lạnh lẽo cách biệt với thế giới bên ngoài. Và cuộc sống chỉ có đêm, không có ngày này không biết sẽ còn kéo dài đến bao giờ, ông cúi nhìn Đại lục của Tổ quốc trải dài non xanh nước biếc và thầm cầu mong cho máy bay hãy bay chậm lại, chậm thêm một chút nữa.

Tết Nguyên đán năm 1947, chính phủ Trung ương Nam Kinh công bố. Hiến pháp Trung hoa dân quốc "và trình tự chuẩn bị thi hành hiến pháp" đồng thời lại đưa ra "lệnh đại xá". Chu Kinh Văn cùng một số nhân sĩ vùng Đông Bắc như Mạc Đức Huệ, Vạn Phúc Lân... đã tụ tập tại Thượng Hải đề nghị với Chính phủ Trung ương: Trương Học Lương đã "chấp hành án" chịu giam quản đã hơn 10 năm, cần phải trả lại tự do cho ông ấy, nhưng họ thấy đau buồn trong lòng vì trong "lệnh đại xá" lại không có tên Trương Học Lương.

Trương Học Lương bị áp giải đưa đến giam quản tại Thượng Ôn Tuyền, Tân Trúc tỉnh của Đài Loan, Tưởng Giới Thạch hạ lệnh cho tay chân phải giám quản thật chặt chẽ, không những thế còn thân chinh ra lệnh: "Từ nay về sau, chỉ có lệnh viết tay của ta ngoài ra không giải quyết cho ai được gặp hần". Cầm đầu bọn đặc vụ trông coi Trương Học Lương vẫn là Lưu Át Quang, hần vâng lệnh Tưởng Giới Thạch nên ngày càng hà khắc hơn đối với Trương Học Lương. Vì hần có công trong việc coi giữ Trương Học Lương nên đã được phong hàm Thiếu tướng.

Ngày 28 tháng 2 năm 1947, xảy ra bạo động "28-2", dân chúng Đài Loan tấn công nhà đương cục Quốc dân đảng Đài Loan, cuộc khởi nghĩa dần lan tới Tân Trúc tỉnh Thượng Ôn Tuyền. Cuộc khởi nghĩa rầm rộ này xuýt nữa làm cho Trương Học Lương phải chết dưới bàn tay ác độc của Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch chỉ thị cho Mao Nhân Phụng không được để cho Trương Học Lương nhân lúc có cuộc nổi dậy mà bị cướp đi hoặc tháo chạy. Nếu quá khẩn cấp thì phải nổ súng giết chết. Bọn đặc vụ trông coi Trương Học Lương mỗi ngày phải 3 lần gọi điện báo cáo tình hình cho Nam Kinh còn trước đây chỉ một tuần phải báo cáo 1, 2 lần.

Trong thời gian bảy, tám năm từ Quý Châu đến Đài Loan, ngoài Tống Tử Văn, Đới Lạp ra thì Mạc Đức Huệ là người có nhiều lần đến thăm Trương Học Lương nhất. Trương Học Lương cũng đã tặng thơ cho Mạc Đức Huệ "Mười năm không bệnh tật, Bạn cũ vẫn chưa quên, cuối đời còn thấp lửa, Nguyên theo sách thánh hiền". Điều này nói rõ Trương Học Lương chỉ nghĩ đến ước muốn tự do mà không còn để tâm đến chính trị nữa.

Tháng 10 năm 1947, Trịnh Giới Dân báo với Trương Nghiêm Phạt "Lưu Át Quang quan hệ với Trương Học Lương không được tốt, vợ ông ấy có bệnh thần kinh, lại xử lý quan hệ với Triệu Đề cũng không tốt, Lưu xin đưa bà vợ đi chữa bệnh".

Trịnh Giới Dân hạ lệnh cho Trương Nghiêm Phạt đến cùng sống với Trương Học Lương một tháng.

Ngay buổi tối, Trương Học Lương vừa thấy Trương Nghiêm Phạt, ông đã tố cáo những việc làm ức hiếp và hà khắc của Lưu Át Quang suốt 10 năm qua đối với ông, ông nói: "Ông Đới (Lạp), ông Tống (Tử Văn) đều bảo Lưu Át Quang không được kiềm chế tôi trong cuộc sống, nhưng ông ta cứ hạn chế tôi, mọi nơi, mọi lúc làm tôi rất khó chịu, muốn làm cái gì cũng không thể làm được. Như việc khi vừa mới đến Đài Bắc, Chủ tịch tỉnh Trần Nghị trực tiếp nói với Lưu Át Quang, chỗ này là nơi ông ta đã chọn trước theo lệnh của uỷ viên trưởng điện cho mấy gian có điện tốt để phó tư lệnh ở Lưu nhất nhất ưng thuận chấp hành, nhưng Trần Nghị vừa đi khỏi ông ta đã lật lọng, nhà ông ta chiếm hết mấy gian có đường điện tốt. Mấy hôm sau, Trần Nghị lại đến, ông ta lệnh cho Lưu Át Quang phải chuyển đến mấy gian có đường điện tồi hơn".

Trương Học Lương còn tiếp tục tố khổ: Trần Nghị còn thuê cho Trương Học Lương hai người hầu gái để chăm sóc sinh hoạt cho ông nhưng chỉ được mấy ngày sau thì đã bị Lưu Át Quang đuổi đi hết, Tống Mỹ Linh và một số bè bạn có gửi tiền và đồ vật đến nếu không bị Lưu Át Quang lấy đi toàn bộ thì cũng bị lấy đi một nửa. Dù Trương Học Lương có biết và hỏi ông ta thì Lưu Át Quang cũng làm ra

về không hề biết chuyện đó. Mỗi lần ăn cơm thì cả nhà, lớn bé của Lưu Át Quang đều xúm đến vây quanh mâm cơm làm Trương Học Lương đến ăn cơm cũng không được tự do, bà vợ mắc bệnh thần kinh của Lưu Át Quang thường chỉ cây dâu, cây hòe chửi bới và còn mắng chửi cả Triệu Đề.

Trương Học Lương đặc biệt nói đến sự kiện "28-2". Khi đó nhìn bộ dạng của Lưu Át Quang như đứng trước kẻ địch quá lớn: "Tôi thật không cam tâm. ... Nếu như Lưu Át Quang thật sự muốn hạ độc thủ đối với tôi, lúc đó sẽ vươn cổ ra chịu chết ư hay là tôi sẽ xuống tay giết chết Lưu Át Quang đây. Hoặc giả tôi cũng cùng chết, nhưng điều ấy tôi không bao giờ nghĩ tới, tôi - Trương Học Lương lại chịu kết cục như vậy sao? May mà sự biến ở Đài Loan chỉ mấy ngày đã yên, nếu không thật khó nói!".

Trương Học Lương - một vị công thần của dân tộc mà lại bị một tên vô danh tiểu tốt Lưu Át Quang hành hạ, ông ta, Trương Học Lương, đã có khí phách anh hùng, đường đường uy phong lẫm liệt là thế mà nay lại phải giày vò như thế. Trương Học Lương mỗi khi nói đến những chỗ thương tâm thì hầu như đều phải rơi lệ, Triệu Đề cũng đứng bên Trương Học Lương lau nước mắt cho ông.

Sáng sớm ngày thứ 3 với xúc cảm tràn trề, Trương Học Lương viết một bài thơ trên giấy viết thư kỷ niệm cho Trương Nghiêm Phật: "Ở núi vắng bốn bề, mưa hoài lòng thêm lạnh, trần trọc ngủ không yên, gôi buồn lệ đầm mắt". Dưới ký tên "Tặng Nghiêm Phật huynh, Trương Học Lương, kính tặng".

Trương Học Lương lại một lần nữa đề nghị Trương Nghiêm Phật báo cáo lên Tưởng Giới Thạch thỉnh cầu giải thoát cho ông: "Sự biến Tây An là để chấm dứt nội chiến vì cuộc kháng chiến chống Nhật, tôi không có lỗi, tôi không ép, giữ uy viên trưởng nhưng đã bị xử phạt tù 10 năm mà không nói ra được. Nhưng đến nay, thời hạn 10 năm đã hết. Cuộc kháng Nhật đã thắng lợi, người Nhật đã đầu hàng mà vẫn tù tôi mãi làm tôi rất buồn lòng, mong ông về Nam Kinh nói lại với Trịnh Tác Dân như thế, cứ nói là tôi nhờ ông nói lại như vậy". Kết quả tất nhiên là Tưởng Giới Thạch vẫn nhắm mắt làm ngơ.

Trương Học Lương bị tù giam không được phép đọc sách báo mà còn luôn bị bọn đặc vụ gọi đến tra xét. Nhưng ông vẫn rút ra được kết luận thông qua những thông báo chính thức công khai nghe được. Ông cho rằng Quốc dân đảng nhất định sẽ không tránh khỏi thất bại, ông đặt niềm tin và sự thắng lợi của Đảng Cộng sản sẽ giúp ông thoát khỏi biển khổ này và giành được tự do.

Tháng 10 năm 1947, Trương Trị Trung, Chủ nhiệm Hàng Môn khu Tây Bắc từ Tân Cương ra Đài Bắc nghỉ ngơi, nhân đó có đến thăm Trương Học Lương. Hai ông dẫn Trương Nghiêm Phật nói chuyện với nhau. Trương Học Lương sốt ruột hỏi Trị Trung: "Khi nào thì tôi được tự do?" Trương Trị Trung an ủi nói: "Tình hình trong nước vốn phải hoà bình. Quốc cộng phải khôi phục được hoà hoãn. Đến ngày Quốc cộng hoà đàm thành công thì ông sẽ có tự do". Nghe thấy vậy, Trương Học Lương hết sức phấn khởi.

Trương Học Lương nhờ cậy Trương Trị Trung đưa giúp lời thỉnh cầu xin được tự do của mình tới Tưởng Giới Thạch và Tống Mỹ Linh: "Sau khi được thả tự do, Tưởng tiên sinh ở đâu, tôi xin theo ở đó. Tôi sẽ không có bất cứ yêu cầu gì và cũng không cần làm việc gì nhất định". Đây cũng là lần cuối cùng Trương Trị Trung thăm hỏi Trương Học Lương đang bị giam trong tù. Trước khi từ biệt, Trương Học Lương nắm chặt tay Trương Trị Trung không muốn rời ra: "Tôi ở đây, ngoài anh ra không còn có ai tới thăm tôi cả, tôi thật cảm ơn anh muôn phần. Lần chia tay này của chúng ta, không biết đến bao giờ mới lại gặp nhau". Hai người mắt đầm lệ không nói lên lời. Đó là lần gặp nhau cuối cùng của họ.

Khi Trương Trị Trung báo cáo với Tưởng Giới Thạch lời thỉnh cầu của Trương Học Lương, Tưởng xem kỹ những lời của ông tỏ vẻ không vui nói vài câu lấp lửng rồi ra lệnh: Từ nay nếu không được phép của ông ta không ai được tới thăm nom Trương Học Lương. Trương Trị Trung bất giác chỉ còn biết thở dài.

Tống Mỹ Linh gặp Trương Trị Trung than thở: "Văn Bạch huynh, chúng ta thật không phải với Trương Hán Khanh!". Nghĩ đến việc Trương Học Lương phải thân chinh đưa Tưởng Giới Thạch trở về Nam Kinh, vì đồng tình với việc làm đó nên Tống Mỹ Linh hứa rằng sẽ bảo đảm an toàn cho Trương

Học Lương. Nhưng Tưởng Giới Thạch lại làm ngược lại. Nên lời hứa của Tổng Mỹ Linh chỉ còn là "tờ séc hết giá trị".

Lưu Át Quang đã bị Trương Nghiêm Phạt thay thế, nhưng Trương Học Lương vẫn phải sống cuộc sống giam hãm tù đầy như cũ, khó có thể giải thoát được những năm tháng cô độc đau khổ kéo dài vô vị.

Đầu năm 1949, Tưởng Giới Thạch tuyên bố từ chức, Lý Tôn Nhân thay chức Tổng thống, Quốc Cộng lại hoà đàm, ra lệnh thả Trương, Dương và một số tù chính trị khác. Trung ương Quốc dân đảng như chó mất chủ tháo chạy về Quảng Châu cùng đồng ý với lệnh trên. Nhưng do Tưởng Giới Thạch còn quá nhiều quyền lực nên mệnh lệnh của Lý Tôn Nhân đã trở thành tờ giấy bị bỏ đi?

Tưởng Giới Thạch chạy ra Đài Loan cũng vừa lúc chiến tranh bùng nổ ở Triều Tiên, Mỹ đưa quân vào Triều Tiên và điều Hạm đội 7 đi vào eo biển Đài Loan. Cuối cùng, Tưởng Giới Thạch "đóng đô" ở Đài Loan, thế là người chịu số phận khổ ải nhất lại là Trương Học Lương, hy vọng được trả tự do càng thêm vô vọng.

Năm 1959, Tưởng Giới Thạch đề dùng vũ lực trấn áp dư luận nắm quyền lực trên mảnh đất Đài Loan nhỏ bé và như thế Trương Học Lương chẳng qua chỉ là từ chiếc lồng nhỏ này lại nhốt vào một lồng to khác. Cho dù có không tiến hành "quản thúc" đối với Trương thì Trương cũng không thể chạy thoát khỏi lòng bàn tay của Tưởng. Vì vậy đến năm 1959, Tưởng ra lệnh huỷ bỏ "quản thúc" đối với Trương Học Lương. Thế là bề ngoài chuyện tù giam kéo dài tới 22 năm qua đã kết thúc. Bởi vì từ ngày 4 tháng 1 năm 1937 dù rõ ràng Chính phủ Quốc dân đảng đã ra lệnh cho đại xá miễn tội nhưng lại "giao cho Hội đồng uỷ viên quân sự quản thúc nghiêm khắc", vẫn thi hành không được hưởng ân xá miễn tội. Trương Học Lương bị xử phạt lâu, kéo dài tới 22 năm. Đến lúc này, đối với thế giới thì đây là loại hình phạt cực kỳ phi lý.

Trên thực tế, huỷ bỏ "quản thúc" vẫn chỉ là trên giấy tờ hành chính, huỷ bỏ kiểu "đầu lười" không phải là huỷ bỏ trên thực tế, thực chất "quản thúc" vẫn như cũ.

Đầu mùa hạ năm 1954, bọn đặc vụ trông coi Trương Học Lương ra thông báo nói: Có một nhân vật quan trọng muốn gặp ông và lệnh cho ông được xuống núi ngay lập tức. Trương Học Lương lại lóe lên một chút hy vọng. Nếu là Tưởng Giới Thạch muốn gặp ông thì ông nhân cơ hội này mà xin được tự do.

Trong một căn phòng rộng rãi, thoáng mát, sau 17 năm, Trương Học Lương gặp lại Tưởng Giới Thạch. Hai mắt đầm lệ, Trương Học Lương chỉ còn thiếu nước phải quỳ xuống cầu xin Tưởng tha cho ông được tự do mà thôi.

Tưởng Giới Thạch đã cho ông "Chiếc bánh vẽ" và câu an ủi hết sức mỉa mai "Hãy cố gắng nhẫn nại thêm chút nữa đi, thế nào rồi cũng có ngày Tổ quốc cần đến công sức của ông".

Khát vọng hơn 10 năm của Trương Học Lương đã trở thành bọt xà phòng, Những đắng cay đau khổ này chỉ có ông và Triệu Đề mới biết. Sau khi gặp Tưởng Giới Thạch, Trương Học Lương viết một quyển sách tự phê bình dài khoảng 20 vạn từ. Trong đó có một phần "Nước Nga Xô-viết ở Trung Quốc" đề xuất bản ở Đài Bắc tháng 12 năm 1956.

Bắt đầu từ khi viết quyển sách này, mắt Trương Học Lương bị giãn đồng tử, thị lực ngày một giảm, hai mắt gần như bị mù.

Tháng 7 năm 1964. "Nỗi ân hận về sự biến Tây An" là một phần trong sách tự phê bình của Trương Học Lương được đăng trên tạp chí "Hy vọng tại Đài Bắc"

Mùa thu năm 1961, Trương Học Lương lại một lần nữa chuyển từ núi Minh Dương đến ở phía bắc Ôn Tuyền cách phía tây nam núi này khoảng 30 cây số, có hơn 10 tên đặc vụ giam quản và không cho bất cứ ai đến ở gần. Nơi ở của Trương Học Lương là số 70 đường số 3 khu Bắc đầu thành phố Đài Bắc. Rất nhiều người nhà ở gần chỗ ông ở cho đến mãi nhiều năm về sau mới được biết nơi đây đã có một vị tướng quân là Trương Học Lương sinh sống.

Ngày 21 tháng 7 năm 1964, các báo ở Đài Bắc đồng loạt rầm rộ đưa tin Trương Học Lương và Triệu Nhất Dịch tổ chức cưới tại nhà thờ. Bí thư trưởng phủ Tổng thống Trương Quân cùng hơn 12 vị quan chức đã tham gia buổi lễ đính hôn đó. Chú rể mới 63 tuổi và cô dâu mới 52 tuổi vẫn lộ rõ niềm vui lạ thường. Đó chính là mốc son huy hoàng của tình yêu chân chính suốt 30 năm qua của họ. Sau hôn lễ, Trương Học Lương như biến thành một tín đồ trung thành của đạo Cơ Đốc, xuất hiện trước mắt mọi người là một ông già râu tóc bạc phơ.

Trước kia, một vị thiếu soái với đôi mắt sáng quắc, phong thái ung dung nhẹ nhõm, đầy uy vũ; trước đây một Trương Học Lương quyết chiến hào khí ngút trời, tất cả hình như đã hết không còn nữa.

Ông cứ mãi nhẫn nhục tâm mệnh đợi chờ suốt gần 30 năm để được giải thoát được tự do. Nhưng đó chỉ là trong truyện cổ tích thần thoại. Do cuộc đời chìm nổi bể dâu lại bị giam cầm nhiều nên Trương Học Lương đã trở thành một ông già quy y cửa Phật.

Năm 1975, Tưởng Giới Thạch đã đến tuổi 87, cuối cùng không thực hiện được mộng tưởng tấn công lấy lại đại lục rồi ôm hận nuôi tiếc mà chết.

Trương Học Lương tuy có được tham dự tang lễ của ông ta, nhưng vẫn chưa hề có dấu hiệu gì cho thấy Trương Học Lương được giải phóng.

Ngày 13 tháng 1 năm 1998, người kế tiếp Tưởng Giới Thạch là Tưởng Kinh Quốc ở tuổi 77 cũng bị chết nốt, một người sinh ra tại Đài Loan là Lý Đăng Huy kế thừa "chức vị" nguyện vọng mà dân chúng mong mỏi là giải phóng cho Trương Học Lương vẫn lại không thành: thời gian quá lâu đã làm cho lớp người trẻ tuổi ở Đài Loan không còn biết Trương Học Lương là loại người như thế nào?

Tổng thống của Chính phủ Dân quốc hình như vẫn còn để ý một chút đến mọi người, Năm 1998, Lý Đăng Huy mở tiệc chiêu đãi vợ chồng Trương Học Lương. Thế rồi ông già Trương Học Lương 87 tuổi được xuất hiện còn rất khỏe mạnh trên các báo chí ở Đài Bắc; nhưng chỉ có điều mắt ông quá kém, đến nỗi không thể đọc được những lời ở trong Kinh thánh nữa.

Ngày 12 tháng 12 năm 1988, tại thủ đô Washington của Mỹ tổ chức "Hội thảo nghiên cứu sự biến Tây An", một số học sinh cũ của Trường Đại học Đông Bắc như Trương Hiệp Thiên, Viện trưởng viện Nghiên cứu Trung ương, Điền Vũ trước là bí thư của Trương Học Lương và một số người khác đã có phát biểu tham luận. Sau đó mọi người cùng gửi điện tới Lý Đăng Huy chủ tịch Quốc dân đảng:

"Chúng tôi đều được biết tướng quân Trương Học Lương đã bị giam giữ 52 năm nay, hiện tại vẫn chưa được hoàn toàn tự do, như vậy là không hợp tình hợp lý, không đúng pháp luật, là sự việc đáng tiếc to lớn của lịch sử, là vết nhơ to lớn của việc bảo vệ nhân quyền ngày nay.

Trương tướng quân là nhân vật chính của sự biến Tây An, lịch sử đã chứng minh, sự biến Tây An không phải là việc binh đơn thuần, mà chính là cuộc duyệt binh cứu nước không thể cưỡng lại được trước nguy cơ diệt vong của Tổ quốc. Kết quả của sự biến Tây An là làm tăng thêm danh tiếng cho Tưởng thống chế, thúc đẩy toàn quốc thống nhất, dù đánh giá từ góc độ nào thì thực chất kết quả của sự biến Tây An đều là đúng đắn. Hành động việc làm của Trương tướng quân là có công cứu nước, với sự việc như vậy, đề nghị xét đến lòng trung thành mưu việc nước, nghĩa cử đối nhân của Trương tướng quân mà nhanh chóng trả lại tự do hoàn toàn cho tướng quân Trương Học Lương, bảo đảm đầy đủ quyền cơ bản công dân của ông như ngôn luận, báo chí, du lịch, chúng tôi đang tổ chức một đoàn đi phỏng vấn tướng quân Trương Học Lương, đề nghị cho phép chúng tôi trong thời gian sớm nhất được tới Đài Loan phỏng vấn Trương tướng quân. Đoàn phỏng vấn cũng đang chuẩn bị để đón tiếp Trương tướng quân đến tham quan nước Mỹ.

Ngày 14 tháng 12 tức ngày thứ 3 sau khi bức điện trên được đăng báo thì trên tờ "Trung ương Nhật báo" của Quốc dân đảng cũng đột ngột xuất hiện một bài viết nhan đề: "Có phải Trương Học Lương bị quấy nhiễu mất tự do". Và nói rằng trong trả lời của Viện Hành chính với Ủy ban chất vấn vẫn nêu rõ: "Hiện nay Trương Học Lương đã được hưởng đầy đủ quyền tự do, còn việc Trương Học Lương không

có ý muốn tiếp xúc với bên ngoài thì nhà đương cục không có cách gì để can thiệp vào sở thích của ông ta". "Vì vậy một số nhân sĩ không tin là Trương Học Lương đã được hoàn toàn tự do, cố tình yêu cầu để cho mọi người công khai gặp ông ấy như vậy mới biết được thật sự Trương Học Lương không bị quấy nhiễu, mất tự do..."

Trước đây, vì cảm thấy mất hết uy tín trước "Sự biến Tây An" nên Tưởng Giới Thạch thậm quá đã nói "Những lời từ đáy lòng mình": "Không phải là ta không cho Trương Học Lương về Tây An mà là tự ông ấy không chịu về Tây An". Giờ đây, nhà cầm quyền Quốc dân đảng vẫn giữ theo luận điệu cũ rích ấy và nhắm mắt làm ngơ nói: Hiện nay không phải là nhà cầm quyền không cho phép Trương Học Lương gặp mọi người mà là tự Trương Học Lương không muốn gặp ai cả.

Chẳng khác nào vị bác sĩ dùng thuốc mê làm mê man một người thân thể đang cường tráng khỏe mạnh, rồi sau đó đường đường chính chính tuyên bố với mọi người rằng: người này giờ không cần phải nuôi dưỡng đầy đủ gì hết, anh ta cần nhất là được ngủ.

Tháng 12 năm 1988, trong bài trả lời phỏng vấn của phóng viên báo "Liên hợp Đài Bắc" Tiến sĩ Trương Tiệp Thiên tuyên bố. "Hạ tuần tháng 3 năm 1988, Tạp chí Trung ương đã đăng một bức ảnh buổi Lý Đăng Huy tiếp trà vợ chồng Trương Học Lương và nói Trương Học Lương đã được tự do và sức khỏe rất tốt. Nhưng Hội sinh viên cũ trường Đại học Đông Bắc chúng tôi năm nay đã hai lần gửi điện và thư mời thầy hiệu trưởng danh dự Trương Học Lương sang Mỹ tham quan mà mãi 2 tháng sau chúng tôi mới nhận được điện trả lời nhưng lại rất đơn giản, nội dung như sau: "Căn cứ vào ý kiến của bác sĩ, vì lý do sức khỏe nên không được đi xa". Đây thực sự có phải là suy nghĩ của Trương Học Lương? Chỉ có trời mới biết! Hội sinh viên cũ Trường Đại học Đông Bắc còn rất 'thành khẩn' gửi điện báo cho cả 3 người là Lý Đăng Huy, Tống Khánh Linh và Trương Học Lương, mong muốn được phép cử 4 đại biểu của hội đến Đài Loan gặp Trương Học Lương và được trực tiếp ghi chép, trò chuyện với ông. Nhưng những lời đề nghị của Hội sinh viên cũ của Trương chẳng khác gì ném đá xuống biển, không hề thấy có hồi âm. Có lẽ đến cả việc tự do trả lời điện báo của Trương Học Lương cũng không có nữa.

Kể tung người hứng cùng lúc với việc đăng ảnh Lý Đăng Huy mời trà, các báo lớn ở Đài Loan đều đăng công khai đến cái gọi là tin và bút tích của Trương Học Lương:

- 1) Việc làm của tôi là hoàn toàn tự do không có bất cứ sự hạn chế nào.
- 2) Nhưng để cho cuộc sống của mình được yên tĩnh và không bị ai quấy dầy nên tôi không muốn gặp bất cứ người nào và cũng không thích tiếp ai đến thăm và phỏng vấn.
- 3) Còn việc các điện mời từ nước ngoài gửi về cũng đều phải theo những suy nghĩ đã nêu trên. Xin cảm ơn nhưng không nhận.

Trương Tiệp Thiên nhằm đúng chỗ hiểm để chỉ rõ: Cái bức thư được gọi là tự viết công khai này đúng là đã mang đầy màu sắc chính trị. Nếu so với tình hình thực tế thì còn cách xa ba vạn tám ngàn dặm. Từ sự thật vừa kể trên thì đúng là thầy hiệu trưởng danh dự của họ đã không có được chút tự do đáng ra phải có?

Ngày 10 tháng 5 năm 1988. Hội sinh viên Đại học Đông Bắc Trung Quốc cũ tại Mỹ lại một lần nữa gửi chắt vắn đến Lý, Tống, "Viện trưởng" Du Quốc Hoa: "Vì sao phải lo sợ không trả lại tự do chân chính cho Trương Học Lương tiên sinh?"

Nhưng việc này phía Đài Loan không hề đả động đến. Nhà cầm quyền Quốc dân đảng vẫn còn lo sợ một ông già đã gần 90 tuổi, một ông già nhút nhát, thật đáng ngạc nhiên!

Thực ra trước sự mạnh mẽ của Hoa Kiều ở nước Mỹ, nhà cầm quyền Đài Loan không khỏi không động lòng, con thứ của Tưởng Giới Thạch là Tưởng Vĩ Quốc (lúc đó là Bí thư Ủy ban an toàn quốc gia, là nhân vật có quyền lực trong quân đội) đã có bài phát biểu rằng: "Trương Học Lương đã hoàn toàn tự do. Xung quanh ông chỉ là các bảo vệ mà thực không phải là giám sát. Nếu như không tin, có

thể hỏi trực tiếp ông ta. Nhưng ai có thể tin được đó là lời nói thật!"

Đã nửa thế kỷ qua. Trương Học Lương chưa hề có chút tự do chân chính. Trong tập san "Tân tân văn" của người Hoa ở New York phát hành đã có bình luận rằng: "Thời gian giam cầm Trương Học Lương đã vượt quá 50 năm, cần phải trả lại tự do cho ông ta ngay lập tức".

Dù người ta có bình xét và nói gì chẳng nữa thì nhà cầm quyền Quốc dân đảng nếu như thực sự tỏ rõ việc Trương Học Lương đã hoàn toàn tự do thì không được ngăn cản và để ông ta tự do trở về đại lục cho ông ta được tể lễ, chăm sóc phần mộ tổ tiên đã cách biệt hơn 50 năm; để ông được kể lại tỉ mỉ những tình cảm đau thương của mình với bạn bè, người thân suốt 50 năm cách biệt...

8. Chinh đồn "Đoàn AB^[1]" và sự lạm sát vô tội

Trước những năm 30 của thế kỷ 20 này, ở khắp mọi căn cứ địa cách mạng Trung Quốc dấy lên phong trào chinh đồn "AB đoàn" rầm rộ như triều dâng sóng trào. Trong một thời gian tiếng vang khắp chốn. "Đoàn AB", "Phái cải tổ", "Đảng xã dân", "Đảng thứ 3", "Phái đê mê", "Hội kẻ vai" v. ... đủ muôn vàn tội khiến người ta kinh hoàng, khiếp vía, ưu lo, hàng loạt thân phận qua đời mà không hiểu vì sao mình phải chết. Hình phạt dã man, bức cung khai báo, khai nhiều chết nhanh, sự tàn ác đã không thể có lời miêu tả. Lạm sát, giết nhầm, giết nhầm hơn bỏ sót, giết hại đến nỗi người người gặp nhau điều nghi ngờ, người người hồn xiêu phách lạc. Khiếp đảm lo rằng, ăn một bữa cơm xong chưa đến bữa tiếp đã liền bị quy kết "kẻ thù giai cấp", khoác lên một cái tên mà khi chết đi không mấy may có giá trị, chết trước họng súng rực lửa căm thù, hoặc dưới ngọn đại đao đỏ tươi màu máu của người bạn chiến đấu ánh mắt dữ dằn thù hận. Thời kỳ này, án sai oan khuất nhiều như cỏ đồng nội chen mọc sau đợt mưa xuân, còn Quốc dân đảng thì rung đùi cười vang khoái trá.

Chinh đồn "đoàn AB" chủ yếu tiến hành ở khu Xô viết tây nam Giang Tây.

Nửa cuối năm 1929, ở Giang Tây có một vài nơi bắt đầu cuộc vận động làm sạch bọn phản cách mạng, bắt bọn AB, là bọn Tư- rốt-kít, xét lại chui vào Đảng để phá hoại. (ND).

Sau Hội nghị Bi Dầu "2-7" năm 1930, việc truy bắt "đoàn AB" dần dần được triển khai như lửa rừng khô. Trong quá trình bắt "đoàn AB", phương diện quân thứ nhất Hồng quân từ lời khai của Lưu Niên Nhạc, Tăng Chiêu Nghĩa, Long Siêu Thanh, Lương Đình Nguyên, Giang Khắc Khoan, Chu Xích v.v... chứng minh là trong tỉnh uỷ đã có tổng đoàn bộ AB Giang Tây mà Đoàn Lương Bật: Lý Bá Phương, Tạ Hán Xương là đầu não. Như vậy là đã tìm ra được nơi chứa mũi nhọn chống "đoàn AB".

Ngày 14 tháng 10 năm 1930, Đảng uỷ Bộ Tổng tham mưu Phương diện quân thứ nhất Hồng quân báo cáo với Trung ương rằng: "Trong cơ quan lãnh đạo đảng đoàn, chính quyền Xô viết tây nam tỉnh Giang Tây, phần đông bọn AB ẩn náu vào đó", cần phải "có một chuyển cải tạo cơ bản", để nhằm "cứu vãn nguy cơ này".

Ngày 26 tháng 10, Thường vụ Đảng uỷ Bộ Tư lệnh phương diện quân thứ nhất của Hồng quân cùng với Hội đồng hành động tỉnh Giang Tây ra chỉ thị phối hợp rằng: "Hiện tại trong Đảng, trong đoàn của tây nam Giang Tây đầy rẫy bọn phú nông phản cách mạng", cần phải "kiện toàn lại toàn bộ tổ chức Đảng, xây dựng lại. Không thể để cho một phần tử phú nông phản cách mạng AB ở trong nội bộ Đảng đoàn Tây Nam Giang Tây".

"Nghiêm khắc trấn áp đoàn AB", quét sạch tất cả phần tử AB hoạt động" và rất nhanh sau đó, phong trào chinh đồn quét sạch "đoàn AB" rầm rộ, dấy lên.

Không ít cán bộ, chiến sĩ bất hạnh, chỉ trong một đêm thôi đã từ một nhà cách mạng trở thành phần tử phản cách mạng, bị lôi đi thành từng tốp để xử bắn. Không khí khủng bố chết chóc tang thương bao trùm cả một khu Xô viết. Tiêu Cúc Anh vợ của Trần Nghị cũng bị nghi là phần tử "đoàn AB", thi thoảng còn có người chỉ điểm sau lưng bà, cũng có người cố ý hay vô tình nêu vấn đề hoài nghi ra với bà, chỉ vì bà là vợ của Trần Nghị mới không thể lập tức cách ly tra hỏi chịu bức hại.

Không lâu sau, có tin thêu dệt rằng, Trần Nghị là đầu sỏ của "đoàn AB". Cùng lúc, đủ mọi loại lời bàn tán âm ỉ, làm cho Tiêu Cúc Anh suốt ngày lòng lo dạ sợ, đứng ngồi không yên.

Đối mặt với thực tế của cuộc đấu tranh gọi là thanh trừng chống AB càng mở rộng một cách nghiêm trọng, Trần Nghị vốn là con người có tính cách sôi nổi cũng, trở nên trầm mặc ít nói ; nhưng ông chắc chắn rằng, lòng ông không đen tối, tin là tổ chức sẽ làm sáng tỏ vấn đề. Đồng thời, ông đi sâu

vào cơ sở, nghiên cứu điều tra, thực sự cầu thị, lời ngay lẽ thẳng, có thái độ rất thận trọng trong việc xử lý đối với "đoàn AB". Trần Nghị nhấn mạnh, làm trong sạch nội bộ, chống AB cần coi trọng chứng cứ. Không thể dùng cực hình bức cung khản trương, không coi nhẹ độ tin cậy của khẩu cung, cần xem xét lại việc định án với người bị bắt sai tránh lạm sát, thả tự do lập tức cho những người bị bắt giam không có chứng cứ điều tra.

Cách làm của Trần Nghị khiến cho một số ai đó không bằng lòng, xúc phạm đại quan. Lý Thiều Cửu Chủ nhiệm Ủy ban thanh lọc nội bộ chống AB.

Thường vụ Bộ Tham mưu Phương diện quân thứ nhất Hồng quân nắm quyền lớn trong thanh lọc nội bộ và chống AB sớm nghĩ rằng, bao che bọn AB là một tội danh, và ghép Trần Nghị thành đầu sỏ của "đoàn AB". Lý Thiều Cửu từng công khai rêu rao: "Không mất mấy thời gian, tôi đã có 4 ngựa tốt cho một cây súng tốt. Đây có lẽ là một nhân vật tai to mặt lớn đấy? Các ông cứ chờ mà xem?". Cái nhân vật tai to mặt lớn này ám chỉ Trần Nghị.

Sau khi Trần Nghị nghe được, không kìm nổi đã nói một cách phẫn nộ: "Ông đúng là có một ngựa tốt, một súng tốt, ai có gan đến đây mà lấy".

Khi Trần Nghị đột ngột nhận được thông tri của Thường vụ Bộ Tham mưu yêu cầu ông trong đêm đến Du Đô tham gia cuộc họp khẩn cấp. Lý Thiều Cửu cũng đã có mặt ở Du Đô. Trần Nghị không thể không phòng bị Lý Thiều Cửu giở trò quỷ quái ra. Trần Nghị có linh cảm không lành là trong khi mà cuộc làm trong sạch nội bộ chống AB đã phát triển đến mức nghiệt ngã, đi họp trong đêm khuya, dễ có đi mà không về, bật vô âm tín.

Trời mưa bụi mù mịt, làm ướt cả đầu và áo choàng của Trần Nghị, vậy mà ông không hề có cảm giác.

Tiêu Cúc Anh là người chu đáo, dò đoán hết nội tâm đầy tư lự của Trần Nghị. Lòng bà canh cánh lo âu. Bà đặt bản thảo thơ đang sửa xuống, đến sau Trần Nghị nói giọng nhẹ nhàng: "Áo quần đều đã ướt hết rồi, vào nhà đi anh!"

Trần Nghị cảm kích gật gật đầu, cùng Tiêu Cúc Anh về phòng ngủ. Ông rất mong nói được chuyện gì đó vui vui để xóa tan những nặng nề trong đầu vợ mình, cũng rất muốn ở lại bên bà, bảo vệ bà không phải chịu trông oan khuất, không bị bức hại.

Trần Nghị vuốt mái tóc đẹp của Cúc Anh, lòng cảm thán vô cùng khổ não: "Cúc Anh còn trẻ, rất thuần khiết, nhưng thiếu khả năng tự bảo vệ mình. Cúc Anh trong trắng, bận rộn, cần phải được hưởng hạnh phúc. Nhưng bây giờ, mình đã không những không bảo vệ được em, thậm chí đi không còn quay trở lại, để cho em phải cả một đời goá bụa cô quạnh".

"Không! Quyết không thể là như thế được. Và nếu có phải xuống đến suối vàng, thì ta cũng không thể tha thứ cho bản thân". Nghĩ đến đó, Trần Nghị mạnh dạn quyết định nói hết nỗi lo lắng của mình cho Cúc Anh. Lời của ông nặng nề tràn ngập tình cảm:

"Cúc Anh! Tình hình có chiều khác thường. Có một số điều vốn không muốn nói với em, xem ra hôm nay không nói ra là không thể được. Anh không phải là phần tử AB nào cả, càng không phải là kẻ cầm đầu nhóm AB. Điều này thì em hiểu hơn ai cả. Thế nhưng, có một số người không chịu tin điều đó, cứ đồ diệt là phải. Lần này anh đi họp, lạnh dữ khó đoán. "Không sợ một vạn mà sợ vạn bất đắc dĩ". Nếu có xảy ra điều ngoài ý muốn thì: em còn trẻ, có thể đi con đường của mình, xếp đặt lại cuộc sống của em. Nhưng, cho dù thế nào cũng không được rời bỏ đội ngũ cách mạng".

Tiêu Cúc Anh trở mặt ngạc nhiên, nhìn như đóng đinh vào mặt Trần Nghị. Hai giọt nước mắt long lanh trào ra. Tiêu Cúc Anh sớm ý thức được ánh thép của đao kiếm thanh trừ "đoàn AB", bất cứ người nào cũng có thể bị bắt hạnh thảm sâu.

Cũng có cái linh cảm như vậy mấy ngày trước: bà lấy cái bút Pi-lót mà Trần Nghị tặng cho nhờ người chuyên đến anh trai. Tiêu Cúc Anh hiểu được nỗi lòng Trần Nghị lúc này, như để an ủi, nhưng

cũng vô cùng lo lắng rằng: "Em đợi anh trở về".

Lúc sắp chia tay, Trần Nghị dặn dò Cúc Anh khi ấy cũng đang đi xuống lầu: "Trong ba ngày mà anh không về tất có thư. Thư không có thì chuyện khó thoát xảy ra rồi". Trần Nghị nhảy phốc lên lưng ngựa, dẫn theo người cảnh vệ phóng nhanh như bay. Lần đi này, đúng là đã vĩnh biệt Tiêu Cúc Anh.

Sau khi Trần Nghị đi rồi, Tiêu Cúc Anh ngổn ngang tơ vò sâu não, thấp thỏm mong chờ Trần Nghị bình yên trở về. Ba ngày khó sống trôi qua rồi. Tiêu Cúc Anh mong ngóng đến ngạt thở vẫn không thấy Trần Nghị trở về đúng hẹn, cũng không nhận được thư Trần Nghị gửi về, đoán là đã có chuyện không lành xảy ra. Tiêu Cúc Anh lòng đau tựa dao cắt, tiêu tan hy vọng, khóc cạn cả nước mắt. Cúc Anh với một tính tình cương trực, cam không sống nhục, nguyện chết theo chồng, và một đêm khuya đã gieo mình xuống giếng. Tiêu Cúc Anh dùng cách này kết thúc cuộc đời thể hiện được tình yêu son sắt thủy chung, nói lên sự uất hận mãnh liệt của bà đối với việc thanh lọc chống AB đang được khuyếch trương.

Trần Nghị và cảnh vệ đi một mạch đến Du Đô, mới phát hiện ra là nhảm, vốn chỉ là triệu tập Hội nghị có một ngày cho công tác chuẩn bị chống "bao vây" và đã kết thúc rồi.

Trần Nghị ở Du Đô biết được hội đồng thanh lọc chống AB đang chuẩn bị dựa vào tội danh phản tử "đoàn AB" để xử tử Từ Phúc Tổ đảng viên Cộng sản vốn đã công tác ở quân đoàn 22 Hồng quân, tốt nghiệp Đại học Đại Hạ Thượng Hải. Cần dừng lại kéo không kịp, nên ông đã cùng cảnh vệ quát ngựa phóng như tên đến chỗ Từ Phúc Tổ, báo để Từ Phúc Tổ tạm thời trốn đi đâu đó, xong mới trở về nhà.

Trần Nghị và cảnh vệ theo con đường Trương Mộc Sơn qua biên giới Hưng Quốc và Du Đô, không ngờ lại gặp phải cuộc tập kích của địa chủ Tịnh Vệ Đoàn, hai con ngựa sợ tiếng đạn súng chạy mất. Trần Nghị và cảnh vệ phải vừa đánh vừa rút lui qua cây, trèo qua đồi núi, băng trên đồng ruộng, thoát được sự truy đuổi của dân đoàn. Như thế là trễ mất thời gian trở về như đã hẹn. Đợi đến khi Trần Nghị cuộc bộ đường vòng về đến Hưng Quốc, đã là hoàng hôn ngày thứ tư rồi.

Trần Nghị ôm lấy thi hài người vợ thân yêu mà khóc, nước mắt đầm đìa mà rằng: "Ngàn lần không nên, vạn lần không nên, không nên nói với em những lời ly biệt ấy".

Ở các khu Xô Viết khác, thanh lọc và chống AB cũng diễn ra ngày càng quyết liệt.

Đoàn Đức Xương vị tướng dãi dầu sương gió, trăm trận trăm thắng, qua điệu cười nhạt của Trương Quốc Đào, bị làm vật kéo cho ngựa chiến dừng mãnh kéo lết trên bãi sông đá cuội đến mức máu tươi đầm dề, đôi chân thịt nát lòi cả xương trắng.

Hạ Long cũng suýt nữa bị giết hại.

Tướng lĩnh Hồng quân là Phan Gia Thìn đã chịu quá sức đòn roi cực hình, oan uổng ngút trời, gào lên đón đau: "Hãy cầm dao tới đây, mổ luôn lồng ngực ra, lấy tim coi xem là đỏ hay là đen.

Không còn nghi vấn được? Máu tươi của ông đổ ra đỏ thắm.

Từng tốp từng tốp các nạn nhân oan khuất sắp từ giã thế giới này ra đi, đau xót thốt lên: "Hãy để cho chúng tôi chết dưới lưỡi đao của Quốc dân đảng phản động". Khẩu hiệu mà họ hô to trước lúc chết là: "Ủng hộ Đảng Cộng sản Trung Quốc". Nói đoạn họ không chút bi lụy đối mặt với họng súng của người mình, đón đợi cái chết.

Hàng ngàn hàng vạn sinh linh bất hạnh gục ngã như thế đó trên mảnh đất đã từng sinh ra và nuôi lớn họ. Giờ đây, trên những mảnh đất chồng chất xương máu của họ đã mọc lên nhà cửa và những cây đại thụ cảnh lá sum sê.

Đây là bi kịch lịch sử.

Sai lầm của chính đốn thanh trừng "đoàn AB" rồi cuộc thì đã phải dừng lại, nhưng hàng nghìn vạn chiếc đầu rơi xuống đất thì không bao giờ sống lại.

9. Hồn oan phách lạc -Ngậm máu hôi tanh

Thu đông năm 1939, căn cứ địa kháng Nhật Hồ Tây phát sinh ra sự kiện "Túc Thác" khủng khiếp đáng sợ. Số cán bộ trong quân đội, chính quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc bị giết oan khoảng 300 người, tổng số người bị bắt giữ thẩm vấn lên tới gần 600 người. Đây là một vụ án oan, giả, sai và phức tạp hiếm thấy. Tuy đã được người phụ trách La Vinh Hoàn dừng lại, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, phân cục Sơn Đông cũng đã nhiều lần phúc thẩm, xử lý, nhưng vẫn còn để lại nhiều vấn đề cho tới mãi năm 1983 mới sửa sai triệt để.

Căn cứ địa Hồ Tây là vùng đất của cả ba tỉnh là Giang Tô, Sơn Đông và Hà Nam. Vì phần lớn ở phía Nam của bốn hồ (Hồ Vi Sơn, hồ Thiện Sơn, hồ Độc Sơn và hồ Nam Dương) lấy vùng đất phía tây đặt thành tên, còn tên khác là biên khu Xô viết Lỗ Dự.

Vào tháng 7 năm 1939, tại trường cán bộ thuộc khu uỷ Biên Hồ đang có cuộc thảo luận của một số học viên về hướng công tác sắp tới sau khi tốt nghiệp. Trong khi tranh luận, đã lộ ra vấn đề tư tưởng một số, tỏ ý không muốn phục tùng theo sự sắp xếp phân công của tổ chức. Đồng thời lại phát hiện trong học viên còn có hội đồng hương.

Trước đó, tháng 1 năm 1938 Khang Sinh đã liên tiếp có bài phát biểu có tựa đề là "Quét sạch bọn Tơ-rốt-kít, bọn gián điệp của giặc Nhật, kẻ thù chung của toàn dân tộc". Đồng thời dựng lên và tô vẽ thêm cho thanh thế của phái Tơ-rốt-kít. Trong nội bộ Đảng còn lưu truyền một quyển sách nhỏ "Cuộc đấu tranh chống phái Tơ-rốt-kít" cộng thêm lúc đó trên thế giới vẫn không ngừng đưa tin và đăng các bài phát biểu về cuộc đấu tranh chống lại bọn Tơ-rốt-kít. Từ đó làm cho một số người sinh ra tư tưởng lo sợ và thần bí đối với phái Tơ-rốt-kít.

Địa phận uỷ Biên Hồ cho rằng vấn đề nghiêm trọng này đã phản ánh trong lớp học viên cán bộ của trường và quyết định để cho Trường Ban tổ chức Vương Tu Nhân xử lý việc này.

Vương Tu Nhân vốn lai lịch không rõ ràng, khi làm cán sự trừ gian đã thiên về dùng hình phạt xác thịt bức cung để xét hỏi đối tượng, do nịnh hót Bí thư đặc khu uỷ Bạch Tư Minh mà được trọng dụng. Hắn ta lấy vấn đề cán bộ của nhà trường liên hệ với phái Tơ-rốt-kít mà theo hình bắt bóng từ đó tìm hiểu, tập hợp một số tài liệu của cán bộ nhà trường là thầy giáo Ngụy Đình Viễn thêu dệt thành tội danh, sử dụng roi đánh, bắt ngồi ghế cộp dầm nước, dùng điện giật (máy điện thoại quay tay) v.v... có tình cường bức Ngụy Đình Viễn thừa nhận mình là "phái Tơ-rốt-kít" đồng thời bịa ra lời khai ở Địa khu Biên Hồ có tổ chức Tơ-rốt-kít. Lãnh đạo Địa uỷ Biên Hồ và lãnh đạo Khu uỷ Tây Hồ không chú ý nghiên cứu, điều tra lại còn khen ngợi Vương Tu Nhân và còn chính thức chỉ định hắn là người chịu trách nhiệm trước Địa khu uỷ Biên Hồ "quét sạch phái Tơ-rốt-kít".

Số bị bức cung buộc phải nhận là người "phái Tơ-rốt-kít" càng ngày càng nhiều, ban đầu từ số học viên bình thường sau phát triển nhiều cán bộ là lãnh đạo nữa.

Lúc đó, Bộ đội chủ lực của Địa khu Tây Hồ là do trung đoàn 685, sư đoàn 115 của Bát Lộ quân biên chế thành đại đội thứ 4 của chi đội Xô viết Lỗ Dự, phó chi đội trưởng Lương Hưng Sơ làm đại đội trưởng, chủ nhiệm ban chính trị chi đội Vương Hồng Ô làm chính uỷ đại đội, Vương Hồng Ô là người nông cuồng, cậy công tự cao tự đại lại đang muốn lợi dụng việc "Túc Thác" để mưu đồ dục vọng cá nhân. Anh ta không thỉnh thị báo cáo với chi đội Xô viết Lỗ Dự, tự huênh hoang khẳng định việc "Túc Thác" của Địa uỷ Biên Hồ là hoàn toàn chính xác rồi tự tiện quyết định cho mình và Vương Tu Nhân thống nhất chỉ huy việc "Túc Thác". Từ đó Nhị Vương cấu kết với nhau, cùng nhau làm càn, làm cho sự việc ngày càng tàn khốc thêm.

Họ triệu tập một Hội nghị gồm quân đội từ cấp trung đội trở lên và cán bộ các cơ quan địa uỷ,

huyện uỷ ngay trong sân cơ quan bộ đại đội 4 chi đội Xô viết Lỗ Dư.

Vương Hồng Ô nói: "Bọn Tơ-rốt-kít là gián điệp quốc tế, là bọn đặc vụ của giặc Nhật. Bọn chúng đã không làm gì được cách mạng. Chúng muốn leo cao chui sâu, luồn vào hàng ngũ của chúng ta hòng để phá hoại Đảng Cộng sản. Người nào là bọn Tơ-rốt-kít hãy đứng lên xem nào?"

Vương Tu Nhân nói: "Trong các anh có không ít người là phi Tơ-rốt-kít nếu thực thể thú nhận thì có thể được xử lý khoan hồng". Cả Hội nghị lặng ngắt. Vương Tu Nhân nổi giận nói: "Nếu các anh không nói thì ta cũng không khách sáo nữa".

Rồi hắn rút ra một bản danh sách và đọc từng người một, đọc đến tên ai thì người đó bị nhân viên vũ trang tước súng và trói lại. Vương Tu Nhân nói: "Tôi chỉ cần nhìn nét mặt là có thể biết người nào là "bọn phi Tơ-rốt-kít". Cứ như vậy đã có hàng chục người bị bắt giữ.

Ngay đêm hôm đó, Vương Tu Nhân, Vương Hồng Ô sai người đào một cái hố to ngoài rìa làng rồi đem Trưởng ban tuyên truyền Địa uỷ Biên Hồ Viên Nhữ Triết, Trưởng ban quân sự Y Dĩ Sinh, Phó đội trưởng đại đội 1 Thái Kiến Khuê cùng khoảng 10 người khác dùng dao bầu, dao phay đâm chém giết hết. Những đồng chí không may bị giết hại này đều hô lớn "Đảng Cộng sản muôn năm!". "Giải phóng quân nhân dân muôn năm", cũng có người còn hô lớn "Oan uổng quá!". Âm thanh gào thét vang vọng đó đã phá vỡ không gian vắng lặng âm u. Họ bị chôn vùi trong chiếc hố to đó. Oan hồn còn lảng vảng nơi Biên Hồ.

Bước tiếp theo, chiến dịch "tiêu diệt bọn Tơ-rốt-kít" cứ lan dần ra trong cơ quan Đảng uỷ khu Tây Hồ. Trước hết bọn chúng bắt Trưởng Ban tuyên truyền Đảng uỷ khu Mã Tiêu Bằng. Bí thư Đảng uỷ Bạch Tử Minh cố ý chà đạp nguyên tắc của Đảng, tự ý bắt người xét hỏi thậm trí còn tự mình ra tay vén áo vào trận bức ép Mã Tiêu Bằng tự nhận mình là bọn Tơ-rốt-kít.

Mã Tiêu Bằng bị đánh thương tích khắp người chỉ còn thoi thóp, song vẫn nghiêm khắc nói:

"Đồng chí Bạch Tử Minh, tôi là người của Phân cục Sơn Đông điều tới. Đồng chí phải tin vào Phân cục, đồng chí phải chịu trách nhiệm trước Đảng, và còn nói tiếp: "Đừng bao giờ coi đồng chí của mình là kẻ thù!" nhưng ông vẫn bị đánh chết đi sống lại!

Cuối cùng, chỉ có trừ Bí thư khu uỷ Tây Hồ Bạch Tử Minh ra còn 8 uỷ viên khác đều bị vu thành "bọn Tơ-rốt-kít". Trưởng Ban thống chiến khu uỷ Vương Văn Bưu, Trưởng Ban Quân sự Trương Như, Hội trưởng Phụ nữ Thường Tuấn Đình và cả Ngụy Đình Viễn đều bị sát hại!

Vương Hồng Ô trước đây đã từng theo đuổi Thường Tuấn Đình, nhưng bị cự tuyệt nên hắn vẫn mang mối hận trong lòng, hắn đã trắng trợn cầm dao chém chết người cán bộ phụ nữ nổi tiếng của căn cứ địa Biên Hồ!

Cán bộ, đảng viên cứ từng đợt, từng đợt bị giết hại thảm khốc, mây đen vẫn cứ cuộn cuộn che phủ kín Địa khu Tây Hồ. "Nhị vương" và Bạch Tử Minh tác oai tác quái và tự ý thành lập ra "Ủy ban chinh đồn" để bắt người giết người.

Sư đoàn trưởng Trần Quang, Chính uỷ La Vinh Hoàn của Sư đoàn 11 5 và Phân cục Sơn Đông khi biết tình hình phát sinh ở Tây Hồ vội gửi điện khẩn, nghiêm khắc ra lệnh chấm dứt ngay việc bắt bớ giết người lại.

Vương Hồng ô, Vương Tu Nhân không những chống lại lệnh trên mà còn xuyên tạc rằng Trung ương và Phân cục điện tới muốn bọn chúng phải tiếp tục "tiêu diệt bọn Tơ-rốt-kít". Bọn chúng còn lập ra một bộ phận lấy tên là "lớp huấn luyện" tập trung cán bộ cấp huyện, khu rồi phân loại phê phán tiến đến giết hại. Căn cứ mở rộng việc "tiêu diệt bọn Tơ-rốt-kít đến lực lượng Bộ đội chủ lực".

Đề bạt Lương Hưng Sơ thành "phi Tơ-rốt-kít", "Nhị vương" đã thực hiện việc chuẩn bị về các mặt. Chúng nhân cơ hội Lương Hưng Sơ đi Lộ Nam, Lũng Hải để báo cáo tình hình công tác với chỉ đội trưởng Bành Minh Trị, rồi ép người làm giả lời khai, thậm chí còn dùng thủ đoạn thâm độc là cưỡng bức, dụ dỗ và lừa gạt một nữ đảng viên Cộng sản mới 18 tuổi là Trương Lệnh Nghi tự nhận đã

tham gia "bọn phi Tơ-rốt-kít", còn buộc cô ta thừa nhận đã lợi dụng nhan sắc dụ dỗ Lương Hưng Sơ vào tròng tham gia "phái Tơ-rốt-kít". Khi Lương Hưng Sơ từ Lộ Nam trở về Vương Hồng Ô mang theo một kị binh đi "nghênh tiếp" và hạ lệnh bắt Lương Hưng Sơ rồi treo ông lên tra tấn, đánh đập liên miên.

Lương Hưng Sơ là một chiến sĩ Hồng quân trước đây, ông không thể nghĩ rằng tự nhiên mình lại trở thành "bọn phi Tơ-rốt-kít". Lúc bị tra hỏi, ông thét lớn: "Trời ơi ai là phi Tơ-rốt-kít", Lương Đại Nha, vị tướng danh tiếng lẫy lừng, người quân đoàn trưởng quân đoàn 38 luôn được "Vạn Tuế quân" trong cuộc chiến đấu chống Mỹ viện Triều, một vị tướng như thế này lại phải chịu là oan hồn nơi chín suối.

Quách Ảnh Thu, Chính uỷ đội độc lập, chỉ đội Xô viết Lỗ Dự là một trong số lãnh đạo của Biên khu Xô Viết Lỗ Dự đã bị bắt do có một số người không chịu nổi cực hình bị bức cung khai bậy liên lụy đến ông.

Ngày hôm sau, Vương Tu Nhân xuất đầu lộ diện xét hỏi Quách Ảnh Thu. Quách Ảnh Thu sớm đã có tinh thần cảnh giác đối với hắn nên không thêm đề ý đến việc xét hỏi của hắn. Vương Tu Nhân then quá hoá giận áp dụng các ngón đòn cực hình. Sau đó còn đưa cả Bí thư khu uỷ Bạch Tử Minh đến dùng biện pháp tra tấn rất lâu đối với Quách Ảnh Thu.

Quách Ảnh Thu nói với Bạch Tử Minh rằng:

"Đồng chí Tử Minh, từ khi Khu uỷ Tây Bắc hợp nhất với Công uỷ về Tây Nam, đều là do đồng chí truyền đạt lại chỉ thị của Tỉnh uỷ Sơn Đông. Tình hình của tôi thì đồng chí đều đã biết cả".

Bạch Tử Minh quay mặt đi nói: "Việc khi nào biết khi đó, giờ đây anh đã chọn cuộc sống chiến đấu theo hướng mới rồi". Ông ta cũng bắt đầu sử dụng cực hình với Quách Ảnh Thu. Cho ông ngồi ghế cộp, dùng mảnh đạn cửa xương ông chân, dìm vào nước ối, bóp ép vào cột. Sau đó lại dùng điện để tra xét suốt từ 2 giờ chiều đến 10 giờ đêm, khiến Quách Ảnh Thu mấy lần chết ngất đi nhưng bọn chúng vẫn không thu được kết quả gì.

Thời gian lâu sau, khi Quách Ảnh Thu đang trong tình trạng hôn mê thì Bạch Tử Minh cầm một tờ giấy đưa đi đưa lại trước mặt ông và nói:

"Trong này có chứng cứ đầy đủ sát thực. Đây là bức điện của Phân cục Sơn Đông gửi đến!" Rồi lại nói tiếp "Ta hỏi anh, anh có phải là cán bộ dưới quyền của Quách Tử Hoá không?" Quách Ảnh Thu nói: "Đúng". Bạch Tử Minh lại nói: Thế là tốt! Bức điện này của Phân cục Sơn Đông nói Quách Tử Hoá là người của phái Tơ-rốt-kít, anh ta đã tự đầu thú tại Phân cục và đã khai ra là anh cũng thuộc phái Tơ-rốt-kít".

Lúc đó, Quách Ảnh Thu đã bị tra tấn đến mức tâm thần hoảng loạn, không còn, tự chủ được và nói: "Tôi đúng là cán bộ dưới quyền của Quách Tử Hoá ông ta vốn đã là người phái Tơ-rốt-kít, sau lại phát triển thêm tôi, tôi còn có thể nói gì được nữa đây?" Ngay đêm hôm đó Quách Ảnh Thu được giải về phòng giam, đầu óc ông dần tỉnh lại, càng nghĩ càng cảm thấy sự việc nghiêm trọng, rồi suốt đêm không ngủ được. Hôm sau, trời vừa tảng sáng, ông nhờ cảnh vệ gọi giúp trưởng trại đến và xin giấy bút để ông viết thư gửi cho Bành Minh Trị nói rằng khẩu cung buổi tối hôm qua là sai, trong lúc đang hôn mê đã thừa nhận mình là người phái Tơ-rốt-kít. Đó là sai lầm cực kỳ nghiêm trọng, mong tổ chức cấp trên xem xét, dù có bị bắn chết nhưng quyết không bao giờ là Tơ-rốt-kít. Nhưng bức thư này lại rơi vào tay Bạch Tử Minh và Vương Tu Nhân.

Sáng hôm đó lại tiến hành tra hỏi Quách Ảnh Thu, đồng thời còn xét hỏi cả cán sự dân vận huyện Tiêu là Trần Cảnh Văn. Vương Tu Nhân cảnh cáo Trần Cảnh Văn không được phản cung và liên tiếp đấm đá anh ta. Cuối cùng còn dùng gậy gỗ đánh anh ta đến chết. Sau đó lại hằm hằm nói với Quách Ảnh Thu: "Mày cũng muốn phản cung phải không, tao xin khuyên mày hãy cứ nghĩ lại cho kỹ, đến chiều sẽ hỏi mày tiếp. Nếu vẫn kiên quyết phản cung thì cứ nhìn gương tên Trần Cảnh Văn đó!".

Quách Ảnh Thu đã chuẩn bị cho việc bị xử bắn trong lòng vô cùng đau khổ. Vào khoảng 4 giờ buổi chiều, Quách Ảnh Thu lại bị gọi ra, ngồi trước bàn có 3 người, ông đều không quen mà không thấy bọn "Nhị vương" có mặt. Có một người trong số đó hỏi: "Họ tên anh là gì?". Ông đáp: "Tôi là Quách Ảnh Thu". Hỏi: "Anh cho rằng tiêu diệt bọn Tư-rốt-kít như thế nào?". Đáp "Tiêu diệt bọn Tư-rốt-kít là đúng, nhưng tôi lại oan uổng". Hỏi "Ai làm anh bị oan uổng". Đáp "Quách Tử Hoá", hỏi: "Quách tử Hoá đang ở Sơn Đông, ông ta làm sao có thể làm oan uổng cho anh?" Đáp: "Quách Tử Hoá đầu thú ở Phân cục Sơn Đông rồi vu cho tôi". Hỏi "Tại sao anh lại biết Quách Tử Hoá đầu thú ở Phân cục Sơn Đông?" Đáp: "Vì Bạch Tử Minh cảm bức điện thông báo của Phân cục Sơn Đông nói với tôi như vậy".

Người vừa hỏi đáp bàn tức giận nói: "Sao có chuyện thế được? Thật hoàn toàn bịa đặt. Vô lại! Nói cho đồng chí Quách Ảnh Thu biết, Quách Tử Hoá không có tự thú và Phân cục Sơn Đông cũng không có bức điện nào như thế? Sự việc này là sai anh đã bị oan uổng". Sau đó ông ta tự giới thiệu nói: "Tôi là La Vinh Hoàn" lại chỉ hai người ngồi bên và nói: "Vị này là Trương Kinh Vũ còn vị này là Quách Hồng Thao chúng tôi không phê dấu để xét hỏi anh, chúng tôi đi thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng vì Mao Chủ tịch đến giải quyết vấn đề của Tây Hồ". Và còn nói: "Đồng chí Quách Tử Hoá cũng đến rồi, chút nữa anh sẽ gặp được".

Thế là Quách Ảnh Thu được cứu thoát, Lương Hưng Sơ được cứu thoát và rất nhiều cán bộ, đảng viên cũng được cứu thoát!

Dưới sự chủ trì của La Vinh Hoàn, do tính cấp bách của công việc lập tức thả ngay các đồng chí bị vu oan, phục hồi công tác cũ. Nghiêm khắc phê phán hành vi bắt bừa giết ẩu của "Nhị Vương" và đồng bọn. Cách chức Vương Hồng Ô, áp giải Vương Tu Nhân về Sư bộ Sư đoàn 111 để tra xét.

Trên đường áp giải do quá sợ hãi, Vương Tu Nhân đã tự sát, Vương Hồng Ô sau này đã làm phản chạy sang hàng giặc.

Do thời gian gấp, tình tiết vụ án nhiều, La Vinh Hoàn có nhiều việc quan trọng khác nên không thể dừng lại lâu ở Tây Hồ được. Đối với một số việc trong công tác giải quyết hậu quả vì những vấn đề tồn tại trong vụ án "Túc Thác" ở Tây Hồ, La Vinh Hoàn giao lại cho Chính uỷ chi đội Xô Viết Lỗ Dự Ngô Văn Ngọc (tức Ngô Pháp Hiến) chịu trách nhiệm giải quyết.

Trong Hội nghị về giải quyết hậu quả "Túc Thác" do Ngô Văn Ngọc chủ trì người phụ trách Đảng uỷ khu vẫn nhấn mạnh: "Túc Thác" là đúng đắn, sai lầm là do mở rộng quá, nguyên nhân của sự mở rộng chủ yếu là một số người khi bị xét hỏi đã không giữ vững khí tiết, khai báo lung tung làm rối loạn cả lên.

Quách Ảnh Thu lập tức chỉ rõ: "Nguyên nhân mở rộng quá chủ yếu là do người chủ trì dùng hình phạt đánh đập hà khắc, bức cung, dụ cung rồi bắt bừa giết ẩu".

Vào thời gian khoảng tháng 4, tháng 5 năm 1940, Phân cục Sơn Đông điều một tổ điều tra vấn đề "Túc Thác" đến Tây Hồ để viết báo cáo điều tra.

Cũng có người phụ trách Phân cục Sơn Đông còn nói: Tây Hồ đã có một thời gian dài làm "Túc Thác", nếu như không bắt được vài tên Tư-rốt-kít thì còn nói gì được với Đảng, với nhân dân ở Tây Hồ. Như thế cuối cùng phải chỉ ra 7 người gọi là "bọn Tư-rốt-kít thật". Còn đối với nguyên Bí thư khu uỷ Bạch Tử Minh người rất tích cực tham gia "Túc Thác" chỉ bị "xử lý nghiêm khắc" cảnh cáo, xử lý hành chính là huỷ bỏ công tác. Ngược lại đối với số đồng chí bị khuất phục, không chịu được cực hình, bức cung thì coi là không giữ được khí tiết, đã tự thú, làm phản... căn cứ mức độ, tình tiết cụ thể mà phân loại xử lý hoặc vĩnh viễn khai trừ khỏi Đảng" hoặc "khai trừ Đảng tịch" "nghiêm khắc cảnh cáo", "Cảnh cáo. ..." xử lý như vậy rõ ràng là chưa chính xác và không công bằng.

Đối với việc xử lý chưa thực sự cầu thị này, có rất nhiều đồng chí phản ánh ý kiến lên Trung ương và Phân cục Sơn Đông. Tháng 2 năm 1941 Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra quyết định. Phải

lập tức huỷ bỏ công tác của Vương Hồng Ô, khai trừ Đảng tịch, giao cho quân pháp xét xử. xử lý hình phạt "Bạch Tử Minh phải bị huỷ bỏ công tác, hạ từ đảng viên chính thức xuống đảng viên dự bị.". Đồng thời còn quyết định: "Đối với các đồng chí không may bị hy sinh phải đặc biệt an ủi chăm sóc". "Đối với các đồng chí bị vu oan nhưng không chịu đựng được cực hình tra tấn mà đã đầu thú, về cơ bản là nên châm chước độ lượng với những yếu mềm của họ, không thể coi là phản bội, không được khai trừ hết Đảng tịch, căn cứ vào tình tiết cụ thể mà có phân biệt xử lý phù hợp thoả đáng".

Năm 1945, trong thời gian "Thất đại" của Đảng, Quách Tử Hoá và Tôn Tử Khiêm đại diện cho Đảng uỷ khu Tây Hồ một lần nữa bị phản ánh có liên quan trong "Túc Thác" ở Tây Hồ lên Trung ương. Việc này đã khiến cho Trung ương hiểu thêm và càng chú ý hơn. Sau "Thất đại" Trung ương liền thành lập một tổ chuyên đề "Túc Thác" Tây Hồ gồm 5 người là: Trần Văn, Bành Chân, Lý Phú Xuân, Đào Chú, Khang Sinh, tiếp tục thẩm xét lại sự kiện "Túc Thác" ở Tây Hồ". Đồng thời chỉ thị rõ: Lần này, sự kiện "Túc Thác" là do những người lãnh đạo cố tình ra tay bức cung gây nên. Còn những người bị hình phạt, bị bức cung phải tự nhận là Tơ-rốt-kít. Đồng thời đã phạm phải sai lầm thế này, thế kia thì cũng không cần phải truy cứu trách nhiệm của họ nữa, cũng không nên xử lý nữa, tất cả xử phạt trước đây là bãi bỏ.

Sau khi giải phóng cả nước, trong khi tiêu diệt phản loạn, nhất là trong 10 năm động loạn một số các đồng chí đã bị oan uổng trong "Túc Thác" ở Tây Hồ vẫn lại bị bắt giữ thẩm tra.

Quách Ảnh Thu sau giải phóng đã làm Tỉnh trưởng tỉnh Vân Nam, năm 1957 đã chủ động đề nghị sang công tác ở Bộ Giáo dục, được giữ chức Viện trưởng kiêm Bí thư Đảng uỷ Trường Đại học Nam Kinh. Tháng 5 năm 1963 được điều làm Phó hiệu trưởng kiêm Bí thư Đảng uỷ Trường Đại học nhân dân Trung Quốc phụ trách việc dạy học.

Trong "Đại cách mạng Văn hoá" ông lại bị liên lụy, bức hại hết sức tàn khốc, bị áp giải, đấu tố, đánh đập tàn nhẫn, phải cắt đi chân trái, thành ra suốt đời tàn phế. Sau "Đại cách mạng văn hoá", trong thời gian ở viện ông đã tìm ra một số đồng chí không ngại gian khổ hiểm nguy đã tiên hành điều tra, hỏi về các đồng chí thời "Túc Thác" mà nay vẫn còn sống. Căn cứ tình hình đã điều tra, khẳng định lại 7 người bị cho là "Tơ-rốt-kít" là sai. Quách Ảnh Thu và một số đồng chí khác lại một lần nữa viết báo cáo gửi lên Tỉnh uỷ Sơn Đông. Tỉnh uỷ Sơn Đông lại cố gắng nghiên cứu, điều tra lại rồi báo cáo lên Trung ương.

Tháng 12 năm 1983. Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã cho ý kiến về báo cáo ý kiến xử lý những vấn đề còn tồn tại các sự kiện "Túc Thác", Tây Hồ của Tỉnh uỷ Sơn Đông chỉ rõ rằng:

1. Về tính chất của sự kiện "Túc Thác" Tây Hồ: Đây là một vụ án oan sai nghiêm trọng chứ không chỉ là sai lầm mở rộng quá tay, vì vậy phải được sửa sai thật triệt để.

2. Vốn xử Ngụy Định Viễn cùng trong 7 đồng chí là Tơ-rốt-kít thật là không có chứng cứ, là hoàn toàn sai trái. Vì vậy phải xét lại minh oan cho họ, khôi phục lại danh dự, chấm dứt ảnh hưởng xấu.

3. Đối với tất cả các đồng chí bị giết oan, xử lý oan thì đều phải được sửa sai minh oan.

Tới đây thì sự kiện "Túc Thác" Tây Hồ cuối cùng đã được sửa sai triệt để.

10. "Hoa dã bách hợp" lụi tàn

Ngày 7 tháng 2 năm 1992, Bộ Công an ra quyết định sửa sai cho Vương Thực Vị. Khi hai đồng chí được Bộ Công an uỷ thác trọng trách "quyết định phúc tra về vấn đề theo phái Tơ-rốt-kít của đồng chí Vương Thực Vị" cho vợ ông là Lưu Bảo thì bà lão đã 85 tuổi, bà đã không cầm được nước mắt, lòng dạ rối bời như tơ vò đưa đôi tay gầy đét run run nắm chặt lấy bản "quyết định" chứa đầy thiện ý và sự an ủi này. Chỉ một tiếng gọi "Đồng chí" đã khiến cho trái tim chờ đợi quá lâu của bà phút chốc ấm lại. Bà đã mong mỗi từng giờ từng phút cái ngày được kết luận minh oan này để gửi xuống cho Vương Thực Vị đã nhắm mắt vĩnh viễn nơi suối vàng.

Cuối cùng lịch sử đã mang lại cho Vương Thực Vị một vinh dự trong sạch. Trong "quyết định" có nói: "Thông qua phúc tra, hồ sơ thấy ghi năm 1930 thời kỳ ở Hộ, đồng chí Vương Thực Vị có gửi thư cho bạn học cũ ở trường Bắc Đại là Vương Phàm Tây, Trần Thanh Thần (Cùng thuộc phần tử Tơ-rốt-kít) Trong thư có nói đã tiếp thu và đồng tình với một số quan điểm Tơ-rốt-kít của họ, còn giúp đỡ phiên dịch sách cho phái Tơ-rốt-kít. Hiện nay, trong số tài liệu để lại của Vương Thực Vị, sự việc Vương tham gia tổ chức phái Tơ-rốt-kít vẫn còn rắc rối phức tạp. Trong phúc tra lại đều không tìm ra được tài liệu liên quan đến việc đồng chí Vương Thực Vị tham gia tổ chức Tơ-rốt-kít này. Vì vậy, quyết định coi là "Phần tử gián điệp Tơ-rốt-kít phản cách mạng" nay được kết luận phải được sửa sai, việc đồng chí Vương bị xử lý sai lầm trong hoàn cảnh chiến tranh phải được xem xét và minh oan".

Wương Thực Vị sau 49 năm oan khuất, cuối cùng đã được sửa sai triệt để!

Nguồn gốc tai họa đến phải chết của ông là từ việc ông dám nói thẳng "Diên An trong năm 1942 là một thế giới không bình thường". Thực tế ở tiền tuyến, các chiến sĩ đang mang hết cả tính mạng và xương máu của mình để dựng lên bức tường thành bằng máu thịt và dũng cảm kiên cường chống lại bọn xâm lược Nhật Bản, thì cũng là lúc trung tâm đầu não của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Diên An trải qua một trận cuồng phong.

Năm 1942, đã nổi lên cuộc vận động Chính phong ở liên khu Thiểm Cam Ninh và các khu căn cứ kháng Nhật khác. Mục đích cuộc vận động chính phong nhằm loại trừ ảnh hưởng tả khuynh, chủ nghĩa giáo điều của tên đầu sỏ Vương Minh, tăng cường xây dựng tư tưởng của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đặt cơ sở vững chắc cho nhân dân Trung Quốc giành được thắng lợi cuối cùng cuộc cách mạng dân chủ nhân dân mới. Nhưng dưới bàn tay thao túng của Khang Sinh đã dựng lên một màn kịch náo động nực cười gọi là "Cuộc vận động cứu vớt người bị sa ngã" và chỉ trong một thời gian ngắn đã bốc lên màn mây đen chướng khí, một số người vô tội phải thiệt mạng.

Phó chủ nhiệm Tổng học uỷ, Bộ trưởng Bộ xã hội Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Khang Sinh và thuộc hạ của hắn ngày cũng như đêm chỉ huy, chỉ đạo cuộc vận động thẩm vấn cán bộ. Ở các cơ quan, trường học, đoàn thể rồi liên tiếp từng đoàn các thanh niên trí thức ngoài căn cứ tới đều phải chịu "Cứu vớt".

Ngoài tiền tuyến, các chiến sỹ cứ giết thêm được một tên giặc Nhật, cứ thu thêm được một khẩu súng là lại cảm thấy phấn khởi, tự hào, thì Khang Sinh lại đốc thúc bộ phận dưới quyền cổ nặn cho ra thêm nhiều "đặc vụ" thêm nhiều "phản bội" thêm nhiều "chống lại cách mạng" rồi lấy làm hãnh diện hoan hỉ, cứ như càng nhiều "người xấu" bị tóm được thì bọn chúng càng có công nhiều với lịch sử. Màn kịch "Cứu vớt" này làm náo loạn đến sục sôi lên.

Một số thanh niên trí thức đã phải vượt qua trăm sông ngàn núi, đạp bằng muôn vàn gian khổ, hiểm nguy để đến với "Thánh địa cách mạng" này. Nhưng họ đã tưởng như gặp phải sét đánh giữa trời quang, bồi rối như gà vương tóc không biết làm sao được". Họ vừa tới nơi, còn chưa kịp hết mệt nhọc

lấn dấu vết bụi đường trường thì đã bị hoặc bắt giữ, hoặc áp giải hoặc xét hỏi. Những thanh niên mang trong mình bầu máu nóng muốn cống hiến một phần sức lực nhỏ bé của mình cho dân tộc thì sao có thể yên tâm, không nóng ruột như lửa thiêu trước tình trạng đó.

Cuộc vận động liên tiếp gây lên cao trào, Khang Sinh càng hứng khởi như phát rồ. Nếu như có người nào dám nói rằng "không" thì tai hoạ sẽ bất ngờ đổ dập xuống đầu ngay.

Vương Thực Vị cũng đã nói thẳng trong dịp đó Vụ án oan của Vương Thực Vị xảy ra năm 1942 tại Viện nghiên cứu Trung ương ở Diên An.

Viện nghiên cứu Trung ương là nơi tổ chức nghiên cứu cao cấp, để bồi dưỡng lý luận cho cán bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Lúc đó Bộ trưởng Bộ tuyên truyền Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Trương Văn Thiên kiêm chức Viện trưởng, Phạm Văn Lan là phó Viện trưởng. Trong viện có 9 phòng nghiên cứu về: chính trị của Trung Quốc, kinh tế của Trung Quốc, về lịch sử Trung Quốc, tư tưởng, văn hoá Trung Quốc, văn nghệ Trung Quốc, giáo dục Trung Quốc, tin tức Trung Quốc, vấn đề quốc tế và dịch thuật các trước tác tiếng Nga của Mác Lê Nin. Lúc đó, Thứ trưởng Bộ Tuyên truyền Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Lý Duy Hán là chủ nhiệm (trưởng phòng) hai phòng nghiên cứu giáo dục Trung Quốc và nghiên cứu tin tức Trung Quốc của Viện nghiên cứu Trung ương.

Đầu năm 1942, do Trương Văn Thiên dẫn một đoàn điều tra về liên khu Thiểm Cam Ninh và vùng nông thôn Tân Tây Bắc để tiến hành công tác điều tra, thời gian không hơn một năm. Vì vậy, tạm thời giao công việc của Viện lại cho Lý Duy Hán giải quyết thay. Thế là Lý Duy Hán đương nhiên trở thành người phụ trách chủ yếu, quan trọng nhất của Viện.

Ngày 1 tháng 2 năm 1942, trong buổi lễ khai giảng của Trường Đảng Trung ương, Mao Trạch Đông đã có bài phát biểu nổi tiếng "Chỉnh đốn tác phong của Đảng"; Ngày 8 tháng 2, ông lại có bài phát biểu đặc sắc "Phản đối sự sáo cũ trong Đảng" trước Hội nghị cán bộ tại Diên An. Và cuộc vận động chỉnh phong sôi nổi, rầm rộ được bắt đầu.

Cuộc chỉnh phong vừa mới bắt đầu, ngày 17 tháng 2 Vương Thực Vị đã đăng bài tạp văn nhan đề "Nhà chính trị, nhà nghệ thuật" trên tạp san văn nghệ "Cốc Vũ". Tiếp sau đó liên tục viết ra một loạt bài tạp văn lấy tên là "Hoa Dã Bách Hợp" rồi chia làm 2 phần đăng trên Phụ san Nhật báo giải phóng, cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc vào ngày 13 và 23 tháng 3.

Nội dung có hiện tượng tỏ ý bất mãn và đưa ra những phê phán mạnh mẽ kịch liệt.

Vương Thực Vị coi những buổi dạ hội, liên hoan văn nghệ mà cơ quan tổ chức trong các dịp lễ tết chủ nhật là những "Thay đổi thời tiết". "Hát ca tụng Ngọc Đường Xuân, múa gợi lại Kim Liên Bộ, và "Hiện thực trước mắt" "Không được hài hoà" lấy việc phân biệt đãi ngộ cán bộ phóng đại thành "áo phân làm ba màu, hưởng thụ chia làm năm bậc", khi thấy cán bộ quan biểu thì cho là "Cùng một giuộc như nhau cả", "Cấp dưới thấy cấp trên khác xa với họ", cuộc sống ở Diên An "Thiếu đi tình người với nhau". Vương Thực Vị nói nhiệm vụ chủ yếu của nhà nghệ thuật là phải "Vạch trần tất cả những cái nhơ bẩn và đen tối". Những tư tưởng thiên lệch, chủ quan này của Vương Thực Vị đã có ảnh hưởng ngược lại tới một số trí thức thanh niên.

Ngày 18 tháng 3, Viện Nghiên cứu Trung ương tổ chức Đại hội đảng viên chỉnh phong trong toàn Viện. Lý Duy Hán phát biểu nêu ý nghĩa quan trọng của việc học tập chỉnh phong và công tác kiểm tra trong Viện Nghiên cứu Trung ương. Đồng thời đưa ra mấy ý kiến: Chia ra và làm từng việc, để thảo luận để chỉnh phong và làm công tác kiểm tra. Kiểm tra đồng thời phải chú trọng cả hai mặt: tác phong lãnh đạo và tư tưởng cá nhân (đây có ý chỉ trích một số người cho rằng chỉ tập trung kiểm tra lãnh đạo). Phải có tinh thần tự mổ xẻ mình, Viện trưởng, Bí thư Viện và các Trưởng phòng nên và đương nhiên là thành viên của Ủy ban kiểm tra công tác chỉnh phong v.v...

Vương Thực Vị là người đầu tiên phản đối ý kiến của Lý Duy Hán. Ông cho rằng chỉnh phong là chỉnh cán bộ lãnh đạo, "Phải cắt cái đuôi lớn đi", ông phản đối việc chỉ định số người đương nhiệm

làm uỷ viên. Đề nghị các uỷ viên này đều phải do bầu cử dân chủ bầu ra. Ngoài ra ông còn viết bài "Tôi phê bình bài phát biểu tại Hội nghị đảng viên kiểm tra chỉnh phong của đồng chí La Mai (Lý Duy Hán), "Hai cách nghĩ", và dán lên trên trang báo tường "Tên và Đích" của Báo Chính phong, thuộc Viện Nghiên cứu Trung ương. Ông đưa ra "dân chủ tuyệt đối" cổ vũ mọi người "Phải có nghị lực dám nghĩ dám làm", "Phải kiểm tra chính mình" và "Có phải không dám nói với "nhân vật lớn" không?" còn nêu ra: "Chúng ta quyết không thể để họ càng ngày càng đắc ý". "Chúng ta không chỉ nhìn thấy riêng Viện mình mà phải nhìn rộng ra cả Diên An và cả toàn Đảng nữa". Tất cả những lời lẽ mạnh mẽ này của Vương Thực Vị đã có ảnh hưởng rất lớn trong Viện Nghiên cứu Trung ương, đặc biệt đã được rất nhiều thanh niên, nhân viên nghiên cứu biểu thị đồng tình. Báo tường "Tên và Đích" vốn được dán trong một gian phòng rộng nên đã có nhiều người ở đơn vị khác đến xem. Sau này lại được dán lên vải rồi treo ở ngoài chợ mới náo nhiệt ngoài cổng phía nam Diên An khiến cho người đến xem càng đông không khác gì người đi chày hội.

Những ảnh hưởng này của Vương Thực Vị đã làm cho cơ quan đặc vụ Quốc dân đảng chú ý. Chúng liền sửa những bài viết này của Vương Thực Vị tập hợp thành một quyển sách nhỏ là "Hoa Dã Bách Hợp và thực chất của nó", rồi in dàu, in chì, tán phát khắp nơi. Ngay trong mở đầu của sách có lời đề tựa: "Đảng Cộng sản Trung Quốc ca ngợi Diên An là Thánh địa của cách mạng. ... thế mà. ... ở Thiểm Bắc, tham ô, hủ hoá, đặc quyền, đặc lợi, bè cánh cắn xé lẫn nhau, "Ca tụng Ngọc Đường Xuân, múa tuồng nhớ Kim Liên Bội"...

Dưới tình hình đó làm cho số thanh niên nghe theo lời hiệu triệu kháng Nhật mà tới Thiểm Bắc đều hết sức thất vọng mất hết niềm tin, lại càng làm cho những đảng viên cộng sản lão thành cảm thấy thương cảm không còn tiền đồ hy vọng. Có một số tạp chí còn đổi tên, chuyển đầu đề thành: "Từ trong "Hoa Dã Bách Hợp" nhìn thấy một màu đen Diên An". Cứ như vậy để làm tài liệu tuyên truyền công kích một cách ác độc đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Để chấn chỉnh lại ảnh hưởng do Vương Thực Vị gây nên, từ ngày 27 tháng 5, Viện Nghiên cứu Trung ương đã tổ chức buổi toạ đàm trong toàn Viện với chủ đề "Tính dân chủ và kỷ luật của Đảng". Mục đích là chấm dứt khuynh hướng dân chủ hoá, cực đoan, đưa chính phong trào vào quỹ đạo chính. Cuộc toạ đàm kéo dài tới ngày 11 tháng 6 mới kết thúc, tổng cộng họp 16 ngày và có 14 lần mở đại hội.

Từ khi mở Hội nghị, Khang Sinh đã xuống tay, chính xác là đã nắm được quyền lãnh đạo. Khang Sinh vốn là cấp phó của Vương Minh tham gia Đảng Cộng sản Trung Quốc và làm công tác lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc tế cộng sản. Năm 1937 từ Liên Xô về nước, từ năm 1939 đảm nhận chức Bộ trưởng Bộ xã hội Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và. Bộ trưởng bộ Tình báo Trung ương đảng Cộng sản Trung Quốc, khi bắt đầu chỉnh phong, đảm nhiệm chức Phó chủ nhiệm (chi uỷ là Mao Trạch Đông) Tổng Uỷ ban học tập Trung ương, chỉ đạo cuộc vận động chỉnh phong. Còn kiêm thêm chức Chủ nhiệm Uỷ ban học tập các cơ quan trực thuộc Trung ương. Cuộc vận động chỉnh phong của Viện Nghiên cứu Trung ương thuộc quyền chỉ đạo của lãnh đạo Uỷ ban học tập các cơ quan trực thuộc Trung ương này. Khang Sinh đương nhiên là người lãnh đạo cấp trên trực tiếp. Những lời nói của ông ta đã trở thành "chỉ thị" của đại diện lãnh đạo Uỷ ban học tập cấp trên.

Dưới sự "lãnh đạo" của Khang Sinh, cuộc toạ đàm đã nhanh chóng biến thành cuộc đấu tố đối với Vương Thực. Khi cuộc toạ đàm bắt đầu, có một số đồng chí mới chỉ đưa vấn đề của Vương Thực Vị xem như vấn đề tư tưởng để phê bình, nhưng sau đó bốn ngày đã lấy vấn đề tư tưởng đẩy lên thành vấn đề chính trị, và nói ông ta "Không những là sai lầm về tư tưởng mà còn là sai lầm nghiêm trọng về chính trị". Đến ngày thứ 6, có vài đồng chí phát biểu, tố giác là Vương Thực Vị đã nói rằng "Lý luận của bọn Tơ-rốt-kít cũng có một số chỗ đúng đắn". "Liên Xô xét xử án phản quốc đối với Cau-xky là không còn phải nghi ngờ gì nữa!" "Thất bại của Đại cách mạng Trung Quốc, Quốc tế cộng sản phải

chịu trách nhiệm" "Con người Stalin - không thể đáng yêu" v.v... Còn có người nói năm 1930 Vương Thực Vị hồi ở Thượng Hải đã từng đi lại quan hệ với số phần tử Tơ-rốt-kít là Vương Phàm Tây, Trần Thanh Thần (Trần Kỳ Xương), giúp đỡ chúng dịch hai chương trong "Tự truyện" của Cau-xky v.v. (Việc này Vương Thực Vị tự mình cũng đã nói với tổ chức của Đảng). Do có một số tổ giác này việc đấu tranh phản đối Vương Thực Vị nhanh chóng đẩy lên một mức trở thành "Tư tưởng Tơ-rốt-kít", "Vấn đề địch ta". Lại qua ba ngày nữa, có người trong Hội nghị coi Vương Thực Vị là "phần tử Tơ-rốt-kít không thể dung tha".

Trên Hội nghị vào ngày cuối cùng, Lý Duy Hán phát biểu còn nói tay một chút. Anh ta nói: "Cái chi phối tư tưởng của Vương Thực Vị là tư tưởng của phần tử phái Tơ-rốt-kít anh ta vẫn giữ khư khư thái độ của "cứu vớt" và khuyến cáo: Vương Thực Vị Vẫn còn cơ hội cuối cùng phải tự bỏ ra khỏi hố xí của bọn phản cách mạng".

Nhưng Khang Sinh quyết không chịu dừng tay. Năm 1937, khi ông ta từ Liên Xô trở về Diên An vẫn thường tự cho mình là: "Anh hùng chống bọn Tơ-rốt-kít" trên Hội nghị phê phán bọn phỉ Tơ-rốt-kít thường nói: "Bọn phỉ Tơ-rốt-kít và đặc vụ của địch (đặc vụ Nhật), đặc vụ quốc gia đặc vụ Quốc dân đảng) tuy ba nhưng chỉ đều là mật thám". Ông ta còn nói: Tơ-rốt-kít tên này cũng dễ nhớ các anh có thể nhớ như "con thỏ ăn con gà" là dễ nhớ rồi. Phải nhớ rằng đối với hoạt động của bọn phỉ Tơ-rốt-kít nhất định phải bảo đảm hết sức cảnh giác. Sau khi kết thúc đấu tố Vương Thực Vị, ông ta muốn tiếp tục "nhân đà thắng lợi", làm cho "đấu tố sâu thêm vào". Vào khoảng tháng 7, tháng 8, ông ta dùng biện pháp "đánh vu hồi" phát động một đợt đấu tranh trong phòng Nghiên cứu chính trị Trung ương truy cứu, điều tra Thành Toàn (Trần Truyền Cương) và vợ chồng Vương Lý (Vương Nhữ Kỳ) có quan hệ với Vương Thực Vị.

Thành Toàn là nhân viên nghiên cứu của Phòng Nghiên cứu chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Vương Lý công tác ở Ủy ban phụ nữ, cùng đến Viện Nghiên cứu Trung ương để thăm vợ chồng Phan Phương và Tôn Tranh (Vương Lý và Tôn Tranh là bạn học trường Đại học Phúc Đán ở Thượng Hải). Vương Thực Vị ở gần nhà của Phan Phương và Tôn Tranh, họ cũng đã cùng đến thăm Vương Thực Vị (Vương Lý từng quen biết Vương Thực Vị khi ở Hà Nam). Sau đó, họ còn có mấy lần qua lại thăm nhau, cùng nhau ăn cơm. Trải qua đấu lên đấu xuống rồi đưa quan hệ của họ trở thành "quan hệ của phái Tơ-rốt-kít" coi những lần gặp gỡ và qua lại giữa họ thành "hoạt động của tổ chức Tơ-rốt-kít" cuối cùng gọi họ thành "tập đoàn năm người phản lại Đảng".

Ngày 23 tháng 10 năm 1942 Đảng ủy Viện Nghiên cứu Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra quyết định khai trừ đảng tịch đối với Vương Thực Vị. Quyết định nói rõ ông đã "tham gia các hoạt động của phái Tơ-rốt-kít từ năm 1929 và cũng từ đó vẫn không ngừng hoạt động. Là phần tử phản cách mạng ăn náu trong nội bộ Đảng Cộng sản". Vương Thực Vị không đồng ý với quyết định này, ngày thứ hai, đột nhiên không thấy ông ta đâu cả Đảng ủy Viện phái người đi mấy nơi tìm kiếm, cuối cùng, kết quả tìm thấy ông ở Ban tổ chức Trung ương. Ông quỳ dưới đất, vừa khóc vừa kể mình không tham gia phái Tơ-rốt-kít đề nghị không nên khai trừ đảng tịch ông ta. Ngày 26 ông lại giao cho tổ chức của Đảng bản kiểm tra nói rõ ông ta, năm 1930 - 1936 có quan hệ với một số người phái Tơ-rốt-kít, tới năm 1941 đã báo cáo tỉ mỉ với tổ chức của Đảng. Ông "thực sự chưa tham gia tổ chức phái Tơ-rốt-kít". Ông thừa nhận những sai lầm mình phạm phải là rất nghiêm trọng. "Trên thực tế sai lầm là phá hoại Đảng", ông tự kiểm điểm nguyên nhân bản thân phạm sai lầm là do "Có ảnh hưởng sâu sắc khuynh hướng của chủ nghĩa hư vô" "Tính bông bột của căn bệnh của giai cấp tiểu tư sản" và "Tự cho mình là trên hết, cố chấp quá trớn" đồng thời còn nói mình "Thực sự thần kinh có dấu hiệu không bình thường". Ông ta đề nghị đổi hình thức xử lý từ khai trừ Đảng tịch thành "đình chỉ Đảng tịch nửa năm" "Xin hứa từ nay trở đi nhất định sẽ cải tạo mình trở thành một người đảng viên tốt". Rồi hy vọng tổ chức giúp đỡ ông ta "Có thể sớm khôi phục lại Đảng tịch", với tình hình lúc đó, việc coi bọn phỉ Tơ-rốt-kít và đặc

vụ của Nhật, đặc vụ Quốc dân đảng là một, nên đến cuối năm 1942, Khang Sinh ra lệnh bắt ông ta.

Trong thời gian bắt giữ đã sử dụng biện pháp "bức cung" để tiếp tục thẩm vấn. Đến năm 1946, lại thêm một lần nữa xét hỏi căng thẳng rồi đưa ra kết luận Vương Thực Vị là "phản tử gián điệp phản cách mạng"

Tháng 3 năm 1947 quân Quốc dân đảng tổ chức đánh lớn vào khu giải phóng Thiểm Cam Ninh. Bọn chúng tập trung 34 lữ đoàn với 25 vạn quân, Hồ Tôn Nam chỉ huy 15 lữ đoàn gồm 14 vạn quân, ngày 13 tháng 3 tiến hướng Bắc vào phòng tuyến từ Lạc Châu - Nghi Châu thẳng tới gần Diên An. Sau khi quân Giải phóng nhân dân chiến đấu ngoan cường phải chịu một số tổn thất nên ngày 19 tháng 3 quyết chiến rút khỏi Diên An.

Ngày 17 tháng 3 Vương Thực Vị cũng cùng với cơ quan Trung ương rời khỏi Diên An. Trước đó ông đã bị giam giữ bốn năm vì tội trạng của mình. Hai nhân viên áp giải của Bộ xã hội Trung ương đưa giải Vương Thực Vị đi theo lối đường nhỏ hẻo lánh, lúc qua sông Hoàng lại ngồi trên chiếc thuyền gỗ bằng đầu rất nguy hiểm, có thể bị lật bất cứ lúc nào. Hành lý của Vương Thực Vị do người áp giải mang cho nên ông rất nhàn nhã.

Lúc đó, Vương Thực Vị, cứ luôn mồm nói mình không phải là Tơ-rốt-kít, không phải là đặc vụ" "Là mắc mưu, bị người ta lừa" rồi tức tới mức run lập cập, Vương Thực Vị nhất quyết không chịu đi mà bắt nhân viên áp giải phải dùng đòn khiêng ông ta đi.

Ngày 16 tháng 4, sau chặng đường dài, cuối cùng Vương Thực Vị đã tới ngoại thành huyện Hưng và được giao cho cục Công an Tấn Tuy quản lý. Gần một tháng lặn lội, Vương Thực Vị cùng họ thực sự nếm trải rất nhiều khổ ải.

Vừa đến nhà tạm giữ, hai người áp giải Vương Thực Vị bàn giao cho nhà tạm giữ: Vương Thực Vị là tội phạm của Bộ Xã hội Trung ương, vì bị giặc tấn công nên phải di lý. Đối với "Phản tử gián điệp phản cách mạng phái Tơ-rốt-kít" Vương Thực Vị lại có "hoạt động khiêu khích trong khi hành quân" cho nên phải "quản lý chặt chẽ". Trước khi đi, họ để lại hai loại tài liệu gồm kết luận nhận xét về Vương cũng như biểu hiện của Vương trong quá trình hành quân vừa qua.

Vương Thực Vị vốn không biết mình bị đưa đến nơi nào. Ngay tối hôm đến nhà tạm giữ, ông ta đã nói với nhân viên công tác rằng: "Tôi là người phạm sai lầm, tôi phạm vào hai điều thứ 2 và thứ 5 của "Bản về tu dưỡng của người đảng viên Đảng Cộng sản. Đó là không chịu ủng hộ chân lý và không nhẫn nại chịu uất ức cầu toàn, nên sẽ cải tên thành Vương Nhị Ngũ. Tôi quyết không phải là Tơ-rốt-kít". Việc nói với phóng viên thừa nhận tôi là Tơ-rốt-kít là gián điệp là bức tôi phải tự hy sinh.

Khi Vương Thực Vị biết mình bị đưa đến nhà tạm giữ, ông đề nghị "Tôi trước đây, khi còn công tác và nghỉ an dưỡng ở Tảo Viên, vì có một số người nói kích động vì vậy làm cho tôi không được khỏe, thần kinh suy nhược. Hy vọng trong hoàn cảnh này ở đây không được kích động tôi, trong cuộc sống có thể lượng thứ và có chiều cõ đặc biệt đối với tôi. Khi tôi ở Diên An, Bộ, Tổ chức Trung ương vẫn cấp cho tôi tiêu chuẩn bồi dưỡng sức khỏe và vẫn còn gọi là đồng chí".

Những lời nói của Vương rõ ràng không giống như hai nhân viên áp giải đã từng nói. Sau khi nói vậy, Vương Thực Vị lại thừa nhận "Vấn đề phái Tơ-rốt-kít" và hoạt động cách mạng của ông ta, đồng thời còn ghi chép lại tỉ mỉ và còn 3 lần viết thư gửi Cam Lộ, Đàm Chính Văn, Trường Gia Phu, nói mình không có bệnh thần kinh gì, mong muốn từ nay về sau được ở Ban Tuyên truyền phân cục Tấn Tuy hoặc làm phiên dịch cho tòa báo.

Lúc đó, Hạ Long làm tư lệnh quân khu Tấn Tuy đang phải chống cự lại sự tấn công của quân Quốc dân đảng bảo vệ căn cứ địa. Vì vậy bận công việc suốt ngày đêm, ông không biết có việc Vương Thực Vị bị áp giải tới đây.

Ngày 16 tháng 6, quân Quốc dân đảng tiến hành một trận oanh tạc quy mô lớn. Trại tạm giữ Vương Thực Vị cũng không tránh khỏi oanh kích.

Tổng cục công an Tân Tuy buộc phải chuyển trại tạm giữ đi nơi khác. Ngày 13 tháng 6 đã báo cáo lên Bộ Xã hội Trung ương, xin ý kiến về việc xử lý đối với phạm nhân Vương Thực Vị đang bị quản giam ở đây. Trong báo cáo ngoài việc bàn giao hai loại tài liệu liên quan đến "tội trạng" và những biểu hiện trên đường di lý của Vương Thực Vị mà hai cán bộ áp giải của Bộ Xã hội Trung ương đưa ra, báo cáo còn nói: Ngày hôm qua nơi chúng tôi thăm vấn đã bị máy bay giặc Nhật oanh tạc nên phải gấp rút chuyển địa điểm, vì vậy chưa biết nên xử lý với Vương Thực Vị như thế nào, mong cấp trên cho biết ý kiến và thông báo cho biết ngay.

Cơ quan Bộ Xã hội Trung ương chuyển khỏi Diên An sơ tán đến huyện Lâm gần huyện Hưng cách khoảng 60 dặm. Vừa may Khang Sinh đang ở đây và đang bận rộn với việc làm thí điểm về cải cách ruộng đất. Vừa thấy báo cáo, Khang Sinh đã hạ bút chỉ thị cho giết chết Vương Thực Vị!

Ngày 1 tháng 7 Vương Thực Vị bị xử tử một cách thảm hại.

Ngày 2 tháng 7, phòng thi hành án thuộc Tổng cục công an Tân Tuy báo cáo tình hình chấp hành án xử bắn này lên Tổng cục, đoạn cuối báo cáo có viết "Tháng 6, sau khi được Bộ Trưởng Bộ Xã hội Trung ương Khang Sinh phê chuẩn, đêm ngày 1 tháng 7 đã đem phạm nhân đi xử tử bí mật tại huyện Hưng". Tổng cục Công an Tân Tuy lại báo cáo lên Bộ Xã hội Trung ương, phần cuối báo cáo cũng viết: "Căn cứ vào tội ác và hành vi của Vương Thực Vị, thực tế lại không thể cải tạo được nên đã đề nghị cấp trên quyết định, xử lý. Sau khi được phê chuẩn ngay đêm hôm sau chúng tôi đã tiến hành bí mật xử tử Vương Thực Vị tại huyện Hưng.

Sau khi Vương Thực bị bắt, Mao Trạch Đông đã có chỉ thị rõ ràng rằng không nên giết Vương Thực Vị. Mùa Xuân năm 1948, con người quyền biến Mao Trạch Đông đã vượt sang bờ Đông sông Hoàng đến địa khu Tân Tuy. Trước tiên ông đến Tuy Sở, Ủy ban công tác hậu phương của Trung ương đóng ở ngã ba thị trấn gần huyện Lâm, chính tại đây, Mao Trạch Đông đã được biết Vương Thực Vị đã bị hành quyết. Mao Trạch Đông tỏ ý không vui và nổi giận với số người đã dám cả gan làm việc đó, rồi còn muốn họ phải đền cho ông một Vương Thực Vị khác. Như vậy, việc thể hiện thái độ của Mao Trạch Đông đã làm cho những ai quan tâm đến việc này bắt đầu hiểu rõ cụ thể đầu đuôi việc Vương Thực Vị bị sát hại.

Ngày 25 tháng 3, Mao Trạch Đông từ huyện Lâm đến huyện Hưng và ở ngay trong căn hầm Thái Gia Trang là nơi Hạ Long vẫn thường ở, ông liền hỏi Hạ Long về chuyện Vương Thực Vị bị xử tử bí mật. Nhưng mọi người ở đây cũng như Hạ Long cho đến khi Mao Trạch Đông nói chuyện với Hạ Long thì mới biết là có chuyện như vậy.

Ngày 17 tháng 5 năm 1948, sau khi Mao Trạch Đông rời khỏi huyện Hưng được một tháng 13 ngày, Phòng thụ án Tổng cục Công an Tân Tuy lại chuẩn bị tiếp một báo cáo liên quan đến quá trình Vương Thực Vị bị áp giải và bị xử tử cũng như các tài liệu trước đây gửi lên cấp trên.

Ngày 31 tháng 8 năm 1948, một người chịu trách nhiệm của Bộ Xã hội Trung ương đã gửi lên Trung ương bản kiểm thảo về vấn đề Vương Thực Vị "Về sự việc của Vương Thực Vị thì tôi là người chịu trách nhiệm chính, lúc đó, tôi ở cách Trung ương hẳn một con sông, đứng ra phải có điện liên hệ với Trung ương. Việc giết người là việc rất lớn: đặc biệt lại phụ trách công tác bảo vệ quan trọng. Trước khi làm đã không báo cáo, sau khi làm rồi cũng vẫn chưa báo cáo được. Chỉ vì dựa vào tình hình việc quân khẩn cấp đồng thời quá coi trọng những lời nói, việc làm phản động của Vương Thực Vị trên đường di lý từ Diên An về huyện Hưng, coi nhẹ chính sách của Đảng, tự ý phê chuẩn đề nghị của Tổng cục Công an Tân Tuy cho xử bắn Vương Thực Vị, việc này đã bộc lộ rõ ý thức vô tổ chức, vô kỷ luật của tôi, vì muốn giản tiện, sợ phiền phức, cậy quyền nên đã bộc lộ sai lầm của mình".

Ngày 1 tháng 9 Mao Trạch Đông đã phê vào bản kiểm thảo này "Đã có lý giải, nhận thức đầy đủ không cần phải bàn bạc, xử lý gì nữa." Cả Lưu, Chu, Nhiệm, Đặng, Bành đều duyệt chuẩn y báo cáo. Người viết báo cáo tự kiểm thảo là người chịu trách nhiệm ở Bộ Xã hội Trung ương là người do

Khang Sinh đồng ý cho nhận thay, trong việc này khẳng định là Hạ Long không có liên quan gì".

Sau ngày toàn quốc giải phóng, việc Vương Thục Vĩ đã yên nghỉ dưới tuổi vàng rồi cũng vẫn không bị lãng quên. Bởi vì trong thời kỳ xây dựng đất nước lại liên tiếp xảy ra các cuộc vận động chính trị, bọn sai lầm "tả" khuynh trong Đảng thỉnh thoảng lại ngóc đầu dậy. Với bối cảnh đó, việc xét xử lại án oan của Vương Thục Vĩ chỉ là hy vọng mong manh. Và lại quá trình đi đến việc xem xét lại đúng sai cũng quanh co khúc khuỷu và vô cùng khó khăn.

Mao Trạch Đông từng nhiều lần phát biểu trong nội bộ Đảng: "Tuỳ từng trường hợp hoặc bắt hoặc không cần bắt, có thể giết cũng có thể không cần giết" và đưa ra ví dụ điển hình là vụ Vương Thục Vĩ, cho rằng không nên bí mật giết Vương Thục Vĩ.

Tháng 8 năm 1949, giải phóng Trường Sa, quả phụ của Vương Thục Vĩ là Lưu Bảo đưa con trai Vương Húc Phong và con gái Vương Kinh Phong về sinh sống ở Trường Sa. Sau đó Lưu Bảo đề nghị với Binh đoàn 12 đóng quân ở Trường Sa giúp đỡ bố trí công tác. Sau đó bà được phân công làm giáo viên dạy ở trường thuộc huyện Giao Hà, tỉnh Cát Lâm. Lúc đó, Lưu Bảo đâu có biết rằng Vương Thục Vĩ đã không còn trên thế gian nữa. Bà ngày nhớ đêm mong, chờ đợi người thân đã xa biệt mấy năm, sớm được gặp mặt. Mãi tới năm 1978, Lưu Bảo (đã nghỉ hưu) nghe tin phát thanh mới biết Vương Thục Vĩ bị giết. Lúc đó đối với bà thật như sét đánh ngang tai, bà không dám nghĩ, không dám tin đó là sự thật. Bà biết rất rõ Vương Thục Vĩ là người trong sạch, tự phụ nhưng lại cương trực, mạnh mẽ, nói năng thoải mái không câu nệ mà hay buột miệng nói ngay không hề giấu giếm lẩn tránh, nhưng cũng không thể trở thành phản cách mạng, gián điệp "Tơ-rốt-kít" "Đặc vụ" và càng không thể phản lại Đảng.

Bà lão 73 tuổi này không quản tuổi già sức yếu, ngay từ năm 1979 đã liên tiếp gửi đơn trình bày lên các cơ quan có trách nhiệm liên quan, hy vọng vụ án oan uổng của Vương Thục Vĩ được lộ rõ sự thật giữa thanh thiên bạch nhật.

Ngay trong năm 1957, trong cuộc vận động chỉnh phong "phản hữu" quy mô cả nước, con người có tiếng không có miếng, Vương Thục Vĩ lại một lần nữa bị đem ra để phê phán. Ông chết không minh bạch, sau khi chết rồi vẫn còn bị coi là gương xấu để phê phán một cách tàn nhẫn. Nếu như ở dưới tuổi vàng ông còn biết được thì cũng sẽ đau đớn khôn nguôi?

Tháng 12 năm 1978, sau Hội nghị Trung ương 3 khoá 11 của Đảng việc xem xét lại án oan của Vương Thục Vĩ lại có một chút biến chuyển thuận lợi.

Thông báo của Hội nghị lần thứ 3 khoá 11 chỉ rõ "Giải quyết những vấn đề còn để lại của lịch sử phải tuân theo nguyên tắc thực sự cầu thị mà đồng chí Mao Trạch Đông đã nhất quán nêu ra, có sai phải sửa. Chỉ có kiên quyết đánh giá lại, sửa chữa án giả, uốn nắn án sai, rửa sạch án oan thì mới cùng cố được khối đoàn kết toàn Đảng, toàn dân: bảo vệ được uy tín cao cả của Đảng và đồng chí Mao Trạch Đông". Sau khi kết thúc phong trào quần chúng vạch trần phê phán "bè lũ bốn tên" thì nhiệm vụ này càng phải kiên trì nắm vững và hoàn thành.

Ban tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ thị rõ: "Chỉ cần là án oan, giả, sai, không cần biết ai quyết định, cũng không cần biết cấp nào quyết định; cũng không cần biết vào thời gian nào, nhưng đều phải xem xét và sửa sai lại hết. Như thế có thể nói, không những các án án Mao Trạch Đông và các lãnh đạo khác hoặc được xử trong thời kỳ "Đại Cách mạng Văn hoá" mà ngay cả các án oan, giả, sai từ khi "bốn diệt" "phản hữu" và trong cuộc chiến tranh giải phóng trước đây đều được uốn nắn sửa sai và minh oan, điều đó đương nhiên có cả vụ án của Vương Thục Vĩ. Đây chính là hào quang chiếu sáng giúp cho việc sửa sai oan án của Vương Thục Vĩ!

Năm 1981, Lý Duy Hán uỷ nhiệm cho Ôn Tế Trạch nguyên là cán bộ của Viện Nghiên cứu Trung ương Diên An (thời kỳ xây dựng đất nước làm Viện trưởng Viện nghiên cứu sinh viện khoa học xã hội) và một số người khác giúp ông viết lại hồi ký. Ôn Tế Trạch cho rằng vụ án Vương Thục Vĩ đã làm sai vì vậy phải thực sự cầu thị, ông đề xuất: Trong một số bài viết liên quan đến Vương Thục Vĩ thì có

một số chữ cần phải thêm bớt và nên đổi lại.

Lý Duy Hán cũng nghiêm túc suy nghĩ: "Hãy để cho lịch sử giữ lại những gì vốn có của nó, không ai có thể sáng suốt hơn thế. Việc xác định Vương Thục Vĩ là tư-rốt-kít đúng là không có căn cứ, nên vì ông ta, sửa sai cho ông ta và phải sửa sai". Vì thế, trước đây chủ trương không đả động đến thì nay tiếp tục trực tiếp viết báo cáo gửi lên ban tổ chức Trung ương.

Trong "Đại Cách mạng Văn hoá", Lý Duy Hán bị "lũ bốn tên" giày vò, hành hạ thảm hại, bị đầy trong ngục tù lâu tới 7 năm. Mãi tới khi Hội nghị Trung ương 3 khoá 11 họp, mới được trả tự do. Lúc đó ông đã bị bệnh nặng còn chưa hồi phục được. Trong hồi ký của ông có một bài nhan đề là: "Công tác nghiên cứu và cuộc vận động chỉnh phong của Viện Nghiên cứu Trung ương, trong đó chỉ nói về quá trình đấu tranh chống lại Vương Thục Vĩ và bài học cuối cùng thu được là "một vụ án chưa giải quyết được":

"Đối với vấn đề Tư-rốt-kít của Vương Thục Vĩ và sau khi tôi không còn lãnh đạo chỉnh phong của Viện Nghiên cứu Trung ương cũng như những vấn đề xảy ra "Tập đoàn phản Đảng năm người (chỉ Vương Thục Vĩ, Thành Toàn, Vương Lý, Phan Phương, Tôn Tranh). Gần đây, đồng chí Lưu là vợ Vương Thục Vĩ đã viết thư cho tôi yêu cầu điều tra lại vấn đề của Vương Thục Vĩ, theo người ta cho biết, đồng chí Vương Lý cũng đã có gửi đơn lên Ban tổ chức Trung ương và ban bí thư Trung ương, Ban Thanh tra Trung ương điều tra lại vấn đề của Phan Phương và Tôn Tranh, tôi tin tưởng rằng nhất định cuối cùng Ban Tổ chức Trung ương sẽ đưa ra kết luận chính xác. Tôi là một trong những người biết việc đó nên tôi phải có trách nhiệm nêu ra ý kiến của mình, chịu trách nhiệm về đồng chí của mình trước Đảng. Tôi đã kiến nghị với Ban Tổ chức Trung ương về vấn đề điều tra lại việc của Vương Thục Vĩ nay thấy có mấy điều xác nhận là:

Thứ nhất: Vấn đề Vương Thục Vĩ chủ yếu là vấn đề tư tưởng, không phải là mâu thuẫn địch ta.

Thứ hai: Vấn đề của Vương Thục Vĩ là vấn đề cá nhân chứ không phải là hoạt động có tổ chức chống lại Đảng, vấn đề về con người Vương Thục Vĩ có phải là án sai hay không còn phải đợi điều tra lại. Nếu như đúng là án sai thì dù người đã chết cũng phải sửa sai lại".

Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chú ý đến vụ án của Vương Thục Vĩ Tháng 2 năm 1982 đã ra quyết định "sửa sai đối với vấn đề của "tập đoàn phản Đảng năm người". Với 4 đồng chí: Phan Phương, Tôn Tranh, Trần Tuyên Cương và Vương Nhữ Kỳ". Tiếp đó tháng 8 năm 1986, trong một lời chú giải về Vương Thục Vĩ của "Tuyển tập Trước tác của Mao Trạch Đông" đã công khai tuyên bố. "Căn cứ theo điều tra thì không có việc ông ta làm đặc vụ, gián điệp ẩn nấp của Quốc dân đảng".

Cái gọi là "Tập đoàn phản Đảng năm người" đã bị phủ định, nhưng việc khó làm là vấn đề phần tư Tư-rốt-kít của Vương Thục Vĩ còn bị gác lại Trong khi đang phúc tra lại việc của Vương Thục Vĩ, Ban Tổ chức Trung ương đang xét đến một phần tư Tư-rốt-kít Vương Phàm Tây thì tháng 11 năm 1980, trong "Tập hồi ký Song Sơn" được xuất bản có viết một câu như sau: "Trong khu căn cứ địa do Đảng Cộng sản Trung Quốc thống trị, có một số đã tự động tham gia hoạt động Tư-rốt-kít (Ví dụ như Vương Thục Vĩ...) đã gặp phải đấu tố kịch liệt rồi sau đó bị giết hại" Đó chính là nguyên nhân dẫn đến Vương Thục Vĩ bị gác lại.

Năm 1985, tại Hồng Kông, Vương Phàm Tây lại đăng bài trên nguyệt san "Những năm 90" đầu đề là: "Bàn về Vương Thục Vĩ trong vấn đề (sự kiện) của Vương Thục Vĩ" cứ xưng xưng nói phải: "Xác nhận sự thực là ông ấy và tôi đã có quan hệ giữa những người Tư-rốt-kít của Trung Quốc".

Vương Phàm Tây nói hắn ta và Vương Thục Vĩ vốn là bạn học cũ của Đại học Bắc Kinh những năm 20, và cũng sinh hoạt trong một chi bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Sau đó Vương Thục Vĩ mất liên lạc với Đảng đồng thời cũng không liên hệ được với mấy đồng chí trong chi bộ Đảng. Mùa xuân năm 1930, hắn ta gặp Vương Thục Vĩ tại Thượng Hải đại khái khoảng một năm gì đó, đi lại với

nhau không đến 10 lần. Cùng qua lại thăm hỏi lẫn nhau còn có Trần Kỳ Xương (Trần Thanh Thân), cũng là bạn cũ ở Đại học Bắc Kinh và còn là người giới thiệu cho Vương Thực Vĩ vào Đảng. Lúc đó Vương Phàm Tây và Trần Kỳ Xương đã tham gia phái Tơ-rốt-kít. Bọn họ đã cùng với Vương Thực Vĩ nói về quan điểm, chủ trương của phái Tơ-rốt-kít. Vương Thực Vĩ đã tán thành một số quan điểm của chúng. Nhưng phản đối bọn họ bè phái.

Cũng lúc đó, Vương Thực Vĩ cưới Lưu (cũng là bạn học trường Đại học Bắc Kinh). Cuộc sống rất khó khăn, phải dựa vào tiền nhuận bút viết sách và tiền phiên dịch để sinh sống. Vương Phàm Tây cũng đang định tụ tập mấy người bạn để cùng nhau dịch quyển "Tự truyện" của Tơ-rốt-kít và hẹn Vương Thực Vĩ dịch hai chương trong tập sách đó là "Niu Oóc" và "Tập trung trong doanh trại".

Trong "Tập hồi ký Song Sơn" khi viết về Vương Thực Vĩ, Vương Phàm Tây còn nói: "... phản Tơ-rốt-kít (Ví dụ như Vương Thực Vĩ), còn ghi chú thích với câu này là: "Câu nói này cũng chưa thật xác đáng lắm. ... Vương Thực Vĩ, Trần Kỳ Xương và tôi tuy có quan hệ tương đối mật thiết lâu dài, nhưng về mặt tư tưởng, anh ta còn có một số ý kiến đối với phái Tơ-rốt-kít (Đặc biệt là việc lý giải về văn học). Có thể nói anh ta trước sau vẫn chưa phải đã tham gia hẳn tổ chức của phái Tơ-rốt-kít Trung Quốc (nguyên văn). Chúng ta có thể nói Vương Thực Vĩ là người có cảm tình với phái Tơ-rốt-kít, chứ không thể nói anh ta là phần tử Tơ-rốt-kít". - Vương Phàm Tây còn nói trong sách rằng: "Cần phải thanh minh hai điểm là: Khoảng thời gian những năm từ 1929 đến 1934, Vương Thực Vĩ mất liên lạc với Đảng. Vì muốn tham gia lại tổ chức, lúc đó ông ta thực sự rất lưỡng lự giữa hai phái "Phái Trung ương và phái Đối lập".

Nhưng cuối cùng ông tham gia phái đầu tiên chứ không tham gia phái sau. Mà việc này lại hoàn toàn do quyết định của chính ông. Sau khi ông quyết định gia nhập lại tổ chức của Đảng Cộng sản Trung Quốc, thì đoạn tuyệt luôn không qua lại với bạn bè thuộc phái Tơ-rốt-kít nữa".

Năm 1986 Ôn Tế Trạch, đọc được bài viết này ông cho rằng những câu nói này của Vương Phàm Tây được viết vào năm 1985 là phù hợp với những gì mà Vương Thực Vĩ đã báo cáo với Ban tổ chức Trung ương từ năm 1941, đây có thể loại bỏ được "chướng ngại" cho việc sửa sai đối với Vương Thực Vĩ.

Cũng chính lúc này, Ủy ban biên tập văn kiện Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng đang biên tập và sắp xuất bản "Tuyển tập Trước tác Mao Trạch Đông". Trong quyển: những bài nói chuyện ở Hội nghị mở rộng Công tác của Trung ương" có chỗ nói đến Vương Thực Vĩ. Người biên soạn và chú giải còn thêm vào giải thích hướng điều tra và nghiên cứu về Vương Thực Vĩ. Cuối cùng trong lời chú giải trang 486 đã ghi rõ như thế này:

"Vương Thực Vĩ (1906 - 1947) là người Hoàng Châu, Hà Nam là dịch giả và còn viết một số bình luận văn học và tạp văn. Ông đã từng là cán bộ nghiên cứu đặc biệt của phòng Nghiên cứu Văn nghệ thuộc Viện Nghiên cứu Trung ương ở Diên An, qua căn cứ vào điều tra, ông không phải là gián điệp, đặc vụ ẩn nấp của Quốc dân đảng.

Đến tháng 8 năm 1946 sách này được xuất bản, đã loại bỏ và sửa sai một cách công khai việc chụp mũ cho Vương Thực Vĩ là gián điệp, đặc vụ ẩn nấp của Quốc dân đảng.

Tháng 11 năm 1986, Ôn Tế Trạch viết báo cáo gửi lên Ban tổ chức Trung ương và lại một lần trình bày việc sửa sai vấn đề Vương Thực Vĩ.

Trong báo cáo, ông ta còn kiến nghị phải tổng kết lại từ những bài học kinh nghiệm việc phê phán Vương Thực Vĩ đến việc phê phán trong "Đại cách mạng văn hoá "Ngõ ba nhà". Nhưng sau mấy tháng báo cáo gửi lên, không rõ vì sao vẫn bị gác.

Ngày 4 tháng 3 năm 1988, ông ta lại viết tiếp báo cáo nữa. Ngày 13 tháng 5 năm 1988, có một đồng chí trong Ban tổ chức Trung ương gọi điện thoại cho ông và nói: Báo cáo đó đã được chuyển sang Bộ Công an, vì hồ sơ vụ án của Vương Thực Vĩ ở chỗ các anh ấy, hơn nữa Ban tổ chức Trung

ương đã phối hợp với Bộ Công an làm tốt công tác điều tra lại rồi.

Ngày 30 tháng 6, Bộ Công an cử hai đồng chí còn trẻ tuổi trao đổi với Ôn Tế Trạch. Ý kiến tập trung nói về vấn đề điều tra lại việc Vương Thực Vị với phái Tư-rốt-kít. Họ cho rằng nhất định phải tích cực điều tra lại và làm rõ vấn đề này. Sau đó, họ phải mất thời gian mấy tháng mới tìm ra được tất cả những manh mối chứng cứ trực tiếp và chứng cứ gián tiếp để đủ chứng minh việc đó. Cuối năm đó họ mới viết được báo cáo điều tra lại ban gác lại thêm một thời gian nữa. Đến ngày 7 tháng 2 năm 1991, cuối cùng Bộ Công an mới ra quyết định sửa sai đối với Vương Thực Vị.

Như vậy, sau 49 năm vụ án oan Vương Thực Vị cuối cùng đã được sửa sai triệt để.

11. Người chân chính trở thành Hán gian

Năm 1954, xảy ra sự kiện "Cao Cương, Nhiều Thấu Thạch". Khi thẩm vấn Nhiều Thấu Thạch, phát hiện ra, trong thời kỳ ông đảm nhiệm Bí thư Cục Hoa Đông, từng phê chuẩn sử dụng một số kẻ phản bội, đặc vụ đầu hàng đã từng làm cho Công an thành phố Thượng Hải. Nhận ra vấn đề rất nghiêm trọng; và trong đó có một người do Dương Phàm, Cục trưởng công an thành phố Thượng Hải đưa lên. Từ đó, vận đen của Dương Phàm đã bắt đầu. "Lần dây hái quả", Phó thị trưởng Phan Hán Niên phụ trách công tác thanh lọc chính của Thượng Hải có liên quan.

Cục Công an Thượng Hải mấy lần mở Hội nghị, phê phán Dương Phàm có vấn đề "hữu khuynh", Dương Phàm đã thực sự cầu thị, thanh rình cụ thể tình hình, cũng kiểm tra lại sai sót cá nhân. Đồng chí phụ trách chủ quản của Trung ương đã từng một lần nói với Hội nghị "Vấn đề Dương Phàm là vấn đề sai lầm công tác". Trần Nghị cho rằng, cái vấn đề này cần dựa vào đặc điểm trận tuyến bí mật mà phân tích, không thể giải quyết giản đơn.

Thế là, cuối năm ấy, Dương Phàm có điện thoại thông báo đến Cục Công an thành phố và lập tức bị bắt giữ bí mật. Ngày mùng 2 tết Nguyên đán, bị đưa lên Bắc Kinh để thẩm vấn. Lần đi này cách biệt gia đình 25 năm.

Ba tháng sau, Phan Hán Niên bị bắt, trải qua 8 năm thẩm vấn, đến năm 1963 bị kết tội "làm nội gián" chịu 15 năm tù, tước bỏ quyền lợi chính trị.

Dương Phàm trải qua mười năm thẩm vấn năm 1965 bị kết tội "Làm nội gián, phản cách mạng" bị 16 năm tù, tước bỏ hết quyền lợi chính.

Đây là vụ án "Tập đoàn phản cách mạng Phan - Dương" kéo theo cả một loạt người.

Dương Phàm và Phan Hán Niên biết nhau từ năm 1943, ở Bộ chỉ huy Tân Tứ Quân đóng ở Thán Nam. Lúc bấy giờ, Dương Phàm đang bị thẩm tra, nguyên do là, thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến, ông ta tham gia hoạt động "Hội cứu quốc" công tác ở trường sân khấu kịch Nam Kinh và đã giới thiệu một đồng chí tham gia "Hội cứu quốc". Đây vốn là một tổ chức quần chúng chống Nhật do Đảng Cộng sản lãnh đạo, nhưng lại bị Khang Sinh cho là có quan hệ với CC của Quốc dân đảng. Khang Sinh từ Diên An điện ra lệnh cho Tàn Trí Quân bắt Dương Phàm. Nhiều Thấu Thạch đích thân tra hỏi: "Té ra ông là đặc vụ? Tôi hỏi ông: ông với Trần Nghị gần gũi đến vậy ông đã ly gián được những gì giữa tôi và quân đoàn trưởng? Nhanh hãy nói hết sự thật ra đi". Dương Phàm trả lời rằng: "Nếu ông cho tôi là cán bộ đảng viên thì, không nên nêu ra vấn đề như vậy. Còn nếu ông cho tôi là kẻ địch, tôi sẽ chẳng trả lời ông gì cả". Nhiều Thấu Thạch hỏi được mấy câu bỏ đi. Phan Hán Niên cũng có mặt trong lúc xét hỏi Dương Phàm thấy ông bị còng tay, liền nói: "Đeo còng thì làm sao mà viết được".

Thế là còng tay được tháo ra. Phan Hán Niên hiểu tình hình "Hội cứu quốc" như rõ lòng bàn tay, nên vấn đề Dương Phàm hiểu càng đầy đủ.

Dương Phàm bị giam giữ 10 tháng, đến tháng 9 năm 1944, người quản giáo của bộ đội canh giữ nói với ông ta: "Án của anh đã lật ngược lại rồi".

Nhiều Thấu Thạch lại nói với Dương Phàm: "Tôi chẳng còn có gì để mà nói rồi. Chỉ một câu là tổ chức trên sai rồi, anh không có sai lầm nào!".

Thời kỳ Thượng Hải mới được giải phóng, Phan Hán Niên, Dương Phàm phụ trách công tác bảo vệ an toàn của Thượng Hải. Lúc bấy giờ, tình hình trị an của Thượng Hải vô cùng căng thẳng, bọn tàn quân Quốc dân đảng hoạt động rất ráo riết. Thường vụ Đảng bộ Cục Hoa Đông, Thượng Hải, rất coi trọng công tác thanh lọc ở Thượng Hải, cần xây dựng lực lượng đủ mạnh để đánh địch, ổn định trật tự xã hội. Đêm trước 1-7-1949, Công an Thượng Hải đã tổ chức đợt bắt bớ có tính toàn thành phố. Ngày

27 tháng 4 năm 1951, tiến hành trấn áp phản động toàn thành phố.

Sau khi Thượng Hải được giải phóng, một loạt điện đài của đặc vụ nằm vùng thường xuyên liên lạc với cơ quan đặc vụ Đài Loan và Châu Sơn.

Đồng thời, phía Đài Loan cho rất nhiều toán biệt kích bí mật đến Thượng Hải, tiến hành hoạt động tình báo, ám sát và phá hoại, thông qua điện đàm cung cấp tình hình kinh tế, sản xuất công nghiệp và các mục tiêu nổ bom ở Thượng Hải.

Tháng 1 năm 1950, Cục trưởng bảo mật "Bộ Quốc phòng" Đài Loan là Mao Nhân Phong đích thân chỉ thị cho đài trưởng Đài Độc Lập ở Thượng Hải là La Bính Cán thu thập tên các nhà máy công nghiệp nặng, địa điểm, tình hình sản xuất ở khu Hoa Đông, và cung cấp mục tiêu nổ bom. La Bính Cán dùng điện đài phát đi tin tức tình báo về nhà máy điện Thượng Hải, Nhà máy đóng tàu Giang Nam v.v... và những nhà máy sản xuất quan trọng khác cho Đài Loan, để dẫn đến vụ nổ bom "6-2" làm cho nhân dân Thượng Hải gặp phải tổn thất to lớn về người và tài sản. Cục Công an Thượng Hải rất nhanh bắt được La Bính Cán. Sang ngày thứ hai thì La Bính Cán bị pháp luật nghiêm trị với mức án cao nhất. Nhân dân Thượng Hải hả dạ hả lòng.

Ai ngờ, những vấn đề này lại trở thành nguyên nhân cơ bản để định cho Phan Hán Niên, Dương Phàm là "Nội gián, phản cách mạng".

Lúc bấy giờ còn vận dụng cả sách lược đấu tranh "dùng đặc vụ chống lại đặc vụ", phân hoá ra một số phần tử trong dinh lũy kẻ địch thành phía ta. Đêm trước giải phóng Thượng Hải, có một số người đề nghị được lập công chuộc tội, lúc bấy giờ người lãnh đạo Cục Hoa Đông là Nhiều Thấu Thạch, đồng ý cho Dương Phàm dẫn La Bính Cán lên Thượng Hải tham gia công tác thanh lọc. Số người này đã cung cấp rất nhiều đầu mối để bắt bọn đặc vụ, có tác dụng lớn trong công tác thanh lọc và trấn áp.

Ngày 12 tháng 4 năm 1954, một vị Cục Trưởng tuyên bố rằng bắt giam thẩm vấn Dương Phàm vì ông bao che dung túng phản cách mạng đưa cả 85 tên đặc vụ vào làm công tác nội bộ. Thế là, Dương Phàm bị tổng giam vào ngục. Năm 1965 bị đưa ra xét xử, phán xét với "tội trạng chủ yếu": Một là vấn đề lịch sử, khi ở Trường Nghệ thuật quốc lập đã bán rẻ học sinh, trà trộn nội gián trong nội bộ Đảng. Hai là, cung cấp tin tức tình báo cho Đài Loan, dẫn đến vụ nổ bom ở Thượng Hải "6-2", còn bao che hỗ trợ cho một loạt đặc vụ và phần tử phản cách mạng. Dương Phàm hét to trên công đường rằng: "Các tội trạng này đều là giả dối, là đi ngược lại chính sách của Đảng".

Dương Phàm dựa vào thực tế nhiều lần phản bác lại lời buộc tội. Cán bộ chủ quản kiên trì với cách lập luận chủ quan, cho rằng, Dương Phàm "bao che rất nhiều kẻ phản bội, đặc vụ, đưa bọn phản cách mạng vào làm cán bộ", đồng thời còn thông qua cái gọi là tài liệu, bằng chứng khách quan là một bức thư ép cung được làm căn cứ định: Tháng 6 năm 1967, Dương Phàm chịu thẩm tra, có người còn hùng hổ chất vấn thêm: "Có phải là hiểu rõ lịch sử Giang Thanh"? Dương Phàm trả lời: "Biết". Hỏi: "Ông đã kể với ai bao giờ chưa?".

Trả lời: "Lúc bấy giờ đang ở Tân Tứ Quân viết tài liệu gửi đến Diên An, nhưng chưa hề kể với ai bao giờ".

Thế là năm 1939, Dương Phàm vốn công tác ở văn hoá, tiếp là đoàn biểu diễn ụy lạo các giới Thượng Hải, đến Hà Bắc, Hà Nam biểu diễn ụy lạo Tân Tứ Quân và được giữ ở Bộ Tổng tham mưu.

Lúc bấy giờ, một tờ báo nhỏ do vùng chiến 3 Quốc dân đảng phát hành, đăng tin nói về Lam Bình (tức Giang Thanh) ở Diên An. Dương Phàm khi đó giữ chức thư ký Bộ Tổng tham mưu. Hạng Anh hỏi về Lam Bình, Dương Phàm nói: Khi còn ở Thượng Hải có biết bà ta. Ông còn kể tình hình tác phong sinh hoạt cá nhân và cách nhìn nhận của bà ta.

Hạng Anh yêu cầu Dương Phàm viết một tài liệu, đồng thời đánh đi một bức điện cho Khang Sinh, cuối cùng thêm một câu "Con người này không dễ kết hôn với Chủ tịch".

Năm 1953, Dương Phàm đi chữa bệnh ở Liên Xô và cùng với Thái Sướng đi thăm Giang Thanh

lúc này đang an dưỡng ở Moskva. Giang Thanh giả vờ không quen biết, song lòng rất căm tức.

Điều này là nguồn cơn tai hoạ âm thầm mà về sau Dương Phàm gặp phải.

Dương Phàm bị kết án 16 năm tù, tức từ năm 1955 cho đến năm 1971 mới mãn hạn, vậy mà đến tháng 8 năm 1975 ngành chủ quản "duy trì nguyên án", đưa ông đi lao động cải tạo ở nông trường Sa Dương, Kinh Môn, Hồ Bắc. Trong thời gian ở nông trường, Dương Phàm viết rất nhiều thư gửi Thủ tướng Chu Ân Lai, vậy mà không một bức thư nào tới được.

Phan Hán Niên, Dương Phàm bị bắt, hàng loạt người bị dính líu, rất nhiều người lập công trên trận tuyến chống đặc vụ, lần lượt bị vu là "đặc vụ" "phản tử phản cách mạng". Còn có người bịa ra là chuyện thần thoại Dương Phàm bao che "ba ngàn ba". Cao Kịch Vân tiêu diệt thắng lợi bọn phi và đặc vụ Lưu Toàn Đức đã lập công, nhưng vì Dương Phàm bị bắt nên đã liên lụy, bị giam cầm một năm, bắt đến nông trường lao động giáo dưỡng hơn 20 năm cho đến khi chết. Còn có rất nhiều người có quan hệ công tác với họ đã lâu dài bị ô nhục và bức hại.

Phan Hán Niên bị nặng nhất, ông bị kết án chung thân, khai trừ vĩnh viễn khỏi Đảng. Phan Hán Niên bị đưa đến một nông trường cải tạo tỉnh Hồ Nam, hai vợ chồng bị án oan chết nơi quê người. Sau khi chết, trên bia mộ của họ cũng không dám khắc tên thật.

Lịch sử cuối cùng cũng trở lại với sự thật của nó. Trong thời gian "Thập nhị đại" (đại hội 12) Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã khôi phục làm sáng tỏ danh dự của Phan Hán Niên. Trong thông tri viết: Đồng chí Phan Hán Niên bị quy kết sai là "nội gián". Nguyên nhân chủ yếu nhất là trong bối cảnh lịch sử khi đó, đi ngược với nguyên tắc: mâu thuẫn không giống nhau chỉ có dùng phương pháp không giống nhau để giải quyết, nên đã hiểu sai nghiêm trọng tính đặc thù của cuộc đấu tranh với kẻ địch giấu mặt, làm lẫn lộn ranh giới của đúng sai, ranh giới địch ta, dẫn đến quyết định sai lầm.

Kết quả ấy, không chỉ khiến cho đồng chí Phan Hán Niên chịu án oan lâu dài, mà còn làm liên lụy tới rất nhiều đồng chí có quan hệ công tác với đồng chí Phan trước kia, khiến họ cũng chịu án oan dai dẳng. Bài học lịch sử đau xót này, toàn Đảng mãi mãi sẽ cảnh giác.

Dương Phàm phải đợi thời gian dài mới được làm sáng tỏ, khôi phục danh dự chính trị, mới được đoàn tụ với người thân sau 25 năm và chịu quá nhiều đòn tra tấn, khiến đôi mắt bị mù. Ông viết rất nhiều hồi ký và bài hồi tưởng. Nhờ có người khác giúp đỡ, ông đã hoàn thành "Tự thuật Dương Phàm" và tập hợp một số bài văn trước kia làm thành một cuốn sách để xuất bản

12. Vì "Sách 30 vạn chữ" bị tội 25 năm

Phê phán Hồ Phong là một đại hoạ đầu tiên của giới văn hoá sau thời kỳ Chiến Quốc. Hồ Phong bị quy kết là "Phản Đảng" "Chống cộng" sau thành "Phản cách mạng". Cả thấy 78 người chính thức bị quy là phần tử "Tập đoàn phản cách mạng Hồ Phong", trong đó có 32 đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc bị khai trừ khỏi Đảng, đại bộ phận bị bãi chức, giam cầm và cưỡng bức lao động.

Nỗi ai oán này nặng trĩu đã gần một phần tư thế kỷ.

Ngay từ những năm 1930, Hồ Phong giữ chức vụ Bộ trưởng Tuyên truyền liên minh các nhà văn cánh tả Trung Quốc, sau đó làm Thư ký hành chính, chiến đấu dưới ngọn cờ của Lỗ Tấn, làm được một khối lượng lớn công việc.

Mùa hè năm 1934, thành viên của "Liên minh cánh tả" là Mục Mộc Thiên bị bắt giam, sau khi tự thú đã được thả ra và tung tin nhảm Hồ Phong là nội gián của Nam Kinh phái đến. "Liên minh cánh tả" hoài nghi Hồ Phong, Hồ Phong đành xin từ chức Thư ký hành chính "Liên minh cánh tả". Sau khi hội báo với Lỗ Tấn, Lỗ Tấn bình tĩnh nói:

"Không cần quan tâm đến ông ta, làm việc cho bản thân mình, sử dụng ngòi bút nhiều hơn nữa".

Trong cuộc tranh luận về hai khẩu hiệu "Văn hoá quốc phòng" và "Văn hoá đại chúng trong cuộc chiến tranh cách mạng dân tộc", Hồ Phong và Lỗ Tấn đã sát cánh bên nhau, chịu sự công kích của phái "Văn hoá quốc phòng" nhưng ông quan tâm đến toàn cục và không đăng bài viết thứ hai phản bác phái "Văn hoá quốc phòng".

Hồ Phong có nhiều cống hiến kiệt xuất đối với công tác lý luận văn học và phê bình văn nghệ của Trung Quốc. Ông sáng lập ra trường phái "Tháng bảy" "Hy vọng". "Phái thơ Tháng bảy" đã mở ra một phong cách thơ mới.

Trong số báo "Hy vọng" đầu tiên, Hồ Phong đã đăng bài "Luận chủ quan" của Thư Vu, gây ra sự phê phán mạnh mẽ của những người làm công tác lý luận văn nghệ cộng sản Trung Quốc ở Hương Cảng, về việc này Hồ Phong không có cách giải quyết ôn hoà.

Tháng 4 năm 1949, Hội nghị các nhà văn toàn quốc lần thứ nhất được tổ chức, Hồ Phong được bổ nhiệm làm chủ biên "Báo Văn nghệ", Nhưng Hồ Phong cảm thấy không tin tưởng nên không nhận công việc này.

Đầu năm 1951, Hồ Kiêu Mộc tìm gặp Hồ Phong để đàm đạo, hy vọng ông và lãnh đạo giới văn nghệ hợp tác tốt, đồng thời đưa ra 3 chức vụ cho ông lựa chọn, nhưng Hồ Phong vẫn không "hợp tác" Sau giải phóng, bắt đầu việc phê phán tư tưởng văn nghệ Hồ Phong. Từ ngày 14 tháng 3 năm 1950, báo cáo tại Đài lễ Đường nhân dân, Bộ trưởng Văn hoá Chu Dương đã phê phán 2 bài viết của nhà văn A Lung thuộc phái "Tháng bảy", cho rằng đây là sự ngóc đầu dậy của "Tiểu tập đoàn" các nhà văn thuộc giai cấp tiểu tư sản. Sau đó, "Báo Văn nghệ" đã đưa ra lời phê bình đối với nhóm thơ "Thời gian bắt đầu" của Hồ Phong, các báo khác cũng đăng những bài phê phán.

Tháng 3 năm 1952, "Báo Văn nghệ" phát động chuyên mục "Thư bạn đọc" để tiến hành chiến dịch phê phán tư tưởng văn nghệ Hồ Phong.

Ngày 25 tháng 5, trong bài phát biểu trên "Trường Gia nhật báo", Thư Vu đã kiểm điểm về bài "Luận chủ quan" mà mình đã viết. Ngày 8 tháng 6 "Nhân dân Nhật báo" truyền tải toàn văn và đăng thêm "Lời người biên tập chỉ ra "Niềm hy vọng của "Luận chủ quan" là cái mà "Tiểu tập đoàn" tổ chức trên văn đàn do Hồ Phong đứng đầu". Ngày 25 tháng 9 trên "Báo Văn nghệ", Thư Vu lại đăng bài "Thư công khai gửi Lộ Linh" vạch trần toàn diện "Tiểu tập đoàn" do Hồ Phong đứng đầu.

Hai bài viết này đã chỉ ra những thiếu sót để công khai phê phán tư tưởng văn nghệ Hồ Phong.

Ngày 19 tháng 7 Năm 1952, Hồ Phong đang ở Thượng Hải thì nhận được thông báo của Chu Dương, muốn ông đi Bắc Kinh, tham gia "Hội nghị hội thảo tư tưởng văn nghệ Hồ Phong" do Tổ chức Đảng tác hiệp liên minh Văn hoá Trung Quốc tổ chức. Hội nghị bắt đầu từ ngày 6 tháng 9 đến ngày 16 tháng 12, đã triển khai bốn lần Hội nghị, Lâm Mặc Thừa, Hà Kỳ Tô đã kịch liệt phát biểu, cuối cùng Chu Dương tóm tắt chỉ ra đường lối phản Đảng mà Hồ Phong tiến hành trên văn đàn, muốn Hồ Phong rút ra khỏi diễn đàn lý luận văn nghệ.

Ngày 29 tháng 1 năm 1953, Liên minh Văn hoá toàn quốc đã tổ chức Hội nghị báo cáo phê phán tư tưởng văn nghệ Hồ Phong "Báo văn nghệ" số ra ngày 30 tháng 1 và 15 tháng 2 đã đăng bài viết của Lâm Mặc Thừa "Tư tưởng văn nghệ phản chủ nghĩa Mác của Hồ Phong" và "Đường lối chủ nghĩa hiện thực hay đường lối phản chủ nghĩa hiện thực" của Hà Kỳ Tô, phê phán một cách toàn diện hệ thống tư tưởng văn nghệ của Hồ Phong. Hồ Phong không thể tiếp thu được những quan điểm của bài viết này.

Tháng 3 năm 1954, sau khi học tập Nghị quyết Đại hội toàn quốc khoá 8 lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và bài "Học tập Nghị quyết Hội nghị toàn quốc lần thứ tư, triển khai đúng đắn công tác phê bình và tự phê bình" của "Xã luận" Nhân dân Nhật báo, nổi bật khoản về tư tưởng của Hồ Phong đã tiêu tan, bởi chỉ thị của Chu Ân Lai "Không thể né tránh phê bình" ông muốn "xem xét bản thân, xem xét hiện thực, mặt đối mặt với cuộc đấu tranh", "Trước yêu cầu lịch sử, trước chân lý, Đảng không cho phép bất cứ ai có những quyền lợi đặc biệt". Thế là ông bắt đầu viết một bài dài lấy đầu đề là "Báo cáo về tình hình thực tiễn nền Văn nghệ từ sau giải phóng đến nay", bắt đầu viết từ tháng 3 đến tháng 7 thì hoàn thành, toàn văn dài đến 27 vạn chữ, được gọi là "sách 30 vạn chữ". Ngày 22 tháng 7, Hồ Phong đệ trình báo cáo lên Tập Trọng Quyên, lúc đó là Chủ nhiệm Ủy ban Văn giáo Quốc vụ viện, đề nghị ông ta trình lên Trung ương Đảng.

Cuối năm 1954, "Báo Văn nghệ" tuyên bố dừng việc phê phán đối với Dư Bình Bài, thì bắt đầu rầm rộ phê bình Hồ Phong. Ngày 8 tháng 12, Chu Dương có bài phát biểu với đầu đề "Chúng ta phải chiến đấu", có thể coi là "Sách đấu" và cương lĩnh để phê phán Hồ Phong. Ngày 10 tháng 12 "Nhân dân Nhật báo" đã phát đi toàn văn bài viết này, đẩy lên cao trào phê Hồ Phong mang tính toàn quốc lần thứ 3.

Hồ Phong buộc phải viết "Bản tự kiểm điểm của tôi" và "Bản kiểm thảo đối với bài "Những tài liệu chứng minh về mấy vấn đề mang tính lý luận".

Ngày 17 tháng 1 năm 1955, Mao Trạch Đông quyết định lấy phần 3 và 4 của cuốn "Sách 30 vạn chữ" của Hồ Phong làm bài "Những ý kiến của Hồ Phong về vấn đề Văn nghệ" để công khai phát biểu và triển khai thảo luận. Từ đó đến ngày 12 tháng 5, các tờ báo nói trên ở các tỉnh trên toàn quốc đã đăng các bài phê bình Hồ Phong đến hơn 400 số.

Ngày 16 tháng 2 báo "Thanh niên Trung Quốc" kỳ thứ tư, Vu Thư đã đăng bài "Tư tưởng Văn nghệ Hồ Phong phản chủ nghĩa Mác" và bắt tay biên soạn một số tài liệu về Hồ Phong, còn giao nộp hơn 100 bức thư mà Hồ Phong gửi cho ông ta và do Bộ Tuyên truyền Trung Quốc gửi cho Mao Trạch Đông.

Ngày 13 tháng 5 "Nhân dân Nhật báo" đăng bài "Một số tài liệu về tập đoàn phản Đảng Hồ Phong" đồng thời đăng "Lời người biên tập" do Mao Trạch Đông sửa đổi, chỉ ra rằng: "Từ những tư liệu được vạch trần trong bài viết của Vu Thư, người đọc có thể thấy rõ Hồ Phong và tập đoàn phản Đảng Cộng sản, phản nhân dân cách mạng do ông ta lãnh đạo là những nhà văn tiên bộ đã từ lâu đối địch, là kẻ thù, căm giận sâu sắc Đảng Cộng sản Trung Quốc và phi Đảng... Giả vờ là giả, giả tạo thì nên bóc đi". Hơn nữa còn đăng bài "Bản tự phê của tôi" của Hồ Phong để "làm tư liệu cho độc giả nghiên cứu phá hai mặt phản cách mạng này". "Tội trạng" quy cho Hồ Phong là "Lãnh đạo tư tưởng và lãnh đạo, tổ chức các hoạt động văn nghệ phản đối và ngăn chặn Đảng Cộng sản Trung Quốc", là "Đội ngũ văn

hoá Cách mạng do Đảng và các nhà văn tiến bộ phi Đảng tổ chức đã phản đối và ngăn chặn sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Ngày 17 tháng 5, Hồ Phong và vợ là Mai Chí cùng bị bắt, bị cách ly để tra hỏi.

Ngày hôm sau, dưới tiêu đề chạy suốt nhiều cột báo "Đề cao cảnh giác, vạch trần Hồ Phong", "Nhân dân Nhật báo" đã phát biểu phê bình những bài viết và những lá thư của "Tập đoàn phản động Hồ Phong", đồng thời cho đăng lời chú của người biên tập được viết dựa theo tinh thần mà Mao Trạch Đông phê phán.

Từ đó về sau, giọng điệu phê phán ngày một lên cao. Quy cho Hồ Phong từ chỗ "Phản Đảng", "Phản cộng" nâng lên thành "Phản cách mạng".

Ngày 24 tháng 5, "Nhân dân Nhật báo" công bố tập tài liệu thứ hai "về Tập đoàn phản Đảng Hồ Phong", tiết lộ 68 bức "thư mật" của "Tập đoàn phản Đảng" mà Hồ Phong viết. Phần "lời người biên tập" do Mao Trạch Đông đích thân sửa chữa chỉ ra rằng: "Trong những bức thư này, Hồ Phong bôi nhọ một cách ác độc Đảng Cộng sản Trung Quốc, bôi nhọ phương châm văn nghệ của Đảng, bôi nhọ các đồng chí có trách nhiệm trong Đảng chửi rủa các nhà văn là đảng viên và các nhà văn ngoài Đảng của giới văn nghệ; trong những lá thư này, Hồ Phong chỉ huy những người trong tập đoàn phản động của ông ta tiến hành các hoạt động tội ác phản Đảng, phản nhân dân, tổ chức một cách bí mật có kế hoạch cuộc tiến công điên cuồng vào Đảng Cộng sản Trung Quốc và trận tuyến văn nghệ mà Đảng lãnh đạo; trong những lá thư này, Hồ Phong xui khiến các vây cánh của ông ta đánh vào nội bộ Đảng Cộng sản, đánh vào nội bộ đoàn thể cách mạng, kiến lập cứ điểm, tăng thêm "thực lực" thăm dò tình hình và ăn cắp các văn kiện của Đảng". Chung quy lại, vấn đề chủ yếu ở 3 phương diện: Một là, không bằng lòng với hiện trạng của giới văn nghệ, cho rằng giới văn nghệ đang bị bao trùm một nỗi đau buồn rất lớn, rất nhiều người như là đang đeo gông vào cổ; Hai là, ví "bài nói chuyện tại Hội nghị toạ đàm văn nghệ Diên An" của Mao Trạch Đông như là "Tô-tem Anh quốc", biểu hiện rõ thái độ khinh miệt; Thứ ba là, tìm mọi cách xem các văn kiện của Đảng mà lẽ ra không nên xem. Kỳ thực, những "cái mũ" này đều là những từ không có thực mà Trương Quán Ly chụp lên.

Tập tài liệu thứ ba cũng là một số thư từ của Hồ Phong, đã đổi từ "Tập đoàn phản Đảng" thành "Tập đoàn phản cách mạng".

Tháng 6, Nhà Xuất bản Nhân dân đã xuất bản bộ sách đặc biệt về 3 tập tài liệu này. Mao Trạch Đông đã viết lời nói đầu lấy danh nghĩa là Ban biên tập của "Nhân dân Nhật báo" còn thêm 2 dòng chú giải vào tập tài liệu thứ hai. Điều này thật là một đòn chí mạng. Lời chú giải nói rằng: "Không cho phép những phần tử phản cách mạng phát biểu ý kiến phản cách mạng. Điều đó là xác thực, chế độ ta không cho phép những phần tử phản cách mạng được tự do này... Ở đây, không phải là dùng phương pháp dân chủ mà là dùng phương pháp chuyên chính đến độc tài, chỉ cho phép họ hành động theo nguyên tắc, không cho phép nói lung tung làm bừa bãi... Do vậy, đã dẫn đến việc triển khai trong phạm vi toàn quốc một phong trào thanh trừ tất cả những phần tử phản cách mạng giấu mặt.

Đầu tháng 8, Hồ Phong chính thức bị bắt giam, trong một nhà tù cũ ở Bắc Kinh, mấy tháng sau bị tống vào phòng tù đơn độc của nhà giam Tần Thành.

Phụ nhân Hồ Phong là Mai Chí bị giam giam nơi khác. Năm 1961 vì cha mẹ của Mai Chí mắc bệnh qua đời nên được phê chuẩn ra tù, mãi đến tháng 4 năm 1965 mới được phê chuẩn gặp Hồ Phong. Lúc này cách khi bị bắt năm 1955 là 10 năm.

Tháng 11 năm 1965, Hồ Phong bị xử tù 14 năm, tước đoạt quyền lợi chính trị 6 năm. Bộ Công an quyết định thả Hồ Phong và thi hành giam tại ngoại.

Ngày 30 tháng 12, Hồ Phong ra khỏi nhà giam Tần Thành, trong hơn 20 ngày kể từ Tết Nguyên đán đến hết xuân, ông được thu xếp tham quan ở Bắc Kinh.

Ngày 24 tháng 1, Bộ Công an cử người đi tìm Hồ Phong để nói chuyện, thông báo ông phải đi

thành phố Tứ Xuyên, nói rằng đây là trách nhiệm của họ vì sự an toàn của Hồ Phong và là quyết định của Trung ương.

Mai Chí gọi điện thoại mời vợ chồng Nhiếp Cam Nỗ đến nhà. Họ đều khuyên Hồ Phong mau rời khỏi Bắc Kinh - nơi có nhiều điều thị phi này. Họ cũng đã từng ném mùi trong đợt phê bình "Hải Thụy bãi quan".

Ngày 15 tháng 2, Hồ Phong và Mai Chí đáp xe lửa rời Bắc Kinh. Đoàn tàu còn chưa rời khỏi Nguyệt Đài, vợ chồng Hồ Phong, không kìm nổi đã khóc rất to. Năm đó Hồ Phong đã 64 tuổi.

Vợ chồng Hồ Phong ở thành phố Tứ Xuyên được vài tháng, thì ngọn lửa "Đại cách mạng văn hoá" đã bùng lên. Đêm khuya ngày 8 tháng 9, họ bị áp giải đến nông trường Miêu Khê của Cục cải tạo lao động huyện Như Sơn vùng Nhã An, sinh hoạt phí mỗi tháng trước đây được 50 NDT nay thay đổi chỉ còn 20 NDT.

Cuộc đấu tranh vũ trang ở tỉnh Tứ Xuyên diễn ra ngày càng ác liệt, lấy lý do để "an toàn" ngày 7 tháng 11 Bộ Công an áp giải Hồ Phong vào thành phố để quản lý, thực chất là "bắt giam", vợ chồng Hồ Phong lại xa nhau một lần nữa.

Theo phán quyết trước đây, đến tháng 8 năm 1969 Hồ Phong mãn hạn chịu hình phạt. Cuối năm, Hồ Phong viết tờ trình đề nghị giải quyết. Sở Công an Tứ Xuyên cử người đến phòng giam Hồ Phong kiểm tra, phát hiện Hồ Phong viết những câu thơ lên nhiều tờ báo cũ, có tờ báo in hình Mao Trạch Đông, thế là quy thêm tội danh cho Hồ Phong là "Viết thơ phản động trên hình Mao Chủ tịch, tố cáo Mao Chủ tịch - vị lãnh tụ vĩ đại", ông bị áp giải đến nhà giam số 3 Ty Công an Tứ Xuyên ở huyện Đại Trúc. Ngày hôm sau, lấy danh nghĩa là "Tổ chức bảo vệ Ủy ban cách mạng tỉnh Tứ Xuyên", họ đã xét xử lại, thay đổi án thành "tù chung thân".

Tháng 8 năm 1971, Hồ Phong cảm thấy tuyệt vọng và có ý tự vẫn nhưng bị phát hiện và may mắn thoát chết, từ đó xuất hiện căn bệnh tinh thần trầm mặc. Đến tháng 1 năm 1973, Ty Công an tỉnh Tứ Xuyên điều Mai Chí từ nông trường cải tạo lao động Miêu Khê đến nhà giam số 3 ở Đại Trúc để chăm sóc Hồ Phong, lúc này họ đã xa nhau được 7 năm, tinh thần Hồ Phong dần dần tỉnh táo nhưng sức khỏe thì đã suy nhược.

Tháng 1 năm 1976, Chu Ân Lai tạ thế. Hồ Phong viết tản văn "Nhận tội với Thủ tướng Chu" và thơ điệu "Nhớ Thủ tướng Chu". Tháng 9 năm 1976, Mao Trạch Đông tạ thế, Hồ Phong viết một vài cảm thụ trong những ngày "vô cùng đau thương này" để tỏ lòng thương tiếc, ông còn nghiên cứu "Hồng lâu mộng", sáng tác "khúc giao hưởng Thạch đầu ký".

Ngày 19 tháng 10, nghe đài phát đi bài "tên độc tài Hà Hứa Nhân", tư tưởng của Hồ Phong bị chấn động, sau từ những nhân viên quản lý trại giam ông được biết "Bè lũ bốn tên" bị đập tan, tinh thần càng phấn chấn, ông bắt đầu viết hồi ức về những tư liệu và những bài thơ của Lỗ Tấn.

Tháng 12, Cục cải tạo lao động tỉnh Tứ Xuyên cử người đón Hồ Phong đến bệnh viện Cục cải tạo lao động thành phố kiểm tra sức khỏe. Sau mấy tháng điều trị, sức khỏe Hồ Phong có chuyển biến khá tốt. Tháng 3 năm sau lại quay về nhà giam số 3.

Ngày 24 tháng 1 năm 1979, Bộ Công an gọi điện thông báo lập tức thả Hồ Phong. Hôm sau Ty Công an tỉnh Tứ Xuyên đưa xe đến đón Hồ Phong và Mai Chí về thành phố. Ngày 10 tháng 2, Ty Công an tỉnh Tứ Xuyên tuyên bố bản án mà "Tổ chức người bảo vệ Ủy ban cách mạng tỉnh Tứ Xuyên" đã phán quyết nay không còn hiệu lực.

Tháng 6 Hồ Phong được bầu làm Ủy viên Hội nghị hiệp thương chính trị tỉnh Tứ Xuyên.

Ngày 30 tháng 3 năm 1980, Hồ Phong và Mai Chí đáp máy bay về Bắc Kinh. Hồ Phong được đưa vào bệnh viện chữa bệnh.

Tháng 9, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra quyết định, huỷ bỏ bản án "Tập đoàn phản cách mạng Hồ Phong". Ngày 22, Chu Dương đến bệnh viện trao cho Hồ Phong quyết định

hủy bỏ bản án của Trung ương.

Cuối tháng 9, văn kiện Trung ương chính thức được chuyển đến nội bộ Đảng, cái nặng nề đè lên đầu những thành viên của cái gọi là "Tập đoàn phản cách mạng Hồ Phong" đã được dỡ bỏ.

Hồ Phong được khôi phục hội tịch của Hiệp hội nhà văn Trung Quốc, sau được bổ làm cố vấn, rồi lại được bầu làm ủy viên, Thường ủy Hội hiệp thương chính trị toàn quốc, ông còn được chọn làm ủy viên liên minh Văn hoá toàn quốc.

Như cây khô gặp mùa xuân. Hồ Phong bộc lộ tình cảm, sáng tác rất mãnh liệt. Từ năm 1979 đến mùa hè năm 1984 đã xuất hiện cao trào sáng tác lần thứ 3 của cuộc đời ông. Hồ Phong đã viết bài "Lịch sử là sự chứng kiến tốt nhất" làm sáng tỏ cuộc đấu tranh "Hai khẩu hiệu" trong những năm 30, ước khoảng 15 vạn chữ; "Tập bình luận Hồ Phong- Hậu ký", hơn 4 vạn chữ, "Tả liên hồi ức lục" (Hồi ký về liên kết cánh tả) khoảng 15 vạn chữ; "Kháng chiến hồi ức lục", hơn 20 vạn chữ; "Lỗ Tấn tiên sinh" hơn 4 vạn chữ, ông còn viết tản văn và tạp văn hơn 10 vạn chữ. Lúc đó Hồ Phong đã 80 tuổi.

Hồ Phong đã có tình cảm sâu đậm và lòng tin tuyệt đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc, ông nói: "Trong gần một phần tư thế kỷ này, điều đã giúp tôi sống được chính là niềm tin của tôi đối với Đảng. Đây là lời tâm huyết của tôi, tôi tin tưởng ở Đảng ta".

Ngày 8 tháng 6 năm 1985, bệnh tình Hồ Phong chuyển biến xấu, ông vĩnh biệt trần thế.

Ngày 15 tháng 1 năm 1986, lễ truy điệu Hồ Phong được tổ chức ở nghĩa trang cách mạng Bát Bảo Sơn. Bộ trưởng Bộ Văn hoá Chu Mục Chi gửi lời điếu, thừa nhận cuộc đời của Hồ Phong.

Câu đối phúng của Lâu Thích Di viết rằng: "Tranh ngôn tam thập vạn, phong cốt tức thiên thu" (ngòi bút vang chí lớn, non sông lưu muôn đời).

Bài thơ của A Lũng, người của phái "Tháng Bảy", trước sự ra đi của Hồ Phong cũng có thể coi là lời điếu:

"Yếu khai tác nhất chi bạch sắc hoa

Nhân vị ngã môn yếu giá dạng tuyên cáo.

Ngã môn vô tội.

Nhiên hậu ngã môn điều tạ".

Nghĩa là:

Muốn làm đoá hoa trắng tinh khiết.

Chúng tôi đành tuyên cáo vậy thôi

Chúng tôi nào có tội

Sau này cảm tạ nhiều nhiều.

Đoá hoa màu trắng này mãi mãi cảnh tỉnh chúng ta.

13. Thiếu tướng phê

Mùa xuân năm 1957, Cát Bội Kỳ giảng viên trường Đại học Vật lý nhân dân Trung Quốc đã ba lần nhận giấy mời của Đảng uỷ Trường mời ông tham dự "Hội nghị toạ đàm những nhân sĩ ngoài Đảng", Cát Bội Kỳ là đảng viên cộng sản hoạt động bí mật hơn mười năm rồi. Vì tổ chức bí mật bị phá vỡ người lãnh đạo đơn tuyến bị bắt nên mất liên lạc với tổ chức. Ông đã sớm yêu cầu khôi phục lại sự liên lạc đó, song vẫn chưa được đáp ứng, nên ông không muốn là một "Trí thức ngoài Đảng". Do vậy hai lần Hội nghị trước ông không tham dự, đến lần thứ 3 này ông miễn cưỡng tham dự. Đó là ngày 24 tháng 5 năm 1957. Bí thư Đảng uỷ yêu cầu mọi người sôi nổi phát biểu giúp đỡ xây dựng tác phong đảng viên. Sau một số ý kiến Cát Bội Kỳ đã phát biểu về một số việc làm không phù hợp với trường đại học, không nên xa rời quần chúng, không nên coi thường phần tử trí thức, cán bộ đảng viên không nên có cách sống khác người, phải khắc phục chủ nghĩa chủ quan, chủ nghĩa đảng phái và quan hêu... Ngày 27 tháng 5 "Tuần báo Người vĩ đại" đã đăng lời phát biểu của Cát Bội Kỳ (đã được sửa đổi), trong đó nói rằng: "Không nên tin tưởng vào hàng ngũ trí thức chúng tôi, làm thì tốt đấy song có thể là chẳng ra gì quần chúng có thể lật đổ các anh. Giết chết những người Cộng sản, lật đổ các anh, đây không thể nói rằng không yêu nước vì những người đảng viên cộng sản, không phục vụ nhân dân". Đó rõ ràng không phải Cát Bội Kỳ nói, cho nên ngay chiều hôm đó ông đã đến gặp Đảng uỷ Trường yêu cầu cải chính lại. Phó Bí thư, Phó hiệu trưởng Nhiếp Trân nói: "Đảng Cộng sản thực sự cầu thị, đã sai thì phải sửa, có thể sẽ cải chính"

Ngày 31 tháng 5 "Nhân dân Nhật báo" thứ 7 đăng tin Hội nghị toạ đàm chỉnh đốn tác phong của Đại học nhân dân Trung Quốc. Mở đầu đã đăng ghi âm lời phát biểu của Cát Bội Kỳ, thêm đầu bớt đuôi, sửa văn đổi nghĩa. Ngày 5 tháng 6 "Nhân dân Nhật báo" dựa vào mục "Thư độc giả" đăng phát biểu ngày thứ 7 "Tôi phản đối quan điểm của Cát Bội Kỳ". Trong bài này đã gọi rõ họ tên ra phê phán, ngày 6 tháng 6 "Nhân dân Nhật báo" đăng tiếp "Nhân dân không nhờ Cát Bội Kỳ phát biểu như vậy" "Phát biểu của Cát Bội Kỳ không phù hợp với thực tế" "Tôi hầu như không còn tin vào mắt mình". Ba bài xã luận, ngày 7 tháng 6 lại đăng tiếp một bài nữa.

Ngày 8 tháng 6 Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ban hành "Chỉ thị các tổ chức có liên quan chuẩn bị lực lượng phản kích tấn công những phần tử cánh hữu". Nhân dân Nhật báo đăng xã luận "Đây là cái gì?" Còn đăng "Phải làm sạch tư tưởng hạn hẹp của Cát Bội Kỳ"... Ba bài xã luận dài phê phán Cát Bội Kỳ. Lại một lần nữa giở lại ghi âm phát biểu của Cát Bội Kỳ. Lấy chủ đề là "Bàn về những lời phản lại Đảng Cộng sản" bài báo viết "Quần chúng muốn lật đổ Đảng Cộng sản, giết chết những người đảng viên cộng sản. Nếu các anh không thay đổi, không cần phải cãi nhau nữa, đến lúc hủ bại quá thì sẽ phải bỏ đi thôi, đó là con đường tất phải theo. Rồi cũng sẽ có ngày chúng tôi sẽ phù hợp với quy luật phát triển Xã hội chủ nghĩa. Chỉ hô muôn năm suông thôi thì có tác dụng gì". Cát Bội Kỳ xem báo xong, trong lòng rất lo sợ, từ trước đến nay ông không bao giờ nói như vậy nên vội viết thư yêu cầu "Nhân dân Nhật báo" cải chính, nhưng "Nhân dân Nhật báo" chẳng thèm để ý đến. Ngày 14 tháng 6 "Nhân dân Nhật báo" tách biệt 3 bản tin phê phán Cát Bội Kỳ ở những nơi khác nhau "Điện báo Nam Kinh, điện Bảo Định, điện Thẩm Dương" đồng thời đưa bài xã luận "Học sinh của Cát Bội Kỳ lên án Cát Bội Kỳ".

Ngày 15 tháng 6 đăng tiếp bài viết của một trí thức dân chủ nào đó. "Tôi dành một số ý kiến phát biểu với sự im lặng của Cát Bội Kỳ". "Nhân dân Nhật báo" liên tục đăng tải, tập trung. mũi nhọn vào phê phán Cát Bội Kỳ. Báo chí khắp các nơi rầm rộ vào trận, chuyển tải "những phát biểu phản lại Đảng" của Cát Bội Kỳ. Số lượng lớn các bài viết đều phê phán Cát Bội Kỳ. Đêm ngày 24 tháng 12

năm 1957 Cát Bội Kỳ bị bắt ngay tại Trường Đại học nhân dân Trung Quốc với tội danh "phản tử phản cách mạng trước đây". Nhà ông bị lục soát, họ đã lấy đi bức ảnh ông mặc quân phục Quốc dân đảng cưỡi con ngựa Nhật, bằng tốt nghiệp Đại học của ông, hai bộ quân phục Quốc dân đảng và quyển nhật ký ông viết khi hoạt động du kích. Cát Bội Kỳ bị khoá tay và đưa về trại giam. Lúc đầu ông bị giam giữ ở ngõ Hồ Đồng trên đồi cỏ gần cửa Tây An. Đây trước là toà sơ thẩm của "Phản quân Bắc Bình" đã từng giam giữ rất nhiều đảng viên cộng sản như Lan Thọ, Bạc Nhất Ba, Dương Hiến Châu.

Cuối mùa xuân năm 1958 thẩm vấn viên bắt đầu mở hàng loạt cuộc thẩm vấn Cát Bội Kỳ.

Thẩm vấn hỏi: "Khi ở Đông Bắc anh là thiếu tướng Quốc dân đảng, anh làm những việc gì?" Cát Bội Kỳ nói: "Tôi là Đảng viên cộng sản, tổ chức bí mật của Đảng cử tôi thâm nhập vào Bộ tư lệnh bảo an vùng Đông Bắc của Quốc dân đảng, được che đậy bằng cái vỏ thiếu tướng Quốc dân đảng" tôi hoạt động bí mật đã thu thập số lượng lớn tin tình báo quân sự quan trọng của Quốc dân đảng cung cấp cho tổ chức bí mật của Đảng". Thẩm phán viên tức giận quát: "Anh là thiếu tướng Quốc dân đảng làm sao có thể là đảng viên cộng sản được? Anh ngang nhiên bôi nhọ Đảng Cộng sản như vậy thật là hồ đồ, tội của anh càng nặng thêm!"

Đầu mùa đông năm 1958 điều tra viên đưa cho Cát Bội Kỳ bản "Đề cương tự khai báo" yêu cầu ông dựa theo đề cương đó mà viết "Tự mình khai báo". Ông viết rất nhanh và giao nộp cho họ. Cuối tháng 2 năm 1959 phân viện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bắc Kinh đã đưa đến bản khởi tố chuẩn bị xử án. Ngày 4 tháng 3 "toà án" làm việc ngay tại nơi giam giữ trên đồi cỏ. Kiểm sát viên đọc bản khởi tố, tố cáo Cát Bội Kỳ là kẻ "Phản cách mạng trước đây" và "Phản cách mạng ngày nay". Người thẩm phán yêu cầu Cát Bội Kỳ được phát biểu. Cát Bội Kỳ nói:

- Bản khởi tố tố cáo hai tội danh của tôi đều không đúng. Nội dung tố cáo tôi là "phản cách mạng trước đây chủ yếu là: đã làm đến chức tướng phi, công hiến rất tích cực cho địch, cả thời gian dài làm đặc vụ cho tướng phi". Đây hoàn toàn là sự dối trắng thành đen, nói không thành có. Tôi đã từng là Thiếu tướng đặc phái viên, uỷ viên Quân uỷ Trường Thiên Quốc dân đảng". "Thiếu tướng Chủ nhiệm bộ Chính trị Bộ tư lệnh bảo an Trường Quân đông bắc của Quốc dân đảng"... Đó chính là cái vỏ che đậy của tôi, là do Đảng Cộng sản đã giao nhiệm vụ cho tôi. Được che đậy bởi những chức vụ ấy tôi đã khích động số đông quân lính, Hán gian trở về chính nghĩa đã biên chế vào các đơn vị bộ đội chống Nhật, tôi đã giúp đỡ xây dựng trạm điện đài bí mật ở' Thẩm Dương. Nhờ có nó mà đã nắm bắt được nhiều tin tình báo quân sự quan trọng của Quốc dân đảng báo cáo về cho Đảng Cộng sản. Tôi chỉ là người thực thi nhiệm vụ Đảng giao làm nhân viên công tác tình báo bí mật hoạt động trong cơ quan quân sự cao cấp của Quốc dân đảng. Nội dung chủ yếu bản khởi tố tố cáo tôi tội "Phản cách mạng ngày nay" là ý nói tôi mượn cơ chính đồn tác phong Đảng để công kích, bôi nhọ các chỉ thị chính sách và hoạt động của Đảng, kêu gọi giết chết đảng viên cộng sản, lật đổ chính quyền nhân dân,~ những chứng cứ để xác định tội danh đó là từ các bài báo đăng năm 1957 đã sàng lọc điều không có sự thật. Bản khởi tố đều lấy các lời dẫn từ các bài báo đăng không phải nguyên văn lời của tôi nói. Những phát ngôn của các báo đăng khi đó không có sự đồng ý của tôi, cũng chẳng có chữ kí của tôi vì vậy không có hiệu lực pháp luật, không thể lấy nó làm "chứng cứ" để định tội. Hơn nữa Mao Chủ tịch đã nói: "Vấn đề phải hữu là mâu thuẫn địch ta, còn chúng ta hãy giải quyết mâu thuẫn này trong nội bộ". Bản khởi tố tố cáo tôi là "Phản cách mạng hiện nay" là không thể được. Vậy tôi đề nghị hãy theo luật pháp mà tuyên bố tôi vô tội và thả ra.

Người kiểm sát không đồng ý với ý kiến đó. Bồi thẩm nói: "Đề nghị toà án căn cứ vào sự tố cáo của Viện kiểm sát và lời đáp của bị cáo, hãy thẳng thắn phán quyết. Trung tuần tháng 4 năm 1959, Cát Bội Kỳ được giải về giam tại thành phố Bắc Kinh. Ngày 29 tháng 6 Toà án nhân dân Tối cao thành phố Bắc Kinh đã định tội Cát Bội Kỳ: "Bị cáo Cát Bội Kỳ đã phạm tội phản cách mạng, phạt tù chung thân và tước bỏ mọi quyền lợi chính trị suốt đời" Tháng 12 năm 1935, Cát Bội Kỳ học Đại học tại Bắc

Kinh, đồng thời ông tham gia và xây dựng các tổ chức học sinh sinh viên. Là một trong những người lãnh đạo phong trào "12-9" bị bắt trong phong trào "12-16". Sau khi Bắc Bình sa vào tay giặc ông lên đường ra tiền tuyến đánh Nhật, tổ chức các đội du kích chống nhật ở Dục Đông, Kỳ Nam. Năm 1938 ông được vào Đảng ở tiền phương. Sau đó ông được Đảng điều động đánh vào cơ quan quân sự cao cấp của Quốc dân đảng, ông đã làm được rất nhiều cho Đảng. Chiến đấu trong lòng địch đúng như điều người ta thường gọi là "thay hình đổi dạng", ông vào sinh ra tử ai ngờ tổ chức tình báo bí mật bị phá vỡ, mất liên lạc với tổ chức. Sự ngoan cường của ông vẫn không thuận chiều với lý lẽ, chẳng ai có thể ngờ được cò quan thẩm phán của chính mình lại phán quyết mình tội tù chung thân. Ông nghĩ rằng: Cuộc đời cách mạng của mình những dấu tích để lại còn rất nhiều. Đảng Cộng sản thực sự cầu thị thì thế nào cũng có một ngày vụ án oan này được phơi bày sự thật. Ông sống 18 năm trong lao tù bằng cả nghị lực ngoan cường của mình, lần lượt nhà tù thứ nhất tại thành phố Bắc Kinh, đền mỏ than Đại Thanh Sơn Tây rồi chịu "phạt tù" tại nhà tù thứ nhất tỉnh Sơn Tây. Năm 1915 Toà án nhân Tối cao tỉnh Sơn Tây xét lại tội nên từ tù chung thân giam xuống tù 15 năm. Tháng 12 năm 1975 căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Đại hội Đại biểu nhân dân Toàn quốc khoá 4 quyết định khoan hồng thả những người bị bắt giam vì đã tham gia từ các cấp huyện, đoàn thể đến những người đặc biệt quan trọng trong quân chính Đảng của Quốc dân đảng. Cát Bội Kỳ là "Thiếu tướng Quốc dân đảng" nên cũng nhận được giấy thả và quyết định của toà án cùng với giấy nhập lại hộ khẩu ở Bắc Kinh. Sau mấy lần đi lại, ngày 26 tháng 3 năm 1975 Cát Bội Kỳ đã về đến Bắc Kinh. Con gái ông đã mượn của một người nông dân ở thị trấn Thanh Hà ngoại ô Bắc Kinh một căn phòng. Mỗi đến hạ tuần tháng 9 mới làm xong thủ tục làm phiếu gạo, mỗi tháng ông được lĩnh 18 đồng NDT, tháng 10 mới đăng ký được hộ khẩu.

Ngày 8 tháng 1 năm 1977 Cát Bội Kỳ viết một bức thư tưởng nhớ một năm ngày mất của Thủ tướng Chu Ân Lai gửi cho Đặng Sinh Siêu lúc đó đang là Phó Chủ tịch Đại hội Đại biểu nhân dân Toàn quốc. Ông nói mình về đến Bắc Kinh đang phải tự túc ở một vùng nông thôn ngoại thành Bắc Kinh không có một nơi ở cố định. Đặng Sinh Siêu chuyển thư cho Khu uỷ Đông Thành. Hạ tuần tháng 2 khu uỷ Đông Thành báo cho Cát Bội Kỳ đi xem nhà. Nhà là một phòng nhỏ 8 mét vuông, một sân chung trong số nhà 96 phố Đông Đại ngay ngã tư đường. Ngày 8 tháng 3 năm 1977 ông đã chuyển đến ở gian mái bằng đó và đặt tên cho nó là "Phòng rách 96". Cát Bội Kỳ độc thân sống trong gian nhà rách nát đó, do thời kỳ trong tù bị mắc bệnh thông manh và đục thủy tinh thể không kịp thời chữa trị nên giờ đây thị lực rất kém, ngay việc nhóm bếp than tổ ong cũng không nhìn thấy. Mấy đứa con giáo sư Lý bên cạnh đã giúp ông nhóm lò, dắt ông qua ngõ nhỏ ra ngoài cửa lớn để đi vệ sinh công cộng.

Ngày 4 tháng 4 năm 1978 Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ban hành văn kiện số 11 (1978) tuyên bố xoá bỏ toàn bộ những "cái mũ" đã chụp lên đầu những phần tử phái hữu. Ngày 23 tháng 9 Trung ương Đảng Cộng sản ban hành văn kiện số 55 tuyên bố những người phái hữu phạm sai lầm đều được cải chính. Cát Bội Kỳ bắt đầu viết tài liệu khiển trách cơ quan cấp cao. Việc đầu tiên là ông đến Đại học Nhân dân Trung Quốc song chẳng được giải quyết.

Ngày 25 tháng 12 ông lên Văn phòng tiếp nhận đơn, từ khiếu nại Bộ tổ chức Trung ương, hai hôm sau cán bộ Cục Tuyên huấn Bộ tổ chức Trung ương Cục trưởng Hách đã tiếp ông và gọi ông là đồng chí Cát Bội. Kỳ, khiến con tim ông xúc động mạnh mẽ, gọi lên lòng tự hào được làm người đảng viên cộng sản trong ông. Tháng 1 năm 1979 ông viết toàn bộ tài liệu gửi lên Cục trưởng Hách. Đầu tháng 4 năm 1979 Cát Bội Kỳ đến hỏi ở Trường Đại học Nhân dân Trung Quốc, ông gặp người phụ trách văn phòng, những người đã được lột mũ phái hữu nói những tài liệu tố cáo anh đã chuyển lên Bộ Chính trị Trung ương. Chúng tôi đang tiến hành phúc tra. Ngày 12 tháng 11 Đảng uỷ nhà trường cho người đưa đến "Kết luận phúc tra về vấn đề "phái hữu" của Cát Bội Kỳ". Căn cứ vào báo chí đã đăng năm 1957 kết luận Cát Bội Kỳ không trong diện bị làm sai, không phải diện sửa sai. Tất nhiên Cát Bội Kỳ lại phải tiếp tục kiến nghị.

Trong năm 1979 Cát Bội Kỳ phải đi phẫu thuật mắt, song kết quả thật tồi tệ ông đã phải đeo kính lão độ phân kỳ là 1800 độ, thị lực chỉ còn 0,1 đi-ốp ông đã dựa vào một đôi mắt thị lực yếu kém sống trong căn nhà rách nát viết gửi lên cấp cao hơn 100 bản kiến nghị, chạy đến khắp các cơ quan có thẩm quyền là: Quốc vụ viện và Trung ương Đảng vậy mà vẫn chẳng giải quyết được gì.

Một đồng chí trong Bộ Chính trị Trung ương nói: Vấn đề của anh đã được kết luận rồi không có chỉ thị của Trung ương thì khó như đã chết mà làm sống lại ấy. 5 giờ chiều ngày 2 tháng 4 năm 1980, Cát Bội Kỳ lại đến nhà Tổng Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Hồ Diệu Bang kêu cứu, ông đưa lá đơn kiến nghị khoảng 500 tờ. Đồng chí đón tiếp mời ông hôm sau quay lại. Ngày hôm sau, ông đến vào buổi chiều, đồng chí đón tiếp khách đưa cho ông một phong thư to có in viền đỏ bức thư đó được viết bằng bút mực đỏ, chữ viết thẳng, bên phải đề Bộ chính trị, giữa ghi Phó Bộ trưởng Trần Dã Bình, bên trái là chữ ký của Hồ Diệu Bang. Sáng 4 tháng 4 Cát Bội Kỳ lại đến Bộ tổ chức Trung ương Bí thư Phó Bộ trưởng Trần Dã Bình đã tiếp ông. Mấy ngày qua một lãnh đạo của cụcC thẩm tra cán bộ đã tiếp ông, đã nói chuyện với ông. Hạ tuần tháng 7 năm 1980 Văn phòng phụ trách những người gọi là phái hữu của Trường Đại học Nhân dân Trung Quốc cho Cát Bội Kỳ xem những tài liệu phúc tra, trong đó có bức thư ông viết gửi "Nhân dân Nhật báo" yêu cầu cải chính.

Nhiếp Trân nguyên Phó hiệu trưởng, Phó Bí thư Đảng uỷ Đại hội Đảng nhân dân cũng đã viết tài liệu chứng minh. Còn Lý Dật Tri phụ trách trường phòng nhân sự Đại hội Đại biểu Nhân dân lúc đó tham gia Quốc vụ viện đã viết một tài liệu hội báo tình hình Cát Bội Kỳ bị qui sai thành "phái hữu" gửi Thủ tướng Quốc vụ viện, mùa hè năm 1981.

Mãi đến ngày 18 tháng 3 năm 1982 Đảng uỷ Trường Đại học Nhân dân Trung Quốc cho người mang đến "Kết luận phúc tra những vấn đề liên quan đến Cát Bội Kỳ trong phong trào làm phản của phái hữu". Trong đó nói: "Đối với vấn đề Cát Bội Kỳ năm 1957 bị ghép tội là phản tử phái hữu, đã tiến hành phúc tra, nay sửa sai, huỷ bỏ quyết định Cát Bội Kỳ là phản tử phái hữu năm 1957 phục hồi quyền lợi chính trị, được đãi ngộ, tính từ tháng 10 năm 1978 hưởng bậc lương cao nhất trong 6 bậc lương".

Ngày 6 tháng 2 năm 1986 Văn phòng Thành uỷ Bắc Kinh ra thông tri: "Vấn đề đồng chí Cát Bội Kỳ năm 1957 đã bị ghép tội là phái hữu, đó là việc làm sai, nay cải chính lại". Đến ngày 16 tháng 7 năm 1979 Cát Bội Kỳ viết thư gửi Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao Giang Hoa yêu cầu sửa sai án oan. Toà án Nhân dân tối cao.thành phố Bắc Kinh qua kiểm tra rà soát khắp nơi đến ngày 10 tháng 12 năm 1986 mới đưa ra "Phán quyết sau khi thẩm tra lại vụ án" đã nêu rõ: "do Viện đã thẩm tra lại và xác minh: phán quyết trước đây Cát Bội Kỳ phạm tội thật sự, tính chất và hình phạt đều sai lầm, nay sửa lại cho đúng

"Sửa đổi lại như sau:

- 1) *Xoá bỏ sự phán xử trước đây;*
- 2) *Tuyên bố Cát Bội Kỳ vô tội;*
- 3) *Những tài sản, vật chất mà phán xử trước đây đã tịch thu chuyển thành nhân dân tệ trả lại cho chủ sở hữu.*

Ngày 4 tháng 5 năm 1982 Cát Bội Kỳ viết thư cho Bộ trưởng La Thanh Trường phụ trách công tác tình báo Trung ương năm đó tại Diên An, kể lại toàn bộ cuộc đời mình và đề cập việc cấp thiết giải quyết vấn đề Đảng tịch. La Thanh Trường đã gửi công hàm chứng minh, người phụ trách tổ chức tình báo bí mật Tây An hồi đó trực tiếp làm việc với Cát Bội Kỳ và liên lạc với tổ chức Đảng cấp trên là Triệu Diệu Vũ. Ngày 18 tháng 6 năm 1982 Đảng uỷ Trường Đại học Nhân dân Trung Quốc đã nhận được các giấy tờ xác minh. Người giới thiệu Cát Bội Kỳ vào Đảng là Lưu Tử Cửu cũng viết thư gửi Đảng uỷ Đại hội Đại biểu nhân dân. Ngày 23 tháng 5 năm 1983 Ban tổ chức thành uỷ Bắc Kinh chỉ thị: "Khôi phục Đảng tịch của đồng chí Cát Bội Kỳ, năm công tác Đảng được tính từ tháng 7 năm 1938".

Từ nay trở đi án oan của Cát Bội Kỳ đã được gỡ bỏ, nỗi oan ức đã được giải toả.

Tháng 1 năm 1987 Đại học Nhân dân xác nhận Cát Bội Kỳ là giáo sư. Ngày 7 tháng 12 năm 1982 "Quang Minh nhật báo" đăng bài phát biểu của Cát Bội Kỳ "Hồi ức về phong trào chủ nghĩa yêu nước cách mạng của học sinh 12 - 9. Ngày 15 tháng 12 "Nhân dân Nhật báo" đăng bài phát biểu của ông: "Hiến pháp mới khẳng định địa vị và vai trò của phân tử "trí thức". Ngày 18 tháng 12 "Quang Minh nhật báo" đã dựa vào tiêu đề về vấn đề đồng chí Cát Bội Kỳ bị quy kết sai là phái hữu đã được sửa đổi, để công bố toàn bộ tin tức này.

Cả cuộc đời chông gai của Cát Bội Kỳ, muôn hình muôn vẻ đầy bi thương, song ông đã viết ra một đoạn vô cùng khoáng đạt, độ lượng của con người ông: "Nếu tất cả những cái đã qua có thể đem lại cho tương lai kinh nghiệm và bài học, sự bất hạnh và oan khuất của tôi có thể đổi thành sự thuận thực cho những lớp người sau, thế thì sự đau khổ của tôi là đáng giá, sự thanh thản của tôi mới là vĩnh cửu"

Ngày 13 tháng 1 năm 1993 Cát Bội Kỳ đã ra đi vĩnh viễn vì bệnh tim nặng, thọ 82 tuổi.

14. Hoạn nạn cho những tấm lòng ngay thẳng và tiên phong

Từ những thập niên 30, 40 Nhiếp Cam Nỗ đã làm rạn vỡ trên văn đàn, vào đầu thập niên 50, ông đã làm chủ nhiệm Ban biên tập sách Cổ điển và Phó tổng biên tập Nhà xuất bản Văn học nhân dân. Sau đó bị liệt vào "phái hữu", "Phản cách mạng ngày nay" chịu oan uổng hơn 30 năm. Ông đến từ vùng đất hoang vu thuộc huyện Kinh Sơn tỉnh Hồ Bắc. Lúc còn bé ông đã có tiếng là thần đồng.

Khi ông mới 8 tuổi thầy giáo ra một vế "Trung thu tiết" (ngày tết trung thu) ông đã thuận mồm đáp ngay "Thượng đại nhân" (Trở thành quan to). Sau này đứa con tài hoa của xóm làng đã xa rời xóm núi dân thân vào xã hội rộng lớn. Ông đến Hoàng Phố tham gia "Đông chính" trở thành người sĩ quan thanh niên cách mạng. Thời kỳ kháng chiến ông phải gác Võ Tòng Văn. Khi ông được vào Đảng Cộng sản Trung Quốc, đến Diên An được sự quan tâm của Mao Trạch Đông, ông được vào Tân Tứ quân, dùng bút làm vũ khí. Ông còn được Chu Ân Lai thân thiết gọi là "Em rể". Nhưng ông chẳng tránh khỏi vận hạn nguy hiểm trong phong trào "truy quét phản động". Ông bị nghi ngờ, đến phong trào "Phái hữu", ông bị liệt vào "phần tử phái hữu" bị đưa đi khai hoang vùng Bắc Đại, sau đó lại bị kết luận là "Phản cách mạng ngày nay" và bị vào nhà giam.

Ông là nhà lão thành Cách mạng. Vào Đảng năm 1934, ông đã từng là một trong những tù binh được "đặc xá" của tập đoàn quân Quốc dân đảng.

Năm 1951 Nhiếp Cam Nỗ khước từ chủ bút "Báo văn hội" của Hồng Kông. Tháng 3 ông về nước tham gia Hội Văn hoá giáo dục khu Trung Nam. Sau đó ông đến Bắc Kinh, được nhận công tác ở Nhà xuất bản Văn học nhân dân, nhận trách nhiệm chủ nhiệm Bộ môn cổ điển và kiêm Phó Tổng biên tập. Từ năm 1953 phong trào "Quét phản động" trở đi, Nhiếp Cam Nỗ bắt đầu nửa cuộc đời đen đủi của mình, tù tội nhục nhã oan khiên cứ bám theo ông bước vào những năm tàn lụi đầy chông gai.

Năm 1952 do ảnh hưởng của Hồ Phong thành viên "Liên minh cánh tả" đã trở thành tên cầm đầu tập đoàn phản cách mạng". Năm 1934 người giới thiệu ông vào Đảng Cộng sản là Ngô Khê Như cũng trở thành "tội đồ", mà cuộc đời cá nhân Cam Nỗ thâm tóm lại cũng phức tạp. Năm 1952 ông tham gia "Hội thân thiết" của Quốc dân đảng, mà sự giao lưu của ông với Khang Trạch đầu sỏ đặc vụ, Dục Chính Cương kỳ cựu phản cách mạng và Điều Hoàng Tri, Tăng Dưỡng Bồ, Trương Đạo Phan, đều là những người có quá khứ không trong sáng, nhiều uẩn khúc. Thời kỳ đầu giải phóng vì vậy không che giấu những điều dễ bị nghi ngờ mà tự cho rằng mình đứng cảm đi Hồng Kông thảo kế sách làm phản, thống lĩnh công tác chiến đấu. Tất cả những mắt xích nghi ngờ đã trở thành chiếc lưới bí mật bủa vây Cam Nỗ. Ông đã trở thành "đối tượng phản động cần quét sạch". Hầu như thế là đã đủ "căn cứ thuận lý" rồi. Nhưng hình như như vậy vẫn chưa đủ cho con người đen đủi còn những sự việc quái lạ khác nữa vẫn cứ đổ xô vào ông. Thật đúng là "Giậu đổ bìm leo", ngay lúc đó lại xuất hiện một cuốn truyện tranh, ảnh do đích thân Ông Tinh Vệ tự tay ghi tặng ông.

Vào một ngày, Thịnh Gia Luận gọi điện cho Nhiếp Cam Nỗ rủ ông đi xem một thứ. Thịnh Gia Luận cầm quyền họa báo do Ông Tinh Vệ ký tên và đóng dấu đưa cho Nhiếp Cam Nỗ, đây là quyển có ảnh của mẹ Ông. Những năm đó hầu như những nhân viên công tác tại "Trung Hoa Nhật báo" ai cũng có và cũng đều ký tên đóng dấu. Điều đó chẳng có gì là lạ. Song điều lạ là Cam Nỗ không thể nhớ lại Ông đã đưa quyển sách như vậy cho ông, sao nó lại nằm trong tay Thịnh Gia Luận?

Ông hỏi: "Anh lấy nó là từ đâu vậy?" "Tôi tình cờ nhìn thấy trong cửa, hàng sách cũ, cảm thấy thích liền mua về cho anh".

Hai người cùng nhìn và cười. "Quyển sách này lúc ấy nếu là người trung thành, thật thà học tập thì cũng coi là có tội?" Cam Nỗ mang quyển hoạ báo cất đi và ông cho rằng đó là việc kỳ lạ rồi có lúc còn cho mọi người xem. Trong chốc lát mọi bằng chứng đã đầy đủ. Ông không những quan hệ với đặc vụ phản tử phản cách mạng mà còn quan hệ với Uông Tinh Vệ Hán gian bán nước. Đúng là có nhảy xuống sông Hoàng Hà cũng không gột sạch được.

Bao nhiêu vấn đề cần phải trả lời, bao nhiêu nghi vấn phải lý giải: Các loại đầu sỏ đặc vụ đưa tiền cho anh, mà kẻ đầu sỏ đặc vụ là kẻ không đạo lý giết người, sao lại nói quan hệ cá nhân? Nhất định anh cũng là đặc vụ hoặc bị đặc vụ lợi dụng Cam Nỗ không thể đưa ra một chứng cứ nào để trực tiếp chứng minh mình không phải là đặc vụ ngay cả những chứng cứ gián tiếp cũng không đưa ra được. Ông nghĩ chỉ còn đề nghị tổ chức kiểm tra cuộc sống đã qua của ông, mà cuộc sống đã qua của ông thì có rất nhiều vấn đề, ông nói rằng ông đã từng làm công tác văn hoá tiến bộ như thế nào, ông đã viết nhiều bài chỉ trích Quốc dân đảng. Nhưng đánh giá một con người là phải nhìn vào hành động của anh ta chứ không phải lời nói. Cam Nỗ thậm chí có lúc nghi ngờ chính mình là "Đặc vụ" thật. Thế là tự mình kiểm tra đi kiểm tra lại ông vẫn không thể cho mình là làm nổi việc đó. Ông càng cố gỡ rối thì lại càng rối thêm, càng cố biện minh thì lại càng trở thành ngoan cố.

Thế là một rồi hai rồi ba lần đề đạt kiến nghị với tổ chức ngoài việc ông với thái độ thực sự cầu thị, trung thành và chân thực giúp tổ chức tìm hiểu vấn đề ra ông còn cách gì nữa đây? Cam Nỗ bị đưa cách ly để xét hỏi. Ông vô cùng khổ tâm.

Qua một vài lần đi họp về ông lại nghe mình trước đây là "Phản cách mạng", đặc biệt ba chữ "phản cách mạng" từ mồm Tuyết Phong nói ra đối với ông như sét đánh trên đỉnh đầu.

Có lần trong thời gian xét hỏi, Lâu Thích Ý hỏi Cam Nỗ có còn tin tưởng vào Đảng không. Ông nói: "Khi tôi thừa nhận Hồ Phong là phản cách mạng thì chính là lúc tôi không tin vào Đảng". "Nếu đưa anh đi bắn chết, anh cũng vẫn tin vào Đảng" "Tôi rất xấu hổ vì tôi không làm được như vậy". Cuộc xét hỏi kết thúc, Cam Nỗ được coi không phải là phản cách mạng, nhưng tiểu sử có vấn đề chính trị nghiêm trọng nên bị Chi bộ nhất trí khai trừ ra khỏi Đảng. Phong trào chỉnh phong bắt đầu. Vợ của Nhiếp Cam Nỗ là Tri Cần (Chu Đình) cũng là cố động viên của Học viện Xã hội chủ nghĩa. ảnh hưởng của Hội nghị Tiểu tổ khiến mọi người nhao nhao hưởng ứng. Là người đứng đầu của Tiểu tổ nên Tri Cần phải nhiệt tình, thành khẩn giúp đỡ Đảng chỉnh phong.

Cam Nỗ không ngăn cản bà đi đấu tranh, bởi vì ông hiểu rằng đây là đáp ứng lời kêu gọi của Đảng, làm việc vì Đảng. Ông chỉ khuyên bà không nên nói đến vấn đề Hồ Phong để tránh gặp phải sai lầm, đồng thời dặn dò bà chú ý cân nhắc khi phát biểu. Những lời nói đã qua thực tế phũ phàng và những lời nói nảy sinh ảnh hưởng không tốt thì không nên nói. Tri Cần nói: "Tôi vốn muốn giúp đỡ Đảng chỉnh phong, hưởng ứng lời kêu gọi: Mọi nơi lên tiếng, mọi người lên tiếng của Đảng. Tôi tuy không phải là đảng viên nhưng đã đi theo Đảng mấy chục năm rồi. Nếu không vì yêu quý Đảng, giúp đỡ Đảng chỉnh phong tôi nói ra những điều đó làm gì? Mà những người khác họ còn phát biểu đanh thép hơn tôi nhiều, sao ông cổ hủ quá vậy.

Phát biểu của bà nhận được sự hoan nghênh của đông đảo người nghe trong Học viện xã hội chủ nghĩa. Bà còn đến Trụ sở cách mạng nhân dân, Bộ Bưu điện phát biểu, ảnh hưởng ngược lại rất lớn.

Nhưng bà không ngờ diễn đàn phát biểu ấy đã trở thành tội chính của "Phản tử phái hữu" tấn công vào Đảng.

Thế là bà đã bị chụp cái mũ "Phái hữu" lên đầu" hạ cấp hạ lương. Mà Cam Nỗ cũng bị coi là kẻ đầu sỏ, giúp bà "khơi mào" tuyên truyền phản động. Cam Nỗ chẳng còn cách nào, cố tìm bằng được bản viết tay của Chu Đình làm để phát biểu chứng minh chữ viết đó không hề có một chữ của ông, nhưng việc đó không thay đổi.

Ông bị khai trừ Đảng tịch, và bị chụp trên đầu cái mũ "Phản tử phái hữu".

Trong lúc tức giận, Nhiếp Cam Nỗ đã chủ động yêu cầu tham gia khai hoang vùng Bắc Đại của những người bị liệt vào "Phái hữu". Đầu năm 1958 Nhiếp Cam Nỗ mang theo gói nhỏ hành lý của mình đến vùng Bắc Đại.

Một thư sinh yếu ớt, sức trối gà không chặt, đã gần đến tuổi "Thượng cổ lai hy xưa nay hiếm, vạn bất đắc dĩ phải đi để thể hiện mình; sự thể nghiệm cuộc sống của ông phải chăng là hoàn cảnh khắc nghiệt. Ở nơi mà giọt nước cũng đóng thành băng, tình cảm của con người còn lạnh hơn băng giá mà vẫn phải chịu đựng. Thêm vào đó định mức lao động của phong trào "Đại vọt tiến" nghe thấy đã khiến người ta sợ hãi.

Điều kỳ lạ là hầu như mọi người đều có thể hoàn thành mà thậm chí còn vượt mức nữa. Còn Cam Nỗ thì sao? Thân già suốt ngày quần quật, bán lưng cho trời, bán mặt cho đất làm việc mong cố gắng đạt bằng tốc độ của mọi người nhưng không thể làm nổi, cuối cùng vẫn thua kém họ.

Ông chẳng quản ngại làm sớm, làm tối nhưng vẫn còn cách chỉ tiêu đặt ra khá xa. Ngoài việc bị phê bình nhục mạ, mắng nhiếc ra, ông chỉ còn tự than vãn một mình "trăm sự do người" "Vật lý khó thông". Có một thanh niên gọi là Tiểu Đương nhìn thấy Nhiếp Cam Nỗ gieo hạt, cảm thấy vừa buồn cười vừa thương nên đã nhắc nhẹ ông. Anh ta nhẹ nhàng thẳng thắn góp ý: "Ông Nhiếp à ông nên sáng tạo trong công việc một chút, xem cách làm của người ta ấy, ông cứ nhắm mắt mà làm chỉ suốt ngày bị phê bình bị khiển trách thôi" "Nư thế nào là mở mắt làm?" Làm việc là làm chứ!" "Cũng nên linh hoạt một chút gọi là xảo thuật ấy mà, ví dụ tra hạt đậu này không nhất thiết phải theo khoảng cách nhất định có thể rộng có thể hẹp một chút mới nhanh được", "Nư vậy sẽ ảnh hưởng đến chất lượng? Cam Nỗ tôi không dám coi thường sản lượng? "Người ta chỉ cần số lượng, một mình ông dám đảm bảo chất lượng à?". Thấy Cam Nỗ không nói nữa anh ta nói tiếp: "lại nói ví dụ, làm cỏ chỉ cần phần đầu đất và cuối đất làm cẩn thận một chút còn ở giữa chỉ qua quýt loáng thoáng thế là được". "Không trách các anh nhanh đến thế, thì ra là chỉ cần có quỹ ké một chút". Nét mặt Cam Nỗ tỏ ra không vui, "Muốn khỏi bị phê bình, khỏi bị chụp mũ, ông nên đảm bảo chất lượng, hoàn thành chỉ tiêu, cái chỉ tiêu đó đến lực điền của địa phương cũng sợ hãi mà bỏ chạy"

"Đúng, đúng ý tốt của anh, tôi xin nhận".

Tuy ông lĩnh hội ý kiến ấy song ông vẫn cần mẫn, đến tối vẫn cẩn thận tra đỗ, làm cỏ, và vẫn cẩn thận nghe phê bình. Sau đó người phê bình ông liên tục cũng nhìn thấy ông quá "ngốc" nên đã cho ông làm các loại việc khác để ông thử nghiệm sự hỗn tạp của cuộc sống, như đun nước, đưa cơm, rửa nhà xí, đào cống, chăn ngựa... Sau này họ còn quy định trong phong trào "Vọt tiến" xuất hiện bao nhiêu "Lý Bạch, Đỗ Phủ, Quách Mạt Nhược"?

Mỗi ngày mỗi người phải nộp một bài thơ đây là mệnh lệnh của cấp trên, là nhiệm vụ! Đúng là "Vạn độc phong tiên tề hữu lệ, Hà nhân bị hạ can vô thi". Trước ngàn gió độc ai rơi lệ, nào ai phóng bút viết nên thơ. Thế là Cam Nỗ lần thứ nhất làm thơ cổ, lần đầu làm thơ viết về lao động và cùng những người khác trong lao động.

Phần lớn ông dùng buổi đêm miệt mài làm song bài thơ dài theo thể cổ thất ngôn. Ngày thứ hai, đội

trường ra lệnh cho Nhiếp Cam Nỗ một đêm phải làm được 32 khổ thơ, mỗi khổ 4 câu thơ với tên bài thơ là "Tiếng kêu đầu tiên của cỏ hoang miền Bắc". Sau đó cứ mấy ngày một lần, Cam Nỗ giao bài thơ cổ. Ông đã trở thành "nhà thơ vọt tiến". Ngày lao động tới về làm thơ. Lao động là thơ, thơ là lao động... Trong đội có nhà soạn kịch, một nhà thơ~ một họa sĩ chiến đấu với trời đánh nhau với đất, cò hồng phát phối, trời đầy băng, đất đầy tuyết lấp lánh ánh bạc, nếu trên đầu không có mũ "Phái hữu" thì cuộc sống này tràn đầy ý thơ. Có một lần họ tự tay làm mấy dãy nhà đất lợp tranh. Vì nhà mới vẫn còn ướt không thể ở được.

Cam Nỗ và mấy người lớn tuổi được cử đi làm công việc nhóm lửa hun khô. Hôm đó ông đang ngồi trước bếp đun nước bị khói xông lên khiến nước mắt rùng rùng. Chợt ở bên ngoài có người kêu to "Nhiếp Cam Nỗ, xem lửa kìa, anh không ra mau, muốn chết thiêu à". Vọt qua đám khói dày đặc ông mới biết những dãy nhà mình làm đã bị cháy. Lửa cháy bùng bùng, ông vừa chạy khỏi được mấy bước ngọn lửa trên nóc nhà đã liếm vào giữa nhà. Thế là Cam Nỗ lại bị đưa ra cuộc họp phê đấu. Nói rằng do ông đốt. Đương nhiên là ông không thừa nhận. Ngay việc lửa xuất hiện từ đâu ông còn không rõ.

Nhưng mấy người cùng làm việc đốt lửa làm khô nhà thì nói rằng ông hút thuốc. Ông có diêm và đầu thuốc nên mọi người cho rằng lửa tắt nhiên do ông gây ra không còn nghi ngờ gì nữa.

Bí thư chi bộ Đảng đội 5 là một thanh niên bộ đội chuyên ngành. Anh ta đưa Cam Nỗ đi xem hiện trường sau vụ cháy. Mọi chỗ là những đoạn tường cháy xém, những cột nhà cháy trơ ra chỉ thiên chỉ địa trông như cánh tay tàn phế. Những căn nhà cỏ mới dựng nay không còn nữa... Cam Nỗ cảm thấy đau lòng, mang cảm giác sợ hãi.

Người Bí thư chi bộ Đảng trẻ tuổi giảng giải cho ông rất nhiều đạo lý, chính sách.

Tuy gần mà rất xa, tuy xa mà rất gần ý anh ta nói: Chẳng thà thẳng thắn thừa nhận điểm tốt của mình và tội lỗi phá hoại xây dựng... Cam Nỗ đương nhiên hiểu được ý anh ta cho nên ông nói trong đau khổ: "Anh là đảng viên, tôi cũng là..., năm 1934 vào Đảng, anh là quân nhân phục viên chuyển ngành, tôi cũng đã là Tân Tứ quân... lòng dạ mọi người đã quá rõ, thẳng thắn mà nói một câu thôi, phải chăng trong công tác anh đã gặp khó khăn? Lửa à! Tôi xác định là tôi không đốt, tôi cũng không hiểu lửa từ đâu bốc lên. Thế này nhé, tôi dùng danh dự Đảng của tôi, nhân cách con người tôi đảm bảo. Tôi quyết không làm những việc không có tình người ấy. Nhưng... nếu Đảng yêu cầu tôi nhận là đốt, nếu đối với công tác có lợi, tôi có thể thừa nhận".

Cam Nỗ nói rất khẩn thiết, rất đau khổ, không cầm được nước mắt tuôn trào. Người quân nhân trẻ bỗng quay mặt đi xoa xoa mũi, trên mi mắt anh ta cũng ướt nhòe... Cũng từ bữa đó về sau Cam Nỗ không còn bị cuộc họp lớn, cuộc họp nhỏ phê đấu nữa, ông đã tưởng bình an vô sự. Chẳng bao lâu hai viên cảnh sát đến bảo ông thu xếp hành lý và đi cùng với họ. "Có lẽ đổi nông trường?", ông nghĩ vậy. Ai ngờ đi một mạch tàu hỏa đến Hồ Lâm, xuống tàu họ đưa ông vào trại giam trong nhà giam Hồ Lâm. Nhiếp Cam Nỗ chẳng dễ dàng viết thư cho Tri Cần, bởi vì sự phẫn đấu của Tri Cần mà cũng phải cảm tạ sự nhiệt tình của Cục trưởng Cục khẩn nông (khai khẩn đất canh tác nông nghiệp).

Năm mới vừa qua đi, Cam Nỗ lập tức bị đưa vào thẩm vấn. Ông bị phán xử tù một năm "Chấp hành trước", đến lúc kết thúc vụ án mới được đưa "Phạm nhân đốt lửa" vừa được thả ra cùng nhau đi khỏi Hồ Lâm. Cam Nỗ trở về nông trường 850.

Không lâu ông bị đau răng, đề nghị lãnh đạo đội làm chứng đề đến bệnh viện huyện khám bệnh.

Trên chứng minh viết: "Thuộc đội của chúng tôi có phần tử phái hữu Nhiếp Nỗ...". Cam Nỗ không thèm nói một tiếng cầm lấy chứng minh trước toàn bộ lãnh đạo đội và những cặp mắt của đông đảo quần chúng ông xừ 2, xé 3, xé 5, xé nát vụn rồi vung tay ném đi như những cánh bướm giấy bay la

Trước sự kinh ngạc của mọi người, không nói được một lời nào ông nhìn thẳng vào lãnh đạo đội giọng nói không cao nhưng ngữ khí sắc lạnh: "Tờ chứng minh đó khai chưa đủ, tôi còn bị phạt một năm tù vừa hết hạn, viết tiếp đi!".

Cuối thu năm đó không rõ có phải do sự quan tâm của vị lãnh đạo Cục nông khẩn hay vị đó không sợ nguy hiểm "bao che cho phái hữu" mà Cam Nỗ được điều lên ban biên tập "Văn nghệ khai hoang Bắc Đại" cùng với người họa sĩ đã ở trên đó trước là Tiểu Đình (Đình Thông) kết thành anh em "hữu già". Sau khi Tri Cần về đến Bắc Kinh đem hết những điều mắt thấy tai nghe trên đường thăm trại giam làm một cuộc hội báo với Bí thư trưởng Trương Chấp.

Trong cuộc họp thường vụ Hội nghị hiệp thương lần 1 vừa hay Thủ tướng Chu cũng đến dự, Bí thư trưởng Trương đã nói lên trong Hội nghị tình hình của những người "phái hữu cũ" đang lao động cải tạo trên vùng khai hoang Bắc Đại, ông nói: "Một số người phái hữu già cả ốm yếu đang ở nơi mà giọt nước cũng đóng băng, đang lao động khai hoang ở Bắc Đại, lạnh dưới mấy chục độ âm. Thực sự có rất nhiều khó khăn vô cùng gian khổ..."

Thủ tướng Chu nghe liền hỏi: "Ai già cả ốm yếu?"

"Ví như Nhiếp Cam Nỗ...", Thủ tướng Chu ngạc nhiên hỏi: "Ái chà Nhiếp Cam Nỗ trở thành phái hữu khi nào vậy?".

Sau đó Hội nghị hiệp thương nhận xét cơ bản là biểu hiện lao động tốt, thêm vào đó có rất nhiều thực tế khó khăn nên quyết định để toàn thể các "lão hữu" ở vùng hoang Bắc Đại về Bắc Kinh. Mùa xuân năm 1962 Cam Nỗ về đến Bắc Kinh, ông được công tác tại Ủy ban tư liệu Khoa học lịch sử văn học Hiệp thương toàn quốc, với chức vụ "chuyên viên văn sử".

Sau khi Nhiếp Cam Nỗ về công tác ở Hiệp thương, tuy rằng kinh tế còn khó khăn nhưng có cuộc sống bình yên, không còn phải đấu tranh với thế giới bên ngoài. Ông vốn nghĩ rằng phải một lòng cố tìm trong đồng giấy cũ để làm nên một thành tựu nào đó. Nhưng đây đường phố là biểu ngữ lớn, báo chữ to. Hồng vệ binh quân trang xanh, cánh tay đeo băng đỏ, phá "bốn cũ": "Quét sạch hết bọn đầu trâu mặt ngựa" "Diệt tư sản ung hộ vô sản" Cách mạng không phải là mời khách ăn cơm"... Một chóc nhà này bị khám xét, một chóc nhà kia bị phá "bốn cũ" ai, ai, cũng "chuyên chính", ai cắt tóc kiểu đầu cũ, mới, nhà ai vừa tìm được nhật ký phản động, bản thảo, sổ nợ chính trị... Tin tức đưa đến, lòng người bàng hoàng.

Cam Nỗ tuy nói rằng là "con hổ chết" song ông vẫn sợ lại bị tóm gáy một lần nữa, "Bước vào vết chân cũ" Từ sau khi ở vùng hoang Bắc Đại trở về Bắc Kinh, ngoài việc chuyên tâm vào đồng sách cũ, giao lưu với những nhân vật mấy trăm năm trước, ông còn cùng các "lão hữu" xướng họa có không ít thơ - từ trao đổi cho nhau.

Sợ Hồng vệ binh đến lục soát phá "bốn cũ" trong nhà, ông nghĩ đem tất cả cho mỗi lửa, chẳng còn dấu vết gì, nhưng lại làm không nổi. Cuộc đời ông sinh ra vốn chẳng hiểu chính trị. Trong những giờ phút như vậy ông vẫn nghĩ một cách kỳ lạ là ở chỗ nào đó bên ngoài hoặc thật xa nơi biên giới sẽ tốt hơn ở Bắc Kinh mây gió chính trị không sôi động như ở đây. Không làm hung dữ như ở đây thì ở đó có thể giữ gìn được những bản thảo thơ của ông. Vừa may có người bạn phải về Tứ Xuyên, với sự suy nghĩ của Cam Nỗ, đường đến nước Thiên Phủ vẫn không xa là mấy? "Khó khăn trên đường sang Thực khó bằng đi lên trời xanh" Cam Nỗ bèn nhờ ông ta mang về một phong thư dày dày (Trong thư là bản thảo thơ) đến thành đô. Người nhận là ai đây? Mai Chí - vợ của Hồ Phong, Cam Nỗ đã nghe tin Hồ Phong đã được thả, được trả tự do hiện đang ở trong một biệt thự nhỏ, nhưng ông không biết rằng đó là "chấp hành ngoại giam" càng không hiểu ngoài cửa nhà ông ta là trạm gác "Hãy tưởng tượng xem lá

thư đó có kết quả ra sao" Tự nhiên đem gửi vào Cục Công an, mà bản thảo trong lá thư đã trở thành bằng chứng đánh thép để "công bố tội".

Chẳng 'bao lâu đêm 25 tháng 1 năm 1967, Cam Nỗ bị qui "tội phản cách mạng hiện hành", ông bị bắt ngay tại nhà mình. Có chuyện kể rằng, có kẻ nào đó đã bán rẻ ông ta, lại còn thổi phồng lên chính mắt nhìn thấy. Kỳ thực chẳng có ai "bán rẻ ông" mà chính ông "đưa đầu chịu án". Cam Nỗ lúc đầu bị giam ở trại giam phần Sơn Tây sau đó lại chuyển đến sở theo dõi quản lý huyện Tắc Sơn.

Trại giam là "Thánh địa" của học tập. Ông ở đó học tập "Tur bản luận" đạt được kết quả ngoài sự suy nghĩ. Khi Cam Nỗ đang phấn khởi học tập đến quyển thứ 3 "Tur bản luận" thì vào một ngày kiểm tra trại giam, phạm nhân đều tập hợp ở ngoài sân" cai ngục kiểm tra từng phòng giam. Hai quản giáo gọi Cam Nỗ đi theo họ.

Khi đến phòng làm việc thì thấy không phải ci những lời giáo huấn đơn điệu hàng ngày. mà bầu không khí dường như vô cùng nghiêm trọng, ngoài những người quản giáo và sở trưởng ra còn có hai vị pháp quan bệ vệ ở đó. Cam Nỗ nghĩ bụng e rằng họ tuyên phạt, ông đã sớm mong chờ ngày hôm nay. Ông đã đứng yên, hai người quản giáo đứng gần lại bên ông, người bên phải người bên trái. Không hề nghe thấy tuyên bố một tội trạng gì chỉ có "Tình tiết nghiêm trọng, thái độ tồi tệ" đại loại mấy từ kết luận là phạt "Tù chung thân".

Ông đứng ngẩn ra ở đó cho đến khi có người nói với ông có thể đi... Cam Nỗ viết một lá đơn khiếu nại.

Không lâu Pháp viện thành phố Bắc Kinh cử hai người nữ pháp quan đến Sở quản lý trông coi Tắc Sơn tiến hành cuộc xét hỏi đối với ông. Đối với những câu trả lời của ông phạm là những điều chứng minh ông vô tội thì họ không ghi lại, những cái họ ghi lại đều mang chứng cứ của tội mới.

Cam Nỗ bị quay liên tục, những vấn đề được lật đi lật lại làm cho ông chán ngán quá sức, mệt mỏi rã rời, chỉ mong sao dừng lại loại thẩm tra này dù có bị cực hình ông cũng tình nguyện. "Tôi rút đơn khiếu nại có được không?". Ông bất ngờ hỏi "Có thể". Vậy tôi có thể "về được rồi".

Không lâu sau Cam Nỗ lại bị giải về trại giam Lâm Phần. Từ Tắc Sơn chuyển về trại giam Lâm Phần, Cam Nỗ bị đưa vào "đội tàn phế già". Những người trong đội tàn phế già cũng tham gia chút lao động, Cam Nỗ tham gia việc giúp nhà bếp nhặt rau, rửa rau, gọt khoai tây, củ cải các loại v, v...

Cam Nỗ đến trại Lâm Phần không lâu, không rõ ai nói ra ông là nhà văn học, làm từ điển, đã từng đi học qua mấy nước. Mấy người có tên tuổi đều mời ông giảng một số văn ngôn. Ông cũng hay đi nên cũng có thể nhiều người biết đến ông. Năm 1975 nước nhà tuyên bố đặc xá cho các tù binh và các cấp đoàn thể Quốc dân đảng. Không hiểu họ làm thế nào Cam Nỗ cũng nằm trong số được "đặc xá" Khát vọng tự do của ông đã khiến ông không đi phủ nhận cái sai lầm đó, ông vội vàng đi ra lĩnh một bộ quần áo mới, một bộ đệm, chăn mới và 100 đồng, vội vã báo cho Tri Cần và vợ chồng người bạn già Chung Kính Văn. Tri Cần nhận được tin vui ngoài sự tưởng tượng của mình, vội đến ngay trại giam Lâm Phần, nơi đây trong khung cửa sắt người bạn đời của bà đã phải sống đằng đằng 10 năm cách biệt. Giờ đây tại chiều dài sở của nhà giam Lâm Phần diễn ra sự đoàn tụ của vợ chồng bà.

Qua sự ngoại giao của Tri Cần, Cam Nỗ lại được phê chuẩn trở lại Bắc Kinh, hai người sánh vai bước lên tàu hỏa trở về Bắc Kinh. Cam Nỗ lúc này đã là ông già cổ lai hy rồi, nên đi bộ cũng khó khăn, hít thở cũng không dễ dàng, một ông già động một tý là thở hổn hển. Đợi chờ ông trở về Bắc kinh là con gái Hải Yên của ông. Vừa gặp con gái có lẽ do bị kích động tinh thần quá mạnh nên ông đã đột ngột vĩnh biệt nhân gian.

Vận mệnh đối với một ông lão thật không công bằng. Mãi đến Đại hội toàn quốc lần thứ 3 khoá 11, một người đã trèo non lội suối mấy chục mùa thu đông trong nghịch cảnh nhưng mãi đến những năm bát tuần mới được đón tiếng chuông buổi sáng quyết định sinh mệnh chính trị: Ngày 10 tháng 3 năm 1979 phán quyết của Toà án nhân dân Tối cao thành phố Bắc Kinh đã huỷ bỏ phán quyết đối với ông trước đây, tuyên cáo ông vô tội.

Tiếp theo ngày 7 tháng 4 Nhà xuất bản Văn học nhân dân cải chính việc làm sai với ông, khôi phục Đảng tịch cho ông khi ông không còn trên cõi nhân gian này nữa.

15. Phê sai một người, dân số tăng lên mấy trăm triệu

Ngày 26 tháng 7 năm 1979 trong bản tin sáng lúc trước 7 giờ đài phát thanh nhân dân Trung ương đã phát đi một tin đặc biệt của phóng viên báo Tân Hoa xã với nhan đề: "Tổ chức Đảng đã triệt để sửa sai và phục hồi danh dự cho Mã Dân Sơ". Cùng ngày các loại báo như "Nhân dân Nhật báo" "Quang minh Nhật báo" "Báo Quân giải phóng"... Các báo nước ngoài, hải ngoại, Hồng Kông, Ma Cao và các đài phát thanh rầm rộ đăng tải tin tức đó.

Trong ngày các nhân sĩ trong, ngoài nước sôi nổi bàn tán "Đảng Cộng sản Trung Quốc thật khí phách, dám công khai thừa nhận việc làm sai và sửa sai của mình" "Vị tiền bối đó xem ra vẫn còn được sống những năm tháng của mình, được sửa sai, thật trời xanh có mắt...". Ông Dương Kiến Nghiệp phóng viên Tân Hoa xã đang tỷ mỉ ghi lại những điểm cơ bản thích hợp với chủ đề mà mọi người đang bàn tán, trong giờ phút lịch sử kích động lòng người này vào tác phẩm văn học, tác phẩm về cuộc đời Mã Dân Sơ.

Tiếng vang của bản tin chẳng lẽ không hấp dẫn sự phân khởi sâu sắc của mọi người ư? Chính là vì lý luận của ông Mã phê phán: sự phát triển mạnh mẽ của dân số ngày nay đang gia tăng tới mức nguy cấp, khắp nơi những dòng người đi không ngớt, cảnh tượng ngột ngạt thiếu không khí, vấn đề nhà ở vô cùng cấp thiết, giao thông đông đúc sản phẩm lương thực làm ra đã bị "uy hiếp" bởi hàng ngàn, hàng vạn người mỗi năm phát sinh thêm... Chính vì lo lắng cho những người dân toàn đất nước Trung Quốc mà Mã Dân Sơ kiên quyết bảo vệ chân lý, chịu đựng mọi ý kiến phê phán vẫn yêu cầu thực hiện "Kế hoạch hoá gia đình" vì hạnh phúc của con cháu.

Nhưng bởi vì còn có những kẻ có ý đồ và rắp tâm nói láo để hại ông đã dựng thành tội, họ phê phán ông gay gắt, đồng thời gặp phải cuộc đại phê phán đang rầm rộ khí thế nên nhân cách và sự tôn trọng của ông bị tổn hại, ông bị buộc thôi chức vụ Hiệu trưởng trường Đại học Bắc Kinh, bãi miễn chức vụ uỷ viên thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc.

Từ năm 1959 đến 1979 ông bị bãi chức và bị phê phán, trong thời gian dài dằng dặc 20 năm đó ông ăn không ngồi rồi ở nhà, họ hàng thân thích của ông không gặp và phân biệt đối xử, khiến ông tủi thân. 20 năm đắm chìm trong oan uổng ông đã được sửa sai, làm sao mọi người lại không vui mừng chào đón ông được? Còn với ông Mã hôm ấy là người vui sướng. Bản tin như sau: Một buổi sáng trung tuần tháng 7 toà nhà số 32 ngõ Tổng Bộ đông, Bắc Kinh mấy ngày trước yên tĩnh bỗng chốc náo nhiệt hẳn lên. Lý Quý phó Bộ trưởng Mặt trận thống nhất Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đến đây hỏi thăm ông Mã Dân Sơ, nhà kinh tế học nổi tiếng 98 tuổi. Cuộc gặp mặt được diễn ra trong phòng ngủ của ông Mã. Ông Mã ngồi trên ghế salon đơn, cùng ngồi còn có vợ ông và con gái, Phó Bộ trưởng Lý Quý nói: "Hôm nay tôi được sự uỷ thác của Đảng đến báo để ông Mã rõ: "Trước đây năm 1958 và cuối năm 1959 hai lần phê phán ông đều là sai lầm. Thực tế đã chứng minh luận điểm của ông trong việc hạn chế sinh đẻ là chính xác Phía tổ chức cấp trên đã triệt để sửa sai, khôi phục danh dự cho ông, hy vọng ông vui vẻ sống những năm cuối đời và hy vọng ông Mã mạnh khỏe sống lâu". Ông Mã vui vẻ trả lời: Tôi rất vui mừng. Hơn hai mươi năm trước dân số của Trung Quốc không đông như hiện nay, phải nhanh chóng phát triển sản xuất mới được. Lý Quý cùng ông Mã nói đến báo cáo của công tác chính phủ của Hội nghị lần thứ hai Đại hội đại biểu nhân dân khoá 5, phải tập trung lực lượng đưa sản xuất nông nghiệp đi lên, phải làm tốt công tác kế hoạch hoá gia đình, kiên quyết giảm bớt sự phát triển dân số.

Ông Mã cười thoải mái, ông nói to: "Báo cáo đó là đúng quá, tôi hoàn toàn tán thành. Như vậy xem ra lão già này giờ đây cũng còn chút có ích đấy, Hai chân ông Mã đã bị tê liệt, nhưng hai tay vẫn

còn hoạt động được, sắc thái của bộ mặt tròn vành vạnh vẫn đẹp, ít nếp nhăn, đôi mắt màu nâu nằm dưới đôi lông mày đã bạc. Ông đã bị nghẽn ngang song trí óc ông vẫn sáng suốt.

Qua bản tin đó chúng ta thấy con người phóng khoáng của ông Mã Dân Sơ, tính chất mô phạm và phong thái sinh hoạt, nói, cười của ông, đồng thời cũng chứng minh ông không thù hận vì những cái đã mất đi của cá nhân, để mất đi khí chất của mình.

Cũng giống như chúng ta không thể giả thiết là không xảy ra "Đại cách mạng văn hoá", thế thì sự phát triển của đất nước rõ như ban ngày.

Chúng ta cũng không thể giả thiết lý luận của ông Mã Dân Sơ ngày đó được thực hiện, thì Trung Quốc hôm nay sẽ phát triển càng mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Do vậy phê phán sai một người mà đã để đất nước chịu tổn thất nghiêm trọng không thể lường hết được, đó là sự thật khốc liệt của lịch sử.

Nhưng cũng có điều đáng mừng là những cái đã qua đi sẽ không bao giờ lặp lại. Đây là một sự kiện vô cùng trọng đại trong lịch sử Trung Quốc.

Nhưng vết thương đã lành song không thể quên được nỗi đau. Mùa đông năm ấy gió dữ và tuyết, tại Hội nghị phê phán Mã Dân Sơ của Trường Đại học Bắc Kinh, ông Mã muốn nói rất nhiều điều: "Các anh âm ỉ phê phán tôi là vô lý, dù tôi có chết cũng không yên lòng. Tôi không sai nhưng hôm nay nói với các anh không được, rồi sẽ có một ngày sự thật và lịch sử sẽ phán xét chủ trương của tôi là chính xác".

Mã Dân Sơ là nhà giáo dục, nhà kinh tế học nổi tiếng của Trung Quốc, ông cũng là nhà trí thức có nhận thức sớm nhất về việc hạn chế sinh đẻ của Trung Quốc.

Từ rất sớm ông đã từng du học Đại học ở Mỹ, Đại học Colombia và đã giành được học vị tiến sĩ.

Sau ngày giải phóng, ông đã từng giữ chức vụ uỷ viên Trung ương Chính phủ nhân dân, uỷ viên phó Chủ nhiệm Uỷ ban tài chính kinh tế Trung ương Chính phủ nhân dân, Phó Chủ tịch uỷ ban quân chính Đảng Hoa Đông, Hiệu trưởng Trường Đại học Bắc Kinh, Đại học Triết Giang... và ông còn là uỷ viên Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 1, khoá 2, uỷ viên Hội hiệp thương chính trị khoá 2, uỷ viên Thường vụ Hội hiệp thương chính trị khoá 4, khoá 5.

Năm 1957 Mã Dân Sơ đi tìm hiểu vùng nông thôn, có một vấn đề khiến ông, không thể không chau mày suy nghĩ: Đó chính là một hiện tượng tận mắt nhìn thấy khiến người ta phải sợ hãi: Dân số nông thôn phát triển quá nhanh. Càng ngày ông càng thấy vấn đề này vô cùng nghiêm trọng, Năm 1953 Trung Quốc tiến hành điều tra dân số trong phạm vi toàn quốc lần thứ nhất cho thấy: Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 1953 dân số toàn quốc đã đạt 601 triệu dân. Dựa vào đó có thể thấy tốc độ tăng trưởng của dân số Trung Quốc mỗi năm tăng 12-13 triệu người. Mức độ tăng trưởng là 2%.

Lúc đó Mã Dân Sơ nhận thấy vấn đề dân số là vấn đề trọng yếu liên quan đến đời sống nhân dân và kế hoạch quốc gia của Trung Quốc. Nếu không nắm vững vấn đề này thì sẽ để lại cho toàn dân tộc và con cháu mai sau một hậu quả vô cùng nghiêm trọng. Mã Dân Sơ có trách nhiệm của một nhà kinh tế học ông đã đưa vấn đề dân số vào hạng mục trọng điểm nghiên cứu khoa học của mình.

Trong đầu ông phác thảo một lời giải: Trung Quốc hiện nay đang tồn tại một mâu thuẫn rất nổi trội, đó là mâu thuẫn giữa sức sản xuất lạc hậu với nhu cầu ngày càng cao của quảng đại quần chúng về sinh hoạt văn hoá vật chất.

Mà muốn giải quyết mâu thuẫn đó không thể bỏ qua sự phát triển mạnh mẽ về sức sản xuất tiến hành công nghiệp hoá với tốc độ lớn và phần lớn ngân khố tích lũy được phải là nền tảng không thể thiếu để phục vụ những mục tiêu trên. Nhưng điều mà khiến người ta phải canh cánh lo âu đó là tích lũy bằng thu nhập quốc dân thì có hạn, ngược lại phải chi cho 600 triệu cái mồm đang há to thì đã mất đi một nửa, như vậy vốn tích lũy chẳng qua sẽ là "Nhìn bánh vẽ cho đỡ đói, nhìn nước biển cho đỡ khát mà thôi".

"Nếu như dân số Trung Quốc trước đây và ngày nay không hạn chế sự phát triển, thì sự phát triển

sức sản xuất của Trung Quốc sẽ tất yếu gặp phải trở ngại rất lớn. Vấn đề này cần phải chú ý một cách nghiêm túc". Đối mặt với thực trạng đó Mã Dân Sơ chẳng lẽ lại bình chân như vại, im lặng hưởng thái bình?

Vấn đề dân số là sự việc vô cùng to lớn liên quan đến tiền đồ của cả dân tộc Trung Hoa. Cần phải điều tra thực tế và tìm tài liệu có sức nặng để làm báo cáo, đủ sức thuyết phục kiến nghị với Trung ương để tiến hành thực thi kế hoạch hạn chế sinh đẻ. Mã Dân Sơ đã vượt qua những năm của "người xưa nay hiếm", nhưng ông không quan tuổi cao, cát bụi dặm trường, để tiến hành điều tra trong 3 năm tình hình dân số vùng Triết Giang, Giang Tây, Thiểm Tây, Sơn Đông, Thượng Hải, phía nam Giang Tô và ngoại ô Bắc Kinh.

Vì nguyện vọng lớn lao "Dân giàu nước mạnh"

Mã Dân Sơ đã quên đi sự mệt mỏi, dốc hết sức mình đi đến mọi nơi và lao vào nghiên cứu, điều tra đầy gian khổ. Năm 1953 sau cuộc tổng điều tra dân số lần thứ 1 Mã Dân Sơ không quản khó khăn ba lần vào ra Triết Giang, đi sâu vào nghiên cứu điều tra vấn đề dân số, dần dần ông phát hiện và đối chiếu với tốc độ hiện nay thì tốc độ phát triển dân số của Trung Quốc có khả năng đạt tới 3%. Vấn đề càng thêm trầm trọng.

Mã Dân Sơ nặng lòng suy nghĩ: "Nếu không nhanh chóng triển khai công việc này, cứ để thời gian kéo dài thì sự việc này vẫn tiếp tục phát triển và nó sẽ đem lại khó khăn rất lớn cho nền kinh tế quốc dân, cuộc sống văn hoá vật chất của nhân dân không được nâng cao. Trung Quốc mới sẽ mang trên mình một gánh nặng không thể tiến lên và phát triển nhanh chóng được". Ông quyết tâm đưa chủ trương phai không chế sự phát triển dân số của Trung Quốc tại Hội nghị lần thứ hai Đại hội Đại biểu nhân dân khoá I. Thiệu Lự Tử vui vẻ đồng ý chủ trương rất có lợi cho dân cho nước này, Lý Đức Toàn cũng giơ cả hai tay tán thành. Mã Dân Sơ vui mừng viết thành văn bản "Hạn chế dân số và nghiên cứu khoa học".

Không thể ngờ được kết quả của sự chăm lo khổ hạnh của ông đã đem đến sự phản đối ý kiến mạnh mẽ gần như nhất trí của nhóm họp nhỏ ở Triết Giang. Mã Dân Sơ cũng vì thế mà đã bị phê phán và công kích ở mọi nơi. "Trong đất nước Xã hội chủ nghĩa không có vấn đề dân số. Ông là người trong Đại hội đại biểu mà dám nói đến vấn đề dân số. Thật là bừa bãi? To gan?"

Những thùng nước lạnh dội thẳng vào đầu Mã Dân Sơ khi ông đang bừng bừng khí thế.

"Những điều ông nói về vấn đề dân số hoàn toàn một giuộc với Man-tuyết, không mau cuốn xéo cho nhanh đi". Đúng là đầu trâu, mồm ngựa cùng phụ hoạ một cách khiên cưỡng, đây là một số kẻ không có bản lĩnh nhìn người. Những người đồng tình với Mã Dân Sơ rất ít. Nhưng Mã Dân Sơ là người không biết lùi bước. Một lần nữa ông phát biểu ý kiến của mình: "Ý kiến của tôi và chủ trương của tôi là đúng đắn. Những điều mà mọi người phản đối, tôi sẽ sửa lại... lần Đại hội đại biểu tới tôi sẽ đưa ra".

Đúng là một người cứng rắn như thép. Mùa xuân năm 1957 khi lãnh đạo Đảng và Nhà nước mở Hội nghị cấp cao Thường vụ quốc hội gồm Mao Trạch Đông, Lưu Thiểu Kỳ, Chu Ân Lai, nhân dịp đó Mã Dân Sơ đã báo cáo lý luận về dân số của mình vô cùng hấp dẫn và trôi chảy: "Nền kinh tế XHCN của chúng ta là nền kinh tế kế hoạch, nếu không đưa chương trình dân số vào trong kế hoạch không thể hạn chế được dân số, không thể thi hành kế hoạch hoá sinh đẻ thì không thể coi đó là kinh tế kế hoạch được".

Toàn hội trường vang lên tiếng vỗ tay. Mao, Lưu, Chu cũng tán thành bài phát biểu. Nhận được sự cổ vũ, Mã Dân Sơ càng hăng hái thuyết trình về lý luận dân số của ông. Ở trường Đại học Bắc Kinh nhờ có tiếng nói của Lâm Hồ Hiện và Hiệu Viện Nội tự tay dán quảng cáo... "Bản về dân số mới" đã trở thành một đề án chuẩn bị chính thức đưa vào Hội nghị lần thứ 4 Đại hội đại biểu nhân dân khoá I.

Đây là văn bản nổi tiếng vì lợi ích trước mắt và hạnh phúc con cháu mai sau. Nhưng Mã Dân Sơ chẳng bao giờ nghĩ được rằng chính văn bản "Lý luận dân số mới" mà ông đặt bao hy vọng hoài bão

và tâm huyết vào đó đã đem lại sự bất hạnh, gian khổ, những tai hoạ lụt đầu... Ngày 5 tháng 7 năm 1957 Nhân dân Nhật báo dành cả số báo số 11 đăng tải toàn bộ văn bản "Lý luận dân số mới".

Mã Dân Sơ đang lớn tiếng hò hét: Trung Quốc không khống chế dân số là không được Nhưng chính lúc Mã Dân Sơ đang chân thành lắng nghe ý kiến của quảng đại độc giả thì phong trào phản đối phái hữu đã mở ra mạnh mẽ và rộng lớn. Khí thế phong trào này đang rầm rộ. Trong bối cảnh lịch sử như vậy "lý luận dân số" và Mã Dân Sơ giống như một con thuyền nhỏ, làm sao chịu nổi sóng gió, tránh sao được số mệnh gian nan? Cuốn theo trào lưu của phong trào, từng nhóm, từng nhóm tri thức dân chủ, trí thức yêu nước, giáo sư, học giả... chỉ vì đưa ra ý kiến của mình mà bị coi là "Điên cuồng tấn công Đảng" "Phản Đảng, phản xã hội chủ nghĩa" cuối cùng, lắc thêm một cái biến thành "Phản tư phái hữu".

Mã Dân Sơ tránh không kịp cách nói của xã hội lúc đó: "Lý luận dân số mới" của Mã Dân Sơ là phối hợp phái hữu tấn công Đảng". Có kẻ tìm hết cách bới móc mĩa mai Mã Dân Sơ: "Mã Dân Sơ đánh ngựa của Đảng Cộng sản, đánh không được, đánh phải chân bị nó giẫm vào tay". Mã Dân Sơ không quan tâm đến những việc ấy, ông vẫn đi làm bình thường.

Tháng 5 trong Hội nghị lần thứ 2 Đại hội đại biểu khoá 8 của Đảng đã phê phán Mã Dân Sơ và lý luận của ông". Hiển nhiên đây là quan điểm "đi ngược lại chủ nghĩa Mác-Lê Nin". Thế là đã thấy sự nguy hiểm rồi.

Nửa năm đầu năm 1958 Trường Đại học Bắc Kinh mở cuộc phê phán đích danh Hiệu trưởng của mình. Báo và tập san của trường tuôn ra 18 bài luận phê phán Mã Dân Sơ. Báo chí toàn quốc bắt đầu trở tay bước vào cuộc đại phê phán.

Mã Dân Sơ ngoài việc mất đi lòng kính trọng ra, có người còn ngao ngễ chụp cho ông ba cái mũ "Ông là chủ nghĩa Man-tuyết, ông phủ nhận tính ưu việt của chế độ XHCN, ông không có tình cảm với 600 triệu dân". Năm 1958 phong trào chống phái hữu toàn quốc tạm lắng xuống, nhưng với Mã Dân Sơ và "lý luận dân số mới" của ông chẳng hề có biểu hiện giảm mà lại càng mãnh liệt hơn, vì lúc đó có Khang Sinh tổ phó tổ Văn hoá Giáo dục Trung ương kiêm tổ trưởng tổ lý luận được gọi là "Lý luận uy quyền" đích thân chủ tọa điều khiển: nên cuộc phê phán như lửa cháy đổ thêm dầu càng bốc cao hơn bao giờ hết.

Ngày 15 tháng 12 năm 1959 Khang Sinh nghiêng răng nghiêng lợi nói với Bí thư Đảng uỷ Trường Đại học Bắc Kinh "Nhất định phải phê phán thật kỹ Mã Dân Sơ về mặt chính trị, từ nay Mã Dân Sơ không được làm Hiệu trưởng Trường Đại học Bắc Kinh, sau khi triệt để điều tra phê phán, cho ông ta rời khỏi Đại học Bắc Kinh".

Dưới sự chỉ đạo của Khang Sinh Trường Đại học Bắc Kinh, quần chúng sôi nổi, giáo viên hò hét tiến hành, phê phán quy mô nhỏ, quy mô lớn đối với Mã Dân Sơ, lịch sắp xếp kín mít. Những bài báo chữ lớn với số lượng nhiều dạng như bông tuyết rơi đậm thẳng vào xương tủy Mã Dân Sơ...

Những lời nhục mạ nhao nhao, những lời chỉ trích, chửi rủa chẳng cần thứ tự, những ngôn từ bản thủ tuôn ra ào ào như nước rửa chân, chẳng còn một chút nghĩa tình, đập thẳng vào Mã Dân Sơ. "Tội danh" của Mã Dân Sơ ngày càng nhiều: Công kích sự phát triển với tốc độ cao và đại vọt tiến của nền kinh tế quốc dân, công kích và bôi nhọ công xã nhân dân, công kích kế hoạch kinh tế xã hội' chủ nghĩa, ca ngợi sự cạnh tranh tự do của chủ nghĩa tư bản, là phiên bản của "chủ nghĩa đa phần" của Pháp tại Trung Quốc, đấu tranh giành quyền lãnh đạo của Đảng và chủ nghĩa Mác-Lênin... Mùa đông năm 1959 rất lạnh. Nhất là trong vườn Trường Đại học Bắc Kinh Khang Sinh đã dùng giọng đầy khí lạnh của vùng Sơn Đông, để công kích người khác: "Mã Dân Sơ đã từng nói, có người nói ông ta là người của chủ nghĩa Man-tuyết nhưng ông ta không đồng ý. Ông ta nói Man-tuyết là ngựa nhà, Mác-Lê Nin cũng là ngựa nhà, mà ông ta là ngựa nhà Mác... Tôi nhận thấy "Lý luận dân số mới" của Mã Dân Sơ chàng có gì phải nghi ngờ, đó chính là ngựa nhà của Man-tuyết". "Chồng mũ" của Mã Dân Sơ đột nhiên lại được

chồng lên cao hơn: "Mã Dân Sơ" là Man-tuyết của Trung Quốc... Mã Dân Sơ vốn vì chủ nghĩa đề quốc, chủ nghĩa phong kiến và chủ nghĩa tư bản phục vụ?... "Mã Dân Sơ dù có ngàn lưỡi cũng không thể tranh cãi nổi, ông ta chỉ cần nhấn mạnh một điểm: "Tôi Mã Dân Sơ là "ngựa nhà Mác?". Cuộc đời Mã Dân Sơ gần 80 năm, chịu bao nỗi nhọc nhằn, gian khó khổ hạnh.

Chỉ vì cái lợi to lớn của một dân tộc ông đã phải chịu bao điều bôi nhọ vô lý thô bạo song ông vẫn kiên quyết bảo vệ chân lý. Trên tờ "Quang minh Nhật báo" ông phát biểu (lại nói về lý luận "vòng quay" của luật cân bằng của tôi) ông còn viết bài trần thuật ý kiến của mình để báo khác đăng tải.

Nhưng tất cả những việc làm đó chẳng đem lại kết quả gì tốt đẹp. Chẳng những báo chí to ở vườn Trường Đại học Bắc Kinh "Bỗng đêm qua gió. xuân về, ngàn vạn cây lê lại nở hoa, ông đã lường trước rồi vậy mà vẫn không xong, cửa phòng ông, bàn của ông, đầu giường ông đều dán đầy những báo chữ to, khẩu hiệu... Nhưng ông không vì những thứ đó mà chán nản, ông lại phát biểu trên báo "Kiến thiết mới" "Nhắc lại yêu cầu của tôi": "... Tôi đã gần 80, biết rõ rằng một người không địch được muôn người". Tôi tự thấy đơn thương độc mã mà chiến đấu chống trận thì chết trận là chắc chắn: nhưng quyết không đầu hàng, những người phê phán bằng cách dùng áp lực buộc phải phục tùng mà không dùng lý lẽ để thuyết phục. Ông không sợ cô đơn. Ông không sợ phê phán vì nước nhà và vì chân lý ông không sợ bị hắt nước lạnh, không sợ vạc dầu, không sợ mất chức - ngồi tù và càng không sợ chết. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa cuối cùng ông không địch lại với số đông được. Ngày 4 tháng 1 tức mùa xuân năm 1960 Mã Dân Sơ buộc phải viết đơn xin từ chức chính thức gửi lên Bộ giáo dục lúc đó Bộ giáo dục trình lên trên rất nhanh và được Quốc vụ viện phê chuẩn. Mã Dân Sơ trả lại nhà ở của Trường Đại học Bắc Kinh, trở về số nhà 32 ngõ Tổng Bó, đông Bắc Kinh. Chức uỷ viên thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc của ông cũng bị mất, chỉ còn bảo lưu chức vụ uỷ viên Thường vụ Hội nghị hiệp thương chính trị toàn quốc, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 2. Đồng thời còn một điều khiến ông lạnh người, đó là ngay quyền phát biểu về văn chương của ông cũng bị tước đoạt.

Từ đó với thời gian 20 năm, mọi người không được đọc những áng văn của vị học giả không sợ bị chèn ép này nữa. Ông bị "phê đúng, phê ngồi" "Trước cửa vắng lặng không bóng xe ngựa qua". Điều khổ sở của ông ở chỗ: ông là người yêu Đảng Cộng sản ủng hộ Đảng Cộng sản thật tâm hiến kế vì nước nhà nhưng giờ đây lại bị bãi quan mất chức, sống lạnh lẽo cô đơn. Trần Nghị đã đến thăm Mã Dân Sơ. Việc này đối với tinh thần ông là một sự an ủi lớn lao. Điều mà ông nhận được nhiều đó là sự lạnh nhạt của thế thái. Khi ông đến khảo sát ở Triết Giang năm 1962 tiếp đón ông là những bộ mặt lạnh như băng. Tuy rơi vào nghịch cảnh những trái tim của Mã Dân Sơ vẫn lo cho dân cho nước. Ông lại đến Triết Giang nắm bắt và viết bộ tư liệu tổng hợp rất đầy đủ. Ông trình lên Hội nghị thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân, nhưng báo cáo của ông không hề có trả lời. Sự liên hệ của Mã Dân Sơ với Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc như vậy là kết thúc. Năm 1963 khi ông đến Đại hội đại biểu tỉnh Triết Giang để làm kiểm thảo vấn đề dân số của ông, lại bị cự tuyệt, tư cách Đại biểu Đại hội nhân dân của ông bị tước bỏ. Lúc này "Đại cách mạng văn hoá" chưa từng có trong lịch sử đã bắt đầu. Đầu tiên Nhà nước cử một nhân viên công tác của Hồng vệ binh đến cảnh cáo Mã Dân Sơ:

"Ông là kẻ phản động của giai cấp tư sản, học thuật quyền uy của ông đã chấm dứt, giờ đây tôi chính thức cảnh cáo ông. Mã Dân Sơ ông nghe đây: "Từ nay về sau ông nghe tôi chỉ huy, nếu dám chống lại, tôi không tha thứ cho ông đâu".

Mã Dân Sơ một vị cao niên 80 tuổi đứng chết trân giữa hội trường bao nhiêu lâu vẫn chưa định thần được.

Người nhân viên tạp vụ "Hồng vệ binh" đó từ đấy về sau lảng nhục chửi mắng trước mặt Mã Dân Sơ, anh ta còn thông đồng với người phục vụ không cho Mã Dân Sơ ăn cơm... Trong lòng Mã Dân Sơ quá đối sợ hãi. Một buổi sáng mùa đông năm 1966, Mã Dân Sơ nằm mơ thấy Hồng vệ binh đến khám nhà. Sau lễ rửa tội Mã Dân Sơ thực hiện "Phá 4 cũ" Bình hoa, đồ sứ các bạn đưa đến... bỗng chốc

thành rác rưởi phải xử lý, giấy da, quần áo đều đưa vào lò đốt hết., những thư tay, chữ hoạ của các vị lãnh đạo Trần, Mao, Chu... đều vào đồng lửa.

Một số tài liệu quý giá mà ông tích lũy bao năm nay cũng đều bị thiêu trụi. Cả cuộc đời đầy nhiệt huyết của Mã Dân Sơ chỉ trong giây lát đã bị tiêu huỷ, tim Mã Dân Sơ rỉ máu. Trải qua phong ba bão táp trong thời gian dài, các nơi của Trung Quốc mưa xong trời lại sáng. Sau khi Đại hội toàn quốc Trung ương của Đảng lần thứ 3 khoá 11 kết thúc, một loạt án oan, giả, sai đều được dần dần sửa lại thay đổi. Thượng tuần tháng 2 năm 1979 sau hai mươi năm Mã Dân Sơ chịu nỗi oan, Cục chính sách văn phòng Trung ương nhận rất nhiều thư của quần chúng yêu cầu sửa sai cho Mã Dân Sơ tội của 20 năm trước. Ngày 7 tháng 4 năm 1979 tổ chức Trung ương đã gửi văn kiện đến các chi bộ tổ Đảng Bộ Giáo dục và Đảng uỷ Trường Đại học Bắc Kinh, Cho rằng năm 1959 Mã Dân Sơ do Đảng uỷ Đại học Bắc Kinh tổ chức phê phán thuộc về vấn đề học thuật, do vậy yêu cầu nghiên cứu và giải quyết vấn đề Mã Dân Sơ. Nhưng qua đi mấy tháng mà vấn đề sửa sai của Mã Dân Sơ vẫn không hề có tin tức.

Đại hội lần thứ 2 khoá 5 Đại biểu nhân dân toàn quốc tiến hành tháng 6 năm 1979 trong "Báo cáo công tác của Chính phủ" đã đưa ra chương trình công tác thứ 10 đó là: Công tác sinh đẻ có kế hoạch của Mã Dân Sơ 20 năm trước đã yêu cầu thực thi.

Nhưng Mã Dân Sơ "Người sáng lập" ra kế hoạch đó vẫn chưa được sửa sai. Công thần của lịch sử vẫn đang là "tội nhân" của lịch sử, điều đó đã khiến cho các Đại hội đại biểu trong lòng không yên. Trung tuần tháng 5, cấp trên chỉ thị cho Tân Hoa xã cử phóng viên lấy tin của ông Mã Dân Sơ. Mã Dân Sơ con thứ của Mã Dân Sơ tức giận vì thấy cha mình bị người ta nhiều năm chà đạp và quên đi đã hỏi thẳng "phóng viên Tân Hoa xã đến đây làm gì?" khiến phóng viên một phen sợ hãi. Đồng thời các báo "Quang minh Nhật báo" "Văn hồi báo"... cũng xuất hiện lời kêu gọi sửa sai cho "Luận dân số mới" của Mã Dân Sơ. Ngày 21 tháng 6 năm 1979 một phóng viên Tân Hoa xã rất khâm phục Mã Dân Sơ đã để một phóng viên tài ba giàu tình cảm và đầy trách nhiệm viết ngay một báo cáo điều tra gửi ngay lên lãnh đạo Trung ương, ông xúc động trước những điều Mã Dân Sơ kể cho mình nghe những điều Mã Dân Sơ đã gặp phải, ông kêu gọi: Hãy để ông Mã lại nhìn thấy ánh sáng ban ngày. Báo cáo của ông được đưa vào tài liệu tuyệt mật đưa tận tay người phụ trách Trung ương. Đồng chí Hồ Diệu Bang và Trần Vân lập tức phê chuẩn sửa sai, Tổng Nhiệm Cùng cũng phê chuẩn rất nhanh, đồng ý sửa sai thật nhanh cho ông Mã. Ngay lập tức tổ chức Trung ương, Mặt trận thống nhất Trung ương, Ban bí thư Trung ương, Bộ giáo dục, và Thành uỷ Đảng Cộng sản Bắc Kinh và Đảng uỷ Trường Đại học Bắc Kinh ra quyết định Mã Dân Sơ được triệt để sửa sai công khai khôi phục danh dự. Đám mây đen trùm lên đầu Mã Dân Sơ 20 năm nay được tia nắng mặt trời ấm áp xua tan. Sự sửa sai cho ông Mã Dân Sơ đã làm trong và ngoài nước bừng lên sự hưởng ứng mãnh liệt.

16. Bành Dực tướng quân hết cách

Bành Đức Hoài là một trong mười Đại nguyên soái có công lớn trong sự nghiệp dựng nền cộng hoà nhân dân, song cuộc đời hoạt động chính trị lại ngắn ngủi: ông là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hơn chín năm. Bắt đầu từ Hội nghị Lư Sơn năm 1959 ông bị khép vào tội "phản động", bị tước bỏ chức vị.

Ông như rơi xuống vực sâu khổ nạn. Ông là người có công lớn trong việc dựng nước, đầu tiên bị lôi ra phê bình và bức hại. Ông là một vị Đại tướng oai phong lẫm liệt, trong những năm tháng chiến tranh tàn khốc ông đã tung hoành ngang dọc lập nhiều chiến công hiển hách nhưng, cuộc đời chính trị của ông trong những năm hoà bình thì lại rất bấp bênh, hết lần này chình, lần sau phê, rồi lại lần này phê lần sau chình, cuối cùng bị chụp mũ là "phản Đảng, phản chủ nghĩa xã hội" trong suốt hơn mười năm và bị bức hại cho đến chết. Khi lịch sử thanh minh và rửa nỗi oan sâu nặng của ông thì nắm xương tàn của ông cũng chẳng còn dấu vết Hội nghị Lư Sơn là đỉnh điểm đau khổ của cuộc đời Bành Đức Hoài. Năm 1958 trước khi Hội nghị Lư Sơn họp, sáu trăm triệu người Thần Châu hưởng ứng đường lối chung: Thực hiện cách mạng đại vọt tiến và ba ngọn cờ hồng "của công xã nhân dân". Cuộc vận động phong trào đại nhảy vọt cuộn cuộn dâng trào kéo theo các loại gió? Chỉ tiêu cao, chống ba hoa, mệnh lệnh cưỡng bức, cộng sản v.v...

Sự việc đó giờ đây nhìn lại phong trào ngày ấy giống như trò đùa quá trớn, song lại được sự cổ vũ của đại đa số quần chúng một cách tung bừng hò hời. Sản lượng tiểu mạch đang từ hơn 2000 cân bỗng nhảy vọt lên 7000 cân trên một mẫu. Sản lượng lúa nước của tỉnh Hồ Bắc đạt tới con số hàng vạn cân, sản lượng gang hàng ngày: Lỗ Sơn Hà Nam là 1000 tấn, huyện Vũ có đến 4000 tấn, Lộc Trai Quảng Tây cũng không kém đạt tới 200.000 tấn Quảng Đông cũng hằng hà sa số tới 870.000 tấn. Chẳng lẽ lại là sợ làm không được, mà chỉ sợ nghĩ không ra, "có người can đảm, đất cho sản lượng cao"? Cái gọi là "Người có can đảm" đó "chẳng qua là có can đảm nói láo, đất cho sản lượng cao" thật là một điều thần thoại kỳ quái. Hai cơn gió vọt tiến và khuyếch trương đã hợp lại, chẳng bao lâu đã trở thành cơn bão mang tính nguy hại vô cùng to lớn. Bành Đức Hoài là người đảng viên cộng sản bộc trực, chân thành nên không thể tin đất cho sản lượng lớn, con người, làm gì có lực lượng vĩ đại đến thế. Trước Hội nghị Lư Sơn ông đã đi thực tế kiểm tra khu vực Tây Bắc, và cũng về qua quê hương Hồ Nam của ông để khảo sát. Ông thấy lòng mình nặng nề, mắt ông ứa lệ, con tim ông rỉ máu trong đau khổ, nếu không kịp thời chặn đứng màn kịch hồ đồ không đúng đắn này lại hậu quả sẽ là không thể tưởng tượng nổi. Đó là sự "tả khuynh" sai lầm nghiêm trọng đang lan tràn.

Chính vì tư tưởng đắm chìm trong nỗi lo dân lo nước nên Bành Đức Hoài đã nhanh chóng viết bức thư dài quyết định vận mệnh bi thảm nửa cuộc đời còn lại của ông trong lời hiệu triệu mở Hội nghị Lư Sơn năm 1959. Bức thư đó không thua kém gì quả bom nặng cân, khiến Hội nghị Lư Sơn đang tiến hành uồn nấn "tả", nhanh chóng chuyển thành cuồng phong bão táp "phái hữu". Phần đầu của thư là sự khẳng định thành tích của "đại nhảy vọt" phần sau nhấn mạnh và chỉ rõ sai lầm về mặt tác phong công tác và phương pháp tư tưởng của Đảng. Nếu phong trào khuyếch trương cứ kéo dài và phổ biến sâu rộng thì uy tín của Đảng sẽ tổn thất không nhỏ, bởi tính cuồng nhiệt của giai cấp tiểu tư sản d8 đưa Chúng ta mắc sai lầm "tả" khuynh. Ca ngợi tới mức đứng trước công lao trời biển của mình, Mao Trạch Đông cũng không thể khiêm tốn được nữa, để cho chủ nghĩa độc đoán chuyên quyền cá nhân từ nảy nở và lớn lên. Mao cho rằng ý kiến của Bành Đức Hoài và kiến nghị của Hoàng Khắc Thành cùng một số người khác là sai lầm. Mao còn nhận định là "Cương lĩnh của kẻ cơ hội chủ nghĩa hữu khuynh" là "có mục đích", "có tổ chức" và "có kế hoạch". Bành Đức Hoài cùng một số người khác

chẳng hiểu cơn có gì bị liệt vào cái gọi là tổ chức "Câu lạc bộ quân sự". Hội nghị Lư Sơn nổi tiếng đã bị đổi gió, nó trở thành đại hội phê phán Bành Đức Hoài, kẻ cầm đầu "chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh". Mặc dù trong thời gian Hội nghị Bành Đức Hoài đã tìm dẫn ra các biện pháp để kiểm tra lại nội dung bức thư của mình mong cố gắng biện minh cho tội danh ấy, song lúc này tất cả đều đã muộn, tất cả mọi sự cố gắng đều vô ích.

Hội nghị Lư Sơn đã khép Bành Đức Hoài tội danh "Lập vương quốc độc lập" dựng "Câu lạc bộ quân sự" và là "kẻ đầu sỏ chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh".

Bành Đức Hoài xuất phát từ ý thức lo cho dân, lo cho nước nên đã khản trương nỗ lực viết báo cáo, song cũng chính từ đó mà châm dứt cuộc đời chính trị và đại họa đổ ập đến với ông.

Sau Hội nghị Lư Sơn, Bành Đức Hoài bị bãi miễn chức vụ Bộ trưởng quốc phòng. Bành Đức Hoài biết rằng "ván đã đóng thuyền" nên chỉ còn biết im lặng đối mặt với sự thật tàn khốc này.

Ngay trong năm, toàn bộ gia đình ông phải rời khỏi khu nhà công đường Vĩnh Phúc ở Trung nam Hải dọn đến cửa ngõ Gia Hoa Viên Lạc thôn Quải Giáp ngoại ô tây Bắc Kinh. Có điều rất thú vị là thôn Quải Giáp tương truyền nơi đây thời chinh bắc nước Liêu Dương lục lang trong "Dương gia tướng" đã cỡi giáp nghỉ ngơi tại nơi này. Bành Đức Hoài một người có công trong sự nghiệp dựng nước Cộng hòa nhân dân, lập bao chiến công hiển hách thời nay cũng về đây cỡi giáp quy điền.

Bành Đức Hoài liền dồn hết sức lực vào công việc đồng áng. Ông học hỏi tỉ mỉ, cần mẫn mong đạt được năng suất để đối chứng sự phi lý hoang đường của giới khuyếch trương và ý kiến của ông chính xác. Song tất cả mọi cách đều không thể khiến Bành Đức Hoài vượt khỏi vận đen đã gặp phải.

Đúng lúc đang bị thế lực trên nén xuống, Bành Đức Hoài bị chụp chiếc mũ bản thù "ngụy quân tử" "dã tâm gia".v.v, con đường chính trị của Bành Đức Hoài bị chặn đứt. Điều làm ông giá buốt tâm can đó chính là sự ám ảnh của vận rủi chính trị đã khiến cho cuộc sống sinh hoạt của gia đình ông âm ảm âm u. Ông và vợ yêu là Phó An Tu đã phải cắt đứt và chia tay nhau, cả hai bị đẩy vào sự đau khổ kéo dài.

Hòn đá quá sức nặng nề trên đầu Bành Đức Hoài: "Sửa sai cho ai, cũng không thể sửa sai cho Bành Đức Hoài. "Bành Đức Hoài, tổ chức phản Đảng Tập đoàn phản Mao Chủ tịch" "Bành Đức Hoài thông đồng với nước ngoài"... những điều áp đặt nặng nề đó đã khiến cho hai vợ chồng ông phải chịu đựng nỗi đau khổ quá lớn không thể diễn đạt nổi bằng lời.

Bành Đức Hoài lo lắng cho Phó An Tu, thực tế khó có thể chịu đựng nổi đành phải chọn cách ly hôn, đây thực là một hạ sách, giữa Đảng và Bành Đức Hoài thì Phó An Tu càng yêu Đảng hơn nên đã chọn ly hôn. Ngày chia tay hai người cùng ăn một quả lê trong những giọt nước mắt đau khổ của Bành Đức Hoài, sau khi ăn xong nửa quả lê Phó An Tu cũng đầm đìa nước mắt... Bành Đức Hoài không ăn lê vì trước lúc bỏ lê Bành Đức Hoài đã nói rõ hai người không nên ăn lê. Nhưng kết cục họ không tránh khỏi sự việc đó.

Ngày 16 tháng 6 năm 1962 Bành Đức Hoài viết lá thư dài (khoảng 8 vạn chữ), gửi Mao Chủ tịch và Trung ương Đảng, ông kể lại cả quá trình công tác của mình, hằng mong điều đó sẽ giúp giảm nhẹ tội danh của mình. Ngày 23 tháng 9 năm 1965 lần đầu tiên Mao Trạch Đông ngồi nói chuyện với Bành Đức Hoài. Trong ký ức của Bành Đức Hoài vẫn nhớ như in cảnh tượng buổi nói chuyện giữa ông và Mao Trạch Đông.

Mao Chủ tịch:

- Tôi chờ anh từ sớm, khó ngủ quá. Chiều qua nhận được thư anh tôi mừng quá nên không ngủ được. Anh thật là người cố chấp, mấy năm không viết thư, lúc viết thì viết luôn 8 vạn chữ. Hôm nay còn có đồng chí Thiệu Kỳ, Tiểu Bình, Bành Chân cũng đến tham dự, Thủ tướng Chu còn phải tiếp Xu-các-nô do vậy không thể đến được. Chúng ta cùng bàn nhé!

Từ đây chúng ta phải xây dựng chiến lược hậu phương chuẩn bị chiến tranh. Theo tỷ lệ, tây nam

đầu tư rất nhiều vật thì chiến lược hậu phương càng đặc biệt quan trọng. Anh đi tây nam là thích hợp nhất lúc đi có thể đem theo một số binh lính để chiến đấu, đó là điều kiện giúp anh lấy lại được danh dự.

Bành Đức Hoài:

- Lúc ở Hội nghị Lư Sơn Chủ tịch có hỏi phương án quyết định của tôi như thế nào? Khi ấy tôi hứa với Chủ tịch ba điều. Chủ tịch hỏi: Ba điều đó như thế nào? Tôi đáp: 1. Trong bất cứ tình huống nào cũng không phản lại cách mạng. 2. Trong bất cứ tình huống nào cũng không tự sát. 3. Từ nay về sau công tác không làm được nữa sẽ tham gia lao động sản xuất, tự lực cánh sinh.

Chủ tịch nói:

- Hai điều sau tôi vẫn nhớ được có lẽ cái đúng thuộc về anh. Chiến lược hậu phương điều cốt yếu là khu Tây Nam, ở đó có nhiều tài nguyên, địa lý cũng thích nghi, nhiều khả năng làm được. Có lẽ đồng chí Bành Đức Hoài sẽ làm nên một chút thành tựu ở đó. Xây dựng sự lãnh đạo thống nhất của Đảng thành lập Bộ Tổng chỉ huy, Lý Tĩnh Tuyên là trưởng, Bành là phó, và còn Trình Tự Hoa... ("Tự thuật của Bành Đức Hoài" trang 288-289 Nhà xuất bản Nhân dân Bắc Kinh).

Một tháng sau (phát biểu theo nghị định "5-16") ngày 16 tháng 6 năm 1966 Quan Phong, Thích Bản Vũ Thành tìm hiểu Cách mạng văn hoá Trung ương đã viết một lá thư có liên quan đến Bành Đức Hoài gửi lên thượng cấp của họ là Giang Thanh, Khang Sinh, Trần Bá Đạt:

" Chúng tôi thấy rằng giao công tác này^[2] cho Bành Đức Hoài là không xác đáng. Theo chúng tôi hiểu, sau khi vào công việc "ba đường lối" Bành Đức Hoài vẫn tích cực tiến hành những hoạt động không bình thường. Do vậy, chúng tôi lại một lần nữa đề xuất ý kiến, hy vọng Trung ương xem xét bãi bỏ chức vụ Phó Tổng chỉ huy "ba đường lối" của Bành Đức Hoài. Từ đó ông nhìn thấy nhiều sự việc rất thực mà Đại cách mạng văn hoá đã vạch trần.

Song đến nay Bành Đức Hoài cũng vẫn là lá cờ đen của chủ nghĩa xét lại. Để vạch trần bộ mặt xấu xa của ông ta trước quảng đại quần chúng, để thanh trừng triệt để mầm mống tai hoạ, chúng tôi mong rằng Trung ương cần phải xem xét, lựa chọn điều kiện thích hợp công bố trước quần chúng hoạt động tội ác phản Đảng phản Xã hội chủ nghĩa của Bành Đức Hoài. Bởi vậy cuộc đấu tranh giành quyền lực này là cuộc đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng, là cuộc đấu tranh mà chúng ta lật đổ chính quyền phản động từng bộ phận, ở từng địa phương cho nên chúng ta phải giành lấy thời cơ.

Thế là từ nay Bành Đức Hoài bắt đầu sống chuỗi ngày đau khổ trong cuộc sống đen tối mịt mù, chẳng dễ gì có được những ngày trong sáng phẳng lặng. Chu Ân Lai chuyển tin dữ của tây nam có liên quan đến Bành Đức Hoài tới Mao Trạch Đông. Chu Ân Lai e rằng sẽ có chuyện bất trắc xảy ra với Bành Đức Hoài nên lập tức điện báo cho lãnh đạo xây dựng tây nam, Quân khu Thành đô, Khu vệ binh Bắc Kinh và "cờ hồng" Bắc Hồng.

"Đồng chí Bành Đức Hoài sẽ trở về Bắc Kinh. Song phải nghiêm chỉnh chấp hành ba điều sau.

1 Hồng vệ binh và bộ đội cử người hộ tống đồng chí Bành Đức Hoài đến Bắc Kinh, dọc đường không cho phép ai dừng lại, không được có lời nói hành vi nào lăng nhục đồng chí ấy, tuyệt đối bảo vệ an toàn cho đồng chí Bành Đức Hoài.

2. Không cho phép đi máy bay, mà phải đi bằng tàu hoả đến Bắc Kinh do Quân khu Thành đô trực tiếp liên hệ.

3. Bộ đội vệ binh Bắc Kinh cử người chờ đón tại ga Bắc Kinh đồng thời phụ trách sắp xếp việc học tập và sinh hoạt cho đồng chí Bành Đức Hoài.

Các đơn vị phải tuyệt đối nghiêm chỉnh chấp hành việc bảo đảm an toàn cho đồng chí Bành Đức Hoài. Các đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Trung ương về tính mạng của đồng chí Bành Đức Hoài.

Đêm ngày 25 tháng 12 năm 1966 dưới sự hộ tống của Hồng vệ binh và Quân khu Thành đô Bành

Đức Hoài được đưa lên toa giường mềm rời Thành Đô về Bắc Kinh. Đúng lúc bộ đội khu vệ binh Bắc Kinh thực hiện chỉ thị của Thủ tướng Chu đến sân ga đón Bành Đức Hoài thì một đám Hồng vệ binh nhận mật lệnh của Giang Thanh, Thích Bản Vũ ào ào xông lên tiếp thẳng vào toa giường mềm với ý đồ bắt Bành Đức Hoài. Chu Ân Lai đã dùng lời lẽ nghiêm túc phê bình Giang Thanh, Thích Bản Vũ đồng thời quyết không để lũ lâu la của họ lôi Bành Đức Hoài đi. Cuối cùng Giang Thanh, Thích Bản Vũ bắt đắc dĩ phải đồng ý cho ba nhóm "trời" "đất" và vệ binh khu Bắc Kinh "có" Bành Đức Hoài. Giang Thanh - Một bọn lợi dụng cháy nhà đến "hôi cửa", sự vui mừng hiện rõ trên bộ mặt. Giang Thanh tròn xoe mắt nhìn Thích Bản Vũ: "Giờ đây chính là lúc chiến đấu, Thích Bản Vũ, anh là người thông minh, chỉ huy mưu lược, chờ khi Đại cách mạng văn hoá thắng lợi: chúng tôi sẽ luận công trọng thưởng, phong cho anh cấp tướng, phong cho anh Nguyên soái" Dã tâm lang sói của chúng đã phơi bày ra hết ! Như vậy quân hiệu của Thích Bản Vũ đã nhanh chóng thành "Thích Nguyên soái". Song cuối cùng thì bàn tay đen tối hung dữ và tàn bạo cũng sẽ bị lưỡi rìu sắc của chính nghĩa chặt đứt. Năm 1979 lúc bị thẩm vấn "Thích Nguyên soái" ủ rũ, thần sắc buồn bã chẳng còn nét nào thể hiện giống những ngày bức hại Bành Đức Hoài: "Bành Đức Hoài trong thực hiện "Ba đường lối" là do tôi sai học sinh đi Tứ Xuyên móc nối đưa anh ta về Bắc Kinh. Ý kiến chỉ đạo lúc đó là của Giang Thanh, chủ trương này là của Khang Sinh" Ngày 26 tháng 12 năm 1966 Thích Bản Vũ báo cáo lên Giang Thanh:

"Bành Đức Hoài đã bị Hồng vệ binh bắt rồi, khoảng một, hai ngày nữa sẽ giải về Bắc Kinh. Học sinh Bắc Kinh đã chuẩn bị sẵn sàng đấu tranh".

Chính lúc đó họ ra tay chuẩn bị ầu đã lớn thì có sự can thiệp của Chu Thủ tướng nên Bành Đức Hoài vẫn được đảm bảo an toàn. Bầu máu nóng, Hồng vệ binh được coi là không, vậy mà họ còn không kiên nhẫn được. Kể từ đó Bành Đức Hoài bị Hồng vệ binh lôi đi công khai phê bình đấu tranh. Tuy rằng cảnh tượng này chẳng kéo dài được bao lâu, bọn "Tiểu tướng cách mạng" độc ác đã man ghê gớm này cũng bị sớm trừng trị.

Ngày 1 tháng 1 năm 1967 Bành Đức Hoài nằm trong tình cảnh đầy nguy hiểm, đã viết một lá thư nói rõ hoàn cảnh bị thẩm hiện nay của mình với Mao Trạch Đông:

"Chủ tịch: Người lệnh cho tôi là thành viên phụ trách xây dựng "ba đường lối", ngoài việc đảm nhận phó chủ nhiệm thứ ba ra còn phải gánh vác công việc khác để hoàn thành ước vọng của Người.

Đêm ngày 22 tháng 12 (tức 27 âm lịch), tôi bị Hồng vệ binh Học viện Hàng không bắt tại Thành Đô đưa về tạm giữ tại một bộ phận của Thành Đô.

Ngày 23 (tức ngày 25 âm) tôi được chuyển giao cho Hồng vệ binh địa viện Đông Phương Hồng ở Bắc Kinh. Ngày 27 áp giải đến Thủ đô, hiện tôi bị giam giữ dưới sự giám sát của Hồng vệ binh và bộ đội cảnh vệ Trung ương. Xin gửi lời chào trân trọng đến Người! Chúc Người vạn thọ vô cương!".

Bành Đức Hoài trong chuỗi ngày chờ đợi lời phúc đáp của Mao Trạch Đông, đêm ngắm trăng, nhìn sao, ông viết một câu thơ! "Ai dám tung hoành ngang dọc bằng ta Bành đại tướng quân".

Song sự chờ đợi đằng đằng đã 8 năm và còn kéo dài đến lúc ông từ biệt thế giới này...

Mùa xuân năm 1967 Bành Đức Hoài bị rơi vào cái bẫy đau lòng khó có thể tưởng tượng nổi, chính vì thế mà nổi giầy vò, đau khổ cứ kéo dài âm ỉ mãi trong ông. Tết Nguyên đán vừa qua. Diêu Văn Nguyên kẻ thói tha đã đăng (phát biểu) trên "Nhân dân Nhật báo" bài đánh giá phản cách mạng "Hai mặt của phái Dương Chu". Hồng vệ binh đã sắp xếp âm mưu nên buộc Bành Đức Hoài phải viết ra nhận xét sau khi đọc "Cảm nhận sau khi đọc nhận tội" tác phẩm lớn có tiếng của Diêu Văn Nguyên. Bành Đức Hoài và Diêu Văn Nguyên vốn không hề hiểu biết gì về nhau nên không rõ Diêu Văn Nguyên là loại mặt hàng nào.

"Diêu Văn Nguyên nói về văn chương là quyền tự do của anh ta, tôi viết hay không viết là quyền tự do của tôi".

Đối với loại văn chương không đáng một xu ấy, Bành Đức Hoài không thèm ngó ngang tới.

Bị Hồng vệ binh từng bước dồn ép Bành Đức Hoài không còn né tránh được, ông miễn cưỡng cầm bút viết cho Diêu Văn Nguyên một bức thư kiên quyết:

"Đồng chí Diêu Văn Nguyên:

Đọc xong bài viết "Đánh giá phản cách mạng hai mặt của phái Chu Dương" đăng trên "Nhân dân Nhật báo" ngày 3, các đồng chí Hồng vệ binh yêu cầu tôi có thái độ với một đoạn trong bài đó, nếu như tự cho mình là chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, tập đoàn phản Đảng, đã đưa ra cương lĩnh không đầu không cuối của chủ nghĩa xét lại, mưu toan lật đổ sự lãnh đạo của Trung ương Đảng đứng đầu là Mao Trạch Đông, đưa đất nước vào con đường đen tối của chủ nghĩa tư bản, nếu tuyên truyền như vậy mà có lợi thì cứ tuyên truyền đi. Còn nếu muốn thực sự cầu thị một chút thì tôi có thể cung cấp thêm một ít tư liệu".

Bức thư của Bành Đức Hoài vô tình trở thành "chứng cứ nhận tội" mới, thế là hồ sơ của Bành Đức Hoài lập tức bị chuyển sang tổ chuyên án.

Bành Đức Hoài phải viết ra bốn loại tài liệu theo yêu cầu và sắp đặt của Hồng vệ binh: "Khởi nguồn tư tưởng" "Sai lầm của vấn đề xây dựng quân đội" "Đánh giá quá trình quân hàm" "Tại sao Lu Sơn lại viết thư gửi Mao Chủ tịch". Khang Sinh vừa nhìn thấy tài liệu liền hạ bút phê: "Tài liệu mà Bành Đức Hoài viết một lần nữa tấn công vào Đảng, gửi ngay tài liệu lên Mao Trạch Đông, Bí thư Lâm và Thủ tướng duyệt".

Mao Trạch Đông xem xong tài liệu chỉ thị:

"Sau khi Lâm, Chu duyệt xong chuyển đồng chí Khang Sinh làm án".

Hồng vệ binh bới móc căn vặn đưa ra vấn đề Cao Lam, Nhiêu Thấu Thanh và "Câu lạc bộ quân sự", vu cho Bành là tướng của tập đoàn phản Đảng.

Cao, Nhiêu, buộc Bành phải viết ra tài liệu của "Câu lạc bộ quân sự". Bành Đức Hoài tức giận sùi bọt mép, đấm mạnh lên bàn quát to: "Giết chết cũng không thể có". Trong lòng Bành Đức Hoài bị giày vò, về tinh thần cuộc sống sinh hoạt lại bị coi thường, bộ quần áo cũ mặc trên người là bộ đồ lót mang đến từ Thành Đô. Thần kinh ông bị giày vò kéo dài, lại thêm thời gian trong hầm mỏ của chiến tranh Triều Tiên nên bệnh viêm da đã tái phát (đôi chân tầng tầng lớp lớp lở loét nhầy nhụa) khiến cho chiếc áo lót thấm đầy vết máu. Bệnh tật hành hạ ông, lại còn phải ở trong căn phòng âm u ướt át, lạnh lẽo, quần áo chẳng có để thay mặc thấm đầy máu, quần thùng bầy, tám lỗ dù bông trắng lòi ra từ chỗ thùng như những bông hoa trắng... Ngày 6 tháng 3 Bành Đức Hoài và một số người "Phạm tội" bị dẫn giải sang căn nhà tạm (cách chỗ năm gốc tùng không xa) của bộ đội vệ binh khu thôn La Đạo, cửa lớn có vệ binh canh gác, cửa phòng của Bành Đức Hoài có một tiêu binh canh giữ luôn để mắt và ghi lại "Nhất cử nhất động phản cách mạng" của Bành Đức Hoài. Trong phòng ông không có lấy một tên tiêu binh, đối với việc quản thúc ông giờ đây vô cùng nghiêm ngặt.

Bành Đức Hoài nghĩ thầm: "Ta hiểu rồi, đây không phải là phòng của doanh trại mà là phòng làm việc đây". Mùa đông buốt lạnh ghê gớm mà Bành Đức Hoài vẫn mặc bộ quần áo bông cũ, thùng, rách nát mà chẳng có quần áo để thay nên, ông đã trộm được cái kim của lính tiêu binh để tự vá lại những chỗ thùng, rách. Nhìn ông lúc ấy ai mà chẳng náo lòng. Ngày 1 tháng 4 Bành Đức Hoài đang tràn đầy hy vọng viết thư gửi lên Mao Trạch Đông thì trên mặt báo đã đăng đầy tin tức đổi trắng thay đen của kẻ giấu tên nào đó, nói ông hỏi ở tây nam đã biện bạch với Mao Trạch Đông về phương án hoạt động lật đổ của ông: "Tôi đến tây nam đợt đầu bảy tháng, đã đi khoảng 20 huyện thị 15 khu, xí nghiệp mỏ (Vân Nam vẫn chưa đi) mục đích chính là thu thập ít tài liệu để làm một số đề tài nghiên cứu, nhằm nâng cao kiến thức của cá nhân tôi về mặt này, đồng thời đề xuất để Lãnh đạo xem xét, ngoài ra tôi không có ý đồ gì khác". Thế là Bành Đức Hoài mong thấy mặt nước hồ thu êm ả thì chỉ có than thở với sóng trào đại dương: Mao Chủ tịch không trả lời ông. Buổi tối ngày 20 tháng 4 Bành Đức Hoài lại viết thư cho Thủ tướng Chu, ông nói: "Những mảnh vỡ của quặng mỏ Thạch Miên, Tứ Xuyên được chất

đầy bờ nam, mát mát cũng đã nhiều, những mảnh quặng này có thể làm phân canxi, phân ba-zơ, phân lân, loại phân này cho hiệu quả cao, tôi sợ rằng sự việc này bị gác lại".

"Vốn việc rất nhỏ không nên làm phiền đến Thủ tướng song tôi chẳng biết nên nói với ai, vậy mong Thủ tướng lượng thứ, tiện đây xin chúc ngài mãi mãi khỏe".

Ngày 24 tháng 5 năm 1967, Nhân dân Nhật báo lại đăng bài phát biểu dài của "Thích Nguyên soái, bưng bưng khí thế nói về cương lĩnh xây dựng quân đội của giai cấp vô sản trong đại cách mạng văn hoá. "Mao Chủ tịch nói chuyện tại Đại hội Văn nghệ ở Diên An", lại một lần nữa quạt gió âm đốt lửa quý: "Một số phần tử theo chủ nghĩa xét lại trong nội bộ Đảng đang ủng hộ một nhóm đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Hội nghị Lư Sơn đã bãi bỏ chức vụ của Bành Đức Hoài và một số người thuộc phần tử chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, âm mưu lật đổ chính quyền với ý đồ khuấy động người khác cùng theo chúng tiến hành lật đổ cách mạng giành lại chính quyền". Những người đó là Bành Chân, Lục Đình Nhất, Chu Dương, Lâm Mặc Hàm, Phục Diển, Điền Hán...

Trong việc ghi lại của tiêu binh thì tất cả những phản ứng của Bành Đức Hoài khi đọc bài phát biểu của "Thích Nguyên soái" đều được ghi lại đầy đủ tỉ mỉ. Ông ta đọc đến đoạn cuối liền gạch một đường, giọng ồm ồm, quăng mạnh tờ báo sang một bên, nằm lên giường hát bài "Quốc tế ca"... Bầu máu nóng đang sục sôi, quyết đấu tranh vì chân lý.

Nhóm Giang Thanh lại đẩy lên cao trào. Phát hiện lớn, phê phán lớn, đấu tranh mạnh Đảng phái cách mạng của giai cấp vô sản trong phạm vi toàn quốc" giành chính quyền mọi mặt. Đương nhiên Bành Đức Hoài không thể "lọt lưới" được.

Giang Thanh mật lệnh cho "Thích Nguyên soái, ngầm giúp Cơ Nghị yêu cầu ông ta ra lệnh cho Hàn ái Xương của Hàng không Bắc Kinh "Hong kỳ", nhận "nhiệm vụ chiến đấu". "Các anh phải khép tội Bành Đức Hoài là phản lại Mao Chủ tịch, buộc ông ta phải cúi đầu nhận tội. Nếu ông ta không thành khẩn lại tỏ thái độ, các anh không nên khách khí với ông ta".

Giang Thanh vốn mang trái tim phục thù mãnh liệt, giờ đây đã có thời cơ làm mưa làm gió.

Bà ta lên gân lên cốt nói: "Bành Đức Hoài được an dưỡng trong khu vệ binh đã quá béo tốt rồi, trước đây chưa dám một lần công khai phê phán, nay đưa ông ta ra phanh phui hết những điều xấu xa ra?".

Ngày 18 tháng 7 năm 1967 tổ chuyên án vụ Bành Đức Hoài vui mừng phát cuồng đón nhận "Lời tổng động viên chiến đấu" của "Thích Nguyên soái": "Rắn độc đã cứng lại, nhưng nó chưa chết hẳn. Bành Đức Hoài chỉ là con hổ giấy giết chết người không nhắm mắt. Bành Đức Hoài là kẻ quân phiệt. Không nên nhìn cách ăn mặc mà thương xót ông ta, giống như con hổ dữ phải chết. Thực tế nó chưa chết là do sự gắng gượng của bản năng. Động vật, côn trùng đều có bản lĩnh bảo vệ mình, lẽ nào đã thú ăn thịt người loại này không bị đánh gục nó xuống đất, phải chà đạp lên nó"

Ngày 19 tháng 7 mở đầu cuộc phê đấu Bành Đức Hoài bằng "thượng cẳng chân hạ cẳng tay".

Bọn bồi thẩm hỏi Bành: "Anh có phản lại Mao Chủ tịch không? "Tôi không phản Mao Chủ tịch, với Mao Chủ tịch tôi không có gì để nói" Câu trả lời của Bành Đức Hoài vừa dứt, bọn cốt cán làm loạn không chịu nổi, nổi xung dang tay đấm mạnh Bành Đức Hoài, khiến tám thân tàn tạ suy nhược của ông bị hất ra phía sau mấy bước, từ từ đổ xuống mặt đất. Một đám Hồng vệ binh bu lại nhằm đầu, thân thể ông liên tục đấm đá thực mạng. Đột nhiên một tên Hồng vệ binh cao to lực lượng bồi vào ngực ông quả đấm trời giáng khiến ông tối tăm mặt mũi, lão đảo lao đầu vào bàn trong phòng học của Học viện Hàng không Bắc Kinh, sau đó đổ sập xuống nền xi măng vang lên tiếng động lớn trong phòng học. Bành Đức Hoài giáng chịu sự đau đớn hét lên: "Chúng mày đối xử như vậy với con người gần 70 tuổi này ư?". Đối với nạn dịch đánh Bành Đức Hoài đang sục sôi thì tất cả những điều đó chẳng giải quyết được gì. Bành Đức Hoài liên tục bị bọn "tiểu tướng" lôi ra, đánh gục, đánh ngã, lại dựng dậy đánh tiếp cứ như thể như trò chơi với một đồ vật vậy. Sau đó một tên cao to mặc áo da nhằm vào Bành Đức

Hoài lúc này đã bị đánh tới máu chảy đầm đìa tung cú song phi vào ngực Bành Đức Hoài, ông "nắc" nhẹ và ngất lịm đi.

5 giờ 15 chiều khi Bành Đức Hoài bị đánh tới mức nửa tỉnh nửa mê mới bị lôi về "phòng giam" và suốt đêm bị ép buộc viết "Lời nhận tội". Hôm sau vì Bành Đức Hoài bị trọng thương nên phải đưa đến viện 267 để kiểm tra: Mặt trước phần ngực qua X quang đã phát hiện: 1) Đoạn giữa xương sườn thứ 5 trái bị gãy, 2) Cuối xương sườn thứ 10 trái nghi gãy không còn, 3) Cơ hoành cách trái có chứa dịch (máu) 4) Phổi trái, dưới đáy phổi không làm việc.

Tình cảnh bi thảm đó do Hồng vệ binh khu báo lên "Trung ương cách mạng": "Hôm qua Học viện Hàng không Bắc Kinh mở một Hội nghị nhỏ gồm 30 - 40 người tham gia đấu tố Bành Đức Hoài. Trong Hội nghị có đánh Bành Đức Hoài gục 7 lần, họng nát, phổi bị nội thương một chút, ngày mai lại tiếp tục".

Viên Tư lệnh khu vệ binh Bắc Kinh báo cáo Thủ tướng Chu Ân Lai tình trạng thương tật của Bành Đức Hoài và gửi kèm phim chụp ngực. Chu Ân Lai biết thực trạng như vậy đã phê bình Khu vệ binh không làm hết trách nhiệm, đồng thời chỉ thị đưa Bành Đức Hoài đi khám bệnh, báo cáo rõ tình hình điều trị của ông cho Chu Ân Lai. Từ nay về sau khi lãnh đạo Trung ương chưa có lệnh không ai được phê đấu Bành Đức Hoài. Vệ binh khu phải tuyệt đối đảm bảo an toàn tính mạng của Bành Đức Hoài.

Ngày 20 tháng 7 năm 1967 đã nổ ra cuộc tuần hành của mấy chục vạn quân và dân bao vây mặt trước Vũ Hán nơi làm việc của Vương Lực, thành viên tiêu tố "Trung ương cách mạng", bởi vì quảng đại quần chúng và binh lính sỹ quan đều không bằng lòng với sai lầm cực đoan hữu khuynh của "Trung ương cách mạng", sự kiện (20 tháng 7) của Vũ Hán đã chấn động toàn quốc. Sự kiện này nổ ra vào ngày thứ hai sau ngày Bành Đức Hoài bị đánh trọng thương Lâm Bưu động viên quần chúng đã đưa ra khẩu hiệu "Nắm lấy những phần tử trong nội bộ quân đội", thế là Bành Đức Hoài sau bao năm phạm tội nay bị cuốn theo dòng nước ngược: bọn phản động vô tình trở thành đại biểu của "phần tử nội bộ quân đội". Các tờ báo trên toàn quốc khua chiêng gõ trống dấy lên "cao trào phê Bành".

Những năm cuối đời, thân thể, con tim của Bành Đức Hoài phải chịu sự tàn khốc lớn lao như vậy. Một người đã đổ máu chiến đấu cho sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân, cống hiến cho sự nghiệp mở nước với những chiến công hiển hách, kể từ ngày 26 tháng 7 năm 1967 đã trở thành "đạo cụ" không thể thiếu của bọn tạo phản, thay phiên nhau diễn những vở kịch kinh hồn bạt vía. Học viện Hàng không Bắc Kinh, Đại học Thanh Hoa, Đại học Sư phạm Bắc Kinh, các tổng bộ phận giải phóng, Ủy ban khoa học quốc phòng, Thông tấn xã Nhân dân Nhật báo, các cơ quan trực thuộc Không quân, không quân tại học viện Thủ đô, các đơn vị văn thể... mấy chục cơ quan, đơn vị liên tục "Phê đấu" tất cả 7 lần "điều hành", thanh thế rất lớn, 6 lần tập trung với quy mô hàng vạn người. Vì quân đội mà Hoàng Khắc Thành, Trương Văn Thiện, Đàm Chính, Trương ái Bình, Tiêu Hường Vinh, Liêu Hán Sinh... đã làm nên những chiến công lừng lẫy cũng bị lôi vào "cùng đấu". Trước sự chăm chú của hàng trăm con mắt quần chúng, trước sự đánh đập, làm nhục dã man vô nhân đạo, Bành Đức Hoài không cam chịu nhục, ông đứng thẳng, ngẩng cao đầu. Và vì thế sự hèn hạ đã lên cao độ, tức tối không kiềm chế được, một bọn 5 tên to cao lực lưỡng thô thiển nhảy vào ấn đầu ông và bẻ quặt hai tay ra phía sau, khiến cho lão tướng thất tuần mấy lần ngất lịm đi.

Đêm 15 tháng 8 năm 1967 trong nhà tù vang lên tiếng loa truyền tin "Nghị quyết lần thứ 8 của Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 8 về vấn đề tập đoàn phản Đảng do Bành Đức Hoài cầm đầu".

Ngày hôm sau "Nghị quyết" đã đăng tải trên "Nhân dân Nhật báo" cùng xã luận "Bành Đức Hoài khó trốn tội, tạp chí "Hồng kỳ" phát biểu bài xã luận từ thất bại của Bành Đức Hoài đến sự phá sản của tập đoàn Hách Lỗ Hiếu Phu Trung Quốc.

Báo "Giải phóng quân" phát biểu bài xã luận "Nghị tướng thừa dững khi truy đuổi bọn giặc cùng đường". Thế là toàn quốc lại lần nữa dấy lên phong trào phê Bành. Các đơn vị thực hiện phê Bành

giống như cuộc bán đấu giá, tranh tranh, cướp cướp lôi kéo Bành Đức Hoài đi phê đấu.

Vì lúc đó Tạ Phúc Tri uỷ viên cục Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, thành viên "Cách mạng văn hoá Trung ương" phó Thủ tướng Quốc vụ viện lần lượt hạ bút huy động tự mình sắp xếp thứ tự cho các đơn vị "phê đấu" Bành Đức Hoài. Cứ như vậy từ đầu đến cuối năm 1967 mấy chục đơn vị, quân khu Bắc Kinh, Bộ Tổng tham mưu, Bộ Tư lệnh quân binh chủng... tiến hành 12 lần đại hội gồm hàng vạn người phê đấu Bành Đức Hoài. Thay phiên nhau lên án Bành Đức Hoài con người đã 69 tuổi trong sự tàn khốc, độc ác cùng với những cuộc đấm đá ngấm ngấm của những nhóm bí mật...

Khí thế "phê đấu" của năm 1967 tạm lắng xuống thì những cuộc thẩm vấn khốc liệt của năm 1968 lại kéo đến. Muốn làm rõ tội danh "Bành Đức Hoài là Đảng viên giả" liên lạc với nước ngoài "cùng sắp đặt âm mưu với Hách Lỗ, Hiếu Phu", vẫn dùng phương pháp lần lượt thẩm vấn, lật đi lật lại~, mỗi ngày bắt đầu thẩm vấn từ 7 giờ tối đến 3 giờ sáng hôm sau, cứ như vậy đã khiến cho Bành Đức Hoài rơi vào trạng thái mê mê tỉnh tỉnh, thân thể rã rời, sức cùng lực kiệt. Ngày 26 tháng 1 năm 1968 trong "Nhật ký của tiêu binh" đã viết Bành Đức Hoài từ nơi thẩm vấn trở về như sau: "đi xiêu bên nọ vẹo bên kia, ngất ngất ngưỡng ngưỡng, thần kinh trong trạng thái hôn mê". Càng dã man hơn, có thời gian thẩm vấn viên cho gọi Bành Đức Hoài vào lúc 2 giờ 30 thay nhau thẩm vấn một mạch đến 1 giờ sáng hôm sau. Thẩm vấn viên có thể thay thế nhau ăn uống, nghỉ ngơi. Còn "phần tử phản cách mạng" Bành Đức Hoài thì dù thân tàn lực kiệt, bụng rỗng không vẫn phải quay đi, quay lại kéo dài đến 11 tiếng đồng hồ. Trước sự lạm dụng uy lực đầy đồ kị ác độc của tổ chuyên án, Bành Đức Hoài vẫn quang minh chính đại, đầy khí phách chính nghĩa, không bị khuất phục. Ông chịu đựng tất cả những điều khó chịu nhất, ngọn lửa tức giận bốc lên, ông đập bàn mắng lại bọn thẩm vấn viên, ông nghiêm khắc lấy chính nghĩa đập lại những điều ông tiếng ve mà chúng hàm hồ trói buộc cho ông.

Tháng 3 năm 1968 Hoàng Vĩnh, kẻ thân tín của Lâm Bưu đã mượn danh tổ trưởng tổ hành sự Quân uỷ Trung ương tiếp nhận vụ án Bành Đức Hoài. Trải qua thẩm vấn tàn khốc kéo dài 10 tháng trời móng vuốt của Giang Thanh lại giở ra thủ đoạn hiểm thủ trên thế gian này, đã đưa ra:

"Báo cáo thẩm tra vấn đề tư thông với nước ngoài trong đó có liên quan đến Bành Đức Hoài". Ngày 18 tháng 9 hợp báo nêu ra: "Bành Đức Hoài công nhận ông ra nước ngoài là phản đối Mao Chủ tịch nhằm hạn chế dư luận quốc tế, đồng thời tranh thủ, sự giúp đỡ của tập đoàn Hách Tu, trên cơ sở đó để cướp Đảng, cướp nước, cướp quyền Mao Chủ tịch, lật đổ chuyên chính vô sản, thực hiện mục đích đen tối giành lại chính quyền, tiến hành con đường tư bản chủ nghĩa". Thật là một sáng tác quá sức thối tha của kẻ ngậm máu phun người. Ngày 25 tháng 8 năm 1968 Bành Đức Hoài cùng với số "tội phạm" được đưa từ thôn La Đạo về giam ở Viện Thăm phòng. Ông hy vọng vào "Đại hội 9" của Trung ương sẽ đem ánh sáng mặt trời rạng rỡ sưởi ấm cơ thể giá buốt của ông, song hy vọng đó của ông quả thật vô cùng "ngây thơ". Tình hình "Đại hội 9" mà ông được biết số uỷ viên Trung ương của "Đại hội 8" vào "Đại hội 9" không quá 1/2. Tiêu binh đã ghi lại phản ứng của ông: "Khóc bốn lần", suốt từ 11 đến 14 tháng 9 liên tục bốn đêm hầu như không ngủ. Sự sống chết của Bành Đức Hoài trong tay lũ tiểu nhân vô liêm sỉ. Ngày 2 tháng 7 năm 1970 dưới sự đôn đốc của Giang Thanh "Tổ chuyên án Bành Đức Hoài" đã nghị án: "Tước bỏ tất cả chức vụ Đảng của Bành Đức Hoài, vĩnh viễn khai trừ khỏi Đảng, bị tù không kỳ hạn, tước bỏ quyền công dân suốt đời"!

Tháng 9 năm 1972 do Lâm Bưu bị rơi máy bay chết, lãnh đạo tổ chuyên án Bành Đức Hoài, kẻ đồng mưu với Lâm Bưu là Hoàng Vĩnh Thắng bị bắt. Ý đồ thực hiện dưới sự thao túng của Hoàng Vĩnh Thắng xử phạt Bành Đức Hoài chịu hình phạt tù không kỳ hạn đã không được thực hiện.

Ngày 5 tháng 1 năm 1972, do sự quan tâm của Thủ tướng Chu Ân Lai, Bành Đức Hoài, Hoàng Khắc Thành và 24 "tội phạm có án" được áp giải đến Trường cán bộ Chính pháp của Hạ Hưng đất Mộc Tê bên bờ sông Vân Hà. Từ sớm cơm nước có phần được cải thiện, thái độ của tiêu binh có phần

nhẹ nhàng hơn một chút. Song vẫn còn một vấn đề gây khó khăn cho Bành Đức Hoài: không ngờ tổ chuyên án nói mò rằng Mao Ngạn Anh không phải bị máy bay Mỹ bắn chết mà là do Bành Đức Hoài cố ý hại chết! Việc này đối với Bành Đức Hoài thật bất ngờ, như bị sét đánh giữa lúc trời nắng? Có những kẻ đặt điều bôi đen sự thật như vậy khiến trong lòng Bành Đức Hoài đau đớn như dao cắt.

Những điều tuần binh đã ghi lại: Lúc Bành Đức Hoài trở về tâm trí mơ hồ, đi lạc đường, lính tuần tra gọi ông đứng lại, đưa ông về phòng. Ông đổ ngay xuống giường và mê man bất tỉnh, đầu ông rơi xuống làm mẻ cả miếng gỗ giường" lúc tuần binh đỡ ông ta dậy Bành Đức Hoài giọng đầy nước mắt nói "Tôi không nhận rõ anh là ai rồi".

Căn cứ vào tài liệu thống kê chưa đầy đủ từ ngày 21-6-1967 đến cuối năm 1971 Bành Đức Hoài đã chịu hơn 200 lần thẩm vấn tàn khốc và dày vò?

Ông là trang hảo hán cứng rắn đến thế mà đã biến thành ông già yếu đuối sắp tàn hơi, từ anh hùng "đội trời đạp đất" bị hành hạ thành con người bệnh tật như ngọn nến sắp lụi tàn trước cơn gió nhẹ.

Ngày 17 tháng 3 năm 1972 theo kết luận của bác sĩ, qua xét nghiệm máu của Bành Đức Hoài "sức khỏe bình thường" nhưng thực ra ông đã có triệu chứng của bệnh ung thư. Ông thường xuyên tiểu tiện ra máu, đại tiện ít, mất ngủ là chuyện thường tình như cơm bữa. Ngày 10 tháng 4 năm 1973 ông đi ra máu quá nhiều, tại sở giam, ông liên lạc với bệnh viện ngoại phụ để đưa ông cấp cứu, bệnh viện thản nhiên từ chối, lại liên hệ với bệnh viện quân đội khu vệ binh cũng bị khước từ, cứ như thế suốt 7 ngày ông ra máu rất nhiều. Cuối cùng Bành Đức Hoài bị đưa vào bệnh viện Tổng bộ quân giải phóng (quân y 301) đến người chẩn bệnh thứ 9 mới chẩn ra bệnh, qua chẩn đoán ông bị ung thư ở giai đoạn muộn rồi. Ngày 18 tháng 4 năm 1973 Bành Đức Hoài không muốn ở bệnh viện 301. Song vì ông đi ngoài ra quá nhiều máu, bệnh tình quá trầm trọng nên trại giam chỉ còn cách đưa ông đến bệnh viện. Bành Đức Hoài với bộ mặt trắng bệch miến cưỡng nói với người lính đã suốt thời gian dài canh giữ ông một câu "tạm biệt", hình như để kết thúc 6 năm 3 tháng 23 ngày của cuộc đời "tù phạm vĩnh viễn rời xa những bức tường bố trí dày đặc lưới thép". Chu Ân Lai chỉ thị phải để Bành Đức Hoài ~tại ngoại chạy chữa~ song chỉ thị của ông chẳng ai thèm nghe. Ngoài cửa phòng bệnh nhân đã có tiêu binh đứng gác, sự thật Bành Đức Hoài vẫn là "phạm nhân" chẳng qua chỉ là sự thay đổi chỗ ở mà thôi. Tới ngày 23 tháng 4 năm 1973, cháu gái của Bành Đức Hoài là Bành Mai Khôi mới được gặp người bác thân yêu xa cách đã 7 năm, trong lòng cô rất đau khổ và chua xót vô cùng, cô muốn gọi một tiếng Bác nhưng như có vật gì chẹn lại nơi yết hầu, cô không cất lên lời được.

Bành Đức Hoài đưa bàn tay khẳng khiu thô ráp nắm chặt lấy tay Bành Mai Khôi. Cái nắm tay đó còn hơn ngàn vạn lời nói! Lúc cháu gái từ biệt ra về, Bành Đức Hoài suy nghĩ có điều gì sơ ý làm liên lụy đến cháu gái, nhìn cháu lờ mờ qua nước mắt ông nói: "Về nhé, từ nay về sau đừng đến thăm bác, kéo ảnh hưởng đến công tác". Chu Ân Lai biết tin Bành Đức Hoài bệnh tình nghiêm trọng đã chỉ thị cho Chủ nhiệm bộ môn châm cứu của Trung Nam Hải tăng cường cho quân y 301 giúp Bành Đức Hoài trị liệu, song bệnh tình của ông ngày càng xấu đi.

Năm 1974 Tết Nguyên đán, Hiến Từ lại lôi Bành Đức Hoài ra phê phán trên "Nhân dân Nhật báo". Qua hai lần hoá liệu Bành Đức Hoài bị liệt nửa người, cuộc sống lúc này chính mình không thể giải quyết cho sinh hoạt của mình được nữa.

Lúc này tổ chuyên án mới cho phép Bành Mai Khôi ngày chủ nhật vào trông nom Bành Đức Hoài.

Trong bài viết của Bành Mai Khôi "Hồi ức thẩm đầy nước mắt" ta thấy hoàn cảnh của Bành Đức Hoài vô cùng bi thảm: "Khi chúng tôi đến thăm, ông dùng tất cả sức lực của mình mà cũng không ngồi dậy được. Ông nằm trên giường đau đớn nói: "Làm sao bây giờ? Làm sao bây giờ? Tôi liệt rồi, tự mình không thể lo liệu cho chính mình được rồi, mà bản án của tôi vẫn chưa được làm rõ à?"

Tháng 6 năm 1974 những cơn đau dữ dội khiến Bành Đức Hoài gầy rộc đi, chìm đắm vào những cơn mê sảng. Ông muốn bắt tay với họ lý song họ không muốn bắt tay ông, ông muốn bắt tay với chiến

sỹ song chẳng ai thêm bắt tay ông. Bành Đức Hoài dùng chút sức lực còn lại hét lên: "Tôi không tư thông với nước ngoài". Sự đả ngộ ở viện 301 đối với Bành Đức Hoài so với nơi giam giữ trước đây chẳng tốt hơn là bao nhiêu, ông ở trong phòng bệnh tối tăm, ẩm thấp, mà cửa sổ phòng đóng chặt, những tấm kính cũng bị dán giấy kín mít. Quanh năm căn phòng không có một tia ánh sáng mặt trời chiếu vào. Bành Đức Hoài gần đất xa trời mà vẫn bị tổ chuyên án coi là kẻ địch nguy hiểm nên đối xử theo cách riêng, không cho viết không cho nghe đài. Cuộc sống của ông chỉ có đọc sách, ngoài ra mọi cái đều bị hạn chế. Cứ như vậy ông sống trong sự cô đơn, trôi buộc đau khổ kéo dài đến nỗi ngày dài tựa một năm. Một vị Đại tướng chỉ huy thiên binh vạn mã, rong ruổi khắp chiến trường biên cương nay bị cầm cố suốt thời gian dài đã khiến ông ngàn lần đau khổ mà than rằng: "Sống ở đây so với địa ngục chắc vẫn không khó chịu bằng?".

Tháng 8 năm 1974 Nguyên soái Diệp Kiếm Anh nghe tin Bành Đức Hoài ốm nặng rất nguy kịch đã phái người xuống thăm và hỏi ông còn có điều gì cần nói. Ngày 2 tháng 9 là thời điểm Bành Đức Hoài nằm bất động trên giường bệnh, cố sức nói với người đến thăm từng đoạn, từng đoạn câu nói đứt quãng: "... Mao Chủ tịch phát huy chủ nghĩa Mác-Lênin". "... Sự nghiệp xã hội chủ nghĩa của chúng ta nhất định thắng lợi", "Cá nhân tôi có những sai lầm, nhưng tôi không có âm mưu kế hoạch gì, về điểm này tôi vô cùng trong sạch", "Đã tiến hành thẩm tra 8 năm rồi, đến nay vẫn chưa có kết luận". Diệp Kiếm Anh được biết bệnh tình của Bành Đức Hoài: "Toàn bộ phần cơ thể bên phải bị liệt, chân trái bị phù, tiểu tiện, đại tiện không làm chủ, đầu lưỡi cứng, nói không rõ tiếng". Bành Đức Hoài lúc này đã không thể ăn được nữa, lúc tỉnh lúc mê, ông bị những cơn sốt cao liên tục kéo dài làm cho sức cùng lực kiệt, thần khí còn và sức lực không còn. Những giây phút cuối cùng của cuộc đời, ông đã yêu cầu tiêu binh pha cho ông ít nước trà loại trà của Hồ Nam, mua giúp ông một quả dưa Bạch Lan của Tây Bắc. Bành Đức Hoài đã dùng hết sức lực còn lại cố uống nửa chén trà mang hương vị quê hương ông, song ông không còn đủ sức ăn miếng dưa Bạch Lan của vùng Tây bắc...

Sau ngày 16, tháng 9 năm 1974, Bành Đức Hoài rơi vào trạng thái hôn mê kéo dài hơn hai tháng.

14 giờ 29 tháng 11 năm 1974, bên ngoài gió bắc thổi ào ào, nhưng mặt của Bành Đức Hoài lại đỏ lên, máu ộc lên từ miệng, ông đã ngừng thở. 14 giờ 52 phút, trái tim của Nguyên soái, một người trong lịch sử Trung Quốc dũng cảm dám nói, dám nổi giận, dám chửi, xem cái chết nhẹ nhàng, công trạng đồ ngợc đã thực sự ngừng đập, bên cạnh không hề có một đồng chí, một người thân nào.

Năm 1978, trước khi khai mạc Hội nghị khoá 11 kỳ họp thứ 3 Trung ương, Trung ương Đảng Cộng sản đã triệu tập Hội nghị tru bị quyết định xoá án oan cho Bành Đức Hoài.

17. Hoa từ Thôn ba nhà

Tháng 9 năm 1961, Đặng Thác, chủ biên tập san lý luận "Tiền tuyến" của cơ quan thị uỷ Bắc Kinh, mời Ngô Hàm và Liêu Muội Sa hợp tác, mở ra trong tập san "Tiền tuyến" một chuyên đề, chọn một chữ từ họ tên hoặc bút danh của 3 người, lấy tên là "Ngô Nam Tinh", tên chuyên đề gọi là "Bút ký Tam gia thôn" (Thôn ba nhà).

Năm 1962, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, triệu tập Hội nghị Bắc Đới Hà và Đại hội toàn quốc khoá 8 lần thứ 10, đánh giá trào lưu tư tưởng "cánh tả" nổi lên trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, tư tưởng văn hoá không thoả đáng đã ra cuộc đấu tranh thái quá.

Trong bầu không khí chính trị như vậy, "bút ký Tam gia thôn" tạm dừng xuất bản.

Ngày 10 tháng 11 năm 1965, "Văn hồi báo" đã đăng bài "Bình về vở kịch lịch sử cải biên Hải Thụy bãi quan", ký tên Diêu Văn Nguyên, trong những hàng chữ lộ rõ sát khí đảng đảng.

Ngày 30 tháng 11, "Nhân dân Nhật báo" đăng lại bài viết của Diêu Văn Nguyên, chuẩn, bị tiến hành thảo luận về "Hải Thụy bãi quan", đồng thời thêm một bước đánh giá những vấn đề về nhân vật lịch sử và, vở kịch lịch sử phản ánh nhân vật lịch sử như thế nào, để triển khai thảo luận. Khi thảo luận sẽ đề cập đến 2 mặt học thuật và chính trị, trọng điểm đặt vào mặt học thuật.

Ngày 12 tháng 12, Đặng Thác lấy bút danh Huống Dương Sinh đăng trên "Nhân dân Nhật báo" bài "Đạo đức kế thừa luận" lấy từ bài "Hải Thụy bãi quan", chỉ ra rằng: "Đồng chí Ngô Hàm có ý kiến gì, tôi cũng hy vọng đồng chí ấy tiếp tục viết bài, gặp gỡ mọi người bằng tư tưởng của mình, theo nguyên tắc lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, theo phương châm "Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng" mà Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và đồng chí Mao Trạch Đông đề ra, tiến hành phân tích nghiên cứu một cách thực sự cầu thị.

Ngô Hàm nghe được nhiều điều tiếng về mình, ông nghĩ nếu mình làm bản tự kiểm điểm thì có thể sẽ được hiểu và bỏ qua, trận luận chiến do vậy sẽ qua đi. Ngày 27 tháng 12 Ngô Hàm đã đăng bài "Bản tự kiểm điểm về Hải Thụy bãi quan".

Vậy mà, việc tự kiểm điểm của Ngô Hàm không có lợi ích gì cho công việc. Ở Thượng Hải Diêu Văn Nguyên đã vứt bỏ bài bình "Tam gia thôn", lấy đầu đề là Bản chất phản động của Đại hắc điểm "Tam gia thôn", (Bút ký Tam gia thôn) phản Đảng, chủ nghĩa xã hội. Sau khi Mao Trạch Đông thẩm duyệt, ông múa bút, xoá bỏ mấy chữ "Đại hắc điểm phản Đảng phản chủ nghĩa xã hội".

"Nhân dân Nhật báo" nhận được lệnh khi đăng bài không được phép sai một chữ, nếu không Tổng biên tập là người bị tra hỏi.

Diêu Văn Nguyên hoàn thành bài viết này dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Giang Thanh và Trương Xuân Kiêu, bài này đã bịa đặt rất nhiều tội hình cho "Tam gia thôn", thiết kế lên một trang "Thời gian biểu" về sự mở đầu, tiến công và rút lui của "Tam gia thôn", tung tin "Tam gia thôn" liên hợp với nhau tiến công vào Đảng vào chủ nghĩa xã hội, bắn ra nhiều "mũi tên độc", định ra "sách lược công kích phòng vệ".

Mưa rừng sắp đến, gió tràn khắp lầu, vận hạn của "Tam gia thôn" đã bắt đầu.

Từ ngày 28 đến 30 tháng 3 năm 1966, Mao Trạch Đông đã ba lần nói chuyện rất nghiêm túc với Khang Sinh và Giang Thanh rằng: Thị uỷ Bắc Kinh kim châm không thủng, nước xối không vào, phải giải tán. Trong Tuyên bố (Bộ Tuyên truyền Trung ương) là "Diêm Vương Điện"; phải "đánh đổ "Diêm Vương" giải phóng "Tiểu quỷ"; cho rằng Ngô Hàm và Tiến Bá Tán là học phiệt, những người nói trên còn bao che cho đại Đảng phiệt của họ (chỉ Bành Chân), hơn nữa đích danh phê bình "Bút ký Tam gia thôn" và "Yến sơn dạ thoại" là phản đối chủ nghĩa xã hội. Ông ta hiệu triệu địa phương tạo phản, tiến

công vào Đảng Cộng sản Trung Quốc, thuyết phục các địa phương nên tạo ra một số "Tôn Ngô Không", đại náo thiên cung.

Không khí chính trị trong cả nước bỗng chốc mù mịt khói lửa. Tháng 4, Thị uỷ Bắc Kinh đã truyền đạt tinh thần của Trung ương: phải công khai phê bình "Yến sơn dạ thoại" và "Bút ký Tam gia thôn". Khi thảo luận, ý kiến phát biểu của các đồng chí Thị uỷ Bắc Kinh biểu hiện tính tích cực chưa cao, rất trầm lặng, không nói rõ vì sao phải làm to chuyện ra như vậy.

Bành Chân, theo nguyên tắc tổ chức của Đảng, vẫn tổ chức thực hiện như chỉ thị của Trung ương. Ngày 16 tháng 4 "Bắc Kinh nhật báo" và "báo Bắc Kinh buổi chiều" đăng những tư liệu liên quan đến "Yến Sơn dạ thoại" và "Bút ký Tam gia thôn" với đầu đề chữ to đậm, độ dài ít thấy và nổi bật suốt ba trang báo, hơn nữa còn thêm vào lời người biên tập tờ "Tiền tuyến" và "Bắc Kinh nhật báo".

Bành Chân là người cẩn thận, sau khi chờ tài liệu in ra, ông đích thân gọi điện cho Đặng Thác khuyên không nên nóng vội, mà nghiêm khắc đòi hỏi mình, dám đối mặt với cuộc công kích xảy ra bất ngờ này và hơn nữa phải chú ý đến sức khỏe. Bí thư Thị uỷ Bắc Kinh Lưu Nhân cử người đi thăm Đặng Thác, an ủi ông, muốn ông lặng lẽ giải quyết việc này.

Trong lúc đang lâm vào nghịch cảnh, mặc dù Đặng Thác rất cảm động trước sự quan tâm sâu sắc của các đồng chí nhưng khi đêm khuya yên tĩnh, im lặng ngồi đối mặt với ngọn đèn đơn độc, trong lòng sao có thể giải được tâm tư đang tràn đầy thương cảm và chua xót, có đau khổ tủi hận mà không nói ra càng khiến ông bị dày vò.

Một hôm Dương Thuật đến cốt là để thăm Đặng Thác, hai chiến hữu đã từng sát cánh chiến đấu bên nhau trong sương gió tuyết mưa đều có cùng một tâm tình trĩu nặng. Dương Thuật chôn chặt trong lòng thiên ngôn vạn ngữ, Đặng Thác cũng như mặc xương trong hõng. Khi Đặng Thác không còn chịu đựng được đã nói rằng "Sau khi tôi làm một năm, sẽ cho rõ vấn đề Dương Thuật vô cùng thương cảm lúc đầu: "Tôi thấy lần này có thể sẽ dài đấy, khả năng phải hai năm". Nhưng sự thực lạnh lùng vô tình đã chứng minh cách nghĩ của họ là rất đơn giản. Hoàn cảnh của Đặng Thác đã là vô cùng nguy hiểm, ông vẫn chưa lường được phong ba bão táp mãnh liệt đang ập đến.

"Báo Quân giải phóng" số ra ngày 8 tháng 5 đã đăng trên vị trí nổi bật bài viết của Giang Thanh: "Nổ súng vào đường lối đen tối phản Đảng, phản chủ nghĩa xã hội". Cùng ngày, trên "Quang minh nhật báo", Quan Phong lấy tên giả là Hà Minh Xích đã đăng bài "Lau cho sáng mắt, phân biệt thật giả".

Ngày 10 tháng 5, Diêu Văn Nguyên hơ nóng trên "Báo Giải phóng" và "Báo Văn hồi" ở Thượng Hải bằng bài "Bình về Tam gia thôn"; Thích Bản Vũ thì đưa lên tạp chí "Hồng kỳ" bài "Bình luận về lập trường giai cấp tư sản của tập san "Tiền tuyến" và "Bắc Kinh nhật báo".

Những bài viết này đầy rẫy những lời chửi rủa và đe dọa, nói Đặng Thác là "Ôm một mối thù khác cốt ghi xương với Đảng và chủ nghĩa xã hội", "Gỗ chiêng mở đường cho sự ngóc đầu. dậy của tư bản chủ nghĩa"; "Yến Sơn dạ thoại" là, những lời nói đen tối phản Đảng, phản chủ nghĩa xã hội chính hiệu"; Thị uỷ Bắc Kinh bị chửi mắng đến khiếp đảm: "Từ trước đến nay các anh đã đăng bài viết của bọn Đặng Thác, phóng ra bao nhiêu là thuốc độc, làm cho đến nỗi khói lửa mịt mù, trở thành công cụ phản Đảng, phản chủ nghĩa xã hội. Sau khi bộ mặt phản Đảng của Ngô Hàm bị bóc trần, các anh vẫn diễn một vở kịch đáng ghét "Chu Du đánh Hoàng Cái", nói thành vấn đề học thuật "Kế thừa đạo đức luận", tức là giải thoát cho Ngô Hàm, rồi lại bỏ qua cho Đặng Thác... Các anh nắm rất chắc về cuộc đấu tranh giai cấp, chẳng qua là thực hiện cuộc đấu tranh với giai cấp vô sản mà thôi".

"Cuộc đại cách mạng văn hoá" chưa bao giờ có trong lịch sử, khiến suy nghĩ của Đặng Thác tan như bong bóng xà phòng.

Ngày 4 tháng 5, Cục Chính trị Trung ương tổ chức một Hội nghị rất lớn ở Bắc Kinh, Mao Trạch Đông vì đang ở nơi khác nên không đến Hội nghị, Lưu Thiếu Kỳ chủ trì hội nghị. Khang Sinh nắm quyền lực lớn, việc thỉnh thị hội báo với Mao Trạch Đông là do ông ta phụ trách. Giang Thanh,

Trương Xuân Kiều, Quan Phong, Thích Bản Vũ, mũ áo đường hoàng tham gia Hội nghị. Ngày 16 tháng 5, "Thông báo 16-5" được thông qua ở hội nghị, thông báo chỉ ra rằng: "Những nhân vật đại biểu cho giai cấp tư sản chui vào trong Đảng, trong chính phủ, trong quân đội và các giới văn hoá là một tập những phần tử phản cách mạng, một khi thời cơ chín muồi chúng sẽ cướp chính quyền, biến nền chuyên chính của giai cấp vô sản thành nền chuyên chính của giai cấp tư sản.

Ngày 18 tháng 5, Lâm Bưu đã tạo ra một bầu không khí căng thẳng: "Nhìn nhận từ một khối lượng lớn những sự thực, phải đề phòng lật đổ nội bộ, phòng ngừa xảy ra chính biến phản cách mạng", "Phải không được quên cuộc đấu tranh giai cấp, không được quên nền chuyên chính của giai cấp vô sản và luôn luôn giương cao ngọn cờ vĩ đại của tư tưởng Mao Trạch Đông.

Từ đó Đặng Thác, Ngô Hàm, Liêu Muội Sa bị xem như là một bọn phản cách mạng mặt mũi dữ tợn, miệng đầy lời nói đen tối, chuyên mao âm mưu, "Yến Sơn dạ thoại" và "Bút ký Tam gia thôn" bị vu cho là một bộ phận cấu thành âm mưu chính biến; từ đó, Ngô Hàm và "Tam gia thôn" đang bị bao vây đã mở rộng đến Trung ương, rồi đến tận các địa phương trong cả nước, đâu đâu cũng rầm rộ rộ nắm chặt "Tam gia thôn" và "Tứ gia điểm" ra sức kéo "bọn đi theo con đường của chủ nghĩa tư bản" ra khỏi các cơ quan; từ đó, cuộc đấu tranh với những phần tử phản cách mạng ngày càng dâng cao, thủ đoạn đấu tranh giống như đối với kẻ địch thật, tàn khốc vô tình, bỉ ổi dã man.

Điều càng khiến người ta kinh khủng là đài phát thanh, báo chí luôn luôn là thần thánh trong trái tim và con mắt mọi người, được xem là cơ quan ngôn luận của Đảng và nhân dân, hoàn toàn xứng đáng được tin tưởng và tôn kính, lúc này đang trở thành công cụ xúi bẩy gây chuyện, tạo ra những án oan sai trái, những lời nói sai sự thật và tâm tư thù hận lan tràn, dẫn đến việc bọn "Hồng vệ binh non choẹt" vất mũi chưa sạch tấn công và bắt giữ điên cuồng kẻ thù giai cấp là những cán bộ cao cấp, những chiến sỹ, lão thành cách mạng. Khang Sinh, Trần Bá Đạt, Giang Thanh và Trương Xuân Kiều đang ngồi trên vị trí Bộ tư lệnh "Cải cách văn hoá Trung ương" đều tỏ ra hăm hở thì Tạp chí "Cờ hồng" đăng bài "Bình luận về lập trường của giai cấp tư sản". "Tiền tuyến" của Thích Bản Vũ đã đẩy Đặng Thác vào hố băng: "Đặng Thác là người như thế nào? Hiện tại đã xác minh anh ta là kẻ phạm tội. Trong thời kỳ kháng chiến chống Nhật đã trà trộn vào Đảng. Anh ta nguy trang rất giỏi, lừa dối sự tín nhiệm của Đảng và nhân dân đã đảm nhận chức vụ quan trọng". "Nhân dân Nhật báo" đăng: Anh ta thường lợi dụng chức quyền của mình, làm sai lệch chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Mao Trạch Đông, thúc đẩy và tuyên truyền tư tưởng xét lại của giai cấp tư sản. Mùa hạ năm 1957 anh ta là nhân vật xù lông vẩy cánh của phái hữu, của giai cấp tư sản". Đặng Thác lúc ấy hai mắt tối sầm lại đầu óc quay cuồng, ông làm sao chịu nổi những lời bài xích thoá mạ, lăng nhục độc ác như vậy? Phải qua thời gian dài Đặng Thác sống những ngày ruột gan như lửa đốt, hoảng hốt không yên trầm mặc buồn rầu đến cực độ... Mao Trạch Đông vui vẻ đồng ý quan tâm đến phong trào văn chương: "Văn chương của Hà Minh tôi đã xem qua, tôi rất thích". Điều đó đã khiến cho "Các pháo thủ" cùng ra oai hơn. Từ đây, báo chí ngày càng tập trung phê phán "Thôn ba nhà" ngày càng ác liệt trong toàn quốc các giới, các trận tuyến dấy lên sự lên án công khai tập thể hội "Băng đen" Đặng Thác chỗ này nổi lên chỗ kia chìm xuống, khẩu hiệu "Đập tan Thôn ba nhà" vang lên tận mây xanh. "Nói chuyện đêm trên núi Yên" (Yến Sơn dạ thoại) bị phê phán khiến trong lòng Đặng Thác như có bóng đen đáng sợ không thể nào xua đuổi được Gia đình vui vẻ hoà thuận ngày xưa nay chỉ là sương phủ trên tuyết, như băng đóng chặt cứng và giống như những vết nứt khó lường trên vùng sâu núi tuyết, như đầm lầy đầy nguy hiểm mà cỏ mọc kín xung quanh, tất cả đều khô héo và ngạt thở, không có một chút sức sống, tất cả tình trạng này đều do sự công kích ác độc của bè lũ Diêu Văn Nguyên. "Nói chuyện đêm trên núi Yên" được coi là "Có mục đích chính trị", "Những lời đen tối phản cách mạng" của "Ngôn ngữ mang hai nghĩa". Đây là "Văn tự từ" một thủ đoạn xấu xa bỉ ổi một sự phê phán độc ác long trời lở đất áp đảo, khiến Đặng Thác thở không ra hơi, còn thanh minh được cái gì? Chẳng lẽ ông đứng trong hội trường to lớn đông đúc ấy khẳng khái

thật thà nói lên mình bị oan uổng chẳng? ông có ngàn vạn lời nhưng cũng chỉ còn biết chôn chặt trong lòng mà thôi, bởi vì không có chỗ để cho ông nói, không có người nghe ông nói. Đặng Thác cảm thấy sự tàn khốc của phong ba bão táp phút chốc đang tiến công vào ông. Dù ông phải chịu đựng sự nhục nhã quá lớn, mao dù trước đây ông không dám tin rằng những việc này lại quá sức tưởng tượng của ông, dù tìm ông rỉ máu nhưng Đặng Thác vẫn tin tưởng rằng sẽ có một ngày Đảng chứng minh con người thật của ông, quần chúng sẽ hiểu ông, nhưng biết khi nào? "kẻ sĩ thà chịu chết, không chịu nhục" đó là khí tiết cao thượng của các bậc cổ nhân, "Ngọc nát còn hơn giữ ngôi lạnh" đó là cổ nhân xưa đã biết dùng sinh mệnh của mình để chứng minh khí tiết, sự trong sáng của mình. Đặng Thác lúc này đã ở vào điểm nút của sự nghiêm trọng, ông cho rằng chỉ còn thông qua cái chết mới bảo vệ nhân cách cao sang của mình, để chứng minh sự trong sáng và vô tội của mình. Đêm khuya ngày 17 tháng 5 Đặng Thác giống như ngày xưa, ngồi xuống bàn viết thư để lại, sau đó ôm hận kết thúc đời mình?

Tháng 3 năm 1966 Ngô Hàm do Bành Chân, Vạn Lý sắp xếp xuống tham gia công tác "Tứ thanh" ở vùng nông thôn. Ý của lãnh đạo Thành uỷ muốn cho Ngô Hàm thay đổi không khí và bảo vệ ông nên cử đặc phái viên Quách Tinh Hoa cùng Ngô Hàm về nông thôn. Khi họ đến thôn Đại Đông Lưu huyện Xương Bình, ngoại ô thành phố Bắc Kinh, tiếng lên án công khai "Thôn ba nhà" đang râm rộ, bùng bùng khí thế, trong phạm vi toàn quốc. Khẩu hiệu trên tường đập vào mắt, đài phát thanh thì âm âm như mìn nổ, đình tai nhức óc, đều là bác bỏ phê phán nội dung "Thôn ba nhà".

Ngô Hàm còn có tên gọi Lý Kinh Quang do vậy mà quần chúng ở đây không biết được rằng ông già đó chính là người mà họ đang nghiêng răng nghiêng lợi đòi từ bỏ. Trong thôn mỗi lần mở cuộc phê phán "Thôn ba nhà", đều mời ông, một trí thức có học thức uyên bác, phong cách mô phạm, gương mẫu đến dự, thế mà trên đài suốt ngày ra sức hô hét đánh đổ "Ngô Hàm", mọi người trong thôn với ánh mắt thiện cảm và nhiệt tình lại giơ hai tay ra đón tiếp ông. Một điều nực cười là vào một năm trong công xã phê đấu một tên lưu manh ăn cắp, lúc đưa ra phê phán có người thao thao bất tuyệt nói thẳng tên lưu manh ăn cắp này đã ảnh hưởng và ăn phải bả của Ngô Hàm rồi? Lúc đó Ngô Hàm như bị hàng ngàn vạn mũi dao đâm thẳng vào tim, sắc mặt hơi khác thường. Ông không thể chịu được việc làm hàm hồ sai lầm, chỉ nai ra ngựa đó được.

Khi Quách Tinh Hoa hỏi ông "Tại sao lúc đó lại viết "Hải Thụy bãi quan" họ sẽ treo cổ anh và Bành Đức Hoài lên". Ngô Hàm chẳng biết sao nói: "Giờ tôi nghĩ không ra, Bành Đức Hoài cũng là người rất tốt do vậy lúc đó nói mấy câu tốt cho Bành Đức Hoài, cũng không nên coi là địch". Giờ thì Ngô Hàm đã dần dần hiểu ra: nhất định có kẻ muốn ném họ xuống giếng, nhất định có kẻ muốn coi họ là kẻ địch để đưa đến chỗ chết đây. Sau khi đưa ra thông tri (16-5), Ngô Hàm bỗng nhiên biến mất.

Quách Tinh Hoa quá sợ hãi, vội vàng chạy về Ủy ban tỉnh Bắc Kinh tìm hỏi xem Ngô Hàm thất lạc ở đâu Nhưng lúc đó toàn thành phố Bắc Kinh nhan nhản báo chữ to, tiếng phê đấu hết lượt này đến lượt khác ngày càng râm rộ hơn. Bí thư Tỉnh uỷ Bắc Kinh Bành Chân đang cúi đầu trước đại hội phê đấu của quần chúng, làm sao còn quan tâm đến Ngô Hàm bị lạc. Lúc đó Ngô Hàm đã bị đẩy vào làn sóng phê đấu "Nước sôi lửa bỏng" rồi. Ông bị đẩy lên một chiếc xe Jeep, khiến ông không cười không khóc nổi. Lần thứ nhất phê đấu ông, chính là những người ông đã dạy dỗ họ ở Học viện sư phạm Bắc Kinh. Tháng 7, 8 cái nóng khô ở Bắc Kinh vô cùng khó chịu, nhựa trải đường bị nóng chảy ra thế mà, Hồng vệ binh đã "thông minh tuyệt đỉnh" họ rải 7, 8 hòn đá nhỏ trên mặt đường rồi đưa ông già Ngô Hàm thấp, còng đến quỳ trên những hòn đá phơi nắng nóng bỏng, lại còn dùng roi da nghiêm khắc ra lệnh, bức ông nói ra "hành vi tội ác" Trên đầu nắng chiếu nóng bỏng, phía dưới nhựa đường bị nắng làm chảy ra sôi lên, khiến những hòn đá như đang bị rán trong chảo mỡ, thế mà hể ông động dậy là sẽ có quả đấm, chân đạp, roi da thô nặng từ trên vụt xuống. Ngô Hàm bị làm nhục lại đầu vỡ máu chảy, đầu gối bật máu, mồ hôi và máu trộn vào với nhau, lát sau ông ngất đi ngã ngay trên nền nhựa đường. Trước cảnh ông già bị hành hạ bi thảm, vậy mà bên cạnh lại có những tiếng cười thích thú và sảng

khoái cùng với những lời chửi mắng. Tuy đã nghĩ hết mọi cực hình tra khảo, dày vò Ngô Hàm nhưng Hồng vệ binh chỉ được sự im lặng: chúng không thể đưa lên cho Giang Thanh những tài liệu yêu cầu cấp thiết. Họ nghĩ trăm phương nghìn kế hòng lấy khẩu cung Ngô Hàm, làm thành những viên đạn có hiệu lực để tấn công "Tập đoàn", nhưng không làm gì được do vậy mà lại phải đưa Ngô Hàm về "lớp học tập" của trường Đảng Thành uỷ. Gia đình Ngô Hàm chẳng dính dáng gì cũng bị đưa đến ở nơi công cộng. Tổ chuyên án đã mất bao công sức vẫn không "giúp đỡ" nỗi Ngô Hàm giao cho chúng "đạn pháo" mà chúng yêu cầu. Tổ chuyên án tức giận mệt mỏi, trong một đêm tháng 3 năm 1968 Ngô Hàm bị đánh đập thẳng tay mắt bị bịt vải đen và lại bị lôi ra phê đấu, rồi ông bị đưa đến giam ở Tàn Thành.

Khi Ngô Hàm gào to: "Vì sao tôi bị đưa đến đây", thì bị một quả đấm cực mạnh từ phía sau khiến ông lao vào phòng giam: "Ở đây không cho phép hỏi điều gì". Tháng 4 năm 1968 Ngô Hàm với vợ là Viên Chấn bị giam ở trong gian nhà xí bỏ hoang.

Con gái 14 tuổi Ngô Tiểu Ngạn và con trai 4 tuổi Ngô Chương ở tại nhà phải dựa vào nhau mà sống trong cảnh cô cút bơ vơ. Viên Chấn là người mắc bệnh nan y đã hơn 30 năm, bị giam giữ không lâu nên hai chân bị liệt. Con gái đã mua quyển sách châm cứu về cho Viên Chấn xem và để bà tự châm lên chân mình, Ngô Tiểu Ngạn phải mỗi ngày đi về 30 dặm đường để chăm sóc mẹ. Thủ tướng Chu sau khi được biết hoàn cảnh khốc liệt của Ngô Hàm và Viên Chấn kiên quyết đòi Giang Thanh phải tha vợ chồng Ngô Hàm để trị bệnh. Nhưng chỉ có Viên Chấn được đi trị bệnh, Ngô Hàm vẫn ở trong tù.

Hừng sáng ngày 18 tháng 3 năm 1969 Viên Chấn đã ra đi mãi mãi. Ngô Hàm lúc đó bị giày vò đến da bọc xương, hơi thở hỗn hển. Bọn tra khảo Hồng vệ binh biết không thể định tội phản nghịch cho Ngô Hàm, táng tận lương tâm buộc Ngô Hàm phải nhận tội là đặc vụ. Ngày 7 tháng 3 năm 1969 Khang Sinh thấy trong tài liệu ở Đại sứ quán Liên Xô có liên quan đến Ngô Hàm hàng chữ "Ngô Hàm là Ngô Tiểu Phủ, sinh 1934 ở liên xã Thượng Hải, là Đảng viên sau đó không biết đi đâu do vậy nghi Ngô Hàm là tội phạm". Tài liệu chú thích là của một người nào đó ở Hồ Bắc. Nhưng tài liệu điều tra cho thấy Ngô Tiểu Phủ là người vẫn đang sống, trước đây không phải là phạm tội cũng không là đặc vụ, Khang Sinh từ Đại sứ quán Liên Xô chuyển về Trung Quốc mẩu tin: Trong chiến tranh giải phóng nhân viên đã từng công tác giúp đỡ chúng tôi trong đó thấy họ tên Ngô Hàm, cho rằng Ngô Hàm là "Đặc vụ chủ nghĩa xét lại Nga" Ngô Hàm bị dày vò không nghỉ, ông chẳng những nôn ra máu mà cứ mở miệng máu ộc ra, ngày qua ngày những vết máu trên tường đã đen lại. Bọn tra khảo thấy tình hình không ổn sợ Ngô Hàm chết nên vội vàng đưa ông đi viện cấp cứu. Ngày 10 tháng 10 năm 1969 Ngô Hàm đã bị bọn không còn tính người dày vò đã vĩnh biệt nhân thế.

"Một nhà" còn lại của "Thôn ba nhà" là Liêu Muội Sa nhớ lại chuyện hồi đó: Đại để là tháng 9 năm 1961 nhân viên công tác ban biên tập "Tiền tuyến" đến báo cho tôi, trưa ngày thứ 2 "Tiền tuyến" mời tôi đến nhà hàng Tứ Xuyên ăn cơm.

Lúc đó tôi không hỏi anh ấy vì sao mời tôi đi ăn cơm. Nhưng tôi biết bởi tôi là một trong các uỷ viên ban biên tập, hơn nữa trước đây đã viết cho "Tiền tuyến" mấy bài rồi, ban biên tập "Tiền tuyến" muốn mời người viết là tôi đi ăn cơm, chẳng phải là chuyện hiếm có. Mấy năm trước tôi cũng đã bị lôi đi ăn cơm với tạp chí và hội trà ban biên tập "Nhân dân Nhật báo". Những năm 30 ở Thượng Hải, những năm 40 ở Quế Lâm, Trùng Khánh, Hương Cảng, phàm là những nhà xuất bản báo chí mà tôi đã tham gia viết bài đều như vậy cả. Thấy người ngồi không nhiều, có Đặng Thác, Ngô Hàm, ngoài hai người còn có Tiêu Viễn Liệt, Lý Quân của ban biên tập "Tiền tuyến", khi bữa ăn chưa bắt đầu, mọi người ngồi trên salon uống trà hút thuốc, Đặng Thác rất tự nhiên nói luôn: "Tiền tuyến" cũng nghĩ phỏng theo giống "Mã Thiết Đình" "Tư Mã Ngu" của báo "Nhân dân Nhật báo" và các báo chí khác, muốn mấy người mỗi người viết một chuyên mục. Hôm nay mời Ngô Liêu và hai đồng chí tới bàn bạc một chút. Nghe nói "Mã Thiết Đình" là tên ba người, họ cùng dùng bút danh, chúng ta cũng làm như vậy, ba người tìm một bút danh chung, đây có ba người nên gọi "Thôn ba nhà" có được không? Theo

như mọi người vừa nói ba người cùng chung bút danh giờ ta tìm xem. Đặng Thác đưa ra ý mỗi người đưa ra một chữ. Ngô Hàm đưa họ của ông: "Ngô", Đặng Thác đưa nguyên bút danh của anh ta chữ Nam trong Mã Nam thôn, còn tôi nguyên tên Liêu Muội Sa lấy chữ Sa, hợp ba chữ là "Ngô Nam Sa". Lúc đó tôi cảm thấy Đặng lấy chữ Nam trong bút danh, tôi cũng có thể lấy một chữ trong bút danh cho nên tôi vội thêm lời: Tôi vốn không dùng tên riêng viết bài nên tôi không dùng từ Sa, dùng bút danh gần đây nhất của tôi là "Phồn tinh" tôi lấy chữ "Tinh". Đặng, Ngô, hai đồng chí đều tỏ ra đồng ý, sau đó quyết định tên gọi "Ngô Nam Tinh" chuyên mục và tên gọi được Đặng Thác đưa ra chúng tôi bắt đầu "lễ ký... thôn ba nhà".

Liêu Muội Sa xem như may mắn, anh còn sống để được nhìn thấy phé loạn phản chính "Thôn ba nhà" chìm trong oan nghiệt nay được sửa sai.

Đặng Thác, Ngô Hàm nơi chín tuổi có hay, chắc cũng đang được chút ít thư thái.

18. Từ Nhân vật số 4" trở thành phái Bảo hoàng

Sau khi "Đại cách mạng văn hoá" diễn ra, Đào Chú được điều động từ Quảng Châu lên Bắc Kinh, trong Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Trung ương lần thứ 11 khoá 8, triệu tập tháng 8 được bầu vào Thường vụ Bộ Chính trị Trung ương, trở thành "nhân vật số 4" của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhưng sau hơn nửa năm những lời hô kinh thiên động địa "Đánh đổ phái bảo hoàng lớn nhất Trung Quốc" Đào Chú đã bị đổ gục. Đến 18-10-1969, trong "lệnh số 1" của Lâm Bưu, Đào Chú bị đưa đi "sơ tán" đến Hợp Phì. Ngày 30 tháng 11 năm 1969 Đào Chú ngậm oan từ bỏ cõi trần.

Cuộc đời ngời sáng lỗi lạc, cương trực thẳng thắn của Đào Chú cũng đã không thoát khỏi vận hạn bất ngờ.

Ngày 1 tháng 6 năm 1966, Đài phát thanh Trung ương và các địa phương đều đã phát đi trang nhất báo chữ to của 7 người gồm Nhiếp Nguyên Tử v.v... dán ở Đại học Bắc Kinh. Chính ngày này Đào Chú cáo biệt Dương Thành, Quảng Châu sau 15 năm công tác ở đó, lên xe về Bắc Kinh, ông ở lầu 9 Điều Ngự Đài.

Ngày 9 tháng 6, Đào Chú đi đến Khang Châu. Mao Trạch Đông đang mở Hội nghị ở Khang Châu, Lưu Thiểu Kỳ thông báo: tình hình Bắc Kinh khiến cho Đảng uỷ các trường trung học chuyên nghiệp và đại học ở Bắc Kinh đều ở vào thế tê liệt hoặc nửa tê liệt. Thành uỷ mới của Bắc Kinh cử một số ít tổ công tác thi hành các biện pháp để điều chỉnh.

Hội nghị xuất hiện hai loại ý kiến. Đa số đồng ý chủ trương cử tổ công tác. Đào Chú nói: "Tôi tích cực ủng hộ chủ trương phái tổ công tác. Chúng tôi luôn làm công tác thực tế nên đều hiểu, cử tổ công tác xuống bám trụ, đây là một trong những kinh nghiệm thành công của Đảng ta mấy chục năm qua?"

Trần Bá Đạt thì lại nói: "Theo tôi đề nghị, không cần cử tổ công tác. Tin tưởng quần chúng, đây là chủ nghĩa Mác. Còn cần gì phải cử"

Mao Trạch Đông cuối cùng mới tỏ thái độ: "Có thể cử tổ công tác, có thể không cử, không nhất thiết vội vàng vàng cử đi".

Lưu Thiểu Kỳ, Đặng Tiểu Bình sau khi về tới Bắc Kinh, lập tức triệu tập Hội nghị thường vụ Bộ chính trị Trung ương mở rộng, các đảng bộ có người phụ trách tham gia Hội nghị quyết định: ở đâu xảy ra việc, ở đó, cử người đi. Cử tổ công tác cần nhanh, giống như đội cứu hoả đi dập lửa.

Sau Hội nghị, Lưu Thiểu Kỳ điện cho Mao Trạch Đông, Mao Trạch Đông trả lời đồng ý.

Ngày 18 tháng 7, Mao Trạch Đông từ miền Nam về đến Bắc Kinh, nghe Trương Xuân Kiêu và một số người báo cáo lại, hôm sau mới gặp Lưu Thiểu Kỳ. Mao Trạch Đông không hoàn toàn vừa ý với việc cử tổ công tác đi, nghiêm khắc phát biểu: "Sau khi về Bắc Kinh, tôi cảm thấy rất buồn, lạnh vắng quá, cửa các trường đều đã đóng hết. Thậm chí có một số trường trấn áp phong trào học sinh... Phạm là người trấn áp phong trào học sinh đều chưa xuống hiện trường. Phong trào đã phạm sai lầm về đường lối và phương hướng". Ông hạ mệnh lệnh: "Cần khẩn trương thay đổi, kéo không sẽ làm hỏng hết cả bây giờ".

Lưu Thiểu Kỳ, Đặng Tiểu Bình bị phê phán.

Trong thời gian Hội nghị toàn quốc lần thứ 11 khoá 8, Mao Trạch Đông nhiều lần chủ trì các Hội nghị sinh hoạt Bộ chính trị. Tạ Phú Trị và một số người khác phê phán mạnh mẽ Lưu Thiểu Kỳ và Đặng Tiểu Bình. Chu Ân Lai và Đào Chú không phát biểu gì trong Hội nghị.

Đào Chú to nhỏ với vợ là Tăng Chí: "Thủ tướng không nã pháo, thì tôi có bạn, có chỗ dựa. Tôi sẽ trụ vững".

Hội nghị toàn thể kết thúc, buổi tối 2 ngày sau, Đào Chú đi cùng Chu Ân Lai thăm Lâm Bưu.

Đào Chú hỏi: "Lâm Tổng, hiện giờ trong xã hội rất rối loạn, quần chúng ắt sẽ nổi dậy, thành lập rất nhiều tổ chức, rất sống động, còn tổ chức các cấp của Đảng Cộng sản chúng ta phát huy tác dụng như thế nào đây? Mọi người tâm lý hăng hực".

Lâm Bưu trả lời một cách dẫn đo: "Tuyệt đại bộ phận Đảng uỷ và cán bộ lãnh đạo, đối với cuộc đấu tranh này đều không hiểu và không đặc lực".

Đào Chú nói: "Tôi và các đồng chí phụ trách cấp uỷ Đảng tỉnh thành cả nước cũng đều không lý giải nổi mục đích của cuộc vận động này...".

"Không lý giải được tức là không đặc lực" Lâm Bưu nói một cách dứt khoát.

Ngày 24-7, Đào Chú chuyển khỏi Điều Ngự Đài đến Trung Nam Hải.

Đào Chú giúp Chu Ân Lai giải quyết một số việc của cuộc vận động, bận rộn túi bụi. Người của "cách mạng văn hoá" phóng lửa khắp nơi. Chu Ân Lai và Đào Chú phải đi "dập lửa". Nhưng sức lửa bùng lớn, mọi nơi đều ẩn chứa hoạn nạn...

Hạ tuần tháng 9, Bí thư thành uỷ Thiên Tân là Vạn Hiểu Đường mất. Đào Chú gọi điện thoại, cho Tân Hoa xã phát đi công báo về cái chết của Vạn Hiểu Đường, 50 vạn nhân dân thành phố Thiên Tân đã tham gia lễ truy điệu.

Mao Trạch Đông sau khi nghe báo cáo nói: "Đây là thị uy Đảng, là dùng người chết để gây sức ép với người sống".

Trong Hội nghị, chạm trán với "cách mạng văn hoá", Đào Chú cuối cùng chịu không nổi, đã nổ phát pháo vào Giang Thanh. Ông đề nghị với Chu Ân Lai: "Giang Thanh chẳng có chức vụ chính thức gì trong cơ quan, chỉ bằng để bà ta làm Thứ trưởng Bộ Văn hoá, công tác liên lạc hoặc tham gia hoạt động cũng có một danh nghĩa".

Giang Thanh làm toáng lên: "Các anh gặp phải quỷ rồi"? Bà ta vuốt tóc chống tay: "Tôi làm sao có thể làm những loại công việc ấy?". Bà ta tự nhận là phải nằm trong hàng ngũ lãnh đạo nhà nước.

Giang Thanh chất vấn Đào Chú, vì sao không đi học người, tuyên bố phải viết lên trang báo chữ to thứ nhất nói mình là phái tả cách mạng. Bà ta lên lớp: Chỉ cần anh viết tờ báo chữ to ấy thì thừa nhận anh là phái tả cách mạng, và ủng hộ anh.

Đào Chú lắc lắc đầu: "Tôi không thể không hỏi động cơ, không nhìn lịch sử".

Giang Thanh nói: "Với vấn đề lịch sử ư, có gì là ghê gớm nào? Anh chẳng đã từng là đảng viên Quốc dân đảng đó sao?".

Đào Chú trừng mắt gào lên: "Cô biết tôi là đảng viên Quốc dân đảng bao giờ đấy? Tôi là Đảng viên Quốc dân đảng thời kỳ thứ nhất hợp hai Đảng Cộng sản và Quốc dân, khi đó Mao Chủ tịch cũng là Đảng viên Quốc dân đảng. Thủ tướng 'Chu Ân Lai cũng vậy? Trước hết, cô hãy đi học lịch sử đi".

Giang Thanh bị nạt nộ, sau đó vừa khóc vừa gào. Chu Ân Lai tế nhị tuyên bố giải tán Hội nghị.

Tháng 11 năm 1966, Đào Chú và Giang Thanh đối lập nhau ngày một gay gắt.

Đào Chú trong lần nói chuyện với ngành y tế đã tuyên bố. "Hoài nghi tất cả là không nên. Còn bây giờ là thời gian cách mạng văn hoá, rốt cuộc anh là cách mạng thật hay là cách mạng giả... Điều tra rõ ràng rồi thì mới có thể xoá bỏ nghi ngờ được" ông còn bổ sung một câu: "Giang cần phải hoài nghi? Cần điều tra, cần đi làm rõ". Câu nói này công kích đúng vào điểm yếu của Giang Thanh.

Bà ta trả miếng Đào Chú rằng: "Ông nói rõ đi, ông hoài nghi ai? Ông hoài nghi tất cả còn trừ mình ra chứ?".

Trương Xuân Kiều, Trần Bá Đạt và Diêu Văn Nguyên cũng hét to lên: "phái bảo hoàng lớn nhất trong Đảng hiện nay là ông đó, Đào Chú ạ!".

Giang Thanh giơ cao nắm đấm hô to: "Phái bảo hoàng không đầu hàng, cần để cho hắn chết!".

Không lâu sau, trên bục nói chuyện với giới văn nghệ, Giang Thanh nói dần từng từ một: Mao Chủ tịch cùng với bạn chiến đấu thân thiết của người là Lâm Bưu, Chu Ân Lai, Trần Bá Đạt, Khang

Sinh...".

Đây là một tín hiệu, gần như là tuyên bố gạt Đào Chú ra khỏi bạn thân thiết của Mao Chủ tịch.

Có một học sinh ở Triết Giang được gợi ý, liền viết 2 quyển sách phê phán Đào Chú "Phong cách cây tùng" và "Tính kiên định của cách mạng" cho báo chữ to, tổng cộng chừng 60 trang, hơn 2 vạn chữ, dán trên các cửa nhà phố lớn đông đúc của Bắc Kinh và đã làm râm rộ thành phố Bắc Kinh.

Tăng Chí nhờ Đào Chú tìm cho ra 2 quyển sách này, bà gửi cho Mao Chủ tịch.

Mao Chủ tịch xem xong nói: "Phong cách cây tùng" tốt thì rất tốt, nhưng cũng không có ý tứ lớn gì nhiều, đâu bằng lương thực là chính. Ông nhấn mạnh: "Lời nói trên hội diễn kịch ở Trung Nam Hải anh xem, giai đoạn hiện nay nên đưa mâu thuẫn nội bộ đặt lên vị trí quan trọng, đây là vấn đề mang tính nguyên tắc".

Đào Chú hiểu rõ ý tứ Mao Trạch Đông là giai đoạn hiện nay vẫn lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh.

Mao Trạch Đông điều Đào Chú lên Trung ương là có ý trọng dụng. Nhưng ông ta lại ngồi vào phía Lưu, Đặng. Nhưng Mao Trạch Đông vẫn muốn bảo vệ ông ta. Trên Hội nghị mở rộng Thường vụ Bộ chính trị ngày 29-12, Mao Trạch Đông nói với Đào Chú: "Anh vì sao không chịu nói ra là anh đã phạm sai lầm không thể lý giải nổi vấn đề". Ông nói: "Đào Chú lên Trung ương, công tác rất tích cực, bận rộn làm được rất nhiều việc". Ông nói tiếp: Giang Thanh hay dựa dẫm, thích làm tổn thương người khác. Đào Chú là Thường vụ Bộ Chính trị, ít dự thảo luận chính thức ở Trung ương, nói ông ấy phạm sai lầm về đường lối phương hướng, trên Hội nghị lại phê phán tùy tiện, như vậy là trái với nguyên tắc tổ chức của Đảng".

Sau Hội nghị, Mao Trạch Đông giữ Đào Chú ở lại chuyện trò rất nhiều: "Tôi đã rõ các chuyện hơn một tháng rồi vì sao anh không xuống cơ sở?"

Đào Chú giải thích: "Gần đây công việc bề bộn, Thủ tướng, không dứt ra khỏi công việc. Hơn nữa, lần này xuống địa phương, thời gian hơi lâu, cần phải thu xếp ít thời gian nữa. Tôi còn thiếu hai Bộ nữa là trao đổi xong, định ít hôm nữa là xuống".

Mao Trạch Đông hy vọng Đào Chú đi đến các tỉnh thành khảo sát một thời gian. Ông tự mình chỉ định danh sách 20 người, đưa cho Đào Chú, và dặn: "Các đồng chí này "thieu" thì cần "thieu", nhưng đừng "thieu cháy thui". Nếu còn bảo vệ được thì bảo vệ. Cần cứu người khỏi nước sôi lửa bỏng! Anh đại biểu cho Trung ương đi, tác dụng của lời phát biểu sẽ lớn, cần bảo vệ, giữ lại họ".

Đào Chú báo cáo lại với Chu Ân Lai buổi trao đổi với Mao Trạch Đông. Trong Hội nghị mở rộng Bộ Chính trị, Chu Ân Lai nói: "Chỉ thị của Chủ tịch, giờ xem là quyết định của Trung ương: Làm tốt công tác chủ yếu, sang năm mới đồng chí Đào Chú hăng đi".

Thế nhưng sang ngày thứ hai tin đến Bắc Kinh "đội tạo phản Vũ Hán ập đến Quảng Châu bắt Vương Nhiệm Trọng, dưới sự chỉ dẫn của "Cách mạng văn hoá Trung ương". Lệnh ép gấp Đào Chú và giao Vương Nhiệm Trọng. Tối đó, ở hội trường nhỏ quốc vụ viện bọn "Phái tạo phản" hô lớn: "Đào Chú nhất định phải giao Vương Nhiệm Trọng"? "Đào Chú là phái Bảo hoàng quyết không xuống bệ"? "Phái Bảo hoàng không đầu hàng thì cho nó diệt vong"? "Chúng tao lệnh gấp, mày phải lập tức trả lời"

Đào Chú máu bốc lên đầu, tiếng vang như sấm: "Các người như vậy là o ép ta, chúng ta còn có gì để mà thương lượng nữa! Các người là người, ta cũng là người! Ta lấy tư cách cá nhân chống lại cách làm của các người".

Hội trường lặng lẽ được 3 giây, lại nổ một trận dừ dội: "Đào Chú chống lại nhân dân là chống lại Mao Chủ tịch", "Đào Chú điên cuồng chống lại cách mạng văn hoá tội nghìn lần đáng chết"

"Đánh đổ Đào Chú" v.v.

Đào Chú bị công kích 6 giờ đồng hồ liền.

Trời sáng, số lượng lớn truyền đơn và báo chữ nhỏ dán rải khắp ngõ phố lớn nhỏ kinh thành Bắc

Kinh...

Chiều 4 tháng 1 năm 1967, Giang Thanh, Trần Bá Đạt, Khang Sinh v.v... tiếp kiến đội chống tạo phản đã bắt Vương Nhiệm Trọng. Giang Thanh phát ra lời nói gay gắt: "Đằng sau Vương Nhiệm Trọng là ai? Là Đào Chú".

Trần Bá Đạt nói: "Đào Chú, con người này rất tồi?. Ông ta là cố vấn của tiêu tổ cách mạng văn hoá. Nhưng với vấn đề của cách mạng văn hoá chưa thương lượng gì với chúng ta...".

Giang Thanh lại bảo: "Ông ta độc đoán chuyên quyền là phái bảo hoàng lớn nhất Trung Quốc". Bà ta nước mắt đầm đìa: "Ông ta đe dọa tôi ông ta còn đe dọa cả cách mạng văn hoá Trung ương", Giang Thanh gào rên một cách điên cuồng bệnh hoạn: "Ông ta là đặc vụ". Ba lần gào to đến khản giọng.

Khang Sinh đỡ lời: "Ông ta từ Tô Châu mà đến, năm 1937 là không phải phản bội?".

Rất nhanh sau đó, ngoài cửa tây Trung Nam Hải loa phóng thanh công suất lớn gào thét: "Bắt Đào Chú người đại diện đường lối Lưu, Đặng". "Đả đảo Đào Chú phái bảo hoàng lớn nhất Trung Quốc!"

Hơn hai giờ sáng, Chu Ân Lai gọi điện bảo Đào Chú đến chỗ ông, nói chuyện: "Hôm qua tôi đến chỗ Chủ tịch. Chủ tịch hỏi tôi, theo Giang Thanh nói, Đào Chú trấn áp quần chúng. Thế nghĩa là làm sao? Tôi trao đổi với Chủ tịch tình hình ngày hôm kia. Tôi nói không phải là trấn áp quần chúng, mà là thái độ Đào Chú có phần không tốt. Chủ tịch nói: "Ừ thì thái độ không tốt. Về sau không còn có nói gì nữa". Cuối cùng nói: "Mấy ngày hôm nay anh đừng có đi đâu cả, nghỉ ở nhà. Ở ngoài, Hồng vệ binh đang lùng tìm anh, đừng có lộ ra, phiền phức. Cứ nghỉ đi, trước hết không cần công tác gì".

Ngày thứ hai, Đào Chú mất tự do.

Sau đó 8 ngày, trong Hội nghị thảo luận "Bảo tổ tháng giêng", Mao Trạch Đông thể hiện thái độ:

"Đào Chú là do Đặng Tiểu Bình giới thiệu. Đào Chú con người này không trung thực, Đặng Tiểu Bình còn khả dĩ hơn".

Hai tuần sau đó, nơi Đào Chú ở tăng cường đến 4 cảnh vệ. Một tháng sau, đường dây điện thoại của Bộ chính trị đã bị gỡ.

"Đả đảo Lưu, Đặng, Đào" là khẩu hiệu vang lên khắp cả nước...

Đào Chú hàng ngày vẫn bị cảnh vệ áp giải đi đến cửa tây đọc báo chữ to, nhiều lần bị phê đầu, thậm chí còn bị đánh đập.

Tháng 3 năm 1968, tổ trông coi Đào Chú tăng thêm hai người nữa, làm ba vọng gác ở trong nhà.

Giang Thanh hạ lệnh: 24/24 giờ phải có bên ông ta, không được lơ lửng.

Tháng 8, trong đại hội đấu tố Lưu, Đặng, Đào ở Quảng trường Thiên An Môn có hàng triệu người tham gia, rồi ở Trung Nam Hải cũng diễn ra đấu Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình và Đào Chú.

Đào Chú bị đấu tố, bị tay nắm chân đá, không chịu nổi đã ngất đi, mất hoa, nôn ọe, nhưng không được chạy chữa, nửa năm sau phát hiện là bị ung thư.

Tháng 9 năm 1969, chẩn đoán ra là ung thư di căn, nhưng không được chữa chạy tích cực, còn bị lệnh "cấp tốc sơ tán"... Đào Chú nói với vợ là Tăng Chí: "Em không cần đi cùng anh, anh sống không được bao lâu nữa, em đi cũng không giúp được gì đâu và cần tranh thủ ở cùng Lượng Lượng. Mẹ con em ở bên nhau anh mới yên lòng được. Chúng ta chỉ có mỗi mụn con gái đó thôi".

Khi chia tay, ông chép bài thơ đưa cho vợ:

Tặng Tăng Chí.

Nơi chiêm trường anh đâu sợ

Tiêu tình sâu mà phải mây tan

Tóc bạc vô tình cơn nóng lạnh

Cuộc đời đen bạc lắm chua cay

Ngựa ốm biết kêu ăn sớm muộn

Cọ khô càng thấy sợ sương tàn Quá khứ đã quên như làn khói,

Đáy dạ vô tư rộng đất trời.

Ngày thứ hai, chủ nhiệm Cục chính trị là Vương Lương An tìm Đào Chú nói chuyện, "Thăm tra lý lịch của anh, anh có vấn đề chính trị trước kia".

Đào Chú nói: "Tôi là đảng viên Đảng Cộng sản, tôi có quyền bảo vệ ý kiến của mình. Tôi tin tưởng lịch sử sẽ làm sáng tỏ tất cả".

Tối ngày 18-10-1969, Đào Chú bị đưa tới "phòng bệnh bí mật" ở một bệnh viện ở đoàn X quân giải phóng ở ngoại ô phía tây Hợp Phì. Cửa sổ đóng chặt ván, rèm cửa vừa dày vừa tối. Đào Chú sống nốt hơn một tháng phần đời cuối cùng ở nơi bị bịt kín này.

Ông ngâm một bài thơ: "Tính chất vốn đã định, còn đâu lòng lung lay, trường Hồng máu hoá ngọc khổ đau sẽ tiêu tan".

Ông bị bệnh ung thư giày vò, tinh thần càng khổ não. "Uỳnh" tiếng vang lớn, tay ông dầm lên tường. Vách tường trắng in rõ dấu một bàn tay.

22 giờ 15 phút ngày 30 tháng 11 năm 1969, con tim Đào Chú ngừng đập. Tối hôm đó thi hài ông được thiêu, hộp tro ghi tên "Vương Hà" bị vứt lẫn lóc trong góc nhà thiêu lạnh lẽo.

Sau hai năm đập tan "Lũ bốn tên" Tăng Chí và con gái Đào Tư Lượng khóc kể về mớ tài liệu hàng vạn chữ dày cộp của ông.

Sau khi nghe tin Đặng Tiểu Bình "xuống núi", Tăng Chí và con gái đến Sơn Tây gặp Đặng Tiểu Bình, đưa cả một đống tài liệu cho ông.

Đặng Tiểu Bình sau khi phục chức, trước hết làm việc đại sự, trong đó có vụ án Đào Chú lôi từ tổ chuyên án ra giao cho Hồ Diệu Bang phụ trách.

Thời gian Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương lần 3 khoá 11, Đặng Tiểu Bình chỉ thị: Về vấn đề đồng chí Đào Chú! Đồng chí Đào Chú là đảng viên lâu năm của Đảng ta. Trong mấy chục năm công tác có rất nhiều cống hiến cho Đảng, cho nhân dân. Qua phúc tra, trước đây cho ông phản bội là không đúng, cần phải khôi phục.

Hội nghị Trung ương lần thứ 3 khoá 11 đã phục hồi cho Bành Đức Hoài, Đào Chú, Bạc Nhất Ba, Dương Thượng Côn v.v. Tại hội trường lớn Đại lễ đường nhân dân đã long trọng cử hành lễ truy điệu cho Bành Đức Hoài và Đào Chú, do Đặng Tiểu Bình chủ trì, Trần Vân đọc điều văn.

Án oan cuối cùng được minh oan sáng tỏ. Đào Chú ở nơi cửu tuyền có biết?

19. Đại náo Hoài nhân đường

Sau khi đánh đổ Đào Chú, Lưu Trí Kiên, "Đại cách mạng văn hoá" tăng tốc bước chân. Năm làn gió "Một nhóm nhỏ trong quân đội" và cả xã hội từ khắp nơi nhanh chóng ào đến chĩa mũi giáo vào Diệp Kiếm Anh, Trần Nghị, Nhiếp Vinh Trân, Từ Hướng Tiền, Nguyên soái Hạ Long. Lâm Bưu chửi rủa Chu Đức, Hạ Long là "Đại thổ phỉ". Đối mặt với tập đoàn Lâm Bưu, Giang Thanh trắng trợn bạo ngược, nhìn thấy từng tốp chiến hữu già vô tội bị đánh đổ, thậm chí còn bị giam cầm tù ngục, đối mặt với phong trào cướp quyền khắp cả nước, "hắt cẳng Đảng uỷ làm cách mạng", các tướng soái đã đổ máu cho nền cộng hoà này rất phần nộ, họ đã tập trung nhau đấu tranh chính diện với độc ác. "Ở Hoài Nhân đường", "Ông chủ Đàm" nguyên rủa Trương Xuân Kiêu. Trần Nghị nghĩa lớn ngôn trực, Diệp Kiếm Anh, Dư Thu Lý, Lý Tiên Niệm, Từ Hướng Tiền, Nhiếp Vinh Trân, Lý Phú Xuân v.v, đều đã vào trận. Đối thủ của họ là Trương Xuân Kiêu, Khang Sinh, Trần Bá Đạt, Tạ Phú Trị, Diêu Văn Nguyên, Vương Lực. Khi vào cuộc, chính nghĩa chiếm ưu thế. Cánh Trương Xuân Kiêu bối rối. Các tướng soái trừng mắt nguyên rủa. Nhưng sau đó, cả quá trình lại bị đảo ngược, bị vu cho là "dòng nước ngược tháng hai".

Các tướng soái già bị công kích, bị đánh gục. Trung nghĩa thành oan, ác độc thành mạnh, lịch sử bộc lộ mặt trái tàn khốc...

Hoài Nhân đường (Hội trường Hoài Nhân) nằm ở cạnh Trung Nam Hải, vốn là "Nghĩa Loan điện" do triều nhà Thanh xây lên. Tháng 9 năm 1949, Hội nghị toàn thể Hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc triệu tập ở đây làm cho Hoài Nhân Đường nổi tiếng thế giới. Từ đó, nhiều Hội nghị quan trọng của Trung ương cũng họp ở đây. Khí hậu ở đây giống như cái tên của nó, suốt năm ôn hoà và dễ chịu.

Ngày 16 tháng 2 năm 1967, ở Hoài Nhân đường Trung Nam Hải, Chu Ân Lai triệu tập buổi gặp mặt các tướng lĩnh nhưng không ngờ lại xảy ra trận tranh cãi gay gắt.

Đốm lửa đầu tiên bùng lên là như thế này:

Khi Trương Xuân Kiêu vừa ra khỏi xe, từ trong xe bước ra là "Đại Đàm".

"Đại Đàm", "Tiểu Đàm" từng có tiếng ở Hoa Đông. "Đại Đàm" tức Đàm Chấn Lâm, "Tiểu Đàm" tức Đàm Khởi Long. Đàm Chấn Lâm vốn là thượng cấp trước đây của Trương Xuân Kiêu. Thời kỳ mới giải phóng, Trương Xuân Kiêu đảm nhiệm chức Phó Cục trưởng Cục xuất bản tin tức Hoa Đông, Đàm Chấn Lâm là Bí thư Cục Hoa Đông.

Sau khi Trương Xuân Kiêu trở thành "Tân Quý" (ý chỉ cấp trên) thì trong mắt không còn Đàm Chấn Lâm nữa.

"Đồng chí Trần Phi Hiền đến rồi ư?" Đàm Chấn Lâm nhìn thấy Trương Xuân Kiêu, câu đầu tiên hỏi như vậy khiến Trương Xuân Kiêu không khoái lắm.

Trần Phi Hiền là chiến hữu cũ của Đàm Chấn Lâm những năm Tân Tứ quân. Đàm Chấn Lâm biết trong danh sách đề bạt làm Bí thư tỉnh thành phố có Trần Phi Hiền, chính vì vậy mà hỏi Trương Xuân Kiêu. Trương Xuân Kiêu là "thành quả vĩ đại" của "cách mạng tháng giêng" do Thượng Hải quy hoạch và ở đó đánh đổ Trần Phi Hiền. Trương ngạo mạn trả lời câu hỏi Đàm Chấn Lâm: "Ông ta không đến được. Quân chúng không đồng ý mà".

Đàm Chấn Lâm vừa nghe, đáp lại rằng: "Quần chúng? Tổ chức Đảng có thể làm công tác chứ!".

Trương Xuân Kiêu cười nhạt: Tổ chức Đảng? Tổ chức Đảng không cần dùng. Ở Thượng Hải, cán bộ trưởng phòng trở lên đều đã đứng một bên cuộc chiến rồi!".

"Đại Đàm" trả lời bằng cái cười mỉa: "Ồ! Vốn dựa vào một trận chiến, để đá kích một vùng, đều là cậu lãnh đạo chứ!".

Trương Xuân Kiều lướt mắt, tức tối song kiềm chế lại và đi vào hội trường.

Chu Ân Lai vừa tuyên bố hội nghị bắt đầu, Đàm Chấn Lâm là người phát biểu đầu tiên:

"Đồng chí Trần Phi Hiền từ nhỏ đã tham gia cách mạng, là một "Quý nhỏ đỏ". Đồng chí ấy có vấn đề gì vậy? Bí thư mấy khu lớn, Bí thư nhiều tỉnh thành có vấn đề gì vậy? Vì sao không để họ đến Bắc Kinh? Trương Xuân Kiều nói lại: "Nhưng quần chúng không bầu...".

Đàm Chấn Lâm không kiềm chế được, đứng phắt dậy trước mặt mọi người đả phá mạnh Trương Xuân Kiều: "Quần chúng là gì?" Lúc nào cũng quần chúng, quần chúng, còn có hay không lãnh đạo của Đảng? Các đồng chí không cần sự lãnh đạo của Đảng, từ sáng đến tối, quần chúng tự giải quyết mọi việc, tự giáo dục mình, tự mình làm cách mạng. Đây là cái gì vậy? Đây hình như là đi học. Mục đích của các anh, chính là loại bỏ cán bộ già. Các anh đánh gục từng người cán bộ già. Lão thành cách mạng 40 năm, rơi vào cảnh nhà tan chết chóc, vợ ly con biệt. Lần này, là lần đấu tranh khốc liệt nhất trong lịch sử đấu tranh của Đảng, vượt qua hết bất cứ lần nào trong lịch sử".

Phía Đàm Chấn Lâm có Diệp Kiếm Anh, Trần Nghị, Lý Tiên Niệm, Từ Hường Tiền, Lý Phú Xuân, Nhiếp Vĩnh Trăn, Dư Thu Lý.

Phía Trương Xuân Kiều có Khang Sinh, Trần Bá Đạt, Tạ Phú Trị, Diêu Văn Nguyên, Vương Lực.

Vẫn lại ở trường hợp thế này, Giang Thanh cần phải ra quân. Nhưng mấy ngày trước đó, Giang Thanh khi phê phán Đào Chú, nói một số lời vượt quá tư cách đã bị Mao Trạch Đông phê bình "mất cao tay thấp, chí lớn tài hèn". Bà ta tức lên bảo mình "ốm" nên không dự họp.

Hai quân đối lũy, trận tuyến thế là đã phân rõ.

Đàm Chấn Lâm nói xong, bụng đầy tức tối, đi mặc y phục, xem đáng bộ định đi, ông ta cầm áo khoác ở tay, chỉ vào nhóm người đối mặt, nói:

"Thì để cho các anh làm lấy? Tôi không làm nữa? Chặt đầu, ngồi tù, khai trừ Đảng tịch, tôi cũng dám đấu tranh đến cùng".

Lúc này, Chu Ân Lai đứng lên, khuyên:

- "Đại Đàm" - và cầm lấy áo khoác của ông.

Trần Nghị cũng đứng lên nói:

- Không nên đi. Cần ở đây đấu tranh.

Đàm Chấn Lâm nghe ra, trở lại, ngồi vào ghế của mình, nói lớn:

- Trần Tổng, tôi sẽ không đi. Nói thì không sợ, sợ thì không nói. Tôi không đi đâu cả.

Lúc này, Trần Nghị lửa bốc lên, liền nã pháo:

0 Khi chỉnh phong ở Diên An, có rất nhiều cán bộ lãnh đạo thành bị chỉnh. Sự "Cứu vớt phong trào" đã làm sai rất nhiều người. Chịu chỉnh còn có số chúng tôi đây. Thủ tướng chẳng phải đã chịu qua chỉnh rồi đó ư? Chúng ta cần ghi nhớ lần giáo huấn này. Hôm nay không thể lặp lại sai lầm ấy nữa!

Lời Trần Nghị chích đúng vào Khang Sinh đeo kính cận nặng. Khang Sinh mặt khi đỏ khi bệch ra.

Trần Nghị nhanh người nhanh lời, tiếp tục:

- Tuy chẳng có ai chọn tôi đại biểu cho cán bộ lão thành, tôi cũng vì cán bộ lão thành để nói. Nếu như nói, quân giải phóng chúng ta là đánh trận dưới sự lãnh đạo của "Đại quân phạt" và "Đại thổ phỉ" làm sao giải thích là thắng lợi vĩ đại của chiến tranh do nhân dân giành được?

Trương Xuân Kiều mặt đông lại một cục, không tỏ thái độ tình cảm gì. Duy chỉ có con ngươi mắt là chuyển động. Ai "Phóng pháo", Diêu Văn Nguyên, Vương Lực ngồi cạnh, Trương Xuân Kiều thì như là thư ký ghi chép. Hai chiếc bút sột soạt trên giấy, ghi lại nội dung mỗi "phát đạn".

Sau khi Trần Nghị mạnh mẽ phóng ra loạt pháo, Diệp Kiếm Anh phát biểu:

- Cán bộ lão thành là của quý của Đảng và Nhà nước, đâu có cái đạo lý nào cứ tùy tiện đánh đổ. Cứ theo như thế này, tính mạng con người cũng khó mà bảo đảm, làm sao mà làm việc được.

Lý Tiên Niệm vào trận rồi. Thường ngày ông nói chuyện vẫn khi chậm khi nhanh, lúc này ngữ khí

của ông tỏ ra gấp gáp:

- Lẽ ra chúng ta vẫn nhất quán đánh giá, đại đa số cán bộ và quần chúng là tốt. Hiện nay làm như thế này, đoàn kết hai bên lại để có 95% được không nào? Cán bộ lão thành đánh đổ rồi, cách mạng dựa vào đâu? Hiện nay trong cả nước đang bức xúc là: "Cung, tín".

Nghe đến đây, Đàm Chấn Lâm phản chấn lên, ông lớn tiếng:

- Tôi từ xưa chưa hề khóc. Nhưng gần đây đã khóc ba lần, đều không có chỗ mà khóc? Tại phòng làm việc, trước mắt có thư ký, về đến nhà, trước mắt có con cái. Tôi chỉ còn có thể quay lưng đi mà rơi lệ.

Lý Tiên Niệm đồng cảm sâu sắc:

- Tôi cũng đã khóc đến ba lần.

Lúc này, Tạ Phú Trị ngồi trước mặt, chen ngang nói:

- Không nên xuất phát từ cá nhân, cần xuất phát từ toàn cục.

Nghe Tạ Phú Trị nói vậy. Đàm Chấn Lâm đứng bật dậy, giận dữ, nói chậm chậm, mỗi một chữ đều sắc bén:

- Tôi không khóc cho mình đâu. Mà là khóc cho tất cả cán bộ lão thành và cả Đảng

Trận luận chiến lớn của Hội nghị này được coi là "Đại náo Hoài Nhân đường". Cảnh "Văn hoá Trung ương" bị dòn bói rồi? Họ gấp rút bí mật mở đợt phản kích.

Ngày tối hôm đó, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên và Vương Lực đến hội trường lớn nhân dân, khớp nội dung ghi chép. Vương Lực suốt đêm viết "Ghi chép Hội nghị Hoài Nhân đường ngày 16 tháng 2".

Ngày hôm sau, theo sự sắp xếp của Giang Thanh, Trương Xuân Kiều tay cầm quyền ghi chép, cùng với Diêu Văn Nguyên, Vương Lực đến gặp Mao Trạch Đông báo cáo tình hình các vị tướng soái lão thành.

Giang Thanh không cùng đi, mà để Trương Xuân Kiều cầm đầu nhóm. Mao Trạch Đông vừa hút thuốc lá vừa dựa vào salon nghe Trương Xuân Kiều thêm mắm thêm muối báo cáo lại. Mao Trạch Đông vốn hiểu tính cách của các bạn "chiến đấu" cũ - của ông, nên chỉ nghe mà không nói gì.

Nhưng, khi Trương Xuân Kiều báo cáo đến chỗ Đàm Chấn Lâm đứng lên lấy áo khoác muốn đi Mao Trạch Đông không ức chế được tình cảm bản thân, nói một câu:

- Ông ta không muốn làm thì cho ông ấy đi!

Diêu Văn Nguyên và Vương Lực, lại một lần sung làm thư ký. Bọn họ lập tức ghi lại câu "Chỉ thị tối cao".

Khi Trương Xuân Kiều nêu đến Trần Nghị phê bình phong trào chỉnh phong ở Diên An, Mao Trạch Đông thay đổi sắc mặt, bức tức mạnh mẽ.

Hai chiếc bút đồng thời ghi lại đoạn khác "Chỉ thị tối cao": "Thế nào? Lẽ nào chỉnh phong Diên An sai ư? Cần lật lại vụ việc ư? Cần mời Vương Minh trở về ư?"

Được những ý của Mao Trạch Đông, Trương Xuân Kiều đắc ý cười:

- Có được "Thượng phương bảo kiếm", ai dám không nghe!

Cũng là ngày này 17 tháng 2, khi Mao Trạch Đông cùng nói chuyện với Trương Xuân Kiều, Đàm Chấn Lâm đang viết sách "Đàm lão bản" lo cho dân lo cho nước, dồn uất ức đổ lên trên giấy. Lúc này, Đàm Chấn Lâm lại không hiểu bộ mặt thật của Lâm Bru, gửi bức thư dài cho "Phó thống soái".

"Họ vốn không phân tích giai cấp, thủ đoạn độc ác chưa thấy ở trong Đảng. Chỉ một câu nói huỷ hoại hết toàn bộ sinh mạng chính trị một con người, rõ là một ngày "nói ra hả bụng". Đào Chú, Lưu Chí Kiên, Đường Bình Chú v.v., sinh mạng chính trị một loạt người đã như thế là vứt bỏ... Cán bộ lão thành, cán bộ cao cấp từ tỉnh trở lên, trừ cán bộ quân đội và ở Trung Nam Hải ra, hầu như đều bị đấu, đội lên mũ cao, ngồi lên máy bay, thân thể nát nhừ, làm cho con lìa cha, vợ lìa chồng, khuynh gia bại

sản, người bị như thế rất nhiều. Đàm Khởi Long, Giang Hoa cũng là như vậy. Đảng chúng ta đã bị xấu xa đến không thể kéo lại. "Bách Xú đồ" (bức vẽ trăm cái xấu - ND) của Bắc Kinh sau khi ra lò, Thượng Hải, Tây An theo đó mà làm. Phần tử xét lại đích thực, phần tử phản cách mạng đích thực được bảo vệ. Tôi nghĩ rất lâu, sau cùng hạ quyết tâm, chuẩn bị hy sinh, nhưng tôi không tự sát, cũng không phản bội Tổ quốc. Nhưng cũng không cho phép họ lại làm thế nữa. Cần phải chiến đấu tiếp, cần xông tới nữa Bọn họ không vâng chỉ thị của Mao Chủ tịch. Trước mặt Mao Chủ tịch họ nói: "Tôi cần chống lại ông". Họ đặt Mao Chủ tịch ở địa vị nào đó? Quả còn hung dữ hơn cả Võ Tắc Thiên...".

Ở đây nói Võ Tắc Thiên, tức ám chỉ Giang Thanh.

Lời thách không dối trá "Đàm lão bản" mạnh mẽ thể hiện tính cách cương trực lỗi lạc của mình. Ông không ngờ rằng, Lâm Bưu và Giang Thanh là cùng hội cùng thuyền.

Thư của Đàm Chấn Lâm bị Lâm Bưu chuyển cho Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông khẩn cấp mời Lý Phú Xuân, Trần Nghị, Diệp Kiếm Anh, Khang Sinh, Giang Thanh, Diệp Quần cùng có mặt.

Lần này Mao Trạch Đông thẳng thắn phê bình trước mặt các lão chiến hữu của mình là Lý-Trần-Diệp.

Mao Trạch Đông rất có quyền uy. Lần "giận dữ" này của ông đã thành điểm ngoặt.

Từ đó lão soái, lão tướng quân, lão cán bộ được gọi thành "Cuộc đấu tranh tháng Hai" của "Dòng nước ngược tháng Hai".

Thế là chỉ trong một đêm báo chữ to: "Đả đảo Đàm Chấn Lâm". "Phản kích dòng nước ngược tháng Hai" "Dùng máu tươi và sinh mạng bảo vệ Trung ương cách mạng văn hoá" dán khắp kinh thành Bắc Kinh.

Ngày 9 tháng 3, tại cửa Bộ Nông nghiệp, mở đại hội lần đầu phê phán Đàm Chấn Lâm. Tổ chức phái tạo phản của đơn vị sở thuộc nông lâm rầm rộ phát biểu "Tuyên bố" và "lời kêu gọi khẩn cấp", bốn bề đàn chặt người, tạo thành một lực lượng đông đảo Do có sự nâng đỡ của "Trung ương cách mạng văn hoá", thành phố Bắc Kinh lúc này chìm ngập trong báo chữ to, nhỏ đủ màu sắc và âm thanh gầm thét "Đả đảo Đàm Chấn Lâm" "Kiên quyết chống lại dòng nước ngược tháng Hai" "Pháo gầm" "Lửa thiêu".

Lâm Bưu, Giang Thanh và bè lũ nhằm đánh đổ hàng loạt cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng, Chính phủ, Quân đội đã vẽ ra phong trào phản kích "dòng nước ngược tháng hai" rộng rãi trong toàn xã hội. Bị công kích là "Làm tướng đen dòng nước ngược tháng hai" có Dư Thu Lý, Đàm Chấn Lâm, Cốc Mục, Lý Tiên Niệm, Lý Phú Xuân, Trần Nghị, Diệp Kiếm Anh đều lần lượt bị điểm danh đấu công khai. Các vị lão soái, lão tướng, lão cán bộ trong bối cảnh lịch sử ngang ngửa dòng ấy, người thì ngã ngựa, hoặc đứng một bên, hoặc lưu lạc đến vùng đất xa xăm, không thì bị giày xéo dã man.

Cuộc đấu tranh chính nghĩa biến thành chịu tội oan uổng.

Cho đến khi vụ Lâm Bưu nổ bùng và bị bóc trần, ngày 14-11-1971, Mao Trạch Đông trong buổi gặp mặt những đồng chí tham gia Hội nghị toạ đàm khu vực đô thành, chỉ vào Diệp Kiếm Anh và những người khác, nói: "Các đồng chí đừng nói tới "dòng nước ngược tháng Hai" tính chất là gì? Là họ đối phó với Lâm Bưu, Trần Bá Đạt, Vương Phi, Quan Phong, Thích Bản Vũ, dòng nước ngược tháng Hai đã bình yên rồi.

20. Kẻ phản quốc yêu nước

Ngày 20 tháng 5 năm 1987, phóng viên Tân Hoa xã thường trú ở New York điện gấp về bức điện: Nhà soạn nhạc nổi tiếng của Trung Quốc: ngài Mã Tư Thông, do mắc bệnh tim, đã tạ thế ở Feicity vào hồi 3 giờ 5 phút sáng, hưởng thọ 75 tuổi.

"Nhân dân Nhật báo", "Quang Minh nhật báo", Đài truyền hình Trung ương, Đài tiếng nói nhân dân Trung ương v.v. Cơ quan thông tấn báo chí lập tức đăng và phát đi tin này.

Báo chí Đài Loan, Hồng Kông, Liên Xô, Pháp, Mỹ v.v... cũng đều đăng tin Mã Tư Thông từ trần; Mã Tư Thông, một người thầy trọn đời vì âm nhạc hôm qua đã vĩnh biệt cõi đời để lại cho nhân gian lòng ngưỡng mộ và thương tiếc...

Hội Liên hiệp âm nhạc Trung Quốc, Học viện âm nhạc Trung ương, Đoàn văn công Trung ương, Học viện âm nhạc Thượng Hải... đã gửi điện chia buồn sâu sắc tới Vương Mặc Lý, phu nhân của Mã Tư Thông.

Thủ tướng Chu Ân Lai, khi nhớ về quá khứ, đã thương cảm mà nói rằng: "Tôi bình sinh có hai chuyện đáng tiếc sâu sắc, một trong hai chuyện đó là, Mã Tư Thông khi đã 50 tuổi rồi mà phải bỏ quê hương đi ra nước ngoài. Tôi rất buồn".

Mã Tư Thông ôm trong lòng sự tiếc nuối sâu sắc, chất chứa nỗi thương cảm khó nói, mang theo một bi kịch và nỗi bi ai khó tưởng tượng được đột ngột ra đi để lại những câu hỏi cho người đời.

Cuộc đời của ông là một tình yêu sâu nặng căng tràn lòng ngực đối với Tổ quốc mẹ hiền, có như thế mới có được tác phẩm âm nhạc nổi tiếng "Tư hương khúc" mãi mãi ghi đậm trong khối óc toàn thể đồng bào Trung Quốc. Khi còn sống, ông là nhân vật có nhiều ý kiến tranh luận và khi mất ở nước ngoài, ông vẫn để lại hàng chuỗi những ý kiến tranh luận, vì ở thời kỳ đặc biệt, ông bị bôi lên mặt vết nhơ khó tẩy. Ông yêu nước nhiệt tâm, nhưng không khỏi sống gửi đất người và còn mang một tội danh "Phản quốc, hàng địch".

Nỗi oan ức của ông cuối cùng đã được làm sáng tỏ, song ông vẫn không được "lả rụng về cõi".

Mã Tư Thông từng giữ chức Phó chủ tịch Hội liên hiệp văn hoá Trung Quốc, Phó chủ tịch hội liên hiệp âm nhạc Trung Quốc, Đại biểu quốc hội, uỷ viên hiệp thương chính trị Trung Quốc, Viện trưởng Viện âm nhạc Trung ương Trung Quốc...

Trong "Đại cách mạng văn hoá" ông đã chịu ô nhục đến rợn người. Trong hoàn cảnh cùng đường đó, ngày 15 tháng 1 năm 1967 buộc ông phải cùng vợ, con gái thứ, con trai trốn trên một con thuyền, mạo hiểm đi từ Hoàng Phố Quảng Châu đến Hồng Kông. Ngày 19 tháng 1, Mã Tư Thông được sự lãnh sự quán Mỹ ở Hồng Kông đích thân đưa lên máy bay sang Hoa Kỳ, từ đó ông xa rời Trung Quốc, sống gửi quê người, trở thành nhân vật thời sự âm ỉ một thời. Mùa xuân năm 1985, Bộ công an và Bộ Văn hoá Trung Quốc sau một thời gian điều tra đã ra công bố Mã Tư Thông được sửa sai và phục hồi chức tước, danh dự.

Năm 1957 nặng nề và ồn ã.

Mã Tư Thông ngày thường lặng lẽ ít nói, nhưng lần này thì không kìm được bức tức trong lòng, dốc hết lời nói từ đáy lòng:

- Vấn đề tôi cho là nghiêm trọng trước mắt hiện nay là, công thức hoá trong sáng tác, nghìn bài một luật, như vậy với lĩnh vực âm nhạc mà nói, có liên quan tới sự sáng tạo trong sáng tác, về mặt nào đó cố nhiên cần "trăm hoa đua nở", nhưng mặt khác cần "gạn đục khơi trong". Nhà sáng tác cần trở thành "Nhất gia ngôn" tức là, phải có cá tính riêng và phong cách độc đáo riêng.

Lời phát biểu của Mã Tư Thông kinh động người nghe.

- Cái khuyết điểm sản sinh trong công tác âm nhạc và không hiểu nghiệp vụ của lãnh đạo các bộ môn văn hoá là có quan hệ với nhau. Tôi đã từng được nghe một chuyện cười thế này: Có người phụ trách văn hoá hành chính của một địa phương bảo mua dương cầm là không phù hợp, toàn bộ tiền để mua dương cầm có thể mua rất nhiều chiếc nhị.

Lời phát biểu như "đinh đóng cột" và sự phê bình thẳng thắn không vòng vo của Mã Tư Thông đã đánh vào một số quyền uy nào đó của giới âm nhạc Trung Quốc. Lời phát biểu từ tâm can này làm cho Mã Tư Thông thanh thản, nhưng là mầm hoạ bi kịch cho cả cuộc đời ông.

Làn sóng chống hữu khuynh ngày một dâng cao. Các tác gia, nghệ thuật gia nổi tiếng trong giới văn hoá của Trung Quốc dần dần rơi vào cảnh chịu đựng nỗi oan khuất to lớn, bị quy là thế giới "Phái hữu". Thủ tướng Chu Ân Lai tinh mắt nhanh tay gạt tên của Mã Tư Thông trong danh sách "Nội định" đó, nếu không, Mã Tư Thông còn phải mất nhiều năm đội "mũ gai mây" bước những bước nặng nề ngặt ngoải trong cuộc đấu tranh phê phán.

Tạp chí "âm nhạc nhân dân" kỳ thứ 2 năm 1959, đăng bài "Bình về hội độc tấu âm nhạc của Mã Tư Thông tiên sinh". Bài viết này khiến Mã Tư Thông tức giận lạnh người. Bài viết dùng từ gay gắt chụp mũ, chữ rửa, đánh một đòn vào Mã Tư Thông:

"Bài hát ca ngợi đức mẹ Ma-ri-a" là khi các thiếu nữ hướng lên Thượng đế, tỏ lòng thành kính với tình cảm tinh khiết. Bài hát này viết rất sâu sắc và do tính truyền cảm mãnh liệt, âm luật của nó cộng thêm với kỹ năng biểu diễn của Mã Tư Thông là rất có sức lôi cuốn dẫn người nghe vào Thánh đường, dẫn đến ngay dưới chân thần tượng. Nhưng đông đảo người nghe suốt ngày trượt mồ hôi ra sức luyện gang, cầm chắc cuộc đê cuộc đất, mọi người cùng vui cười hát bài ca vọt tiến, vậy thì không hoà chung giai điệu với diễn tấu của Mã Tư Thông rồi?

Hoặc như: Bài ca kẻ lang bạt của Saclo trong một mức độ nhất định nào đó đã phản ánh tính cách phóng túng, nó còn nặng về kỹ xảo phức tạp của biểu diễn đàn vi-ô-lon. Chúng ta ngạc nhiên là, Mã Tư Thông cuối cùng là vì sự nghiệp xây dựng đại tiến vọt của chủ nghĩa xã hội phục vụ hay là khoe khoang kỹ năng của ông trước đông đảo người nghe?"

"Trong tiết mục của Mã Tư Thông, còn có bản nhạc của mình "Tur hương khúc" đã là giai điệu cũ của hơn 20 năm rồi. Ta không thể nói rằng nó không có ý nghĩa hiện thực. Nhưng nhân dân trong cuộc đại tiến vọt của chúng ta quyết không mãi mãi đắm chìm vào hồi ức đồ nát.

"Mục ca là bài ca du mục thể hiện vẻ đẹp tự nhiên. Nhưng cái thần tình phiêu diêu an tường này là không tương xứng với bước đi hào hùng của uông dân trong công xã, với mùa màng tốt tươi trên mọi cánh đồng khắp thế giới".

"Nghe tác phẩm Nhạc thơ Tây Tạng của Mã Tư Thông, trong đầu chúng ta dân ca Tây Tạng khỏe khoắn và tươi tắn sẽ không còn hoà nhập được nhau, cho dù tác giả đã rất cố gắng xử dụng dân ca Tây Tạng. Theo mọi người nghĩ thì, Mã Tư Thông đã làm méo mó, xấu xí diện mạo Tây Tạng. Hy vọng Mã Tư Thông trong phê phán tư tưởng học thuật của giai cấp tư sản hôm nay mà tự phê phán...".

Trong "Đại cách mạng văn hoá", khắp nơi là tiếng gào thét, hô hào không ngừng; khắp nơi là "Ngôn to ngữ lớn" của ác quỷ kinh thiên động địa và tiếng loa ầm ĩ điếc tai. Cái âm thanh nghệ thuật được kết tinh chất chiu từ sinh mạng và niềm tin, từ tình lực dồi dào và tình cảm bốc lửa mà Mã Tư Thông đã hiểu một cách chân chính và vì nghệ thuật mà đã không ngừng chịu khổ vượt tới phải chịu lép vế trong cái mớ âm thanh hỗn độn của những người mà, nửa nốt nhạc không biết! Bài viết ngàn chữ đã chụp cái mũ "tư tưởng học thuật giai cấp tư sản lên sáng tác nghệ thuật của Mã Tư Thông. Âm nhạc tao nhã, mềm mại, mà mạnh mẽ có sức sống của Mã Tư Thông luôn vấp phải đòn đả kích phê phán không ngừng.

Đợt "Chỉnh phong văn hoá nghệ thuật" xuất hiện, Mã Tư Thông đành chia tay với cây đàn, từ sáng đến tối chỉ làm bạn với các cuộc Hội nghị phê phán, chỉnh phong.

Báo chữ to la liệt khắp nơi, biểu ngữ rực rỡ chói loá mắt, truyền đơn như bướm bướm đầy trời, loa phóng thanh âm ỉ phục vụ đại hội phê phán...

Những lời hô hào găm thét rung rợn: Đả đảo Mã Tư Thông, trong số tiên phong đó có em trai của Mã Tư Thông là Hồng vệ binh của Học viện âm nhạc Trung ương, bọn họ liên kết với hàng loạt "Chiến hữu" ở khắp các trường học Bắc Kinh, đi khắp mọi phố phường. Đội ngũ của họ phía trước có chiếc xích lô, có một hình nộm rơm, một tay cầm vĩ cầm còn một tay cầm bản nhạc. Bản nhạc đó là "Tư hương khúc" (Bản nhạc nhớ quê hương).

Hình nộm rơm "Mã Tư Thông" bị một khăn lớn bịt miệng.

Hồng vệ binh, đầu óc đã bốc lửa do không tìm thấy Đại sứ quán Hoa Kỳ (thời gian này là thời kỳ đối địch nghiêm trọng trong quan hệ Trung - Mỹ).

Một bầu lửa không rõ vì sao đã trào ra, và thế là tờ báo đăng lời phát biểu của Mã Tư Thông chuyển trở thành mũi tên chĩa vào sứ quán Hoa Kỳ. Hồng vệ binh "Anh hùng" châm mồi lửa vào hình nộm rơm, Hồng vệ binh nhảy qua tường Đại sứ quán tiến vào phía trong...

Rất nhiều báo đăng ảnh chụp hình nộm Mã Tư Thông bị đốt và ảnh Hồng vệ binh xông vào Đại sứ quán, công hàm bộ ngoại giao nước đó gửi về sự kiện "Mã Tư Thông" đã thành điểm nóng nhức nhối thế giới.

Triệu Phong là người đã từng bị nhốt cùng "chuồng trâu" với Mã Tư Thông kể lại rằng: Hồng vệ binh mở Hội nghị đầu tổ Trương San, Mã Tư Thông và Triệu Phong. Trương San bị đánh chết ngất, còn Mã Tư Thông bị đánh bằng dây da vừa nặng vừa dày, máu tươi đầy mặt mũi. Công nhân "phái tạo phản" chỉ vào Mã Tư Thông đang ngồi nhỏ cở trong vườn trường mà rằng: "Mày việc gì phải nhỏ nữa? Mày họ Mã là ngựa, mày chỉ có ăn cỏQ" Mã Tư Thông sưng sốt khổ đau cầu xin, nhưng không được, ông bị bắt ép phải ăn cỏ.

Giáo sư Trương San kể lại: Con trai của ông là Trương Học Tài (mới có 14 tuổi) vì Hồng vệ binh đánh vỡ chậu cá vàng của nó vậy là đánh nhau.

Thế là Hồng vệ binh tức tối mở Hội nghị phản kích "báo thù giai cấp", vợ chồng Trương San, Trương Học tài và Mã Tư Thông đều bị đấu.

Hồng vệ binh bắt ông làm các việc nặng nhọc quá sức chịu đựng đối với thể lực của ông. Một Hồng vệ binh dùng bản gỗ cấm đình đánh vào đầu ông, Mã Tư Thông vốn đã cắt trụi tóc nên máu me đầy đầu, chảy mãi không cầm.

Nỗi khổ đau bị dày vò và oan khuất của Mã Tư Thông là một điển hình của phần tử trí thức Trung Quốc bị chà đạp hành hạ. Đứng trước sự tàn bạo hết tính người như vậy, lòng Mã Tư Thông đau khổ bội phần. Ông luôn muốn chết, nhiều lần tự sát mà không xong.

Là một nhà sáng tác âm nhạc lừng lẫy tiếng tăm, lấy âm nhạc làm hứng thú cuộc đời, Mã Tư Thông làm sao không cảm thấy đau thương và khổ đau? "Cách mạng văn hoá" không chỉ bắt ông ra khỏi phòng đàn và phòng sách tao nhã ảm áp, mà còn khiến ông xa rời tiếng đàn và âm nhạc, sống cuộc sống cuối đời đầy sợ hãi. Hơn nữa người vợ thân yêu của ông cũng vì vậy mà bị đầy đoạ về mặt tinh thần, không dám nói đến cuộc sống đầm ấm và yên tĩnh, không dám nói tới niềm vui cuộc sống gia đình của luân thường. Vợ ông sợ sệt cảnh đời náo loạn, có nhà mà khó về, không nhà để ở, ôm một nỗi sầu muộn xé lòng và tình yêu đầm thắm cùng với nỗi đau thương cảm lẫn trốn khắp nơi.

Bao trùm xung quanh ông không chỉ là roi vọt và giày xéo đánh đập, mà điều không thể chịu đựng được là sự giày vò tâm lý sỉ nhục nhân cách. Ông không hiểu vì sao ông đã trở thành "uy quyền âm nhạc phản động của giai cấp tư sản". Trong tháng ngày đen tối khổ đau ấy, sự tuyệt vọng cùng đường ngày càng đến gần với ông.

Vợ chồng Sac-lơ, bạn tốt của ông đã thất cổ chết. Lần lượt các nhà nghệ thuật lão luyện quen biết của ông đã dùng cái chết để phản đối sự hành hạ vô nhân đạo này. Mã Tư Thông đã đứng trước vực

thăm, nhưng trong lòng chứa chất sự uất ức, mà rên la không được thành tiếng. Khổ đau, khóc không cho nước mắt tuôn trào. Ông đã chuẩn bị kết thúc cuộc đời khổ đau hơn cả cái chết.

Chiều ngày 22 tháng 11 năm 1966, Mã Tư Thông đóng giả một thợ mộc, con gái là Mã Thụy Tuyết đóng giả Hồng vệ binh thẳng đến ga xe lửa Tây Trục Môn đợi xe lửa nhưng bị chậm giờ, đến hai giờ sáng hôm sau, xe lửa mới từ Tây Trục Môn chạy xuống phía Nam. Mã Tư Thông bội phần bị giày vò, tạm thời thoát được cuộc sống "làm trâu làm ngựa". Hành lý gói theo là cây vĩ cầm nhỏ, gắn bó cùng ông ngỡ như quá công kênh.

Mãi đến gần tinh sương 25 tháng 11 Mã Tư Thông mới đến được Quảng Châu, cùng ngày theo sự dẫn dắt của con gái Mã Thụy Tuyết trốn đến Quảng Đông, trú ở Đan Táo. Từ bấy giờ, Mã Tư Thông lòng buồn tê tái. Ông nghĩ rằng, Hồng vệ binh của Học viện âm nhạc Trung ương sẽ báo với công an, cho dù họ không còn biết Mã Tư Thông trốn ở nơi nào. Đến Đan Táo, Mã Tư Thông vận bộ quần áo nông dân, song vẫn không che đậy được khí phách và phong độ của một nhà nghệ thuật. Ấy vậy mà một thời gian khá dài, dân quân ở trong thôn không phát hiện ra thì quả là kỳ lạ.

Khi con gái Mã Tư Thông là Mã Thụy Tuyết cho biết có một chiếc thuyền đầu tháng giêng sẽ đi Hồng Kông, thì lòng Mã Tư Thông vô cùng nặng nề. Ông là một nhà âm nhạc lớn, có tình yêu nước mênh mông. Ông yêu mảnh đất chôn rau cắt rốn.

Ông lưu luyến non sông Tổ quốc. Ông muốn dành cho nhân dân đất nước ông thứ âm nhạc uyển chuyển, truyền cảm và niềm tự hào, vậy mà sức ép nặng nề khiến ông phải chọn con đường tha hương.

Trước ngày giải phóng, ông đã cự tuyệt lời mời của đại sứ Mỹ Stulerdan và ở lại Tổ quốc...

Nhưng "Đại cách mạng văn hoá" tàn khốc buộc ông đến đường cùng. Ông có tình cảm sâu nặng với Chu Ân Lai, sự ra đi không một lời cáo biệt. Chu Ân Lai sẽ nghĩ như thế nào đây?

Ngày 30 tháng 12, anh cả của Mã Tư Thông là Mã Tư Kỳ điện báo: Mẹ của ông là Hoàng Sở Nương không thể chịu được sự hành hạ của "văn cách" đã qua đời. Mã Tư Thông nước mắt đầm đìa, lòng đau như cắt chỉ biết quỳ xuống hướng về phía Thượng Hải mà tiễn biệt mẹ hiền...

Tình thế càng ngày càng nguy cấp. Đào Chú nhiều năm giữ chức Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ Quảng Đông bị lôi ra đầu tố. Cả Quảng Đông lập tức mây mù bão tố nổi lên. Đan Táo một địa phương bé nhỏ cũng không nằm ngoài luồng đầu tố và không lâu sau cũng đã trời nghiêng đất ngã... Cả nhà Mã Tư Thông ở đây cũng rất lo, nếu bị phát hiện ở Đan Táo, sinh mệnh Mã Tư Thông chỉ có trời mới hiểu được.

Tối ngày 11-1-1967, màn đêm vừa buông xuống, Mã Tư Thông vô cùng mệt mỏi rời khỏi Đan Táo, đến điểm hẹn ở bờ biển rồi lên con thuyền chạy về Hồng Kông, cả nhà Mã Tư Thông trốn ở trong đám cỏ, không dễ gì nhìn được ông chủ thuyền, chỉ nghe một người được gọi là đầu chó" xuất hiện và nói, sóng to gió lớn không thể ra biển được? Mã Tư Thông ruột nóng như lửa đốt, lo lắng vô cùng. Việc đã đến nông nổi này chỉ còn cách liều một phen, ném lao theo lao, trở về tức là đi vào chỗ chết.

Nhiều lời đồn đại làm ông đứng ngồi không yên: "Hồng vệ binh Học viện âm nhạc Trung ương sắp đi Quảng Châu, truy bắt Mã Tư Thông" "Từ cửa Chu Giang đến Hồng Kông, trên biển đã bố phòng năm tuyến, ngày ngày vẫn bắt được kẻ trốn chạy...".

Tối 15 tháng 1, Mã Tư Thông cùng vợ là Vương Mộ Lý và con gái lên chiếc thuyền gỗ, sau đó lên con tàu nhỏ, đi về phía Hồng Kông, vượt qua từng tuyến từng tuyến "phong tỏa". Có một thuyền đang đánh cá phát hiện về khả nghi của con tàu, lập tức báo với Hải quân, nhưng đã để nó chạy đến Đại Cát mất.

Nhớ lại một ngày trước kia, Mã Tư Thông ra nước ngoài sao mà đàng hoàng thế. Ông tham gia đoàn đại biểu âm nhạc Trung Quốc ra nước ngoài, có xe tiền đến sân bay, bước trên thảm len mềm mại, ung dung bước lên máy bay, ngồi trên khoang đầu lim dim mắt tĩnh tâm. Còn lần này thì lại biệt ly trời đất, đóng giả người đánh cá, lòng lo âu thấp thỏm, đối mặt với ông chủ đưa đến Hồng Kông mà cô

chịu đựng kìm lời mà giả bộ cười nói, thật buồn thảm và nhục nhã.

Trời vừa sáng, Mã Tư Thông thở dài nhẹ nhõm: Đã đến Hồng Kông rồi. Thế nhưng, ruột gan Mã Tư Thông rối bời. Ngày 19-1 một sớm sau 4 ngày ông đến Hồng Kông, điều ông vẫn lo lắng đã xảy ra. Mười mấy tờ báo tiếng Anh của Hồng Kông công khai đăng rằng "Mã Tư Thông nhà âm nhạc nổi tiếng của Trung Quốc đã trốn đến Hồng Kông".

Rất nhanh, tin tức ầm ĩ ai ai cũng biết Mã Tư Thông đã trốn được sang Hồng Kông.

Ông quyết định không ở lại Hồng Kông mà đi Mỹ. Em trai ông là Mã Tư Hùng đã qua Mỹ từ 1948, và đã ổn định trong giới âm nhạc Mỹ.

Qua sự hoạt động của tiểu thư Nam Hy, lãnh sự quán Hoa Kỳ ở Hồng Kông điện mật về Washington, báo cáo rằng nhà âm nhạc nổi tiếng Trung Quốc muốn qua Mỹ...

Vì Hồng Kông nằm dưới sự quản lý của Chính phủ Anh, Mã Tư Thông lại không có hộ chiếu, nên không thể không xin nhà đương cục cho xuất cảnh. Và thế là Anh-Mỹ đưa vấn đề Mã Tư Thông ra bàn.

Trong khi tin tức nổ ra trong giới báo chí Hồng Kông, các báo lại rầm rộ đăng về ý đồ đi Mỹ của Mã Tư Thông. Dư luận Hồng Kông lại một phen huyên náo. Lãnh sự Hoa Kỳ khôn khéo gọi điện cho Thống đốc Hồng Kông: Nếu để Mã Tư Thông lưu lại ở Cửu Long, sự an toàn của Mã Tư Thông không đảm bảo, cần để cho cả gia đình ông rời Hồng Kông đi Mỹ, các việc vặt vãnh khác để phía Mỹ làm bổ sung sau.

Và thế là lãnh sự Hoa Kỳ trú ở Hồng Kông đích thân đưa Mã Tư Thông đi thẳng đến Washington. Mã Tư Thông vốn đầy kinh hãi cho là đã cười lung hỏ khó xuống, giờ lại bị nhà đương cục Hoa Kỳ chuyển thành "viên đạn pháo", làm tăng thêm sự căng thẳng trong quan hệ Trung Mỹ vốn đang đối đầu gay gắt. Ông mới chỉ nghĩ là trốn tránh cơn bão tố ở Hồng Kông thôi, ngờ đâu đã trở thành cơn xoáy lốc chính trị khó thoát ra được. Stuedan đích thân mời ông, ông đã kiên quyết từ chối, giờ đây ông chủ động xin đến Mỹ. Làm sao mà thoát ra khỏi hoàn cảnh vướng mắc đó.

Mã Tư Thông đi Mỹ không phải để cầu mong một cái gì, mà chẳng qua là để tị nạn. Tình sương 21-1, ông đến Washington. Nhà đương cục Hoa Kỳ đã bố trí để ông ở một biệt thự hoa lệ, trong có dương cầm, máy ghi âm, điện thoại... Đây quả là một làng quê phong quang tuyệt vời.

Tháng 4-1961, Mã Tư Thông nhà âm nhạc nổi tiếng của Trung Quốc giờ xuất hiện ở Mỹ một cách công khai, tổ chức họp báo. Ông muốn nói rõ với toàn thế giới rằng: ông là người yêu nước yêu nhân dân, chỉ vì chạy trốn sự đày đoạ của "Đại cách mạng văn hoá" mà phải tha hương, ông đã lên án sự tàn bạo của "Đại cách mạng văn hoá" mà ông đã cay đắng, trải qua.

Mã Tư Thông thoát thân được từ trong hoạn nạn, đã trở thành điểm nóng vây riết các cánh nhà báo nước ngoài.

Ngày 24-12, Thông tấn xã Hoa Kỳ cho biết:

Quốc hội Mỹ ra thông báo rằng, Viện trưởng Học viện âm nhạc Trung ương Bắc Kinh Trung Quốc. Đảng viên cộng sản Mã Tư Thông đã trốn khỏi Trung Quốc đại lục, đến Hoa Kỳ tị nạn.

Ngày 2 tháng 6, tạp chí "Đời sống" của Hoa Kỳ đăng lời trò chuyện của Mã Tư Thông: "Sự tàn khốc và cuồng điên" làm cho bằng hữu tốt của Mã Tư Thông khó tránh được vận rủi ro. Tổ chuyên án "002" xếp anh cả Vương Hằng, em trai Vương Hữu Cương của Vương Mộ Lý là "liên đới" phản cách mạng làm cho cha lìa con, vợ lìa chồng, nhà nát người mất. Vợ chồng anh trai Mã Tư Thông bị xếp vào "phần tử phản cách mạng hiện hành". Con gái lớn của Mã Tư Kỳ, anh trai Mã Tư Thông là Mã Điện Hoa vì tội "phản cách mạng hiện hành" bị quân thức xét hỏi, do bị bệnh tim đột ngột chết ở trong nhà tạm giam Sở công an Thượng Hải. Con trai thứ là Mã Vũ Lương xếp cùng tội chịu án 12 năm tù, người con nhỏ đang học sơ trung là Mã Vũ Minh cũng bị án tù 9 năm, mẹ vợ Mã Tư Thông và Giả sư phụ trước sau lần lượt qua đời...

Sau 8 tháng, chuyên án "002" đi vào kết thúc, xét xử vắng mặt Mã Tư Thông tội "phản bội Tổ

Quốc đầu hàng giặc". Ngày 18-1-1968, "tổ chuyên án 002" bộ Công an báo cáo lên Tạ Phú Tri truy xét Mã Tư Thông phản bội Tổ Quốc đầu hàng giặc". Khang Sinh ký quyết định kết luận cuối cùng liệt Mã Tư Thông vào "phần tử phản quốc đầu hàng giặc".

Anh trai thứ hai của Mã Tư Thông là Mã Tư Vũ, bị bức bách đã nhảy lầu tự sát ngày 11-7-1968.

Sự mạnh động của "Cách mạng văn hoá" đã làm cho nhà yêu nước Mã Tư Thông tan cửa nát nhà ngậm bồ hòn 19 năm chịu tội "phản quốc".

Ngày 31-12-1984, nhân viên thụ lý vụ án Bộ Công an đưa ra lời đánh giá công bằng rằng:

"Chúng tôi lấy danh nghĩa Bộ Công an phúc đáp Đảng uỷ Học viện âm nhạc Trung ương, lột bỏ cái mũ "phần tử phản quốc đầu hàng giặc" của Mã Tư Thông, phục hồi danh dự về mặt chính trị".

Ngày 25-12-1985, Bộ văn hoá có công văn rằng:

"Thông tri về việc phục hồi toàn bộ cho tiên sinh Mã Tư Thông nguyên Viện trưởng Học viện âm nhạc Trung ương: "Căn cứ vào yêu cầu của Trung ương Đảng về xoá các vụ án oan, thực hiện chính sách đối với các phần tử trí thức và phủ nhận "Đại cách mạng văn hoá". Đảng uỷ Học viện âm nhạc Trung ương đã khẳng định sau khi nghiên cứu cần trọng nguyên Viện trưởng Học viện âm nhạc Trung ương Mã Tư Thông là nhà sáng tác âm nhạc, nhà vĩ cầm nổi tiếng. Đầu năm 1967 cả nhà phải ra nước ngoài là kết quả do sự chịu đựng bức hại tàn khốc của đường lối tả khuynh "Cách mạng văn hoá" thời kỳ đó, và bị cơ quan Công an do Khang Sinh, Tạ Phú Tri v.v, không chế quy kết "Tội phản quốc đầu hàng giặc" là hoàn toàn sai lầm, nay trắng án".

Bộ Công an ngày 31-12-1984 phê chuẩn báo cáo của Học viện âm nhạc Trung ương, đồng ý với ý kiến của Học viện này: Quyết định triệt để phục hồi như thường cho Tiên sinh Mã Tư Thông, khôi phục danh dự, xoá bỏ mọi dư luận xấu. Viện chúng tôi đồng ý với quyết định của Bộ Công an, nay xin thông báo chính thức với Tiên sinh Mã Tư Thông và gia thuộc. Đề nghị các Bộ ngành liên quan lập tức thực hiện các nội dung trong quy định này".

Mùa xuân năm 1985, báo chí nước ngoài đăng tin Bộ công an, Bộ Văn hoá Trung Quốc đã có quyết định triệt để khôi phục cho Mã Tư Thông.

Lúc này trong và ngoài nước đã vỗ tay reo mừng, gia quyến Mã Tư Thông cùng vui mừng rạng rỡ với cán cân công lý.

Mã Tư Thông vô cùng cảm kích. Người phiêu bạt tha hương như ông, hy vọng sớm một ngày về với Tổ quốc ngày đêm mong nhớ.

Nhưng điều đáng tiếc khiến người đời không thể không than thở buồn đau là, Mã Tư Thông vì bệnh nặng không thể thực hiện ước nguyện về cố hương. Ngày 20-5-1987 Mã Tư Thông vĩnh biệt thế gian.

20-1-1988, Vương Mộ Lý phu nhân của Mã Tư Thông đã gửi thư từ Feicity nước Mỹ, bày tỏ nỗi đau khổ tha hương của chồng: "Lá rụng về cội. Một nghệ nhân dân tộc, làm sao chịu nổi cảnh tui nơi đất khách quê người? Chúng tôi sẽ trở về với cố hương".

21. Lưu Thiếu Kỳ - Chủ tịch nước chết oan

Tinh sương 12-11-1969, gió lạnh phương Bắc thổi mạnh. So với gió buốt thiên nhiên thì băng tuyết chính trị càng ghê gớm hơn nhiều. Chính vào thời điểm tinh sương lạnh giá cắt da, cắt thịt này, tại thành cổ Khai Phong. Lưu Thiếu Kỳ Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa vĩnh biệt thế giới này một cách âm thầm.

Lưu Thiếu Kỳ từng là thống soái trận tuyến cách mạng đầu trí, đầu dũng trong thời kỳ lãnh đạo ở khu trắng; Người đã từng chỉ huy Tân tứ quân với hàng nghìn vạn binh mã ở Giang Nam, nhà chính trị đã từng lập nên "Tư tưởng Mao Trạch Đông" ở Diên An, từng có công lao to lớn, đổ xương, máu thành lập và cải tạo xây dựng Nhà nước Cộng hoà nhân dân, bị khoắc lên mình chuỗi tội danh đáng sợ "Đồ phản bội, nội gián. Kẻ thù giai cấp công nhân", trở thành oan hồn của cuộc đấu tranh chính trị.

Đây là vụ án oan lớn nhất của Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.

Năm 1966, "Đại cách mạng văn hoá" rầm rộ mở ra. Lưu Thiếu Kỳ chủ trì Hội nghị mở rộng thường vụ Bộ Chính trị Trung ương. Ngày 3 tháng 6 đồng ý với ý kiến của Thị uỷ Bắc Kinh, thành lập ra các tổ công tác ở một số trường đại học và trung học chuyên nghiệp ở Bắc Kinh.

Sau khi công bố "16 điều qui kết", đã có nhiều người nằm trong danh sách mà tổ công tác đã chìa mũi dùi vào phê phán, họ bị qui là theo "đường lối giai cấp tư sản". Những người chịu sức ép của tổ công tác bị nhiều kích động. "Lợi dụng lực lượng chống lại tổ công tác để chống Lưu Thiếu Kỳ là một bước quan trọng của "Đại cách mạng văn hoá".

Nếu như quần chúng nhân dân đều dồn hết tinh lực đấu tranh với "Phản tử nhóm đen", thì có thể dựa vào tổ công tác như sợi dây "leo này để lần ra "quả dưa" Lưu Thiếu Kỳ.

Ngày 18-8-1966, Mao Trạch Đông tiếp Đại hội Hồng vệ binh, đã phát biểu về sự "hạ cánh địa vị" của Lưu Thiếu Kỳ, xem như là một tín hiệu "đèn đỏ". Ngày 19-8, trong vườn trường Đại học Thanh Hoa, xuất hiện báo chữ to "Vương Quang Mỹ là tay đầu tiên phải đập nát trong vườn Thanh Hoa", để đập tan lệnh của ai đó cấm dán báo chữ to công kích Vương Quang Mỹ. Tiếp đó lại xuất hiện báo chữ to "Ba điều hỏi Vương Quang Mỹ" và bài viết của Lưu Đào con gái Lưu Thiếu Kỳ "Thề chết theo Mao Chủ tịch trọn đời làm cách mạng". Tuy tất cả các báo này đều chìa mũi dùi vào Vương Quang Mỹ nhưng, hình như không có ai là không xem nó có liên quan tới Lưu Thiếu Kỳ.

Ngày 21 tháng 8, kỳ 11 tạp chí "Hồng Kỳ" đăng xã luận: "Tiến bước thắng lợi trên con đường tư tưởng Mao Trạch Đông chỉ rõ tiêu chuẩn chính trị của "Đại cách mạng văn hoá", xã luận viết: "Bất cứ ai, không kể họ có chức vụ rất cao, tư cách dày dặn, danh vọng lớn nhất, chỉ cần họ không làm việc theo tư tưởng Mao Trạch Đông, chống lại tư tưởng Mao Trạch Đông sẽ kiên quyết bị đè bẹp, sẽ đấu tranh kiên quyết với họ, cho đến lúc bãi chức quan của họ, miễn chức vụ của họ". Nếu có người tì mĩ phân tích nội dung nói trên một chút, thì sẽ rất rõ: "Chức vụ cao nhất, tư cách dày dặn nhất, "danh vọng lớn nhất" của "con người nào đó" không phải là Lưu Thiếu kỳ sao? Còn mục đích mà "Đại Cách mạng văn hoá" mong đạt được chính là "Cần kiên quyết đấu tranh đến khi bãi chức quan của ông, miễn chức vụ của ông" là gì.

Ngày 22-8, trong vườn Thanh Hoa xuất hiện báo chữ to với tit bài: "Lời phát biểu ngày 29-7 của đồng chí Lưu Thiếu Kỳ là chống lại tư tưởng Mao Trạch Đông" để công khai khiêu chiến với Lưu Thiếu Kỳ.

Sau khi Tân Hoa xã công bố Bí thư thứ nhất Thành uỷ Thiên Tân Vạn Hiểu Đường chết, Mao Trạch Đông đã chỉ ra: "Trên thực tế, đây là thị uy Đảng, dùng cái chết để dọa người sống".

Ngày 1-10, trong ngày hội lớn của quần chúng nhân dân mừng quốc khánh lần thứ 16, Lâm Bưu

phát biểu chỉ rõ "Trong Đại cách mạng văn hoá của giai cấp vô sản, còn phải tiếp tục cuộc đấu tranh giữa đường lối cách mạng của giai cấp vô sản lấy Mao Chủ tịch làm đại biểu, với đường lối phản động của giai cấp tư sản".

Rất nhanh sau đó, các biểu ngữ giăng đầy phố phường ngõ xóm Bắc Kinh: "Đảo đảo Lưu Thiểu Kỳ"; "Lưu Thiểu Kỳ nhất thiết phải cúi đầu nhận tội trước nhân dân cả nước" và biểu ngữ này còn dán cả trên thành lầu Thiên An Môn. Điều đó khiến cho ta hiểu Lưu Thiểu Kỳ - Chủ tịch Nhà nước bị lung lay trong lòng quần chúng.

Ngày 31- 1-1967 "Nhân dân Nhật báo" và các báo xuất bản ở Thủ đô đăng một trong ba bài phê bình của Diêu Văn Nguyên: "Phê bình 2 phái phản cách mạng Chu Dương". Khi bài phê bình Chu Dương sắp đăng lên, Diêu Văn Nguyên còn "căn cứ tình hình cần kíp" bổ sung đoạn chú thích dài cuối bài. Câu cuối phần chú thích dài đưa ra: "Lời kêu gọi chiến đấu" mới: "Trong số 'nhân vật lớn' cổ vũ 'Thanh cung bí sử', gồm cả những người đưa ra đường lối phản động giai cấp tư sản trong cuộc cách mạng văn hoá của giai cấp vô sản hiện nay, thế giới quan giai cấp tư sản phản động của họ chống lại tư tưởng Mao Trạch Đông, họ bảo vệ giai cấp bóc lột, căm thù bản chất quần chúng vận động cách mạng, ngay từ thời kỳ đầu xây dựng đất nước họ đã thể hiện ra việc thổi phồng 'Thanh cung bí sử', không cần nói gì thêm, người mà Diêu Văn Nguyên muốn nói ở đây là 'Lưu Thiểu Kỳ'".

Đây là lần đầu trên báo chí có chút công khai công kích Lưu Thiểu Kỳ. Lúc này, Lưu Thiểu Kỳ đang là Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, thường vụ Bộ Chính trị Trung ương Đảng.

Trong mớ thanh âm đánh đổ Lưu Thiểu Kỳ, Giang Thanh xuất ngựa, đến vườn Thanh Hoa. Đó là cuối năm 1966, Giang Thanh phát biểu mang tính kích động: "Vấn đề Lưu Thiểu Kỳ sớm định liệu rồi, là chống Đảng, chống Chủ nghĩa xã hội, xử lý ông ta chỉ còn là vấn đề thời gian nữa thôi. Bây giờ sợ là bà con một lúc không hiểu ra, nên cần dần dần từng bước một".

Giang Thanh chọn Đại học Thanh Hoa để phát biểu, còn Trương Xuân Kiêu tìm gọi Khoái Đại Phúc đến Đại học Thanh Hoa bí mật bàn bạc là có nguyên nhân sâu xa của nó: Phu nhân Lưu Thiểu Kỳ là Vương Quang Mỹ được Lưu Thiểu Kỳ uỷ thác làm cố vấn tổ công tác Đại học Thanh Hoa, còn người con gái thứ tư của Lưu Thiểu Kỳ là Lưu Đào đang học ở trường Đại học Thanh Hoa. Lưu Đào ở đó, nắm rõ người, nội tình và tất nhiên là Vương Quang Mỹ sẽ tìm hiểu được tất cả các chuyện xảy ra.

Không lâu sau khi Vương Quang Mỹ đến Đại học Thanh Hoa, Đại học Thanh Hoa đã mở Hội nghị phê phán Khoái Đại Phúc. Vương Quang Mỹ không xuất hiện ở hội trường, nhưng trong vườn Thanh Hoa Vương Quang Mỹ đã nghe được tiếng loa Lưu Đào và con của Hạ Long là Hạ Bằng Phi đã phát biểu trên Hội nghị phê phán Khoái Đại Phúc. Khoái Đại Phúc giương cái bùa của mình ra "gỗ thẳng mầm đỏ". Ông của Khoái Đại Phúc vốn là lão chiến sỹ của Tân tứ quân, bố và mẹ đều là đảng viên cộng sản những năm 40, trong những năm tháng "cha anh hùng con hảo hán" ấy, Khoái không sợ Lưu Đào, Hạ Bằng Phi và cũng không sợ gì tổ công tác của Đại học Thanh Hoa.

Dưới sự hỗ trợ của Giang Thanh, "Trung ương Cách mạng văn hoá", trong chốc lát, Khoái Đại Phúc đã trở thành "anh hùng" chống lại tổ công tác trở thành lãnh tụ của Hồng vệ binh trong vườn Thanh Hoa. Cứ như vậy, Hồng vệ binh "Tĩnh Cương Sơn" dưới tay Khoái Đại Phúc cũng trở thành gần gũi với "Đại cách mạng văn hoá". Trong một đêm, tổ công tác đại học Thanh Hoa do Diệp Lâm cầm đầu đã bị đánh đổ, Vương Quang Mỹ đổ rồi, Lưu Thiểu Kỳ trở thành mục tiêu bị công kích.

Khi mà Lưu Đào giống như quả bóng xì hơi "Dì Giang" đã tìm cô nói chuyện. Đồng thời, ở đó còn có em trai cô là Lưu Doãn Trân người con thứ năm của Lưu Thiểu Kỳ. "Dì Giang" với lòng sốt sắng, không gây sự cảnh giác của hai tám lòng non nớt, ngây thơ về chính trị. Hai chị em bị đưa vào tròng. "Dì Giang" sau khi tán hươu tán vượn trên trời dưới đất về "Hình thức cách mạng", cuối cùng điềm lại vấn đề: "Đào Đào và Dinh Dinh (tên bé thơ của Lưu Doãn Trân), các cháu biết cha mẹ các cháu là ai không nào?".

Giang Thanh là người phụ nữ thâm độc, bà ta ghen tị với Vương Quang Mỹ, vì Vương Quang Mỹ là vợ của Lưu Thiếu Kỳ lại là người tài giỏi đã nhiều lần đi thăm nước ngoài. Giờ đây, bà ta giảo quyết ly gián đại gia đình hạnh phúc Lưu Thiếu Kỳ, Lưu Đào, Lưu Doãn Trân là con của Vương Tiền người vợ thứ 3 của Lưu Thiếu Kỳ sinh ra, Giang Thanh muốn cả 2 chị em đi tìm gặp Vương Tiền để khuyên mẹ đẻ bọn cháu lìa bỏ Lưu Thiếu Kỳ. Lưu Đào và Lưu Doãn Trân không hiểu được rằng, đây là cái thòng lọng chính trị mà Giang Thanh giăng đặt, nên đã đi gặp Vương Tiền, để khuyên mẹ "cùng tách khỏi Lưu Thiếu Kỳ".

Lưu Đào viết bài dài báo chữ to, chỉ trích cha Lưu Thiếu Kỳ. Ngay lập tức Đại học Thanh Hoa xáo động, cả Bắc Kinh xáo động, cả nước xáo động.

Báo chữ to lập tức được in thành truyền đơn, tung đến bốn phương. Báo chữ to nói xấu đời sống của Lưu Thiếu Kỳ, nói "Lưu Thiếu Kỳ kết hôn với Vương Tiền đã giấu đi 10 tuổi", nói ông "giấu Đảng phí, mua móc giày vàng" "đai vàng...". Bài báo chữ lớn của con gái còn ngiệt ngã gấp nhiều lần so với lời hô vang trời của Hồng vệ binh: "Đả đảo Lưu Thiếu Kỳ!"

"Điện sau bén lửa, lòng dạ nát tan", Giang Thanh đắc ý cười vang. Kế độc này của bà ta, một mũi tên hạ ba chim: lăng mạ được Lưu Thiếu Kỳ, chia rẽ được quan hệ cha con Lưu Thiếu Kỳ, Lưu Đào và Lưu Doãn Trân, làm cho Vương Quang Mỹ xấu mặt.

Bài báo chữ to kia như xát muối lên vết thương chưa lành của Lưu Thiếu Kỳ. Lưu Thiếu Kỳ không cách nào chịu đựng được sự ô nhục nhân cách của ông. Đường đường là Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, ông nói một câu để biện bạch nghiêm khắc cho mình:

- Nếu nói tôi phạm sai lầm về mặt chính trị, tôi có thể sửa chữa, có thể tự phê phán. Còn như phi báng về mặt tác phong sinh hoạt, làm tổn thương tôi, như vậy thì không thể chịu đựng nổi. Nhiều năm qua, mọi người đều có ấn tượng đẹp về tác phong sinh hoạt của tôi. Tôi tuy đã 5 lần kết hôn, nhưng mỗi lần đều tổ chức kết hôn đảng hoàng. Từ xưa nay, tôi chưa hề tình ái lăng nhăng. Ngoài ra tôi cũng không có giấu tuổi với Vương Tiền. Còn như dùng đảng phí lưu lại để mua đai vàng là làm theo quy định của Đảng. Khi đó, Đảng có một quy định, người lãnh đạo quan trọng của Đảng ở vùng tề, cần lưu giữ một đồ vật nào đó có giá trị để nhớ có việc gì đột nhiên xảy ra thì hồi lộ bọn địch. Đai vàng đã bị Vương Tiền cuộm đi mất. Móc giày vàng là lời đơm đặt vô căn cứ. Còn như cách nói ăn ít lấy nhiều, chỉ là cách nói tùy tiện phiếm ngôn, khiên cưỡng, hoàn toàn không phù hợp với thực tế.

Lời giải thích của Lưu Thiếu Kỳ đã bác bỏ có lý lẽ. Thế nhưng những năm tháng hoang đường ấy, trắng đen lẫn lộn, trái phải đan xen, đã đẩy Chủ tịch nước Cộng hoà đã rơi vào vực sâu thăm hoạ...

Thời kỳ đầu của "Đại cách mạng văn hoá, Lưu Thiếu Kỳ đã từng đi sâu vào phong trào học sinh, học viên xây dựng Bắc Kinh tổ chức ra "đoàn chiến đấu Bát Nhất", để sát với Lưu Thiếu Kỳ, ở ngoài cửa tây Trung Nam Hải xây dựng một "Bộ chỉ huy tiền tuyến", và được sự ủng hộ của "Trung ương Đại cách mạng văn hoá". Ngày 1-6-1967, tạp chí "Hồng kỳ", "Nhân dân Nhật báo" đăng xã luận kỷ niệm một năm báo chữ to, lời phát biểu của Mao Trạch Đông tại Đại học Bắc Kinh, dùng tí chữ đậm nổi bật: "Biện pháp chiến lược vĩ đại" và dẫn lời Mao Trạch Đông ở báo chữ to "nã pháo vào bộ tư lệnh", lại một lần nữa nhắc nhở mọi người.

Mục tiêu đầu tiên của lần vận động này nhằm đánh gục Lưu Thiếu Kỳ.

Sau khi "đoàn chiến đấu Bát Nhất" học viện xây dựng cắm trại yên ổn ở cửa tây Trung Nam Hải, báo chữ to lại in "Lôi Lưu Thiếu Kỳ ra khỏi Trung Nam Hải", biểu ngữ lớn dán khắp phố phường Bắc Kinh và còn gửi bức điện thứ hai "Lệnh ép" cho Lưu Thiếu Kỳ. Các học viên chuyên ngành lớn, cơ quan đoàn thể rầm rộ đổ về Trung Nam Hải một vùng "thanh viện" (ủng hộ bằng tiếng nói), dùng hành động ủng hộ "đoàn chiến đấu Bát Nhất".

Ngày 17-7 "Đoàn Bát Nhất" Học viện xây dựng phát đi lời tuyên bố "rất cần kíp, rất nghiêm ngặt", lại một lần nữa "lệnh ép" Lưu Thiếu Kỳ và Vương Quang Mỹ phải rút khỏi Trung Nam Hải trước ngày

27-7. Đúng là họ đã sử dụng "hành động cách mạng rất khẩn cấp, kiên quyết, rất cứng rắn". Một số tổ chức quần chúng ở một số đơn vị tại Bắc Kinh bắt đầu đến cửa Tây Trung Nam Hải xây dựng trận địa "bắt Lưu", xây dựng lực lượng học viện xây dựng lớn mạnh.

Sáng sớm ngày thứ hai, "Đoàn Bát Nhất" xây dựng, tiến hành cuộc đấu tranh tuyệt thực "bắt Lưu" trước cửa Tây Trung Nam Hải. Trong lời thề tuyệt thực nói:

"Giặc Lưu là kẻ thù không đội trời chung của chúng tôi. Gần đây y đã mượn có "kiểm tra" để điên cuồng chống lại đường lối của Mao Chủ tịch và cách mạng của giai cấp vô sản. Vì để bảo vệ Mao Chủ tịch, bảo vệ Trung ương Đảng, bảo vệ nền chuyên chính của giai cấp vô sản, chúng tôi cơm cũng không ăn, ngủ cũng không ngủ, dầu đầu rơi máu chảy, tuyệt thực đến cùng, không bắt được giặc Lưu ra khỏi Trung Nam Hải để cho toàn thể nhân dân thế giới đấu tố, chúng tôi không thể "nghỉ" buổi".

Tối đó hơn 100 tổ chức ở Bắc Kinh có đến mười mấy vạn người mở Hội nghị thề bắt Lưu Thiếu Kỳ ở cửa Tây Trung Nam Hải. Ngoài bức tường của Trung Nam Hải hội tụ thành một tuyến "Tuyến lửa bắt Lưu" rầm rộ. Trong tường của Viện Trung Nam Hải, phái tạo phản bắt Lưu Thiếu Kỳ và Vương Quang Mỹ dẫn đến 2 nhà ăn ở trong Trung Nam Hải đấu tố, đồng thời lục soát nhà của họ, tìm ra hàng trăm quyển nhật ký của Lưu Thiếu Kỳ, Vương Quang Mỹ và con của họ. Trên Hội nghị đấu tranh, Lưu Thiếu Kỳ khom lưng đứng 2 tiếng đồng hồ, nhưng không được nói câu nào. Lưu Thiếu Kỳ tuổi tác đã gần thất tuần, bị giày vò đến nổi mặt mũi trắng nhợt, mồ hôi đầm dề. Khi ông định rút mùi xoa ra để lau liền bị người bên cạnh cho một quả đấm dữ dội và vứt mùi xoa đi. Vầng trán của ông từng giọt mồ hôi lớn như hạt đậu rơi xuống đất. Sau Hội nghị đấu tranh Lưu Thiếu Kỳ bị áp giải đến phòng làm việc của Viện Trung Nam Hải để quản lý cách biệt, và đánh số hiệu tên gọi, còn Vương Quang Mỹ bị đưa ra cách ly sau Viện Trung Nam Hải. Con cái của họ ai ở trong phòng của mình không được tự do gặp nhau.

Các địa phương trong toàn quốc rầm rộ biểu thị sự ủng hộ "Tuyệt thực bắt Lưu" và "Tuyến lửa bắt Lưu". Tổ chức quần chúng của hàng trăm đơn vị ngoài Bắc Kinh đổ dồn về "Tuyến lửa bắt Lưu".

Tham gia vào "Trận chiến đấu bắt Lưu" hàng trăm chiếc loa nén công suất lớn chĩa vào Trung Nam Hải hô to: Không đưa được Lưu Thiếu Kỳ ra khỏi Trung Nam Hải thì tuyến lửa không tắt. Thề chết, kéo Lưu Thiếu Kỳ ra. Đội ngũ diễu hành của các tổ chức đơn vị nối dài rầm rộ. Ở ngoài cửa Tây Trung Nam Hải lần lượt áp giải Bí thư thứ nhất, tỉnh uỷ các tỉnh, Bộ trưởng các bộ của Trung ương, nhằm thị uy Lưu Thiếu Kỳ. Trước những lời lẽ kích động của Thích Bản Vũ: "Không chỉ có bắt Lưu Thiếu Kỳ mà còn có thể đưa Lưu Thiếu Kỳ ra công khai". "Các dũng sĩ" hô vang "Tuyến lửa bắt Lưu" cần phải xông vào Trung Nam Hải, lôi Lưu Thiếu Kỳ ra, đồng thời chuẩn bị hành động.

Trong "Đại cách mạng văn hoá" kẻ phản bội đã thành cái mũ chính trị phổ biến và lưu hành. Cần đánh đổ ai, chỉ cần xem người đó đã từng bị địch bắt thì "Kỷ niệm" cho một chiếc mũ "kẻ phản bội". Khang Sinh mượn làn sóng này giở bản án cũ "Tập đoàn phản bội 61 tên" ra và chụp lên mũ "kẻ phản bội" cho một loạt cán bộ trọng trách của Trung ương, và dựa theo đó định ra tội trạng lớn cho Lưu Thiếu Kỳ. Ngày 16-3-1967 Trung ương Đảng Cộng sản in ấn và phát hành tài liệu "Bọn cầm đầu phiên loạn 61 tên là Bạc Nhất Ba, Lưu Lan Đào, An Tử Văn, Trương Hiến Trân v.v., trong lời phê của văn kiện chỉ rõ: "Trong cuộc đấu tranh chống lại đường lối phản động của giai cấp tư sản, phản đối Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, vạch rõ Bạc Nhất Ba, Lưu Lan Đào, Ái Tử Văn, Trương Hiến Trân v.v., tập đoàn phản bội 61 tên".

Giang Thanh, Khang Sinh, Tạ Phú Tri v.v. mượn có để dấy lên làn sóng bắt "kẻ phản bội".

Giang Thanh tự xưng "đảm đương chuyên án lớn thứ nhất" cho rằng, chỉ có kết tội Lưu Thiếu Kỳ là "Phản bội đầu hàng" thì cũng chưa đủ nên đã giở lại lý lịch của Lưu Thiếu Kỳ để moi móc tỉ mỉ, tìm ra một chỗ đột phá: Năm 1929, Lưu Thiếu Kỳ từng bị địch bắt. Chỉ cần từng bị bắt thôi thì không khó gì để chụp lên cho chiếc mũ "kẻ phản bội".

Đó là ngày 22-8-1929, Lưu Thiếu Kỳ giữ cương vị Bí thư Tỉnh uỷ Mãn Châu cùng với Bộ trưởng tổ chức tỉnh uỷ Mãn Châu, Trung ương cộng sản Mạnh Dũng Tiềm cùng đến Xưởng dệt Phụng Thiên, Thẩm Dương, khi chưa đến cửa, thì bị đội bảo vệ của xưởng này xét hỏi, cho là khả nghi và bắt luôn tại chỗ. Nguyên nhân là có người của Xưởng này hoạt động cộng sản bí mật đã báo phản bội làm cho Bí thư chi bộ cộng sản bí mật bị bắt. Lưu Thiếu Kỳ và Mạnh Dũng Tiềm cũng bị đội bảo vệ xưởng cho là "khả nghi" nên bị bắt. Tra hỏi một lần không hỏi ra được điều gì. Sau hơn nửa tháng, hai người "được phóng thích" nhưng vẫn bị theo dõi.

Để "chứng minh" Lưu Thiếu Kỳ là "kẻ phản bội", Mạnh Dũng Tiềm bỗng chốc trở thành "Nghị vấn" Ngày 22-12-1967 phải cách ly để tra xét.

Qua hơn một tháng tra hỏi, không thu được kết quả gì. Theo chỉ thị của Khang Sinh và Giang Thanh, cuộc thẩm vấn được nâng hơn một bậc. Phó tổ trưởng tổ chuyên án Vu Trung đã kể lại tình cảnh lúc bấy giờ rằng: "Đã đến hiện trường sẽ thấy trần thế bầy sẵn, một không khí thật khản trương. Tôi cứ theo việc bố trí, trước hết cảm đề cương nêu câu hỏi. Đồng chí Mạnh Dũng Tiềm có điều nói không nổi, hoặc có điều nói không theo yêu cầu của chuyên án, mọi người bèn phê phán thái độ không trung thực đe dọa đồng chí nếu không nói ra sẽ bị bắt, chửi rủa đồng chí ấy là ngoan cố cứng đầu, còn đập bàn. Tóm lại là dùng mọi thủ đoạn để gây áp lực, bắt buộc đồng chí ấy nói ra vấn đề họ yêu cầu.

Việc này làm trọn một ngày, buổi trưa cũng không nghỉ và đồng chí Mạnh Dũng Tiềm từ đầu cũng không thừa nhận việc phản bội. Sau đó, liền trong 7 ngày tra xét, đồng chí Mạnh Dũng Tiềm không vững lòng buộc phải nói. Nhưng sau đó lại rút lời khai".

Từ 8-1967 đến 3-1969, đồng chí Mạnh Dũng Tiềm đã 20 lần chối bỏ, cho rằng bản thân vì bị ép cung mà nói ra lời giả dối. Trong một lần chối bỏ có viết: "Năm 1929 bị bắt ở Thẩm Dương, tôi không hề phản bội. Trong thời gian cách ly tra hỏi, tôi có nói ra rằng, tội phản Đảng của Lưu Thiếu Kỳ và tôi sau khi bị bắt năm 1929 là sự bịa ra, và không đúng cơ sở thực tế".

Ngoài Mạnh Dũng Tiềm ra, rất nhiều nhân viên công tác ở tỉnh uỷ Mãn Châu cũng bị liên quan, lần lượt bị bắt, bị xét hỏi, ép họ nói dối nói bừa.

Trong số đó có Phó tỉnh trưởng tỉnh Hà Bắc Dương Nhất Trường vốn công tác ở tỉnh uỷ Mãn Châu. 27-7-1967 bị bắt bị giam hơn 8 năm.

Vốn có một uỷ viên đương chức Trung ương Đảng Cộng sản khi tổ chuyên án muốn ông viết một tài liệu chứng minh Lưu Thiếu Kỳ là kẻ phản bội, nói: "Có bắn chết tôi cũng không thể viết được ra". Về sau chết ở trong ngục.

Đinh Giác Quân, tháng 9-1967 viết rằng "Lưu Thiếu Kỳ làm việc ở Công hội tỉnh, tôi công tác ở Đảng bộ thành phố, ngoài tiếp xúc công việc, không còn quan hệ đặc biệt nào nữa". Thế nhưng, ông bị ép cung ở trong ngục tù đã nói lời ngược với lương tâm.

14-8-1966, người đầu tiên vu cáo Lưu Thiếu Kỳ là Lôi Anh Phu đương chức Thứ trưởng Bộ tổng tham mưu gửi qua Diệp Quân, ông ta viết thư gửi "Phó chủ tịch Lâm", kèm theo "tài liệu liên quan đồng chí Lưu Thiếu Kỳ", để đánh đổ Lưu Thiếu Kỳ.

Trên "Hội nghị 8, tổ chuyên án" tháng 8-1968, Giang Thanh nói lời độc địa: "cần thẩm vấn, chết thì chết" "Cần đấu mạnh vào, tập trung hỏa lực, chỉ mấy người thôi chưa đủ, cần một vài chục người đấu. Có người phải chết, vì tự họ cần phải chết. Diêm Vương mời họ uống rượu bồng!"

Ngày 10-8-1968, trong "Báo cáo thẩm tra tội trạng Lưu Thiếu Kỳ về vấn đề phản bội, làm nội gián, làm giặc của giai cấp công nhân" Giang Thanh xảo trá viết nên tội danh với những điều tra dối trá, lừa đặt hòng đưa Lưu Thiếu Kỳ xuống địa ngục. Hội nghị toàn quốc lần thứ 12 khoá 8 Trung ương Đảng Cộng sản họp tháng 10, trong tình hình không bình thường ấy, Hội nghị phê chuẩn báo cáo dối trá của Giang Thanh. Khang Sinh, Tạ Phú Trị cũng trình: "Báo cáo thẩm tra tội trạng của Lưu Thiếu Kỳ là phản bội, nội gián, phản bội giai cấp công nhân" ra quyết định "tước bỏ mọi chức vụ của Lưu Thiếu

Kỳ ở trong và ngoài Đảng, khai trừ vĩnh viễn khỏi Đảng".

Nghе xong quyết nghị, Lưu Thiếu Kỳ sốt đến 40 độ.

Lưu Thiếu Kỳ bị giam lỏng, bệnh nặng toàn thân. Đồng thời, các con ông bị đuổi ra khỏi Trung Nam Hải, vợ là Vương Quang Mỹ cũng bị bắt đi tù.

Lưu Thiếu Kỳ suốt ngày đêm mong gặp vợ còn đang bị cách ly. Ông thân thể còm cõi, vịn cửa sổ, lết chân phải bị thương, từng bước từng bước dò dẫm, có lúc ông lết tới phòng ở các con, có lúc lết đến bức tường sau viện ông cho là Vương Quang Mỹ còn bị giam ở đó. Nhưng tất cả đều im ắng. Một ngày không lâu sau đó, một bức tường cao được xây chặn lối đi của ông từ nơi ở đến bức tường sau Viện (Viện Trung Nam Hải), đó cũng là chặn chết niềm hy vọng còn con của ông được nhìn thấy vợ con. Từ đó, sự cô đơn suốt ngày làm bạn với ông.

Không mấy ngày sau, có người vâng mệnh đến lục lợi nơi ở của Lưu Thiếu Kỳ, bảo ông cởi thắt lưng ra. Lưu Thiếu Kỳ kháng nghị quyết liệt việc này.

Ông bị người đó đè xuống đất, không nói gì cả lấy đi thắt lưng, Lưu Thiếu Kỳ tức đến phát điên lên, gục xuống đất, nửa ngày không bò lên được nữa.

Từ đó, người canh vệ của Lưu Thiếu Kỳ trước đây giờ trở thành "trông coi" ông.

Biết vợ cuối cùng đã bị cách ly, ông lại không được phát đủ thuốc ngủ, nên mỗi ngày ông chỉ ngủ được 2-3 giờ đồng hồ, có khi suốt ngày đêm không ngủ. Ông dần dần cảm thấy tinh thần và sức khỏe khó mà trụ nổi, dần tới suốt ngày hoảng hốt tâm thần. Cánh tay ông bị thương trong thời chiến tranh lại bị đánh nên khó cử động, mặc chiếc áo cũng phải 1-2 giờ đồng hồ mới xong. Đôi chân ông bị đánh khi bị đấu tố, dường như đã không còn lết nổi nữa. Nhà ăn cách đó 30 mét, cũng phải đến 50 phút hoặc lâu hơn mới lê đến được. Khi ông chậm chạp lết đôi chân, toàn thân vật vờ không còn, thăng bằng. Người "trông coi" ông, vì đã được dặn dò trước nên không dám đi nhanh đến để dìu đỡ.

Nhân viên bếp ăn thường bị người khác chửi là "lính bảo hoàng" và thế là họ cũng không còn muốn xúc cơm cho Lưu Thiếu Kỳ, thường là xúc một lần ăn thành mấy bữa, có lúc cơm còn bị nhô nước bọt vào. Răng chỉ còn 7 chiếc, lại bị bệnh dạ dày, Lưu Thiếu Kỳ nhai không nổi cơm và thức ăn, lại thường xuyên phải ăn cơm thừa canh cặn nên thường đau bụng tháo dạ, thân thể ngày một tàn tạ. Tay ông run lẩy bẩy khi đút cơm vào miệng cũng không còn chính xác làm cho cơm và thức ăn dính bết khắp mặt mũi, rơi vãi khắp áo quần.

Lưu Thiếu Kỳ ốm nặng, bác sĩ, y tá cũng không dám thân tình với ông. Mỗi khi khám cho ông, điều trước tiên phê đầu một trận. Cá biệt, có bác sĩ còn táng tận lương tâm, dùng ống nghe đánh ông, có y tá tiêm thì kim tiêm đâm tùy tiện, còn định chỉ dùng thuốc phục hồi sức khỏe như vitamin và thuốc chữa đái đường. Muôn sự giày vò làm cho tình trạng sức khỏe Lưu Thiếu Kỳ ngày một sa sút, thậm chí có lúc rơi vào tình trạng lú lẫn. Đã đến mức độ đó, vậy mà lúc bấy giờ còn có người nói: "Con người này giáo quyết, không thể loại bỏ chuyện cố ý như thế".

Một tối mùa hè năm 1968, Lưu Thiếu Kỳ sốt cao đột ngột, vì không có chữa trị kịp thời, chuyển thành viêm phổi, tính mạng nguy cấp. Giang Thanh còn độc ác nói rằng: "Bây giờ sắp họp về Lưu Thiếu Kỳ rồi, đừng để ông ta chết, cần để ông ta sống mà nhìn thấy bị khai trừ khỏi Đảng, để sống sót đến Đại hội chín đã", nên đã cử y tế đến cấp cứu chữa trị. Nhưng khi bác sĩ đề nghị cho đi bệnh viện thì bị từ chối. Vì để giảm bớt đi tinh thần kích động của người bệnh, bác sĩ đề nghị gỡ bỏ đi những báo chữ to, biểu ngữ treo la liệt trong phòng ông, nhưng đều bị từ chối. Bệnh viêm phổi của Lưu Thiếu Kỳ chữa đã khỏi, thể nhưng, sau đó thì yếu đến mức nằm liệt giường, mặt mày tiêu tụy, thân thể còm nhom, râu tóc dài và bẩn, thường thì chẳng có ai giúp ông thay giặt quần áo, không người dìu ông đến nhà vệ sinh. Nằm liệt giường lâu dài, làm cho cơ bắp tay chân bị teo lại, gầy gò như que củi, khắp người mụn nhọt. Trong tình cảnh bị thảm không còn chút sức lực tự vệ, người giám thị ông ngày đêm trấn giữ cạnh giường, còn nói: Vì để đề phòng ông hành hung hoặc tự sát, chúng tôi cần tăng cường hơn một bước

chăm sóc, đồng thời còn dùng dây thừng trói chặt hai chân Lưu Thiếu Kỳ vào giường, không cho phép thoải mái cử động.

Ngày 5-10-1968, Lưu Thiếu Kỳ vừa khổ đau vừa phẫn uất, bỗng khóc rống đờn đau hai lần, cuộc sống tàn khốc với ông, thiếu công bằng với ông...

Do rối loạn chức năng thần kinh thực vật và máu cấp lên não không đủ, triệu chứng loãng não ác tính xảy ra, Lưu Thiếu Kỳ mất chức năng tự chủ nuốt, chỉ còn có thể dựa vào mũi để duy trì sinh mạng. Ông có lúc nắm chắc quả đấm, có lúc duỗi hết 10 ngón tay sờ bắt loạn xạ, và cầm được cái gì là giữ riết không thả. Khi ông múa đôi bàn tay khổ đau không ngừng trong không khí, ông bóp chặt và khi đó yên tĩnh một ít. Nhiều ngày qua đi, ông luôn bóp hai bình nhựa làm bẹp lõm giữa bình, thành hình quả bầu.

Lưu Thiếu Kỳ sống khắc khoải bên biên giới cái chết và sự sống. Đối thủ của ông một chút cũng không mềm lòng, đang chuẩn bị xô ông xuống vực thẳm.

Ngày 2-11-1968, các tờ báo trong nước phát hành trang đầu, in đậm chữ đỏ, đăng công bố của Hội nghị toàn quốc lần 12 khóa 8, đài địa phương khắp cả nước đều phát lại toàn bộ nội dung công bố. Lưu Thiếu Kỳ ở trên giường bệnh nghe kết luận liên quan tới ông:

"Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Trung ương phê chuẩn "Báo cáo điều tra của tổ điều tra chuyên án Trung ương về tội phản bội, nội gián, là kẻ địch của giai cấp công nhân của Lưu Thiếu Kỳ", và đi đến quyết nghị khai trừ vĩnh viễn Lưu Thiếu Kỳ ra khỏi Đảng".

Giống như tiếng ác quỷ gào thét bên cạnh ông, bộ óc ông bất chợt nhớ lại con đường suốt cuộc đời ông đã đi qua, ông cảm thấy oan nghiệt quá. Toàn thân ông run bắn, đầm mồ hôi hột thờ dòn dập, nôn mửa liên tiếp, huyết áp đột nhiên cao 260/130 mm Hg, nhiệt độ lên tới 40 độ C.

Lưu Thiếu Kỳ từ đây hoàn toàn đã hiểu rõ mọi biện minh đều vô ích: ông câm lặng, điều gì cũng không nói, kháng nghị bằng cách im lặng.

Tháng 10 năm 1969, phe cánh Lâm Bưu có âm mưu vạch kế hoạch sơ tán: đưa ra khỏi Bắc Kinh hết các chương ngại cản trở bọn họ nắm quyền bính. Ngày 18-10. Hoàng Vĩnh Thắng phát lệnh toàn quân "Lệnh số 1" của Phó chủ tịch Lâm, tuyên bố vào tình huống thời chiến, sơ tán hết cán bộ già ở Thủ đô, Lưu Thiếu Kỳ trở thành một trong những người sớm nhất chịu hại do "lệnh số 1" của Lâm Bưu.

Bệnh tình Lưu Thiếu Kỳ rất trầm trọng. Huyết quản của ông không ngừng tiết dịch, mũi luôn luôn cảm ông thức ăn, máy hút đờm thỉnh thoảng lại cho vào cổ họng hút ra. Trong tình cảnh công có thể đột ngột ra đi ấy, lệnh bắt ép ông rời khỏi Thủ đô càng gấp gáp. Để thông tin cho Lưu Thiếu Kỳ biết, y tá dùng tấm bông tẩm thuốc tím viết lên trên báo mấy chữ lớn: "Trung ương quyết định chuyển ông đến một nơi khác". Lưu Thiếu Kỳ không nói gì quay mặt đi. Theo chuyển động của đầu Lưu Thiếu Kỳ, y tá lại giờ tờ báo ra trước mặt ông, Lưu Thiếu Kỳ lại một lần nữa quay đầu không nhìn tờ báo. Nguyên vệ sĩ trưởng của Lưu Thiếu Kỳ đành phải ghé vào bên tai ông, đọc một lượt chữ viết trên báo đó. Lưu Thiếu Kỳ nhắm chặt hai mắt, không nói câu nào. Từ đó ông vô cùng hiểu rõ, cái gì đang chờ ông.

Không cần đến biểu đạt rõ hay không của Lưu Thiếu Kỳ, ông đã bị đưa đi nơi khác.

Lưu Thiếu Kỳ với căn bệnh đái tháo đường, do mất đi khả năng tự chủ sinh hoạt, nằm liệt dài ngày, lại không có ai tắm rửa cho, trên mình vừa bẩn, vừa thối, khi sắp rời khỏi Bắc Kinh: nhân viên trông coi lột quần áo của ông, bọc ông vào trong chiếc chăn toan màu đỏ: đặt lên một giường cá nhân màu trắng. Bảy giờ tối Lưu Thiếu Kỳ được đặt lên cáng, và theo sự giám sát của nhân viên chuyên án do y tá và nguyên vệ sĩ trưởng của ông đi cùng, chở lên khoang sau máy bay, tới thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam.

Cũng 9 giờ tối ấy, máy bay chở Lưu Thiếu Kỳ đến sân bay Khai Phong, ông bị kéo xuống cầu thang máy bay, xe cứu thương đưa đến một viện nhỏ ở trong viện lớn dành cho uỷ viên thành phố Khai Phong. Bốn chung quanh là 4 nhà cao tầng, trước sau phải trái đều không có đường giao thông, lưới

điện bố trí bí mật, ngoài viện có lính gác. Lưu Thiếu Kỳ được đưa vào một gian, tầng một, phía nam của nhà hướng tây.

Hạ tuần tháng 10-1969, khí hậu ở Bắc Kinh bắt đầu lạnh, Lưu Thiếu Kỳ thậm bị phong hàn, viêm phổi. Khi đến Khai Phong, nhiệt độ của ông lên 39 độ C, nôn mửa liên tục. Người phụ trách của Hà Nam nói là: "Mọi cái đều tốt, bệnh tình không có thay đổi khác thường". Ở Khai Phong, y bác sĩ nhân viên ngoài định giờ cho ăn qua mũi, giúp trở mình ra, chỉ có 10 phút điều trị. Ngày 5-11, Lưu Thiếu Kỳ lại lên cơn sốt cao, qua cấp cứu, sau 2 ngày nhiệt độ xuống 37 độ 2. Tối ngày 10-11, nhiệt độ của ông lại đột ngột lên 39 độ 7. Do ít được kiểm tra nên không đoán đúng là bệnh gì, song cứ chữa bệnh viêm phổi, điều trị không đúng bệnh nên bệnh không thuyên giảm. Đêm khuya ngày 11, bệnh tình Lưu Thiếu Kỳ rất nguy kịch, ông há hốc miệng để thở, môi tím bầm, con ngươi mất phản xạ ánh sáng, nhiệt độ cao 40 độ 1. Trong tình cảnh chữa trị không hiệu quả. 6 giờ 40 phút ngày 12 mới phát đi thông tri nguy ngập. Ai ngờ 5 phút sau đó, con tim Lưu Thiếu Kỳ đã ngừng đập. Hai tiếng đồng hồ sau thì nhân viên cấp cứu mới tới nơi. Trong thời gian bệnh tình Lưu Thiếu Kỳ ngày một nguy cấp, nhân viên y tế bảo vệ bên cạnh ông, muốn đề nghị để thân quyến ông đến gặp lần cuối cùng, nhưng không ai dám nói ra. Khi Lưu Thiếu Kỳ vĩnh biệt cõi đời, bên ông không một người thân. Ông cô độc cả thời khắc cuối cùng của cuộc đời, từ biệt thế gian. Thi hài ông đặt ở hành lang tầng một lầu phía tây để chụp ảnh.

Sáng sớm 13-11, khi vệ sĩ trưởng của ông chạy đến bên ông, chỉ thấy thi thể Lưu Thiếu Kỳ đặt trên lối đi phòng tắm, trên mình đắp chiếc ga giường màu trắng, tóc trắng rôi bởi dài có đến một thước, miệng và mũi đều đã biến dạng, dưới cổ một vũng máu tụ. Vệ sĩ trưởng cẩn thận cắt mái tóc trắng quá dài, cao bộ râu dài và thưa, mặc lên mình ông bộ quần áo bình thường và đi giày ông.

12 giờ đến 14-11-1969, thi thể Lưu Thiếu Kỳ được khâm niệm bằng vải trắng bó chặt, do 6-7 người khiêng lên một chiếc xe GAZ 69 (xe do Liên Xô sản xuất, giống xe Jeep), do xe quá nhỏ, hai chân của Lưu Thiếu Kỳ lòi ra quá thùng xe. 0 giờ ngày 15-11, "xe linh cữu" chở Lưu Thiếu Kỳ chạy đến lò hỏa thiêu trong màn mưa lâm thâm.

Lò thiêu xác đã được báo trước, nói là có một "bệnh nhân bị bệnh truyền nhiễm nặng nguy hiểm" cần thiêu xác đêm khuya. Hai mươi quân nhân giới nghiêm lò thiêu xác, có người còn phun thuốc nước tiêu độc ở đó. Khi thi hài của Lưu Thiếu Kỳ bị thiêu thành tro, các di vật của ông mang đến Khai Phong trước khi chết cũng bị thiêu hủy, bay tan trong tro khói. Phiếu thiêu của ông được viết là:

Họ tên: Lưu Vệ Hoàng. Chức vụ: không nghề nghiệp. Nguyên nhân chết: do bệnh tật. Lưu Vệ Hoàng là tên họ thời thiếu niên của Lưu Thiếu Kỳ mà người ngoài không thể biết được. Thủ tục hỏa thiêu là do nhân viên tổ chuyên án làm đưa từ Bắc Kinh tới. Người làm đơn đăng ký mạo danh Lưu Nguyên con trai của ông.

Tro xương của Lưu Thiếu Kỳ được đựng vào trong hộp bằng gỗ thông mới mua và gửi vào phòng để tro hài cốt hỏa táng ở Khai Phong.

Nơi hỏa táng không có ai biết đó là tro hài cốt của ai. Bà con trăm họ Trung Quốc lại càng không biết được, Lưu Thiếu Kỳ đang bị phê phán đã im hơi lặng tiếng đi khỏi thế giới này rồi.

Ngày 23 đến 29 tháng 5 năm 1980. Hội nghị toàn quốc lần thứ 5 khóa 11 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc họp ở Bắc Kinh thông qua quyết nghị phục hồi tất cả cho Lưu Thiếu Kỳ.

Lưu Thiếu Kỳ được danh tiếng anh hùng bất hủ.

22. Hiệp thứ 5

1 giờ ngày 23 tháng 3 năm 1968, Chính uỷ không quân Dư Lập Kim bị bắt tại nhà. Chừng 2 giờ, tại hội trường lớn nhân dân, Lâm Bưu tuyên bố Truyền Sùng Bích (Tư lệnh khu bảo vệ Bắc Kinh) nhận chức Phó tư lệnh quân khu một Thẩm Dương: trong ngày bay đến Thẩm Dương thì bị giam lỏng. Tổng Tham mưu trưởng Dương Thành Vũ bị Khâu Hội Tác, Lý Tác Bằng dẫn đến Hội trường lớn nhân dân. Lâm Bưu nói:

- Tôi tuyên bố quyết định của Trung ương: Một, Dương Thành Vũ làm Tấn Sát Dục Sơn Đầu chủ nghĩa: gây bè phái. Hai: Dương Thành Vũ câu kết với Dư Lập Kim, muốn cướp quyền của Ngô Pháp Hiến; câu kết với Truyền Sùng Bích, muốn cướp quyền của Tạ Phú Trị. Ba, Dương Thành Vũ coi Vương Phi, Chu Vũ Trì, Vu Tân Dã là phái phản cách mạng. Dương Thành Vũ không xứng làm Tổng Tham mưu trưởng. Hoàng Vĩnh Thắng làm tổng tham mưu trưởng.

Cùng ngày, Dương Thành Vũ bị áp giải ra sân bay.

Tối 26 tháng 3, ở hai đầu Đông và Tây Quảng Trường Thiên An Môn xuất hiện khẩu hiệu cỡ lớn: "Đả đảo Dương, Dư, Truyền" "Đánh bại đòn chống trả mới của dòng nước ngược tháng Hai".

Buổi chiều ngày 27 tháng 3 "Trung ương cách mạng văn hoá" mở hội tuyên thệ đập tan triệt để đòn chống trả mới của "dòng nước ngược tháng hai", tuyên bố trên Hội nghị của Trung ương cách mạng văn hoá: tước bỏ chức vụ của Dương Thành Vũ, Dư Lập Kim, Truyền Sùng Bích. Trên Hội nghị này, Trần Bá Đạt tổng kết quá trình "năm hiệp đấu" kể từ khi "Đại cách mạng văn hoá" diễn ra: "hiệp đấu lớn đầu tiên là đánh đổ Bành, La, Lục, Dương; Hiệp đấu thứ hai, đánh đổ Lưu, Đặng, Đào; hiệp đấu thứ ba là đánh lui "Dòng nước ngược tháng hai" hiệp đấu thứ tư là, đánh lui nhóm móng vuốt nhỏ của Lưu, Đặng, Đào là Quan Phong, Vương Lực, Thích Bản Vũ, hiệp đấu thứ năm là vạch trần âm mưu phản cách mạng của Dương Thành Vũ, Dư Lập Kim, Truyền Sùng Bích và đánh đổ bọn chúng".

Họ nói đã đánh xong năm hiệp đấu, thì có thể giành lấy "thắng lợi toàn diện của Đại cách mạng văn hoá của giai cấp vô sản". Cái gọi là "hiệp đấu thứ năm" kỳ thực là khống chế quyền lực quân đội chuyển hết sang tay bọn chúng. Chức vụ Tổng Tham mưu trưởng để Hoàng Vĩnh Thắng giữ, loại bỏ Chính uỷ không quân, Ngô Pháp Hiến lúc này càng có thể muốn làm gì thì làm trong không quân. Tư lệnh bảo vệ thay đổi tướng, như vậy là bọn chúng đã quét hết "chương ngại vật".

Đánh xong "hiệp thứ năm" sau đó còn một mục tiêu, tức là muốn nhân cơ hội "lần dây tìm quả" đánh đổ "hậu đài" phía sau "Dương, Dư, Truyền" là "Nhiếp, Diệp, Trần, Đàm".

Điều Lâm Bưu đặc biệt muốn nêu ra trong mỗi lần phát biểu về "sai lầm chủ yếu của Dương Thành Vũ" là "Chủ nghĩa Sơn Đầu", "Chủ nghĩa bè phái". Lại nói, "Tấn Sát Dục chỉ là một bộ phận của quân giải phóng". Ý nói là Dương Thành Vũ đang làm "Tấn Sát Dục Sơn Đầu chủ nghĩa".

Khang Sinh nói: "Tôi tin là ở sau lưng Dương Thành Vũ còn có hậu đài đen".

Dương Thành Vũ, ở quân khu Tấn Sát Dục là bộ hạ cũ của Nhiếp Vĩnh Trăn. Từ ngày 1 tháng 4 một số văn kiện, điện báo phát cho Nhiếp Vĩnh Trăn đã bị cắt. Ngày 6 tháng 4, soái Nhiếp điện cho Diệp Quân hỏi: "Các ông nói "Hậu đài đen" rốt cuộc là chỉ ai?". Diệp Quân trả lời qua điện thoại: "Không điểm tên ai cả". Bà ta không nói là ai cả, cũng không nói là không ai cả Và lúc này, bên ngoài mùi khói thuốc rất nồng.

Pháo đội âm thầm vào Nhiếp Vĩnh Trăn". Ngày 7 tháng 4, soái Nhiếp viết cho Mao Trạch Đông bức thư, nói rõ cách nhìn về Dương Thành Vũ và quá trình công tác. Ngày 10 tháng 4, thư ký của Chu Ân Lai điện thoại cho Nhiếp Vĩnh Trăn biết. Mao Trạch Đông đã nhận được thư và viết lên trên đó 16 chữ: "Đồng chí Vĩnh Trăn, thư đã nhận được, yên tâm dưỡng bệnh, tin đồn vu vơ". Không lâu sau,

Mao Trạch Đông nói trực tiếp với Nhiếp Vĩnh Trăn: "Giá như nói hậu đài của Dương Thành Vũ, người thứ nhất là tôi, người thứ hai mới là anh".

Dương Thành Vũ được giao làm Tổng tham mưu trưởng vào cuối năm 1965 sau khi Trung ương mở Hội nghị ở Thượng Hải để "Giải quyết vấn đề La Thuỵ Khanh, thì Hội nghị quân uỷ Trung ương họp quyết định.

Trong 3 tháng 7, 8, 9 năm 1967, Mao Trạch Đông thị sát nam bắc Đại Giang, thì Dương Thành Vũ tháp tùng. Ở Vũ Hán, Mao Trạch Đông nói: "Đại cách mạng văn hoá" khai trương năm đầu, năm thứ hai xem mặt mũi đặt ra nền móng, năm thứ ba thu dọn kết thúc".

Dương Thành Vũ cảm thấy thái độ không giống nhau của Mao Trạch Đông, Lâm Bưu và Giang Thanh v.v, đối với "Đại cách mạng văn hoá".

Nhưng sự diễn biến đã khó lòng không chế...

Dương Thành Vũ hội báo với Mao Trạch Đông, nói: "Bắc Kinh hiện tại là rất loạn, soái tướng lão thành đều bị công kích".

Mao Trạch Đông đánh giá lại mấy vị chiến hữu rằng: Chu- Mao, Chu - Mao, không có Chu làm gì có Mao. Có người nói Chu Đức là Tư lệnh đen. Tôi nói Chu Đức là Tư lệnh đỏ. Kiêm Anh khi vào giờ phút hiểm nghèo, lập công lớn. Gia Cát suốt đời cẩn trọng, xem xét đại sự không hồ đồ. Trần Nghị là một đồng chí tốt. Vĩnh Trăn quả là người sâu nặng. Sự việc Từ Hướng Tiên Tổng phương diện quân 4 không thể làm, là việc của Trương Quốc Đào, Hạ Long là ngọn cờ của phương diện quân thứ Hai.

Dương Thành Vũ trở lại Bắc Kinh truyền đạt chỉ thị của Mao Trạch Đông. Khi Diệp Quần gặp Dương Thành Vũ, hỏi: "Chủ tịch gần đây nói đến việc gì của Lâm Tổng không?" Ông nghĩ tới lời Mao Trạch Đông nói "Ai bịt của tôi bốn cái giác quan hả", tức ám chỉ Lâm Bưu, tại lễ "1-5" dùng bút lông viết "Người thầy vĩ đại, lãnh tụ vĩ đại, thống soái vĩ đại, người cầm lái vĩ đại", thì lời nói này làm sao nói với Diệp Quần. Ông lắc đầu nói: "Không hề nói gì cả".

Như vậy là: Dương Thành Vũ mắc tội với phu nhân Lâm Bưu và bản thân Lâm Bưu.

Dưới sự thao túng của Lâm Bưu, tiểu tổ 4 người quân uỷ được thành lập là Ngô Pháp Hiến, Diệp Quần: Khâu Hội Tác. Trương Tú Xuyên. Tiểu tổ này vạch ra nhiệm vụ cho các đại quân khu, quân binh chủng.

Cục chính trị Bộ Tổng Tham mưu soạn thảo bài: bàn về quyền uy lãnh tụ. Đảng uỷ Bộ tổng tham mưu thảo luận mấy lần, sửa chữa chỉnh lý sau đó cho Dương Thành Vũ Bí thư Đảng uỷ Bộ Tổng Tham mưu để trình lên Mao Trạch Đông đang đi thị sát.

Dương Thành Vũ xem xong trình lên Mao Trạch Đông. Sau đó mấy ngày, Mao Trạch Đông trả lại bài văn này dùng bút thô phê rõ: "Tôi không xem, đưa cho Bá Đạt, Văn Nguyên nghiên cứu giải quyết" Nghe nói Mao Trạch Đông tiện thể lật xem mấy trang rồi, nói; "Chỉ có là thổi phồng tôi".

Bài viết đưa đến tận tay Trần Bá Đạt và Diêu Văn Nguyên.

Ngày 23 tháng 9, Dương Thành Vũ tháp tùng Mao Trạch Đông từ Thượng Hải về Bắc Kinh.

Ngày hôm sau, Trần Bá Đạt gọi điện thoại đến nói: "Bài viết đó tôi xem và đã sửa. Tôi nghĩ nên dùng danh nghĩa của anh để phát biểu".

Dương Thành Vũ nói: "Bài không phải là tôi viết, làm sao lấy danh nghĩa của tôi được?".

Trần Bá Đạt nói: "Dùng danh nghĩa của đồng chí lãnh đạo phát biểu nổi tiếng, so với Phái cách mạng giai cấp vô sản có sức nặng hơn".

Sau đó Diệp Quần cũng gọi điện cho Dương. Thành Vũ nói: "Ý kiến của chúng tôi là, lấy danh nghĩa của anh phát biểu là hay nhất".

Dương Thành Vũ hỏi: "Ý kiến của ai?" "101 có ý kiến", Diệp Quần nói. "101" là nói Lâm Bưu số hiệu ngày còn ở Đông Bắc: "101" nói, quyết định như thế!"

Như vậy, "Báo quân giải phóng" đăng bài nhan đề: "Uy quyền tuyệt đối của cây lớn, cây đặc biệt,

thông soái vĩ đại Mao Chủ tịch. Uy quyền tuyệt đối của cây lớn, cây đặc biệt tư tưởng Mao Trạch Đông vĩ đại" lấy tên Dương Thành Vũ.

Qua mấy ngày, Mao Trạch Đông tìm Khang Sinh, Dương Thành Vũ trò chuyện, bàn đến bài viết này, nói: "Bài viết kia tôi chỉ xem tiêu đề: Tiêu đề là sai lầm rồi. Đây là việc của Lưu Bá Thừa".

Ông chỉ thị cho Dương Thành Vũ: "Không phải là việc của anh".

Thế nhưng sau "sự kiện Dương, Dư, Truyền", Lâm Bưu, Diệp Quần, Khang Sinh, Trần Bá Đạt lại đưa bài văn này đổ tội lớn cho Dương Thành Vũ Truyền Sùng Bích trên cương vị Tư lệnh bảo vệ, hợp sức với Chu Ân Lai bảo vệ được hàng loạt đồng chí. Ông cho người đưa Hạ Long đi khỏi Trung Nam Hải chuyển đến Tây Sơn. Bảo vệ được Trần Tái Đạo, theo danh sách cán bộ hơn 30 vị Bộ trưởng trở lên mà Chu Ân Lai viết ra đón đến doanh trại trốn, không để Hồng vệ binh bắt được.

Do đó bị Trần Bá Đạt, Giang Thanh, Khang Sinh và một số khác bủa vây tấn công.

Mao Trạch Đông triệu kiến Truyền Sùng Bích, hỏi về tình hình Bắc Kinh, đặc biệt là quan tâm chuyện đấu đá hết chưa?

Truyền Sùng Bích, cầm quyền họa báo, Mao Trạch Đông giờ xem, toàn là ảnh màu "Bách xú đồ": Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình ngồi trên đỉnh một chiếc kiệu, không kiệu là một tốp cán bộ, Đàm Chấn Lâm, hai tay đầm máu tươi; La Thụy Khanh trong miệng ngậm con dao... Đây là do học sinh "Cách mạng văn hoá Trung ương" vẽ nên.

Mao Trạch Đông lẩm bẩm nói: "Hồ đồ. Đây là bôi nhọ Đảng Cộng sản". Ông nói với thư ký: "Anh điện gấp cho Trần Bá Đạt, nói với ông ta, cái "Bách xú đồ" này là chửi chúng ta, không được làm, không cho phép những gì bôi nhọ chúng ta".

Ngày hôm sau, Truyền Sùng Bích lại gặp Giang Thanh, Khang Sinh v.v, và những người vây ráp, công kích các phần tử chú ý.

Một ngày hè oi bức, Truyền Sùng Bích thu được một bao tài liệu về Giang Thanh những năm 30 mà phái tạo phản ở Thượng Hải thu gom. Ông xin ý kiến Chu Ân Lai xem nên xử lý thế nào?

Chu Ân Lai trầm ngâm hồi lâu rồi nói: "Anh đưa cho bà ta đi!".

Thế là, Truyền Sùng Bích nhân cơ hội Hội nghị ở Điều Ngự Đài đưa tài liệu cho Giang Thanh.

Sau một tuần, Giang Thanh triệu kiến "năm đại lãnh tụ" Hồng vệ binh Bắc Kinh đến Điều Ngự Đài là Nhiếp Nguyên Tử của Đại học Bắc Kinh.

Đàm Hậu Lan Đại học Sư phạm Bắc Kinh, Hàm Ái Tinh Học viện Hàng không Bắc Kinh, Bằng Đại Phú, Đại học Thanh Hoa và Vương Đại Tân Học viện Địa chất Bắc Kinh, và gọi cả Tạ Phú Trị và Truyền Sùng Bích tới. Giang Thanh nói:

- Hôm nay, cho mời cả Bộ trưởng bộ Công an, Tư lệnh bảo vệ đến là để mọi người biết rằng, cái tài liệu đen nào dám chửi Khang lão, Bá Thừa; cái tài liệu đen nào dám chửi lão Nương, lão Nương sẽ bắt nó!

Không lâu sau, lại có một bao tài liệu liên quan đến Giang Thanh được đưa tới Truyền Tư lệnh, ông buộc lại phải đi hỏi Chu Ân Lai. Chu Ân Lai bảo ông trước hết hãy mang tài liệu khoá cất đi đã.

Mấy ngày qua đi, Chu Ân Lai nói:

- Để chỗ chúng ta, thì không phải là một biện pháp, tốt hơn vẫn là trả cho bà ta. Làm như thế nhé. Anh đưa tài liệu cho tôi, tôi đưa cho bà ta.

Về sau đó, Giang Thanh đốt hết mớ tài liệu này đi.

Lâm Bưu và Diệp Quần đối với Truyền Sùng Bích cũng là "Vừa đánh vừa lời". Truyền Tư lệnh không hề rơi vào tròng của họ.

Đầu tháng 3 năm 1968, phu nhân Lỗ Tấn là Hứa Quảng Bình viết thư cho Mao Trạch Đông nói:

- Thư tín bản thảo giấu ở trong bảo tàng, Lỗ Tấn không thấy nữa. Chu Ân Lai giao nhiệm vụ tìm kiếm cho Dương Thành Vũ, đồng thời chú ý gọi Chu bảo vệ đi tìm cùng, có thể thăm vấn Thích Bản

Vũ một lần xem sao.

Dương Thành Vũ, Truyền Sùng Bích liên mấy ngày đêm, phóng xe khắp nhà giam Tần Thành, hỏi Thích Bản Vũ, Bản Vũ nói, bản thảo là Giang Thanh bảo lấy, còn nói, "chuyện này nhân viên (công tác cách mạng văn hoá) đều biết". Thông qua mấy người mới hỏi ra cụ thể là: nhân viên công tác phòng bảo mật cách mạng văn hoá Trung ương đảm nhận giữ.

Truyền Sùng Bích điện thoại cho Giang Thanh đang ở Điều Ngự Đài, nhưng Giang Thanh không có. Ông bảo nói máy cho Giang Thanh để gọi điện báo cáo. Đánh xong điện, lái xe Jeep đến Điều Ngự Đài, xe Tư lệnh bảo vệ có thể tự do ra vào, còn một xe phải qua thỉnh thị, thư ký Trần Bá Đạt bảo cho vào mới được vào. Hai xe vào Điều Ngự Đài, Truyền Sùng Bích v.v... vào phòng họp.

Giang Thanh đẩy cửa bước vào, thấy trong phòng đứng 5 quân nhân, lập tức nạt nộ âm lên:

- Truyền Sùng Bích, anh định làm cái gì? Đến đây để bắt người ư? Đây là nơi của cách mạng văn hoá Trung ương, ai cho các anh đến!

Truyền Sùng Bích nói:

- Chúng tôi đến hội báo tình hình bản thảo. Nhân viên bảo mật được gọi tới, nói bản thảo của Lỗ Tấn là để ở phòng bảo mật lầu trên.

Giang Thanh bèn lệnh người bắt giữ ngay nhân viên bảo mật và tỏ ra rất giận dữ.

Sau đó Giang Thanh nói:

- Ngày 8 tháng 3, Truyền Sùng Bích không được phép của đồng chí phụ trách cách mạng văn hoá Trung ương đánh hai chiếc xe tự xông vào nơi cách mạng văn hoá Trung ương. Đây là vấn đề gì?

Đây được gọi là sự kiện "Tập kích Điều Ngự Đài".

Dư Lập Kim từng tưng tưng Mao Trạch Đông đi thị sát Hoa Bắc, Hoa Đông và vùng Trung Nam.

Trước đêm 1 tháng 8 năm 1967 bay từ Thượng Hải về Bắc Kinh. Ngô Pháp Hiến trong đêm, ba lần mời Dư Lập Kim, muốn ông ta truyền đạt cho Thường vụ tinh thần chỉ thị mới nhất của Mao Chủ tịch. Dư Lập Kim giải thích là mình không có nhiệm vụ hội báo. Ngô Pháp Hiến lại nhờ ông ta hội báo với Lâm Bưu. Dư Lập Kim nói: "Trên quy định rồi, không hội báo với bất cứ ai". Kết quả là Ngô Pháp Hiến bị Lâm Bưu, Diệp Quân đã làm bản cáo trạng là kẻ phản bội rồi.

Ngày 22 tháng 3 Dư Lập Kim bị bắt. Ngày 24 tháng 3, Lâm Bưu tuyên bố trên đại hội rằng Dư Lập Kim là "kẻ phản bội".

Tổ chuyên án căn cứ vào lời ngụy biện của một tên lính Quốc dân đảng bị áp giải lao động cải tạo ở nông trường kể rằng, y bị bắt trong sự biến nam An Huy, khi đến Dư Lập Kim bị bắt. Từ đó mà định án cho Dư Lập Kim.

Dương Thành Vũ bị giam hơn 6 năm, từ Vũ Hán đến Lạc Dương, Khai Phong lại đến Lâm Phần. Cho đến 1974, khi Mao Trạch Đông phát biểu: "Dương Thành Vũ, tôi đã hiểu, sự kiện Dương Dư Truyền sai rồi. Là do Lâm Bưu làm ra thôi". "Các vấn đề những người này đều là Lâm Bưu làm cả. Tôi nghe chỉ một bên, cho nên phạm sai lầm".

Dương Thành Vũ sau chuyện xảy ra rồi mới biết, trước sự kiện "13-9", Khang Sinh từng viết báo cáo, can xử tử Dương Thành Vũ. Báo cáo bị Chu Ân Lai và Mao Trạch Đông ách lại, mới may mắn không bị rơi đầu. Nhưng mẹ của ông đã ngoài 70 thì bị đói rét mà chết, con gái lớn là Dương Dị cũng mất.

Đêm 30 tháng 9 năm 1974, Dương Thành Vũ, Dư Lập Kim, Truyền Sùng Bích được mời dự chiêu đãi quốc khánh 25 năm xây dựng đất nước, được gặp nhau ở Đại hội đường nhân dân. Họ trước sau đều đã được khôi phục công tác trở lại.

Sau Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ ba khoá 11, Trung ương công bố văn kiện công khai tuyên bố trắng án "sự kiện Dương, Dư, Truyền".

23. Bi kịch cứu thời tể tướng

Năm thứ 14 Chính thống Triều Minh (năm 1449) xảy ra một sự kiện lớn kinh thiên động địa:

Hoàng đế Chu Kỳ Trấn bại trận và bị bắt, triều Minh đã đến thời kỳ nguy cơ một mất một còn.

Đúng lúc đó, Vu Khiêm được mệnh danh là: "Cứu thời Tể tướng" dũng cảm đứng lên, lãnh đạo quân dân anh dũng chống quân xâm lược Ngõa Lạt (bộ tộc Ngõa Lạt), thời Minh chỉ các bộ tộc ở Tây Mông Cổ bao gồm phía bắc Tân Cương, Trung Quốc).

Vu Khiêm (năm 1398 - 1457), tự là Đình Ích, hiệu là: Tiết Am, người Tiền Đường, Triết Giang nay là thành phố Hàng Châu). Vu Khiêm sinh ra đã có tướng lạ, theo sử sách ghi chép, lúc 7 tuổi, có một vị Sư tăng nhìn thấy Vu Khiêm, khen: Cậu bé này tương lai sẽ là Tể tướng cứu thời thế". Vì thế bố mẹ của cậu đặt rất nhiều hy vọng vào cậu, hết lòng dạy dỗ, bồi dưỡng cậu.

Năm thứ 19 Vĩnh Lạc (năm 1421), Vu Khiêm thi đỗ tiến sĩ. Đầu năm Tuyên Đức, được bổ nhiệm chức Ngự sử, Vu Khiêm vào triều bẩm tấu, tiếng nói to, rõ, ngôn ngữ ngắn gọn, trong sáng lưu loát, gây được sự chú ý đặc biệt của Tuyên Tông Hoàng đế Đầu năm Tuyên Đức, Hán Vương Chu Cao Húc dấy binh làm phản, Tuyên Tông ngự giá thân chinh, Vu Khiêm theo cùng. Sau khi Hán Vương đầu hàng Vu Khiêm phụng mệnh, vạch trần tội ác của Chu Cao Húc, giọng nói và nét mặt gay gắt đánh thép, Hán Vương cúi đầu run sợ, thừa nhận bản thân đáng tội chết. Hành động lên án công khai này làm cho Tuyên Tông vô cùng phấn khởi.

Vu Khiêm tuy là Ngự sử thất phẩm, sau khi về triều lại được Hoàng đế ban thưởng như đại thần nhất phẩm.

Tuyên Tông Hoàng đế biết Vu Khiêm tài giỏi, đã cho được giữ chức Hữu thị lang ở các bộ, lại bổ quan đi làm Tuần phủ ở các tỉnh (quan hành chính đứng đầu một tỉnh), Tuyên Tông phá cách phong Vu Khiêm làm Hữu thị lang Bộ binh, làm Tuần phủ hai tỉnh Hà Nam, Sơn Tây. Sau khi Vu Khiêm đi nhậm chức, không quản khó khăn gian khổ thăm hỏi, điều tra tìm hiểu tình hình thực tế các nơi của hai tỉnh. Phàm là những việc về chính trị không tiện lợi cho dân, những điểm nên làm, nên đổi mới Vu Khiêm đều bẩm báo hết về triều đình, phàm là những việc xảy ra thiên tai hạn lụt, hoả hoạn, Vu Khiêm đều lập tức bẩm tấu theo thực tế, giải quyết thoả đáng. Vì thế nhân dân hai tỉnh rất ủng hộ ông, gọi ông là: "Rồng vàng họ Vu".

Lúc đầu, ba người họ Dương chấp chính là: Dương Sĩ Kỳ, Dương Vinh, Dương Phổ rất kính trọng Vu Khiêm, những bản tấu của Vu Khiêm đều được họ đồng tình. Vì thế Vu Khiêm có rất nhiều thành công. Vu Khiêm hêm khiết, hết lòng vì dân chúng, mỗi lần vào kinh bàn việc triều chính, thì Vu Khiêm thật đúng là: "Gió lành tung bay hai ống tay áo, thanh thảo đi vào triều", làm cho các bậc quyền quý không thể không ganh ghét.

Sau năm thứ 9 Chính Thống (năm 1444), ba người họ Dương hoặc chết hoặc già cả; Thái giám Vương Chấn trở lên chuyên quyền, tham ô hối lộ, vợ vét bao nhiêu cũng không biết chán. Nhưng Vu Khiêm mỗi lần vào triều ngay đến cả các loại đặc sản của địa phương như khăn tay, lương sồi, cũng không tặng cho Vương Chấn, vì thế Vương Chấn không ưa gì ông. Vu Khiêm làm quan ở nơi xa thời gian tương đối dài, muốn vào triều kiến, liền tiến cử Tham chính Vương Lai, Tôn Nguyên Trình thay mình giữ chính sự. Vương Chấn muốn ra uy đã cho Thông Chính sử Lý Tích kể tội Vu Khiêm: Kéo dài thời gian, không phân xử nổi oan uổng của dân chúng, tự ý tuyển chọn thay thế người. Thế là bắt Vu Khiêm giam vào ngục tối, đến hơn 3 tháng. Sau đó lại giáng chức Vu Khiêm xuống làm Đại lý tự Tả thiếu khanh. Nhân dân hai tỉnh Hà Nam, Sơn Tây sau khi biết cảnh ngộ của Vu Khiêm, từ ngoài vạn dặm đã đến kinh đô, xin cho Vu Khiêm trở lại làm Tuần phủ nơi họ đang ở. Vương Chấn không còn

cách nào khác lại phải ra lệnh cho vu Khiêm làm Tuần phủ Hà Nam, Sơn Tây. Lúc đó ở Sơn Đông, Thiểm Tây có hơn 20 vạn dân lưu lạc ăn ở tại Hà Nam, Vu Khiêm bẩm tấu cho phép phát lương thực dự trữ trong hai kho Hà nam và Hoài Khánh cứu giúp người dân gặp tai hoạ, Vu Khiêm còn bẩm tấu, lệnh cho quan Bố chính Hà Nam nơi nào được mùa thì giúp đỡ cứu giúp người dân gặp khó khăn, cấp phát trâu cày, nông cụ, hạt giống cho nhân dân có ruộng đất hoang để cày cấy làm cho họ an cư lạc nghiệp, sống qua ngày tháng gặp tai hoạ.

Năm thứ 13 Chính Thống (năm 1448), Vu Khiêm từ bỏ thời gian 19 năm nhận chức ở Hà Nam và Sơn Tây để về Kinh đô với chức Bộ binh Tả thị Lang, mùa thu năm thứ hai, Thái sư Ngô Lát Dã Tiên đã dẫn quân xâm lược, từ biên cương ngày báo về mấy lần, tình thế vô cùng nguy cấp.

Thái giám Vương Chấn xui giục Anh Tông thân chinh, Vu Khiêm cùng đại thần Bộ binh Thượng thư Quảng Dã khuyên ngăn nhiều lần, nhưng Anh Tông không nghe vãn lệnh cho Quảng Dã hộ giá thân chinh, còn giao cho Vu Khiêm giải quyết sự vụ thường ngày ở Bộ binh, nhưng, xuất quân bất lợi, hơn 50 vạn quân Thanh thất bại ở Thổ Mộc Bảo, Hoàng đế bị Dã Tiên bắt sống, Quảng Dã và 52 đại thần bị hại.

Tin thất trận truyền đến kinh đô, Trong ngoài triều đình đều kinh hồn bạt vía, mọi người không biết phải làm gì. Trong tình hình đó, Vu Khiêm dũng cảm đứng lên, gánh vác công việc nặng nề giữ nước giữ nhà, cứu giúp dân chúng đang hoạn nạn.

Khi Anh Tông thân chinh, Thành Vương, Chu Kỳ Ngọc trông coi việc nước, ông ta triệu tập quần thần văn, võ đến nghị bàn việc chiến đấu hay phòng thủ. Thị Giảng Từ Trình đề nghị công khai là dời Đô về phía nam, có một số người cũng phụ hoạ đồng ý ý kiến đó, nhưng Vu Khiêm không hề lay chuyển, gay gắt nói: "Người nào đề nghị dời đô về phía nam, phải chém đầu. Kinh đô là gốc của thiên hạ, một khi dời đô thì lòng người rời rạc, rã rời; đại thế của thiên hạ sẽ mất đi, có lẽ nào các vị quên bài học triều Tống di chuyển về phía nam rồi sao?" lời bẩm tấu của Vu Khiêm được Thành Vương Chu Kỳ Ngọc ủng hộ, cuối cùng ý kiến ở lại phòng thủ, chiến đấu đã được xác định.

Thời gian không lâu, Thành Vương lên ngôi vua là Cảnh đế. Cảnh đề phong cho Vu Khiêm làm Thượng thư Bộ binh, phụ trách cụ thể việc chiến đấu và phòng thủ. Lúc đó kinh thành kỵ binh tinh nhuệ đều bị sa lầy ở Thổ Mộc Bảo, gần 10 vạn người già yếu và binh sĩ mệt mỏi, trong lòng đều sợ hãi, không có ý chí chiến đấu phòng thủ nữa, Vu Khiêm khắc phục muôn ngàn khó khăn, tích cực chiến đấu chuẩn bị bảo vệ kinh thành. Ông viết bài hịch động viên Lương Kinh, Hà Nam chuẩn bị luyện quân, miền duyên hải Sơn Đông và Nam Kinh chuẩn bị chống quân Oa, các phủ Giang Bắc và Bắc Kinh đảm đương việc vận chuyển lương thực, bảo vệ kinh thành. Trong một thời gian ngắn Vũ Khiêm đã triệu tập được 22 vạn đại quân bảo vệ kinh thành. Thông qua đợt chuẩn bị này, lòng người ở kinh thành dần dần được yên ổn.

Khi Chu Kỳ Ngọc đại diện giải quyết công việc triều chính, các đại thần trong triều đình đề nghị chu di dòng họ Vương Chấn nhưng đồng đảng, Cầm Y vệ chỉ huy Mã Thuận chỉ trích quả mắng các quan, cấp sự trung Vương Hồng không nhịn được nữa xông vào đánh Mã Thuận trong triều đình, các quan khác cũng lập tức học theo, người người vung tay đánh cho Mã Thuận một trận tơi bời, chỉ trong giây lát, Mã Thuận bị đánh chết trước cửa triều đình. Trong một tiếng đồng hồ, cả triều đình đại loạn, binh sĩ kinh sợ, táo tác, Chu Kỳ Ngọc nhanh chóng vào triều, Vu Khiêm lập tức rẽ đám đông, nắm chặt vạt áo của Chu Kỳ Ngọc, tuyên bố đồng dục với Chu Kỳ Ngọc: "Mã Thuận tội đáng chết, đâm chết không phải bàn luận gì cả".

Đám đông mới dần dần yên tĩnh trở lại. Trong tình huống hỗn loạn như vậy, Vu Khiêm xả thân chen đến trước mặt Chu Kỳ Ngọc thậm trí ông tay áo bị rách. Sau sự việc này, Thượng thư Bộ lại là lão thần Vương Trục nắm chặt tay Vu Khiêm khen ngợi: "Nước nhà nay rất cần ông, cục diện này ngày hôm nay, cho dù có 100 quan, phỏng có ích gì?".

Câu nói này phản ánh một sự thực là triều đình từ trên xuống dưới đều dựa vào Vu Khiêm, hơn nữa Vu Khiêm cũng dũng cảm đảm đương trọng trách, kiên quyết không do dự, lấy sự an nguy của thiên hạ làm nhiệm vụ của mình.

Tháng 10, Cảnh Đế Chu Kỳ Ngọc lệnh cho Vu Khiêm tiến hành luyện quân nuôi ngựa trong các doanh trại. Quan Tổng binh Thạch Hanh nêu cần ra gom quân lại ở trong thành, thực hiện kế vườn không nhà trống, làm cho kẻ địch không thể tiến công được mà phải rút về. Vu Khiêm phản đối chủ trương này và nói rõ: "Vì sao chúng ta lại tỏ ra là yếu hơn kẻ địch". Làm như vậy, sẽ làm cho Ngôã Lạt càng tha hồ làm mưa làm gió, chúng càng coi thường chúng ta". Vì thế Vu Khiêm ra lệnh đóng chặt các cổng thành, lấy 22 vạn đại quân lần lượt chia ra bố trí chặn giữ ở ngoài 9 cổng kinh thành, ông cùng với quan Tổng binh Thạch Hanh cùng chặn giữ cổng Đức Thắng, cổng phía bắc Kinh thành. Vu Khiêm hạ lệnh: "Khi ra trận tác chiến: Tướng bỏ mặc binh sĩ chạy trốn trước thì cứ chém đầu không tha thứ; binh sĩ bỏ mặc tướng để chạy trước thì cứ kẻ sau chém kẻ đó". Phải lấy cái chết để làm gương cho đời sau. Các tướng sĩ biết được Vu Khiêm thà chết quyết bảo vệ được Kinh thành ai nấy đều phấn chấn, ý chí chiến đấu càng tăng.

Ban đầu, Dã Tiên bắt sống Anh Tông Chu Kỳ Trấn, đánh bại 50 vạn quân Minh, tự cho rằng không ai địch nổi, chỉ sớm tối là có thể lấy được Kinh đô, nhưng khi ông ta dẫn quân tiến sát kinh đô, nhìn thấy quân Minh trận địa sẵn sàng đón đánh liền không dám xem thường quân Minh. Dã Tiên đầu tiên giao chiến tại cửa Chương Nghĩa, Phó Tổng binh tướng lĩnh triều Minh là Cao Lễ, Mao Phúc Thọ, dẫn quân anh dũng chống lại địch, giết được nhiều tên, bắt sống được một tên thủ lĩnh, giành được thắng lợi trận đầu. Tiếp đó Dã Tiên dẫn quân tiến công cửa Đức Thắng. Vu Khiêm để cho binh sĩ mai phục trong dân cư bên ngoài cửa Đức Thắng, dụ kẻ địch bằng số ít quân kỵ binh. Dã Tiên bị mắc lừa, huy động hơn vạn người đuổi theo, phó Tổng binh Phạm Quảng hạ lệnh phòng hỏa, quân sĩ mai phục trong dân cư cũng lao tới giết kẻ thù, đội ngũ quân của Dã Tiên đại loạn, vút lại không biết bao nhiêu thi thể, vũ khí rút chạy thảm hại. Trận chiến đấu này, em trai của Dã Tiên là Bột La, Bình Chương Mỗ Na Hải lần lượt trúng pháo mà chết.

Sau đó, quân Minh lại đánh bại sự tiến công của Ngôã Lạt ở cửa Tây Trục và cửa Chương Nghĩa. Như vậy là, Dã Tiên 4 lần tiến công, 4 lần đều thất bại, biết không thể nào thắng nổi quân Minh, lại sợ các Càn Vương ở đất Minh bao vây, đuổi chặn đường, cắt đứt đường rút quân, thế là quân Dã Tiên bí mật mang theo Chu Kỳ Trấn rút chạy từ phía tây Lương Hương, vừa đi vừa cướp bóc trên đường.

Chiến dịch này, quân Minh giết được hơn vạn kẻ địch, giành được thắng lợi chưa từng có, làm cho quốc gia chuyển nguy thành an, qua được thời kỳ gian nan. Sau chiến tranh bàn về bình công chia thưởng, Vu Khiêm được đề nghị phong Thiếu bảo, Tổng Đô đốc quân đội. Vu Khiêm nói: "Bốn ngoại ô của Kinh thành vẫn còn dinh lũy của kẻ địch, đây là điều xỉ nhục của Đại sĩ phu, ta làm sao có thể nhận công cầu thưởng được?".

Vì thế Vu Khiêm kiên quyết từ chối chức Thiếu bảo nhưng chưa được chấp thuận.

Sau trận chiến này, Vu Khiêm tiếp tục dẫn quân chiến đấu chống sự xâm lược và đầu hàng của Ngôã Lạt. Vu Khiêm nhận rõ được rằng, Ngôã Lạt lấy Anh Tông Chu Kỳ Trấn làm chiêu bài để uy hiếp dụ dỗ các tướng ở biên ải, một lần nữa Vu Khiêm lại ra lệnh cho các nơi kiên quyết bảo vệ thành trì, lấy xả tắc làm trọng, lấy việc quân quan là bổn phận của mình. Vu Khiêm phản đối cầu hoà, kiên quyết chiến đấu, ông chọn biện pháp kẻ địch tiến công thì quân ông dùng lô cốt, tường thành kiên quyết chống trả ; khi kẻ địch rút ông cũng có phương châm không đuổi dài, làm cho kẻ địch tiến công cũng không giành được thắng lợi, khi rút chạy cũng không vơ vét được gì, mất đi lợi thế của việc tiến thoái. Đồng thời chặn đứt nguồn kinh tế của họ, làm cho kẻ địch phải chấp tay vái giao cho ta Anh Tông Chu Kỳ Trấn. Nhưng, Đại đồng Tham tướng Hứa Quý không hiểu được sách lược của Vu Khiêm, nêu chủ trương phái sứ giả đi cầu hoà. Tháng 4, Nguyên niên Cảnh Đế (năm 1450), Vu Khiêm dâng bản tấu

ngghiêm khắc phê phán Hứa Quý. Ông chỉ ra: "Trước đây triều đình ta cử Lý Đạc, Nhạc Khiêm đi sứ Ngôã Lạt, nhưng Dã Tiên liền sau đó vào xâm lược, tiếp đó lại cử Vương Phúc, Triệu Vinh đi nghị bàn, vẫn không mang được Anh Tông trở về, tổn biết bao công sức.

Hiệp ước hoà bình không có cơ sở tin cậy, đó là sự thực hiển nhiên rõ ràng. Hơn nữa, chúng ta có mối thù không đội trời chung với Ngôã Lạt, theo lý cũng không nên cầu hoà. Nếu giảng hoà với Ngôã Lạt, họ sẽ có nhiều yêu sách không bao giờ hết, thoả mãn yêu sách của chúng, triều đình chúng ta sẽ gặp khó khăn, không thoả mãn chúng thì lại sinh ra mâu thuẫn tai hại, vì thế, từ tình thế hai mặt mà xem xét, cũng không thể giảng hoà được. Hứa Quý thân là Thần giáp trụ, không xả thân giết kẻ thù mà lại sợ hãi kinh hoàng như thế, nên chém đầu!

Thế là lập tức truyền hịch cách chức Hứa Quý. Từ đó về sau, các tướng ngoài biên giới người nào cũng muốn chủ chiến, không ai dám nói cầu hoà nữa.

Chính vì Vu Khiêm một mặt tích cực chuẩn bị chiến đấu, một mặt kiên quyết phản đối cầu hoà, làm cho Thái sư Ngôã Lạt Dã Tiên đã mất đi cái lợi là triều Minh phải cống nạp cho mình, vừa mất đi khả năng cướp bóc tài sản! Chiến đấu không được, cầu hoà cũng không được, hoàn toàn mất đi ưu thế của Thỏ Mực Bảo từ khi biến đổi đến nay. Thế là một lần nữa Ngôã Lạt lại cử sứ đi cầu hoà. Tháng 8, nguyên niên Cảnh Đế (năm 1450), triều đình nhà Minh không phải tốn kếp vàng bạc lụa là, đất đai mà đón được Chu Kỳ Trán trở về. Đó là sự thắng lợi về sách lược quân sự, ngoại giao mà Vu Khiêm đã chọn, nhưng trong vấn đề giải quyết đón Anh Tông Chu Kỳ Trán trở về, Vu Khiêm tập trung nhấn mạnh sách lược: "Xã tắc vi trọng, Quân vi khinh", làm cho Anh Tông Chu Kỳ Trán vô cùng cảm giận Vu Khiêm. Vì thế, Vu Khiêm phải trả giá rất thảm hại.

Sau khi Anh Tông Chu Kỳ Trán được đón về, Triều Minh cơ bản lại khôi phục quan hệ với Ngôã Lạt, Ngôã Lạt đề nghị triều cống mậu dịch. Trước đây Cống sứ của Ngôã Lạt không quá 100 người, năm thứ 13 Chính Thống, Cống sứ nhiều lên đến hơn 3000 người, vì triều đình nhà Minh không thoả mãn được yêu cầu xa xỉ quá độ của bọn chúng, Dã Tiên lại dẫn quân xâm lược. Sự thực này cho mọi người biết đối với việc Triều cống không thể không thận trọng chu đáo. Vì thế, khi Ngôã Lạt lại cử 3000 người vào Triều cống, Vu Khiêm bắt đầu dàn quân ở Cư Dung Quan trước khi cống sứ của Ngôã Lạt nhập cảnh, để đề phòng Ngôã Lạt khiêu khích; đồng thời lại chuẩn bị quân ở Kinh đô chờ địch. Vì thế Cống sứ Ngôã Lạt không dám tùy tiện cướp bóc tài sản nữa.

Trong khi chiến đấu với Ngôã Lạt, điểm yếu của hệ thống cách thức bố trí doanh trại quân đội ở Kinh đô của triều Minh đã dần dần bộc lộ ra. Đầu Triều Minh sự phân biệt quân ở Kinh đô dựa vào "Ngũ quân doanh" "Thần cơ doanh" và "Tam thiên doanh" bình thường các "doanh" đều có Quan Tổng binh phụ trách huấn luyện, không thống nhất với nhau; khi chiến đấu, cùng xuất quân tác chiến; hiệu lệnh không thống nhất, vấn đề tiến thoái mất căn cứ và phương hướng đã xảy ra rất nghiêm trọng. Để tăng cường sức chiến đấu của quân đội trong các doanh trại ở Kinh đô, Vu Khiêm dám nghĩ dám làm, tiến hành cải cách chế độ biên chế quân đội. Ông bắt đầu cho phép tinh tuyển 5 doanh trại quân đội bằng 3 đại doanh tinh binh, gồm 15 vạn chia làm 10 tiểu đoàn, khi tác chiến, các tiểu đoàn chấp hành lệnh chỉ huy của quan Tổng binh, làm cho tướng, binh biết được nhau, hiệu lệnh thống nhất, có lợi cho việc tăng cường sức chiến đấu. Đó là chế độ biên chế đại đoàn và tiểu đoàn. Chế độ Đại đoàn, Tiểu đoàn do Vu Khiêm sáng lập là sự cải cách lớn trong chế độ quân sự của Triều đại nhà Minh, sau này chế độ đại, tiểu đoàn trở thành một loại chế độ quân sự cơ bản.

Vu Khiêm trong tác chiến bảo vệ Kinh thành đã giành được thắng lợi rất lớn, thể hiện đầy đủ tài năng quân sự chính trị kiệt xuất, rất được Cảnh Đế tín nhiệm và trọng dụng. Vu Khiêm không những phụ trách công việc của Bộ binh mà còn có quyền tâu bẩm về nhiều vấn đề chính sự khác của triều chính. Những bản tấu trình của ông, Cảnh Đế đều nghe theo. Triều đình đã cử sứ thần đến Chân Định, Hà Gian chọn rau dại, đến Trục Cổ làm cá khô đều được Vu Khiêm khuyên ngăn, nên không đi nữa.

Cảnh Đế dùng người điều bí mật hỏi Vu Khiêm. Vu Khiêm cũng không ngại hiềm khích, không hề bí mật, trả lời rành rọt rõ ràng. Điều này làm cho những người đảm nhiệm không nổi công việc nặng nề không được thăng quan, đều oán hận Vu Khiêm, còn một số kẻ không được trọng dụng cũng ghen ghét Vu Khiêm, thật là: "Gỗ quý trong rừng, tất bị gió vùi; tài năng xuất chúng, người đời (đời) sẽ diệt".

Cuộc chiến đấu bảo vệ Kinh đô giành được thắng lợi không bao lâu, Đô Ngự sử La Thông liền vạch tội Vu Khiêm kể công lao không thực, Ngự sử Cố Hạc kể tội Vu Khiêm chuyên quyền, đề nghị sáu Bộ liên quan cùng với nội các quyết định.

Thượng thư Bộ hộ Kim Liêm cũng tố cáo, kể tội Vu Khiêm xâm phạm vào quyền của Bộ hộ. Các quan, đại thần cấp Ngự sử, cấp Sự trung khác cũng nhiều người tố cáo vạch tội Vu Khiêm, nhưng đều bị Cảnh Đế bỏ ngoài tai. Từ đó, các triều thần biết được Hoàng Đế tin dùng Vu Khiêm nên hầu như không có ai dám vạch tội Vu Khiêm nữa. Chính vì

Cảnh Đế không tin lời tâu của nhiều người tố cáo, kể tội Vu Khiêm mà vẫn tín nhiệm Vu Khiêm, đã làm cho Vu Khiêm tận hết tài năng của mình, phát huy tác dụng to lớn, trở thành "Tể tướng cứu thời" nổi tiếng xứng danh.

Nhưng Vu Khiêm là người chính trực kiên cường, không thoả hiệp và nhượng bộ, khi giải quyết công việc thường ngày, mỗi lần gặp phải sự việc không được như ý hoặc gặp phải những đại thần bất trung bất nghĩa, Vu Khiêm đều lòng đầy căm phẫn, ngửa mặt lên trời thở dài, đầm ngực dậm chân hét lớn: "Một bầu nhiệt huyết này rót cuộc sẽ tưới vào đâu". Vì thế, một số Đại thần quần quanh vô vị, công thần quý thích rất căm giận Vu Khiêm. Vu Khiêm từ đầu đến cuối đều phản đối cầu hoà, tuy nhiên vì lý do đó mà đón được Chu Kỳ Trấn trở về, nhưng Chu Kỳ Trấn trong lòng vẫn rất tức giận Vu Khiêm. Từ Trình đã từng đề nghị dời Đô về phía nam, bị Vu Khiêm quở trách, vận quan luôn luôn không được may mắn, sau khi đổi tên thành Từ Hữu Trinh mới được thăng quan suôn sẻ một chút. Ông ta hận Vu Khiêm đến tận xương tủy. Quan Tổng binh Thạch Hanh, thống soái 10 Doanh tinh binh, nhưng Vu Khiêm lại là tổng chỉ huy các mặt về quân sự, làm cho ông ta không thể thực hiện hết theo ý của mình, cũng không thích thú gì sự giám sát của Vu Khiêm. Sau cuộc chiến ở cửa Đức Thắng, Thạch Hanh tiến cử con của Vu Khiêm là Vu Miện. Vu Khiêm không hề khách khí dâng sớ chỉ ra: "Nay đang đúng vào mùa thu của đất nước, đang bận rất nhiều, việc đại thần không được nghĩ đến công ơn của riêng mình. Hơn nữa, Thạch Hanh là Đại tướng, chưa hề nghe nói ông ta tiến cử một người nào xuất thân từ phạm tháp hèn mà chỉ riêng tiến cử con tôi, như vậy làm sao có thể phù hợp với đạo nghĩa chung được? Ta cực lực phản đối cái gọi là sự gặp may trong các chiến công, trong quân đội quyết không để cho con của mình dựa vào công của cha để cầu hưởng vinh hoa. Nói cách khác, cho dù ta muốn cho con ta hưởng công thì cũng phải đích thân xin ơn sâu của Hoàng đế. Có lẽ nào phải giả mượn tay của Thạch Hanh nhỉ?" Điều này làm cho Thạch Hanh vô cùng xấu hổ, căm giận. Quan hệ giữa hai vị chỉ huy quân sự trọng yếu rất căng thẳng. Đại tướng doanh trại Kinh thành khác như: Đô đốc Trương Quỹ cũng do thất bại trong chiến đấu, bị Vu Khiêm quở trách, trong lòng oán hận Vu Khiêm. Tất cả những điều này đối với Vu Khiêm đúng thực là nguy hiểm, chẳng qua là do được Cảnh Đế ủng hộ, tình thế nguy hiểm mới được che đậy lại.

Tháng Giêng năm thứ 8 Cảnh Thái (năm 1457), Cảnh Đế Chu Kỳ Ngọc bệnh nặng không thể thị Triều được, quan Tổng binh Thạch Hanh và một số người khác như Tào Cát Tường, Từ Hữu Trinh phát động chính biến cướp quyền, ủng hộ Thái Thượng Hoàng Chu Kỳ Trấn phục vị, lập tức bắt ngay Vu Khiêm và Đại học sĩ Vương Văn. Thạch Hanh và đồng bọn vu cáo hãm hại Vu Khiêm và Hoàng Hồng là thiết lập chính quyền chống triều đình xây dựng thêm cung ở phía đông; sau đó lại cùng với một số người như: Thái giám vương Thành, Thư Lương, Trương Vĩnh, Vương Cần âm mưu lập con của Tương Vương kế vị, Thạch Hanh ra lệnh cho quan văn dâng biểu kể tội Vu Khiêm. Đô Ngự sử Tiêu Duy Trinh chịu sức ép của Thạch Hanh và đồng bọn xét xử Vu Khiêm, Vương Văn tội mưu phản,

bằng tra tấn cực hình.

Muốn gán tội cho người khác, thiếu gì chứng cứ Vu Khiêm hiểu rõ Thạch Hanh, Từ Hữu Trinh rất muốn đẩy mình vào chỗ chết, biện bạch cũng chẳng có 'tác dụng gì, công nghĩa chỉ có thể để lại cho lịch sử xem xét, cho nên im lặng không nói gì.

Còn Đại học sĩ Vương Văn, biện bạch hết lời, hết sức rửa tội cho mình, Vu Khiêm cười nói: "Đây là chủ ý của Thạch Hanh và đồng bọn, biện bạch có tác dụng gì đâu?" Thế là Vương Văn không thanh minh nữa.

Thạch Hanh và đồng bọn bảm tấu kết quả xử án lên Anh Tông, Anh Tông còn do dự không quyết, nói: "Vu Khiêm chống quân Ngoã Lạt quả thực có công với xã tắc". Từ Hữu Trinh ở bên cạnh nói; "Không giết chết Vu Khiêm, chúng tôi ủng hộ Bệ hạ cướp ngôi không hợp lễ pháp". Vì ngôi Hoàng đế của mình, vì che đậy chân tướng cướp ngôi của ông ta, Anh Tông đồng ý giết Vu Khiêm.

Không bao lâu, họ bêu xác Vu Khiêm ngoài chợ, kiểm tra và tịch thu tài sản. Vợ, con bị đày đi biên giới. Ngày Vu Khiêm chết, cả Kinh thành trời quang vạn dặm, bỗng mây đen kéo đến rồi đổ mưa, ông trời cũng tỏ rõ sự bất bình trước cái chết của Vu Khiêm.

Vu Khiêm, trong giờ phút khẩn cấp nguy vong của đất nước, dũng cảm đứng lên, lãnh đạo quân, dân chống lại Ngoã Lạt, giữ nước giữ nhà, có công xây dựng lại xã tắc, là một vị anh hùng đầu đội trời chân đạp đất. Công lao của ông là muôn đời bất diệt, lịch sử sẽ ghi nhớ công huân của ông, người đời sẽ nhớ mãi tên tuổi anh hùng của ông.

Sau khi Hiến Tông kế vị, những năm đầu Thành Hoá miễn xá cho Vu Miện là con của Vu Khiêm. Vu Miện dâng sớ kêu oan cho cha mình, thế là Hiến Tông sửa sai cho Vu Khiêm khôi phục lại chức quan cho Vu Khiêm, và tổ chức tế lễ Vu Khiêm. Trong văn tế đánh giá rất cao công lao của Vu Khiêm, ca ngợi Vu Khiêm là "Gánh vác biết bao gian nan của đất nước, bảo vệ xã tắc anh hùng không hổ thẹn" khôi phục bộ mặt vốn có của lịch sử Năm thứ hai Hoằng Trị (năm 1489) lại ban tặng cho Vu Khiêm danh hiệu: "Túc mẫn" bên cạnh mộ của ông xây dựng ; "Tinh Công từ" (đền thờ ghi ơn công) để cho người đời sau phúng viếng, tế lễ. Tất cả những điều này nói rõ, án oan bao giờ cũng được sửa sai, Công tích cuối cùng quyết không bị xóa bỏ, lịch sử thật là công bằng.

24. Lâm nạn vì bản Xuất thân luận

Sau khi "Đại cách mạng văn hoá" tiến hành, một bản Xuất thân luận có ảnh hưởng rất lớn trong xã hội xuất hiện. Tác giả của nó là Ngô La Khắc đã bị bắt, sau hơn hai năm ở ngục tù đã bị xử bắn thảm thương.

Ở trong thời buổi ấy, biết bao nhiêu người chịu ảnh hưởng bởi "xuất thân". Mẹ của Ngô La Khắc là phó giám đốc nhà máy công tư hợp doanh, cha là công trình sư Sở điện lực Hoa Bắc, năm 1957 cả hai vợ chồng bị quy kết là "phái hữu". Kết quả học hành của Ngô La Khắc trước là "ưu" bỗng chốc trở thành "trung bình". Anh yêu cầu vào đoàn thanh niên, nhưng không được phê chuẩn. Hai lần thi đại học, thành tích của anh rất tốt, nhưng vì lý do cha mẹ có "vấn đề" không thể trúng tuyển. Anh đọc sách, viết số lượng lớn, nhưng vì "vấn đề gia đình" không được đăng.

Một ngày nửa cuối năm 1959, Ngô La Khắc và một bạn học trò chuyện với nhau: "Các Mác, Mao Chủ tịch, Lỗ Tấn, xuất thân gia đình đều không phải là giai cấp vô sản, nhưng họ đều đã trở thành nhà cách mạng, nhà tư tưởng của giai cấp vô sản. Nếu như nói họ chủ yếu sống trong thời đại cũ, chịu ảnh hưởng gia đình ngay từ khi rất nhỏ, đến xã hội mới thì có làm sao còn xem gia đình là nặng nề đến vậy?". Anh cho rằng: "Người ta chịu ảnh hưởng từ xã hội là chủ yếu chứ không phải là gia đình".

Anh đọc tác phẩm Nguồn gốc và cơ sở của sự không bình đẳng của loài người của Lô-xông viết rất nhiều bình luận, ví dụ: "Trí tuệ", "mâu thuẫn", "Bế tắc", "Nhìn xa", "Văn tự so sánh" v.v... Lô-xông nói: "Nhà pháp luật học đã trình trọng tuyên bố rằng, con của kẻ nô lệ sinh ra là kẻ nô lệ. Nói cách khác, họ cũng khẳng định con người sinh ra cũng không phải là người". Nói mới đúng làm sao, thật chí lý!

Đêm trước năm mới 1961, Ngô La Khắc tình nguyện đi ra ngoại thành Bắc Kinh làm nông dân, đơn của anh được phê chuẩn. Anh đến một đột sản xuất nhỏ trồng rau của công xã Đỏ huyện Đại Hưng. Ở trong gian lều nhà nông anh đọc rất nhiều sách. Đầu năm 1964, do bị bệnh trở về thành phố.

Hai tháng sau, được phân công đến làm hợp đồng dịch vụ cho cơ quan tình báo khoa học, tiếp đó đến dạy học ở một trường tiểu học, không cố định nghiệp vụ. Anh tranh thủ mọi thời gian để đọc sách và viết sách.

Tháng 11 năm 1965, xuất hiện bài Bình về vở kịch mới lịch sử - Hải Thuy bãi quan của Diêu Văn Nguyên. Ngô La Khắc liền ngênh trận, viết mấy bài dài: Luận Thanh quan phi quan, "Nhân dân không cần Hải Thuy - Cùng trao đổi với đồng chí Diêu Văn Nguyên, Từ Hải Thuy bãi quan nói đến kế thừa di sản lịch sử" v.v... giống như là các trận nã pháo trực tiếp vào nhau. Nhưng các bài viết này không được đăng tải. Ngày 13 tháng 2 năm 1966, anh gửi cho "Văn hội báo" bài Nhân dân cần hay không cần Hải Thuy, bài này bị rút ngắn và in vào góc cuối trang tư. Đề mục bị chữa thành: Đã đến lúc duy vật luận tiến hành đấu tranh với máy móc.

Trong nhật ký, khi ở tuổi 23 anh viết rằng "Dám nói điều mà người khác không dám nói, dám đi con đường người khác không dám đi. Thiên hạ rộng lớn, ai dám như tôi, phủ định Diêu Văn Nguyên nào? Ai dám như tôi công khai trách oán Ngô Hàn, không tiến thêm một bước viết làm cho Hải Thuy càng cao siêu hơn?...

Trong nhật ký, anh còn viết rằng: "Học thuyết hôm nay đang đi theo con đường thần bí". Đoàn thanh niên công sản Trung ương kêu gọi, sùng bái vô hạn, tín ngưỡng vô hạn Mao Trạch Đông, đưa chân lý xem thành tôn giáo. Bất cứ lý luận nào đều không có giới hạn, còn bảo là vô hạn là hoàn toàn không có lý lẽ". "Để cho Trần Bá Đạt chủ biên tạp chí, "Hồng Kỳ", không là giáo điều, không là nạn lớn đó ư?".

Ngày 13 tháng 5, trong nhật ký anh viết "Cách mạng văn học, náo loạn đến mức không dám giao tiếp. Khắp trên giấy đều là lời nói của công nông binh, lời nói ra đều là lời được mớm lời. Tôi nghĩ giả sử lần này không phản đối Đặng Thác, mà người bị phản đối là Diêu Văn Nguyên. Chỉ cần báo chí nói là Diêu Văn Nguyên phản cách mạng, thì, tất cả công nông binh nói ra không cần phải sửa đổi, đã có thể dùng ngay trên con người Diêu rồi!! Ngày 4 tháng 6 lại viết: "Nhiệt tình cá tính hành động là mù quáng rất lớn... Cái gọi là báo chữ to của 7 người Đại cách mạng văn hoá ở Bắc Kinh, cũng chẳng phải là lừa bịp đó sao!".

Tháng 7, anh đến học làm công nhân ở nhà máy cơ khí Nhân dân Bắc Kinh. Ngày 29 tháng 7, "mở đại hội toàn nhà máy, công bố 2 văn kiện của Trung ương, từ nay về sau phương hướng vận động nhằm vào phái đương quyền... Điều này cơ bản không phải là đấu tranh giai cấp", "Đây không có liên quan gì đến văn hoá, càng không liên quan gì đến giai cấp cả"...

Ngô La Khắc biết rằng, tất cả nhật ký này sẽ là tai hoạ. Trưa ngày 28-3, anh gọi em gái là Ngô La Cẩm đến, chỉ vào một đồng ở trên giường nói:

- Để tránh tất cả những phiền phức không cần thiết, anh nghĩ không cần giữ lại tất cả những nhật ký, bản thảo, ghi chép v.v... ấy mà nên đốt đi. Trước khi đốt, rất hy vọng có người hiểu được anh. Nghĩ đi nghĩ lại, chỉ có em.

Anh cầm quyển "Nhật ký Bắc Kinh" bìa xanh lên nói:

- Quyển nhật ký này, đều ghi những suy nghĩ một năm qua của anh là quãng thời gian anh nghĩ rất chín chắn trong cuộc đời anh, nói gì thì nói không thể thiếu được. Em giúp anh giấu đến một nơi nào đó an toàn hơn, được không? Qua cơn giông tố rồi lấy trở về.

Ngô La Cẩm đồng ý. Ngày hôm sau, chị cho quyển nhật ký của anh trai kẹp vào trong vở của mình, rồi tìm chỗ để cất giấu nhưng trời sắp tối mà vẫn chưa tìm ra nơi vừa ý, chị đành giấu vào trong nhà vệ sinh trước cung văn hoá nhân dân lao động.

Không ngờ đến ngày sau bị người khác phát hiện.

Mấy ngày sau đó, Ngô La Khắc bị người trong xưởng dắt đi, dự "lớp học tập".

Tháng 9, được phóng thích về nhà, ở một khoảng trống trong ngôi nhà nhỏ, tối ngày hôm đó viết Xuất thân luận.

"Xuất thân gia đình là vấn đề xã hội vốn là nghiêm trọng xưa nay" "Xuất thân dường như quyết định tất cả". "Bao nhiêu thanh niên không may chết do phi mệnh, chết thảm do vực sâu xuất thân gia đình...!" "Cha anh hùng con hảo hán. Cha phản động con ăn cướp". Câu đối này không phải là chân lý, sai lầm tuyệt đối" "Sai lầm của nó ở chỗ: cho ảnh hưởng gia đình vượt quá ảnh hưởng xã hội, không nhìn được tác dụng có tính quyết định của ảnh hưởng xã hội".

"Con người có thể lựa chọn cho mình hướng đi lên. Đây là do chân lý bao giờ cũng càng lớn mạnh, càng có sức lôi cuốn" "suy cho cùng, một con người chịu ảnh hưởng là tốt hay xấu phải được kiểm nghiệm trong thực tế...".

Anh đã phấn khích viết ra một bản tuyên chiến!

Sau khi viết xong, anh gửi cho Trung ương Đảng, nhưng không có hồi âm. Lúc đó, các tờ báo nhỏ cũng không dám đăng tải bài viết này. Em trai ở Quán Liên, Quảng Châu gửi thư về báo: có thể dùng phương pháp in dầu giản đơn. Anh bèn mua giấy, mượn bản kẽm khắc chữ, in dầu ra hàng trăm bản, chú danh là "Tiểu tổ nghiên cứu vấn đề xuất thân gia đình".

Xuất thân luận đã được sự ủng hộ. Máy học sinh trường Tứ Trung Bắc Kinh tán đồng quan điểm này, lấy một bản đăng toàn văn lên báo "Cách mạng văn hoá trung học" kỳ thứ nhất 3 vạn bản, in lại 6 vạn bản và được bán hết rất nhanh.

Ngô La Khắc hứng thú, viết tiếp liền 10 bài khác, tiến hơn một bước phân tích bổ sung bàn về huyết thống. Báo "Cách mạng văn hoá trung học" danh tiếng vang dội, "Xuất thân luận" được truyền bá

rộng rãi, nhưng cũng nhận được sự phản đối và chửi rủa mãnh liệt.

Ngày 14 tháng 4 năm 1967, Thích Bản Vũ thành viên "Cách mạng văn hoá Trung ương" tỏ thái độ nói "Xuất thân luận" là phản động. Khoảng thời gian tháng 4 và 5, Ngô La Khắc năm lần gửi sách cho Mao Trạch Đông, nói rõ quan điểm của mình, nhưng không có thư trả lời.

Nửa năm ấy, anh viết bài Công tư luận (đầu tư công nghiệp), kiến nghị thực hiện chế độ đầu tư công nghiệp mới, chỉ rõ: "Kiểu kinh tế kế hoạch này, rất cần phải sửa đổi".

Cuối năm, Ngô La Khắc viết Tổng kết năm 1967 dài đến 7000 chữ. Anh nhớ lại "Xuất thân luận" và trước sau viết thành bài văn hàng chục vạn chữ. Bài có đoạn: "Các bài viết này phổ biến rộng tới khắp mọi nơi đông tây nam bắc, trong ngoài thành phố... in đi in lại có chừng hàng triệu bản, không hiểu là đã ảnh hưởng đến biết bao nhiêu người". "Tôi biết rằng, tuyên chiến với thế lực truyền thống mạnh mẽ sẽ chẳng có kết quả tốt đẹp. Song, tôi dám chuẩn bị đón đợi phong ba mà tiến lên", Bàn về "Xuất thân luận", tôi biết được là ôm lấy một tôn chỉ hiển thân. Tôi nghĩ, lịch sử sẽ xem xét lại đoạn đời hoạt động này của tôi" "tất cả mọi trường phạt đều không đè bẹp được các chiến sĩ đấu tranh cho chính nghĩa. Họ tin tưởng chân lý, họ sẽ không sợ hy sinh...".

Ngày thứ 5 viết xong tổng kết, Ngô La Khắc bị bắt.

Tối đó tiến hành dự thẩm lần đầu, anh nói rõ: "Tôi không rõ vì lý do gì đưa tôi đến đây" "Mấy năm qua, tôi không làm bất cứ việc gì có lỗi với Đảng và nhân dân. Nhật ký của tôi là biểu đạt của tình yêu nông nân của tôi đối với Đảng, tôi mãi mãi theo Đảng Cộng sản".

Dự thẩm viên tuyên bố. "Anh công khai điểm danh công kích Diêu Văn Nguyên, tức là công kích bộ tư lệnh giai cấp vô sản".

Dự thẩm viên nói anh ấy công kích "Thủ trưởng trung ương".

Ngô La Khắc nói:

- Tôi cho rằng, Trần Bá Đạt là người chủ nghĩa giáo điều tả khuynh... Trần Bá Đạt dùng từ ngữ thời đại phong kiến để ca ngợi Mao Chủ tịch là thích hợp ư?

Dự thẩm viên chửi toáng lên.

Trong lần thẩm vấn thứ 44, dự thẩm viên chửi anh là "Phản cách mạng cứng đầu". Anh nghe được mùi máu chết chóc trong lời nói đó, và cười khinh bỉ:

- Tôi còn trẻ, chưa có cống hiến cho Đảng và nhân dân. Chết thì chưa được.

Lại trong một lần thẩm vấn, thẩm vấn viên dọa rằng:

- Ngô La Khắc, anh ngoan cố vô cùng! Kết cục anh đã nghĩ ra chưa? Dành cho anh 2 phút suy xét hậu quả.

Trong phòng còn lại mỗi mình Ngô La Khắc, sau hai phút trôi qua, xộc vào là mười mấy con người, không khí dường như đông kết cứng lại.

- Ngô La Khắc, suy xét kỹ chưa?

- Suy xét kỹ rồi! Kem đánh răng tôi dùng đã hết rồi, để cho gia đình tôi mang tới một hộp nữa!

Anh bình tĩnh trả lời.

Ngô La Khắc đề nghị với toà án:

- Hy vọng Chính phủ thực tế với các tài liệu tập hợp lại và lắng nghe lời tỏ bày của cá nhân tôi!

Nhưng yêu cầu này đã bị cự tuyệt.

Ngô La Khắc đã từng nói với cánh bạn trẻ cùng trang lứa rằng:

- Tôi sớm đã hiểu rồi. Trước hết mà nói, tôi không bao giờ phản bội Tổ quốc, thứ hai, tôi không bao giờ tự sát. Các bạn nghe tin tôi tự sát, đó là lời bịa đặt. Thứ ba là, tôi tuyệt đối không thừa nhận mình phản cách mạng, tôi bao giờ cũng nói mình là chiến sĩ cách mạng của giai cấp vô sản.

Chiến sĩ kiên cường Ngô La Khắc cuối cùng đã bị án tử hình. Ngày 5 tháng 3 năm 1970, tại sân vận động công nhân Bắc Kinh, Ngô La Khắc bị cạo trọc đầu, trên mình đeo băng lớn, nhưng đầu ngẩng

cao, "Tuyên án tử hình, lập tức thi hành".

Ngô La Khắc hiển trọn sinh mệnh khi vừa tròn tuổi 27.

Ngày 21 tháng 11 năm 1979, toà án nhân dân cấp thành phố Bắc Kinh phê chuẩn trắng án cho Ngô La Khắc, chính thức công bố "Ngô La Khắc vô tội".

25. Nỗi oan theo xuống suối vàng.

Trong "Đại cách mạng văn hoá", người đầu tiên dán báo chữ to phê phán Lâm Bưu là Thư Trại. Chị tham gia Tân Tứ quân 1987, vào Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1938. Năm 1941 do chống lại hôn nhân, hát bài ca tình yêu nên bị "lưu lại Đảng xem xét" một năm chờ xử lý. Chị ở trong nhà tù, giấc không khuất phục được. Lý Tiên Niệm, Đào Chú, Trần Thiếu Mẫn v.v... biểu dương khen ngợi. Nhưng sau đó chị do chống Lâm Bưu mà bị vào ngục, và không may bị chết trước khi Lâm Bưu "bị nổ tan".

Ngày 2 đến ngày 4 tháng 12 năm 1966, 18 địa điểm ở Bắc Kinh như bến xe, cơ quan, nhà trường, góc phố, xuất hiện báo chữ to giống nhau nội dung, mũi nhọn chĩa vào Lâm Bưu. Số báo chữ to này là Thư Trại viết trọn trong 2 ngày 2 đêm, tiêu đề là:

"Dám chết để lại ra được tử âm mưu của giai cấp tư sản bên cạnh Mao Chủ tịch". Chị viết: Phần tử âm mưu, nhà âm mưu" để chỉ Lâm Bưu, có điểm thì viết tắt chữ "hồ", nhưng nét bút cuối cùng hất lên vẩy xuống, hình như là chữ "beo".

Chị viết rằng: "Lâm Bưu là một phần tử âm mưu chính trị hiểm độc tàn ác. Ông ta y vào công lao quân đội, lừa dối tín nhiệm, lợi dụng quyền lợi Đảng cho phép, tiến hành phá hoại chính trị ghê gớm" "Ông ta đón lấy bộ cà sa nhưng xảo trá bịa ra lòng tin cá nhân, ám hại đảng viên cộng sản ưu tú của Trung ương Đảng, cốt cán của Đảng và tiến thêm một bước nữa là đánh đổ Mao Chủ tịch, thực hiện cướp quyền của Đảng và chính quyền, tiến tới âm mưu cướp quyền quân đội. Đây mới là tội trạng đích thực làm cho lòng người phẫn uất xung thiên.

"Chúng ta nên chính xác phân tích câu Lâm Bưu nói mà ai ai cũng đã từng biết. Đó là "Tại dụng tự thượng ngân hạ công phu" (câu này nghĩa là trong việc dùng chữ nghĩa rất công phu). Còn ông ta thì lại nói "tại dụng tự thượng hoa lực khí" (câu này nghĩa là: "trong việc dùng chữ nghĩa tốn sức lực"), liều lĩnh tạo ra nhiều loại thuật ngữ chính trị, dùng trò chơi chữ để tạo nên sự hỗn loạn trong tư tưởng tổ chức chính trị. Biên soạn in ấn quyền "Trước tác Mao Chủ tịch" (Mao Chủ tịch ngữ lục) nói rõ là để "mạ vàng". Chủ tịch nói: "Sử dụng một cách phiến diện từ ngữ câu văn cá biệt của Các Mác, Ăngghen, Lê-nin, Stalin mà không vận dụng lập trường, quan điểm và phương pháp... là rất có hại". Lâm Bưu vì sao cứ dùng phương pháp dẫn trích các từ ngữ câu văn cá biệt, giữ nghĩa bỏ chương ấy?

"Lâm Bưu nêu "Bốn cái thứ nhất" "Bốn cái đọc rồi không quên" không hợp thực tế. Mỗi một người đều có tư tưởng, có quan niệm phong phú, cũng có vấn đề cá nhân, nhân thể là bất cứ lúc nào cũng nổi bật, đều phải nhớ lấy đừng quên. Các khẩu hiệu này xem ra là rất "tả", song trong thực tế à hoa lệ không thực tế".

"Tư tưởng Mao Trạch Đông là phương châm chỉ đạo trên mọi công việc của chúng ta. Lâm Bưu lại nói rằng" "Chỉ thị tối cao", rõ ràng là có mùi mẽ của mệnh lệnh hành chính và cũng có cả mùi mẽ địa vị. Đây là kiểu dung tục hoá tư tưởng Mao Trạch Đông. Xem ra thì dâng nâng rất cao nhưng trong thực tế là đang mỉa mai hạ thấp..."

Đối mặt với báo chữ to đột ngột xuất hiện sức nức mùi mực, hội đồng quân quản lúc đầu có chỗ không hiểu cách làm thế nào. Đại biểu quân quản bị trách mắng nghiêm khắc, mới lo lắng gửi công văn trả lời cho tiêu tổ "Cách mạng văn hoá Trung ương": "Chúng tôi sẽ tuân lệnh, lập tức tổ trình sát và sẽ đưa được tội phạm về quy án".

Ngày 7 tháng 12, Thư Trại bị một xe cảnh sát bắt đi. Tại sở Công an thành phố Bắc Kinh, chị nhiều lần bị thẩm vấn.

Dự thẩm viên hỏi chị: "Phó chủ tịch Lâm làm hại người lương thiện trung thực là ý tứ làm sao?".

Thư Trại trả lời: "Ông ta trên Hội nghị toàn thể lần 11 khoá 8 nói, cần loại một số, giữ một số,

thanh trừ số trái ngược. Đánh đổ La Thụy Khanh chính là một ví dụ... Dán quá nhiều báo chữ to phản đối Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ, vì sao không có người quản? Tôi xem họ viết: "Bàn về tu dưỡng của người cộng sản" là có công hiến; hiện giờ phê phán tài liệu của Lưu Thiếu Kỳ là không đầy đủ, cũng không thể là chỗ dựa vững chắc cho sự chụp mũ cho ông. Các anh chụp cho An Tử Văn cái mũ kẻ phản bội có gì đảm bảo sự thật xác đáng? Ngoài ra, tôi còn nhìn thấy báo chữ to viết về Trần Nghị, Đàm Chấn Lâm, Lý Tiên Niệm, Bạc Nhất Ba. Vì sao nói là đã đảo phái đương quyền đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, và đánh đổ số thủ trưởng lão thành này, đập nát cán bộ tốt, không đúng là tàn hại người trung thực lương thiện sao?

Thư Trại biết là, Lâm Bưu thủ đoạn ác độc, quyền lớn trong tay. Chị chống lại ông ta như vậy là chuốc họa vào mình, khi dán báo chữ to, chị đã chuẩn bị, trước hết là đã gửi cho người thân giữ lại một bức thư, nói, nếu chị chết đi rồi cần chôn vào chỗ của mẹ.

Tháng 10 năm 1969, Thư Trại bị coi là chính trị phạm quan trọng, phiên hiệu 01, cùng bị giam ở nhà tù số 3 vùng Lâm Phần tỉnh Quảng Tây với nhà soạn nhạc nổi tiếng Cù Hi Trân.

Chị bị xích đơn độc trong một cái hầm, tay bị còng, chân bị xích, còn buộc phải đi một đôi ủng gỗ đặc biệt, suốt ngày này sang ngày khác bị đánh đập tra hỏi. Chị bị lên cơn sốt cao.

Cuối năm 1979, Thư Trại bị chuyển đến giam giữ ở phòng Công an huyện Thất.

Chị bị bệnh phổi rất nặng, luôn luôn phải đeo khăn trang, khi đó ông nhỏ trên còn đầy giấy vì sợ lây truyền sang người khác.

Mặc cho chị lết lê thân tàn bệnh tật, nhưng sự ngược đãi và đòn roi vẫn không giảm bớt.

Một số người nữ nhìn thấy xiềng xích dưới chân chị hỏi: chị đau không? Chị nói: "Đây cho là sự chiếu cố rồi. Trước mang là xiềng xích thô, giờ mang bộ này nhỏ và nhẹ đi nhiều".

Trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, Thư Trại đã từng bị địch bắt ở vùng địch tạm chiếm, kiên trinh bất khuất, thậm chí đã làm cho hiến binh Nhật khâm phục. Thoát khỏi miệng hổ, trở về biên khu Hà Bắc - Hà Nam. Bí thư Đảng ủy biên khu Trần Thiệu Mẫn trong đại hội chào đón đã cảm động nói rằng: "Đồng chí Thư Trại của chúng ta, lúc, bị quân địch tàn bạo dùng súng đánh đập tổn thương võ não, gãy còm, vẫn hô to: "Người Trung Quốc không làm vong quốc nô", "Người Trung Quốc đoàn kết lại, đã đảo chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản", "Đổ máu để giải phóng Trung Hoa là vinh quang", đây quả là không giản đơn".

Thư Trại đích thực không giản đơn, chị được gọi là "anh hùng văn khải" (nữ anh hùng, cô gái thần kỳ) chị đã nhiều lần gặp vận nguy. Đến năm 1945, còn có người hỏi dò chị những biểu hiện trong ngục tù quân địch. Rất may, Trần Thiệu Mẫn và một số người khác đã làm chứng, thẩm phán mới chấm dứt. Còn giờ đây, do nhìn rõ bộ mặt thật của Lâm Bưu mà lại chịu giam cầm.

Một hôm, nhân viên quản lý lệnh cho Thư Trại quỳ xuống giữa sân, chị kiên quyết không nghe, đã hô vang: "Các người đã chẳng nói, không để địa vị cao đến bao nhiêu, quyền lực lớn đến mấy, ai chống lại Mao Chủ tịch thì đều cần đánh đổ đó sao? Tôi chống Lâm Bưu, dán báo chữ to về ông ta, có gì là sai? Các người cần quỳ xuống trước nhân dân, để cho nhân dân thẩm vấn các người!".

Thư Trại yêu cái đẹp, yêu thiên nhiên, càng yêu hơn Đảng Cộng sản. Trong nhật ký của mình, chị viết: "Lớn lên, tôi dần dần đã có được được cách chọn hoa riêng. Thích hoa lan huệ lặng lẽ trắng trong, hương thơm dịu mát bay xa. Yêu hoa sen gần bùn mà chẳng hôi mùi bùn. Mê thủy tiên thanh cao mỹ miều siêu phàm. Cũng rất yêu ngọc lan và hoa hồng vì ngọc lan đẹp thơm giữa trời cao xa với bụi trần, còn hoa hồng tuy có nhiều gai nhưng hương thơm cuốn hút. Nhưng tôi nặng tình với hoa mai mùa đông. Thuở tuổi trẻ, thường song vai với hoa mai trong tuyết lạnh, khí phách anh vũ, tình đời trung trinh, sinh trưởng trong gian truân khốn khó".

"Tôi viết những điều này, là viết cái tính cách linh hồn tâm huyết và tình cảm của một người mác xít phải lý giải đúng đắn toàn diện nhân sinh quan.

Tôi yêu đầm thẳm giang sơn xã tắc, yêu núi sông Tổ quốc, thảo nguyên mênh mông, yêu hạt lúa củ khoai, cánh chim mây trắng, hoa thơm cỏ lạ cũng giống như yêu mẹ hiền yêu tất cả, yêu toàn bộ sự nghiệp vĩ đại của Đảng..."

Nhưng, trải qua 5 năm bị giày xéo đầy đau, đầu năm 1971, bệnh tình của Thư Trại nặng hơn, khối u ứ đọng ở trên cổ vỡ ra, đôi mắt nhiễm khuẩn, sau khi đưa vào bệnh viện huyện Thất, suốt 10 ngày không ăn không uống và không cả được chạy chữa, nên sáng sớm ngày 19 tháng 5 năm 1971, chị đã đau đớn qua đời.

Sau đó 4 tháng Lâm Bưu đã bị trả giá, nhưng Thư Trại kể từ khi về cõi vĩnh hằng vẫn mệnh mang nỗi oan, cho đến 16 năm sau, tức năm 1987 mới được làm sáng tỏ.

Di vật Thư Trại để lại chỉ có một nắm tóc, một tranh Lê-nin, một bộ quần áo còn giầy máu hồng loang lổ. Nhưng cái chị để lại nhiều nhất cho mọi người là sự suy ngẫm...

26. Ai đáng là người nhận tội

10 giờ 12 phút ngày 4 tháng 4 năm 1975, ở trường bắn Thảm Dương, một tiếng súng vang lên, một người anh hùng ngã xuống không một tiếng kêu. Yết hân của chị bị cắt đứt một cách dã man. Chị có rất nhiều lời cần nói, nhưng đã không còn cách nào rồi...

Chị là Trương Chí Tân.

Trương Chí Tân tốt nghiệp khoa Nga văn Đại học Nhân dân Trung Quốc, được phân công về công tác ở Ban tuyên truyền Tỉnh uỷ Liêu Ninh. Sau khi "Đại cách mạng văn hoá" bắt đầu, đã diễn ra muôn vàn việc kỳ quái, làm cho chị chẳng hiểu gì nữa.

Tháng 2 năm 1968, Trương Chí Tân từ Bắc Kinh, Thiên Tân về đến. Thảm Dương, gặp chồng là Tăng Chí, câu đầu tiên là:

- Anh Tăng ạ? Suốt nửa tháng nay, ruột gan em rối bời, không yên tâm. Ở Thiên Tân, Bắc Kinh, khắp nơi đều phê đấu, vũ đấu. Cứ như thế này thì sống sao nổi! Giang Thanh một tay che trời, bà ta là cái thá gì? Em hoài nghi lắm!

Trương Chí Tân trở nên trầm ngâm, dường như một lời cũng không nói, chỉ có suy nghĩ, trong lòng chất chồng sầu muộn.

Một hôm, trong hội trường mở hội nghị phê bầu Bí thư tỉnh uỷ. Khoảng giữa chừng tiếng hô "đả đảo" Trương Chí Tân nấc nghẹn lại. Sau hội nghị, chị khổ đau, khóc không thành tiếng. Chị nghĩ không ra, cán bộ lão thành lần lượt bị đánh gục. Từ Trung ương cho đến địa phương, có một số phạm sai lầm vậy sao không đánh đổ đi! Chị nói lời tâm huyết với đồng chí mình:

- Ở đây có danh đường! Trung ương cách mạng văn hoá có danh đường (ý chỉ chuẩn mực công lý). Tôi cơ bản không hiểu được Giang Thanh, Diệp Quần và một số người nữa. Còn với Lâm Bưu thì tôi không tin nhiệm.

Không lâu sau, Trương Chí Tân cùng hàng vạn cán bộ nguyên Cục Đông Bắc, Tỉnh uỷ Liêu Ninh, UBND Tỉnh đến trường cán bộ "7-5" Bàn Cẩm, lập tức cuộc "thanh lọc đội ngũ" bắt đầu. Mỗi một "tên địch" bị vạch ra, có người không chịu nổi lạng nhục đã tự sát.

Trương Chí Tân dần dần hiểu ra vấn đề, chị không còn trầm ngâm nữa, mà dũng cảm bày tỏ quan điểm của mình. Chị nói:

- Với Giang Thanh thì tôi hoài nghi. Nêu một số ý kiến với Giang Thanh sao lại không thể được? Giang Thanh có vấn đề gì mà không vạch ra? Cách mạng văn hoá Trung ương cũng có chỗ vạch ra chứ? Cái gì là "Đỉnh cao"? Cái gì là "một câu, địch một vạn câu", cái gì "không lý giải mà cũng phai

chấp hành", cứ như thế này tiếp tục thì không thể tưởng tượng nổi.

Vào lúc bấy giờ, ai dám nói với Lâm Buru, Giang thanh và đồng bọn cái chữ "không"? Trương Chí Tân quả là to gan! Có người khuyên riêng với chị: "Cô đừng có đại mồm nữa. Đó là luận điệu của "phản cách mạng" đó mà? Dù gì đi nữa, cô cũng lập tức đóng cửa đập lại!". Trương Chí Tân: "Cái đập này tôi không thể đóng lại. Anh xem xem, Đảng vĩ đại của chúng ta bị chà đạp không còn ra gì nữa. Nhìn xem nhân dân chúng ta, Tổ quốc chúng ta...".

"Chỉnh Đảng bắt đầu rồi. Trương Chí Tân đọc trước tác Mao Trạch Đông, nghĩ lại từ "Đại cách mạng văn hoá" đến nay xuất hiện nhiều vấn đề.

Chị viết cho Đảng lời từ đáy lòng mình: "Nhà duy vật chủ nghĩa triệt để là không biết sợ, không thể không kiên trì chân lý, không thể không là ngọn cờ tươi rói, tôi dám nhìn thẳng sự thật, cho dù sự thật có cay đắng đến mức nào?".

"Lũ bốn tên" ở cái đảng chết tiệt Liêu Ninh đã hạ lệnh bắt Trương Chí Tân. Ngày 24 tháng 9 năm 1969, mở hội nghị "Phê đấu Trương Chí Tân, phân tử phản cách mạng hiện hành". Trương Chí Tân bị còng tay đưa vào nhà giam.

Có một đồng chí, cũng vì nói một câu: "Tôi không hiểu đồng chí Trương Chí Tân sai ở chỗ nào! Đảng viên cộng sản nói rõ kiến giải của mình lẽ nào phạm pháp? Quan điểm của đồng chí ấy có lý lắm" và lập tức bị bắt, án 18 năm tù đầy cực hình.

Công lý ở đâu? Chính nghĩa là ở nơi nào?

Ở trong tù, Trương Chí Tân nhiều lần bị thẩm vấn. Mỗi lần như vậy, chị đều trình trọng tuyên bố.

- Tôi không có tội, tôi không phải tội phạm. Anh không thể dùng khẩu khí như với bọn tội phạm để nói với tôi.

Với các câu hỏi của nhân viên thẩm phán, chị đều cự tuyệt trả lời. Thẩm phán viên chỉ còn có cách "bàn về cảm tưởng" đề moi chuyện. Trò đi chuyện lại, thẩm phán viên nhận thấy "Trương Chí Tân thuần thực tư tưởng. Không thể cấu thành tội phạm, không thể thành án". Kết quả là, thẩm tra này bị rời khỏi cương vị, phái thẩm tra khác đến. Thẩm tra viên mới mặt mày âm thanh dần dừ, chất vấn Trương Chí Tân:

- Chị vì lẽ gì công kích Phó thống soái Lâm Buru.

Trương Chí Tân trả lời:

- Đây là cách nhìn của tôi Đây không phải là hành vi phản cách mạng.

- Chống lại Phó thống soái Lâm Buru là chống lại Đảng, chống lại Chủ nghĩa Xã hội.

- Tôi có chỗ nào là chống lại Chủ nghĩa Xã hội? Anh hãy nói cho tôi biết đi?

- Chị đã phạm tội công kích Đảng Cộng sản Trung Quốc vĩ đại.

- Tôi không công kích Đảng. Tôi là một đảng viên cộng sản. Đảng bồi dưỡng tôi tham gia quân đội, đi học, tôi phản thế nào được Đảng? Một đảng viên cộng sản nêu một cách nhìn của mình là phù hợp với nguyên tắc của Đảng.

Thẩm vấn viên lệnh cho Trương Chí Tân viết một bản nhận tội.

Trong đêm vắng lặng, trong cánh cửa song sắt, Trương Chí Tân dâng trào hưng phấn, viết một bài thơ bi tráng:

Tội của ai?
Trong bao năm tháng dài lâu

Vẫn đấu tranh kiên quyết một lòng

Bị mất đi sự lãnh đạo cụ thể của Đảng

Cô biết vẫn phải làm gì.

Kêu gọi không lời hồi đáp.

Cỏ khô, nước mắt lưng tròng

Dưới diu dặt của chiêm hữu

Cô rèn luyện trưởng thành

Con tim đỏ hiên ngang cách mạng

Mãi mãi không quên lời thề.

Vì chân lý chiến đấu, thề chết bảo vệ Đảng

Hôm nay bị hỏi tội,

Ai đáng là người chịu tội?

Hôm nay đến hỏi tội.

Tôi - người không có tội!

Chị đã phổ nhạc bài "Tội của ai, hát la la và cao hứng ca vang. Mười ngày sau Trương Chí Tân giao "bản nhận tội" dài muôn vạn lời.

Thẩm vấn viên đọc bản "Nhận tội" không may nhận tội này, trong lòng diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt, cuối cùng quyết định án 15 năm tù giam.

Có vị "Tai to mặt lớn" trong tỉnh nổi giận lôi đình, đích thân thẩm vấn Trương Chí Tân, bác lại ý kiến của toà án, xử Trương Chí Tân tù chung thân!

Thế nhưng, Trương Chí Tân vốn vẫn không thừa nhận mình là "Phạm nhân". Trong khi viết tài liệu chỉ đều cho dấu "nháy" vào chữ "phạm nhân".

Lời tố trình của chị có ai để mắt tới...

Ngày 26-10-1970, Trương Chí Tân chuyển từ Bàn Sơn đến trại giam Thẩm Dương.

Ngày 25-12, là kỷ niệm 15 năm vào Đảng. Chị viết bài thơ: "Nghênh tân":

Mười lăm năm trước cũng hôm nay,

Tôi trang nghiêm đọc lời thề vào Đảng,

Phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội,

Hiến thân cho giải phóng loài người.

Mười lăm năm sau cũng ngày này,

Tôi nghiêm túc nhận phán quyết, của Đảng

Có phải đâu tôi phản bội lời thề,

Cũng không phải Đảng cho tôi oan khuất

Cớ vì sao chưa có kết án!

Thời gian và thực tiễn sẽ công bằng phán xét!

Đi tìm chân lý, kiên trì chiến đấu,

Hướng tới con đường Đảng đã chỉ ra,

Lái con thuyền sinh mạng vượt lên xa

Đào bỏ gốc tư lợi chống chọi làn ác dữ

Mãi mãi về phía trước

Dũng cảm chịu thử thách gian nan

Lấy thắng lợi đón chào mùa xuân sang.

Thời gian thoi đưa đã năm năm 1975, Trương Xuân Kiều bảo không sợ gì hết, cần "giết người".

"Lũ bốn tên" vô cùng dã man ác độc nói rằng ở Liêu Ninh: "Trương Chí Tân cứng đầu cứng cổ, sống thêm một ngày là chúng ta phải làm thêm một ngày, giết quách đi cho xong"? Tiếp nhận ý đó, toà án giải quyết thủ tục tăng hình phạt lên mức án tử hình.

Căn cứ theo trình tự pháp luật, tuyên án tử hình phải có 12 ngày trở lên kháng án. Thế nhưng mới đến ngày thứ hai đã chấp hành. Bình minh ngày 4 tháng 4, quản giáo viên hỏi Trương Chí Tân: "Chị

còn có gì để nói nữa không?".

Trương Chí Tân đại để có bất ngờ nhưng thản nhiên nói: "Tôi là một đảng viên cộng sản. Quan điểm tôi dù chết cũng không thay đổi".

Kẻ chấp hành sợ Trương Chí Tân đấu tranh trên pháp trường, đã đã man hết tính người cắt đứt hầu của chị. Sau khi xử bắn xong, lấy một miếng vải đen quấn lên cổ liệt sĩ mới để chụp ảnh nhằm che đậy sự tàn bạo.

Trời xanh cũng phải khóc! Đáng thương cho thi thể liệt sĩ Trương Chí Tân nát tay chân mà vẫn không biết đồ gục.

Mẹ già gần 80 tuổi của Trương Chí Tân biết được tin dữ khóc thét lên, trong cơn nấc nghẹn, cầm bút viết rằng: "Con của tôi là Lưu Hồ Lan, là Hàn Anh, quyết không phản cách mạng? Không nhìn thấy kết luận này, tôi chết không nhắm mắt?"

Trời cao có mắt, chính nghĩa cuối cùng đã chiến thắng gian tà! Ngày 31-3-1979, Tỉnh ủy viên Liêu Ninh mở đại hội, tuyên bố trắng án cho Trương Chí Tân, truy tặng liệt sĩ, kêu gọi đảng viên cộng sản và nhân dân học tập chị.

Ngày 4 tháng 4, ngày mà 4 năm trước Trương Chí Tân hy sinh, Tỉnh ủy Liêu Ninh tổ chức lễ truy điệu chị. Trong hộp tro không có tro...

Ngày 9-9-1969, Trương Chí Tân viết cho chồng một bức thư:

"... Một người cho dù là sống hay chết, chỉ cần vì cách mạng thì cuộc sống mới có ý nghĩa. Em hiểu rõ cách mạng, quyết hy sinh tất cả cho cách mạng. Sự nghiệp cách mạng chân chính mãi mãi thành vững, lớn mạnh mỗi ngày. Em nguyện làm nắm đất nhỏ chút sức lực nhỏ góp cho ngày mai tươi đẹp. Nhưng có được không khả năng này, xem ra không do em quyết định rồi".

Bức thư này, qua 10 năm sau mới đến tay Tăng Chí. Nó sớm trở thành lời báo trước vĩnh biệt...

27. Nhìn trước được cái chết

Tháng 7 năm 1966, anh đã sớm lường đoán được rằng: "Cuộc đại cách mạng văn hoá" chưa từng có trong lịch sử này sẽ "kéo lùi Trung Quốc chỉ ít 10 năm".

Thế là, ngày 27 tháng 4 năm 1977 sau khi "Lũ bốn tên" bị đập tan, anh lại bị "tuyên án tử hình, lập tức thi hành", khi bị thảm vĩnh biệt thế gian anh mới 31 tuổi.

Anh tên là Vương Thân Dậu.

Vương Thân Dậu là sinh viên của một gia tộc, thân thích họ hàng. Cha anh là một công nhân phổ thông cần cù, mẹ cũng là công nhân nhà máy diêm. Năm 1962, Vương Thân Dậu thi đậu điểm cao khoa vật lý Đại học Sư phạm.

Năm 1964, từ Bắc Kinh chuyển đến chỉ thị:

"Quy chế học tập rút ngắn, giáo dục cần phải cách mạng". Nhà trường làm "cải cách dạy học", học sinh phải vào nhà máy lao động, đẩy xe phân, đổ thùng ngửa. Vương Thân Dậu không yên tâm lao động trong nhà máy, bị phê bình nghiêm khắc, bị ép buộc làm kiểm thảo.

Mùa thu năm 1965, Vương Thân Dậu và các bạn học cùng đi đảo Sùng Minh, đến một xưởng hợp tác sản xuất nông cụ bằng gỗ, tham gia phong trào "Tứ thanh" cùng công nhân quai búa. Vương Thân Dậu có tập quán ghi nhật ký. Trong nhật ký, gọi cho anh cách nhìn về "cải cách dạy học", khiến anh ưu tư đối với tiền đồ dân tộc. Thế nhưng, nhật ký của anh có kẻ xem trộm. Trong nhật ký anh dùng chữ cái tiếng Anh để ghi tên người, bị cán bộ lớp dùng "quan niệm đấu tranh giai cấp cao độ để phê phán" và ngay lập tức báo cáo lên chi đoàn khoa và Đảng uỷ nhà máy. Trên chỉ thị: "Đi tìm một ít tài liệu". Chi đạo viên chính trị khai trừ Vương Thân Dậu khỏi chi đoàn. Hai uỷ viên chi đoàn, một người che gió, một người giở nhật ký của Vương Thân Dậu, mang đến cho Đảng uỷ nhà trường. Nhà trường cử người theo dõi, không hề phát hiện ra manh mối nào của "tập đoàn phản cách mạng". Lãnh đạo viên chính trị nhiều lần tìm gặp Vương Thân Dậu nói chuyện. Yêu cầu anh nộp lại nhật ký. Vương Thân Dậu quyết định: Dù có không được vào đoàn, cũng không giao nộp nhật ký? Ai có quyền xem nhật ký của người khác?

Ngày 23 tháng 6 năm 1966, Vương Thân Dậu từ đảo Sùng Minh trở về Đại học Sư phạm. Nhà trường đã triển khai việc phê đấu, báo chữ to phủ kín đất trời, giáo sư già được lệnh cuốc cỏ dưới trời nắng gắt. Thư viện nhà trường mở thêm một "phòng cuốc cỏ" mới, phê phán "thế giới cũ" sau 17 năm giải phóng!

Vương Thân Dậu ghi suy nghĩ của mình:

"Cuộc đại cách mạng văn hoá này đẩy giới văn nghệ sỹ, giáo dục, khoa học kỹ thuật lâm vào tình trạng khốn đốn và cũng ảnh hưởng tới ngành khác.

Không biết là sẽ bao nhiêu năm, bao nhiêu tháng mới trở về trạng thái ổn định. Không có lẽ cứ như thế này mà vòng tuần hoàn đi xuống ư?... Giá mà mù quáng không nhận thức được (xem ra cũng có khả

năng là vậy) và như thế thế sự sẽ càng loạn thêm, lịch sử Trung Quốc sẽ thoái lui chỉ ít cũng 10 năm. Quốc gia không may rồi!

Trung tuần tháng 9, học sinh toàn trường cùng đến Bắc Kinh để Mao Chủ tịch kiểm duyệt.

Trước khi ra đi, Vương Thân Dậu và mấy bạn xuất thân từ giai cấp tư sản ra khỏi đội hình.

Để thể hiện tính "cách mạng", Vương Thân Dậu viết báo chữ to đập lại báo chữ to phê phán Thường Khê Bình (nguyên Bí thư Đảng ủy Đại học Sư phạm Hoa Đông, dài đến 140 trang, sôi động cả trường, có người còn in thành tập nhỏ phát rộng rãi. Vương Thân Dậu trong lòng vô cùng khổ đau.

Tháng 1 năm 1967, học sinh Thượng Hải đẩy lên hành động "nã pháo" vào Trương Xuân Kiêu là tên lừa đảo chính trị đã giết hại bao nhiêu sinh mạng quần chúng để leo lên Trung ương.

Báo chí phê phán Anh-stanh và Niu-ton. Vương Thân Dậu phẫn nộ nói với em trai rằng:

- Những nhân vật vĩ đại, kiệt xuất nhất nhân loại lại còn bị phê phán. Nhân loại mãi mãi không quên sự cống hiến của họ!

Anh nguyên rửa Giang Thanh:

- Con mụ đàn bà theo đóm ăn tàn mười mấy năm, điên dại nổi lên bôi nhọ văn minh nhân loại, phạm tội không thể tha thứ được.

Anh còn nói:

- Anh tính là 70% số người đang hy vọng thay đổi thực trạng, 20% người bàng quan, 7% người gió chiều nào che chiều đó, còn loại vô liêm sỉ không quá 3%.

Wương Thân Dậu còn viết vào nhật ký: "Mười năm trước định ra mấy chục vạn phần tử phái hữu, họ tuyệt đại đa số là chí sĩ cương trực nhưng không có quyền thế. Lần này, phái đương quyền mười mấy vạn (có người là cán bộ chức thấp, có người chức đến Chủ tịch Nhà nước, bị "đội mũ phản cách mạng, phạt quỳ, thịt xương bị giày vò. Còn một bọn nô lại, lưu manh, tiểu nhân thì lại lên ngôi".

Anh trai của Vương Thân Dậu khuyên không nên viết nhật ký nữa. Nhưng anh nói: "Dám nhận chặt đầu, chấp nhận khả năng bị khai trừ để viết lên những lời này. Ai xem trộm và tâu lên lãnh thưởng, quả là một món thu lợi lớn nhĩ. Một người không may bị đánh gục xuống, nhưng ngàn vạn người sẽ xông lên".

Không lâu sau, Vương Thân Dậu bị cách ly tra hỏi nhà bị lục soát. Tám quyển nhật ký, mấy trăm quyển sách vở và toàn bộ linh kiện vô tuyến điện tử của anh bị lấy đi. Anh bị đánh bằng roi da, ngắt xiú lại bị dội nước lạnh cho tỉnh lại. Trên một trang giấy trắng, anh đã viết lại hàng trăm lần "đất trời khó dung".

Ngày 29 tháng 1 năm 1968, Vương Thân Dậu được "giáo dục phóng thích", trở về trường "lao động quần chúng".

Ngày 9 tháng 11 năm 1970, anh bị đưa đến trường cán bộ, vùng huyện Đại Phong tỉnh Giang Tô "lao động có giám sát, tiếp thụ cải tạo".

Làm nặng nhọc, bản thủ thế nào cũng được, đã quen rồi, nhưng trong suy nghĩ từng việc từng việc "vì lẽ gì" thì tìm chưa ra đáp án. Vương Thân Dậu quyết định qua sách để cho mình tìm hiểu cái "bản chất

của cái xã hội này".

Anh xếp đặt ra một khoảng trống trong ngôi nhà nhỏ bé chất đống các đồ vật, bắt đầu đọc "Tur bản luận" từ quyển 1, đến quyển 3, đọc hai lần.

Anh cảm thấy có một loại hưởng thụ tinh thần chưa từng có bao giờ. Anh đọc một loạt tác phẩm kinh điển, đồng thời cũng hiểu được sâu sắc thêm...

Mùa xuân năm 1972, "Chiến sĩ 5-7" được về nhà đoàn tụ, Vương Thân Dậu về đến nhà, người cha bị bệnh, người mẹ khổ đau lạnh nhạt bởi đứa con đã 10 năm đại học mà chưa được phân công.

Vương Thân Dậu quyết định trong 3 ngày tết sẽ đến thư viện Hoàng Phố, sau 8 giờ tối mới về nhà.

Rất may là mấy ngày tết thư viện không đóng cửa, cả thư viện chỉ có một mình anh. Anh tìm loại sách ham mê mà thôi.

Trong 1 năm 7 tháng thời gian ở trong trường cán bộ Đại Phong, Vương Thân Dậu đã đọc hàng tỷ chữ trong sách, ghi chép trên một triệu chữ viết mòn mười mấy ngòi bút, dùng hết mấy lọ mực.

Tháng 6 năm 1972, do cha bị trúng phong bị liệt cần được chăm sóc, nhưng Vương Thân Dậu lại được gọi trở về Thượng Hải. Trong nhà anh sách đã bị lấy đi, thẻ mượn sách của anh ở thư viện nhà trường bị tịch thu. Trong hoàn cảnh đó, anh cùng hai người bạn gần bó ở trường cán bộ lấy đi mấy trăm quyển sách khoa học xã hội ở thư viện nhà trường, chuyện bị phát hiện. Anh bị cách ly thẩm vấn hơn một tháng, kết quả là một lần nữa anh bị huỷ bỏ tư cách phân công sau tốt nghiệp, bị bố trí đến tổ lao động vườn cây xanh nhà trường.

Trường không bố trí phòng ở cho anh, đành mỗi ngày đi bộ hàng chục cây số từ nhà đến trường. Về sau, anh tự sắp xếp một số nhỏ ở gần cầu thang ký túc xá số 3, nơi để ngổn ngang dụng cụ vệ sinh, chật chỉ có 4 mét vuông, lắp thêm một bóng đèn 3 oát để đọc sách và ở.

Ngày 27 tháng 5 năm 1974, Vương Thân Dậu lại bị gọi đi đến "lao động quần thúc" ở trường cán bộ 5-7 huyện Phụng Hiền ngoại ô Thượng Hải. Một ngày phải lao động 9 giờ đồng hồ, anh vẫn kiên trì đọc sách và tư duy.

Ngày 8 tháng 1 năm 1976, Chu Ân Lai qua đời. Tối hôm đó, anh khóc nước mắt ướt đầm gối.

Ngày 5 và 25 tháng 3, "Báo Văn hồi" hai lần công kích Thủ tướng Chu Ân Lai một cách trắng trợn.

Vương Thân Dậu khó nén được cảm phẫn, hai lần gọi điện thoại chất vấn toà soạn.

Tháng 6, qua người giới thiệu, Vương Thân Dậu quen một nữ công nhân nhà máy Vô tuyến điện. Mấy lần gặp mặt, anh chỉ các mục sách cho cô. Anh viết cho cô mấy chục lá thư, có rất nhiều bức là "vạn ngôn thư" ào ạt. Anh bộc lộ rõ lòng mình trước mặt cô gái.

Ngày 8 tháng 7, anh viết thư cho cô gái nói rằng: "Trung Quốc sẽ biến đổi cách mạng, nhất định ngày đó sẽ đến... Tổ quốc sẽ không có tiền đồ thì chúng ta cũng sẽ không có tiền đồ" "Chúng ta vững tin rằng, chúng ta sẽ đại biểu cho tiền đồ và vận mệnh của Tổ quốc. Bởi vậy, ý chí sẽ mãi mãi kiên định,

tinh lực mãi mãi dồi dào...".

Tháng 8, Vương Thân Dậu thành thật báo cáo với nhà trường tình hình yêu đương của mình mong muốn sớm bố trí công tác. Người ở tổ bảo vệ đến xưởng của cô gái và nói với cô rằng, Vương Thân Dậu là phản tử phản cách mạng, chính trị phản động, đạo đức suy đồi, cô đừng có dại mà nghe hấn ta lừa bịp".

Vương Thân Dậu phát hiện ra thái độ cô gái có sự thay đổi. Ngày 6 tháng 5 anh với cô gái hẹn ngày 8 lại gặp. Anh trao cho cô gái một bức thư dài, để cho cô hiểu một cách đầy đủ nhất về anh.

Ngày 7 đến ngày 9 tháng 9, liên tục trong 3 đêm anh đều viết thư. Ngày 10 tháng 9, tình sương, anh đến phòng nghỉ của Văn phòng đại học sư phạm tiếp tục viết thư. Anh muốn bộc lộ rõ thế giới quan của mình. Anh đang viết đến Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình là người cộng sản, lấy chủ nghĩa cộng sản làm mục tiêu phấn đấu suốt đời của mình. Nhưng, cho dù họ có ý hay vô ý, họ cần phải tỉnh táo hiểu rằng, tình trạng nền kinh tế của Trung Quốc trong hiện tại là không có cách gì đứng vững... đã bị đứt đoạn bởi một tiếng "hừ". Có một người thường giám sát anh gay gắt nói: "Viết cái gì đó, đưa xem?".

Vương Thân Dậu trả lời: "Viết thư!"

"Viết thư! Thư cũng xem!". Và hấn giơ tay ra định cướp lấy.

"Thư tôi viết cho bạn gái, không thể cho anh xem được". Vương Thân Dậu tức điên lên, thấy hấn ta sao man rợ, anh vội vàng xé vội bức thư...

Người kia gọi to: "Bắt lấy thằng phản cách mạng"

Một người cán bộ tổ bảo vệ xông ngay tới. 4 giờ chiều, Vương Thân Dậu bị Sở công an khu Phở Đà đưa đi giam vào nhà lao. Buổi tối đó thăm vấn.

Tiếp sau trong hơn một tháng qua 20 lần thăm vấn, họ muốn anh thừa nhận tội "công kích ác độc".

Ngày 18 tháng 11 năm 1976, nhân viên làm án đòi Vương Thân Dậu viết lại bức thư đã viết cho bạn gái, để làm "chứng cứ". Trong 6 ngày, anh viết hơn sáu vạn chữ. Trang thứ nhất viết rằng: từ ngày 7 đến ngày 9 tháng 9 năm 1976, tôi đã viết cho một đối tượng yêu đương một thư. Nội dung nhớ lại như sau: "*Đề cương*" (1) *Phần mở đầu* (2) *Cách nhìn của tôi với chủ nghĩa Mác và thế giới quan của tôi*, (3) *Cách nhìn nhận Trung Quốc trước năm 1949*; (4) *Cách nhìn nhận về lịch sử Liên Xô*, (5) *Cách nhìn nhận về lịch sử Trung Quốc từ năm 1949 trở lại đây*, và *cách nhìn nhận về Mao Chủ tịch*, (6) *Cách nhìn nhận tình trạng trước mắt của Trung Quốc*; (7) *Cách nhìn nhận từ quan hệ hai phía*; (8) *Phỏng đoán tiền đồ quan hệ của hai phía, điểm thứ (7) và (8) chưa viết ra kịp. Dưới đây là nguyên văn hồi ức...*".

Lúc này, tập đoàn "lũ bốn tên" đã bị đập tan.

Anh không ngờ được rằng, "chứng cứ, nét bút" của anh viết còn chưa xong, thì bản kết án và báo cáo bị bắt đã viết xong hôm 23 tháng 11 quy kết anh "9 tội lớn"; "công kích ác độc lãnh tụ vĩ đại",

"sùng bái thói phong Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Bành Đức Hoài" "công kích ác độc" "đấu tranh chống phái hữu" "đấu tranh chống phái hữu khuynh" "3 ngọn cờ hồng" "phong trào Tứ Thanh". "Đại cách mạng văn hoá", "Đấu tranh phê Đặng" v.v...

Ngày hôm sau, Đảng uỷ Đại học Sư phạm mở Đại hội không cần xem bất kể tài liệu nào cả, đã đồng ý bắt Vương Thân Dậu giao cho pháp luật xử lý, và kiến nghị tử hình.

Đầu năm 1977, từ Bắc Kinh gửi về văn kiện và điện báo thông tri, nhấn mạnh: "Chú ý hướng hành động, mới đấu tranh giai cấp", "Hễ là ác độc công kích... cần thiết trấn áp nghiêm khắc, không được nới tay đối với dân thường sự phản đối dù có ít chứng cứ xác đáng, không giết không được, thì cũng giết".

Tháng 3, người phụ trách chủ yếu của Uỷ ban cách mạng văn hoá thành phố Thượng Hải phát biểu trên hội nghị rằng: "Kiên quyết trấn áp phần tử phá hoại phản cách mạng". Hội nghị quyết định mở phiên toà xử tử công khai trước ngày lễ 1-5.

"Tổ xử phúc thẩm" toà án cao cấp thành phố Thượng Hải đi đến các khu, huyện chọn bản án điển hình. Vương Thân Dậu bị chọn, bị thẩm vấn 5 lần.

Ngày 10 tháng 3, Đảng uỷ Đại học Sư phạm làm báo cáo kiến nghị xử tử hình Vương Thân Dậu. Ngày 14, tổ Đảng toà án khu Phố Đà với Đảng uỷ công an phân cục cùng họp hội nghị quyết định xử tử hình Vương Thân Dậu, lập tức thi hành. Nhưng ngày 17, Bí thư Khu uỷ Phố Đà chỉ thị: chậm thi hành án lại hai năm. Ngày 25, tổ Đảng toà án cao cấp thành phố Thượng Hải thảo luận thống nhất được ý kiến: phán xử "chậm tử hình" Vương Thân Dậu.

Sáng 5 tháng 4, người phụ trách chủ yếu Thành uỷ Thượng Hải, phát biểu trên hội nghị đảng bộ nói: "Đối với phần tử hạ thấp ngọn cờ vĩ đại của Mao Chủ tịch, công kích Trung ương Đảng do Hoa Chủ tịch đứng đầu thì nhất thiết phải đánh kiên quyết".

Bí thư tổ đảng toà án cao cấp Thượng Hải dự họp trở về, nghĩ đến vụ án Vương Thân Dậu mà mình từng phê bình "rất hữu". Ông ta mở hội nghị tất cả thành viên tổ đảng vào ngày hôm sau, nói:

"Căn cứ tinh thần của Thành uỷ, tôi qua tôi ngủ không được, thấy rằng, nếu không giết Vương Thân Dậu thì sợ có lỗi với Người. Tôi kiến nghị sửa đổi quyết định thảo luận tổ đảng trước đây "xử tử hình Vương Thân Dậu, lập tức thi hành".

Thành viên tổ đảng, tổ phúc thẩm toà án cao cấp thành phố Thượng Hải và pháp trường đều chưa xem "Thư vạ lời" và 6 vạ chữ "Chứng cứ nét bút" của Vương Thân Dậu viết gửi cho bạn gái, mà lấy cơ sở xử án là chỉ dựa vào "9 tội trạng lớn" là báo cáo của toà án khu gửi lên.

Ngày 7 tháng 4, hội nghị Thường vụ thành uỷ Thượng Hải thảo luận công khai vụ án, thảo luận và quyết định đối với 58 vụ án trọng tội, trong số 68 vụ án mà toà án cấp cao báo cáo. Trung bình cứ 3-4 phút đồng hồ thảo luận một bản án. Đối với án án Vương Thân Dậu, ý kiến của thành uỷ là "giết!"

Trong số 58 bản án mà thành uỷ thảo luận, có 16 vụ xét lại tăng nặng, trong đó có 9 vụ "chậm tử hình", hoặc tù chung thân sửa thành "tử hình, lập tức thi hành". Ngày 23 tháng 4, lại nâng mức 5 vụ, có 2 trường hợp "chậm xử tử hình" sửa thành "tử hình, lập tức thi hành".

Buổi chiều ngày 27 tháng 4, hội nghị xử án trên sân vận động Phố Đà, có 3 vạn người tham dự. Toà án khu tuyên án: "Xử tử hình Vương Thân Dậu, lập tức thi hành. 30 phút sau, Vương Thân Dậu đổ xuống. Anh chết không nhắm mắt! Thế mà trong văn bản của toà án cao cấp phê là, ngày 28 mới dẫn đến toà án khu. Pháp luật toà án suy cho cùng cũng hết trò chơi trẻ nhỏ.

Wương Thân Dậu, trong thư gửi bạn gái ngày 1 tháng 8 năm 1976 viết rằng: "Cho dù thế giới quan của chúng ta trong tương lai có thể biến đổi, cách mạng văn hoá được điều hoà lại, cũng quyết không

làm một nhà chính trị đầu óc rộng tuếch, mà là dựa vào phần tử tri thức có tài có học vẫn tham gia vào cuộc sống xã hội, có như vậy vận mệnh chính trị của mình mới càng vững vàng, tất cả những bức hại chính trị mà chúng ta đã từng chịu đựng, nhất định sẽ trả lại như cũ".

Đáng tiếc là, anh không sống được đến ngày đó.

Tháng 3 năm 1981, Thành uỷ Thượng Hải mở hội nghị long trọng làm lễ truy điệu và trả lại sự công bằng cho Vương Thân Dậu.

Lời Kết

Trải qua nhiều lần dự định, tuyển chọn, sửa chữa chúng tôi đã biên soạn nên bộ sách này. Trong lịch sử Trung Quốc diễn ra rất nhiều vụ án oan, còn có án giả, án sai, khiến đổ biết bao máu và nước mắt của biết bao nhiêu người! Nhưng lịch sử là công bằng, án oan cuối cùng cũng được giải.

Từ trong kho tư liệu lịch sử phong phú, chúng tôi chọn những vụ án có ảnh hưởng để làm rõ và phân tích, mong miêu tả được những vụ án oan trong lịch sử. Do vì điều kiện hạn hẹp, còn nhiều khó khăn về mặt tư liệu, nên chúng tôi không thể đưa hết ra toàn bộ các vụ án oan, đành tạm thời đưa ra như vậy, hy vọng từ cái điển hình để nhìn được toàn bộ. Mục đích là để lịch sử phán xét, không để lặp lại vết xe đổ, bị kịch lại tái diễn! Bài học lịch sử là đau đớn, và mong nhắc nhở lương tri lớp người sau.

Việc viết ra bộ sách này là do tôi nêu ra và tiến hành dưới sự chỉ đạo của giáo sư sử học Trường Đại học lịch sử nhân dân Trung Quốc, giáo sư Mao Bội Kỳ. Được giáo sư Mao viết lời tựa, gợi ý chặt lọc, tìm tòi trong sâu lắng. Tôi, Doãn Tuyển Ba và một số người khác nhiều lần bàn bạc trao đổi nhờ Doãn Tuyển Ba, Doãn Tuyển Cần biên soạn phần cận đại, còn phần cuối là do tôi đảm nhận biên soạn.

Bộ sách đã được tham khảo rất nhiều tài liệu lịch sử và đã được sự giúp đỡ nhiệt thành của các cụ Hải Kế Tài, Ôn Tân Hào v.v... và xin bày tỏ lòng biết ơn.

Tin rằng sách sẽ có chỗ chưa thỏa đáng, kính mong quý vị và bạn đọc phê bình chỉ giáo.

LÂM VIÊN

Đại học nhân dân Trung Quốc

Tiết Thanh Minh

Ngày 5 tháng 4 năm 1996

^[1] AB - viết tắt của Anti-bolsevich (chống bolsevich) – Chú thích của người dịch

^[2] *Chức phó Tổng chỉ huy xây dựng phương án "Ba đường lối lớn" dùng biện pháp kiên quyết, chung sống hoà bình là không thể được".*